CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

----ꕥ❖ꕥ----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở NHÀ MÁY SẢN XUẤT SẢN PHẨM MAY MẶC QUẦN ÁO CÁC LOẠI, CÔNG SUẤT 9.900.000 SẢN PHẨM/NĂM

Châu Thành, tháng 10 năm 2024

CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

----ꕥ❖ꕥ----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở NHÀ MÁY SẢN XUẤT SẢN PHẨM MAY MẶC QUẦN ÁO CÁC LOẠI, CÔNG SUẤT 9.900.000 SẢN PHẨM/NĂM

CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH
NEW MINGDA VIỆT NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH
MÔI TRƯỜNG TỪ THIỆN
GIÁM ĐỐC

Từ Chí Thiện

Châu Thành, tháng 10 năm 2024

MỤC LỤC

Trang

MỤC LỤC i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT iii
DANH MỤC BẢNG iv
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 7
1. Tên chủ cơ sở 7
2. Tên cơ sở 7
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở 10
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở 10
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở 11
3.3. Sản phẩm của cơ sở 15
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước 15
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 18
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 18
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường 18
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 31
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 31
1.1. Thu gom, thoát nước mưa 31
1.2. Thu gom, thoát nước thải 33
1.3. Xử lý nước thải 35
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 43
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường 48
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại 52
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 55
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 56
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác 57
8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi 61

9. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường 62
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 64
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 64
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải 65
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: Không 66
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 67
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải 67
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải 69
3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với môi trường không khí khu vực làm việc 70
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG 73
CỦA CƠ SỞ 73
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải 73
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật 73
2.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục và định kỳ chất thải 73
2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ cơ sở 74
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm 75
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ 76
1. Các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ sở 76
2. Tình hình khắc phục những tồn tại 76
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 78

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Diễn giải
1	NĐ	Nghị định
2	TT	Thông tư
3	QĐ	Quyết định
4	CP	Chính phủ
5	TTg	Thủ tướng chính phủ
6	UBND	Ủy ban nhân dân
7	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
8	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
9	QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
10	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
11	BTNMT	Bộ Tài nguyên – Môi trường
12	BYT	Bộ Y tế
13	QTMT	Quan trắc môi trường
14	ĐTM	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
15	CTR	Chất thải rắn
16	CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
17	CTNH	Chất thải nguy hại
18	XLNT	Xử lý nước thải
19	BTCT	Bêtông cốt thép
20	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
21	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
22	TM và SX	Thương mại và sản xuất

DANH MỤC BẢNG

Trang

Bảng 1. Quy mô các hạng mục công trình thuộc Nhà máy 10

Bảng 2. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất và phế liệu phát sinh 16

Bảng 3. Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt tiếp nhận nước thải..... 20

Bảng 4. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý..... 21

Bảng 5. Bảng tính tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td}) 24

Bảng 6. Kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt 25

Bảng 7. Bảng tính tải lượng trung bình của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{nn})..... 25

Bảng 8. Kết quả phân tích nước thải sau xử lý 26

Bảng 9. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm (ký hiệu: L_t) 27

Bảng 10. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải diện (L_d) 27

Bảng 11. Kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải 28

Bảng 12. Kết quả quan trắc hiện trạng môi trường không khí trong khu vực làm việc 29

Bảng 13. Kết quả quan trắc môi trường đối với khí thải 29

Bảng 14. Danh mục hầm tự hoại..... 36

Bảng 15. Hình ảnh hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm..... 42

Bảng 16. Thông số kỹ thuật của các bể xử lý nước thải 42

Bảng 17. Danh mục thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt 49

Bảng 18. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường... 52

Bảng 19. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại 55

Bảng 20. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường 62

Bảng 21. Giá trị giới hạn nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý 64

Bảng 22. Giá trị giới hạn nồng độ các chất ô nhiễm có trong khí thải sau xử lý 65

Bảng 23. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ 67

Bảng 24. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải năm 2023 68

Bảng 25. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải năm 2024 68

Bảng 26. Kết quả quan trắc chất lượng khí thải năm 2023 69

Bảng 27. Kết quả quan trắc chất lượng khí thải năm 2024 70

Bảng 28. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí khu vực làm việc năm 2023 (vị trí Khu vực in) 70

Bảng 29. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí khu vực làm việc năm 2023 (vị trí Khu vực thêu) 71

Bảng 30. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí khu vực làm việc năm 2024 (vị trí Khu vực in) 71

Bảng 31. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí khu vực làm việc năm 2024 (vị trí Khu vực thêu) 71

DANH MỤC HÌNH

Trang

Hình 1. Ảnh vệ tinh vị trí Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm 8

Hình 2. Sơ đồ quy trình sản xuất tại Nhà máy 12

Hình 3. Sơ đồ quy trình in 13

Hình 4. Sơ đồ quy trình thuê 15

Hình 5. Công trình thu gom, thoát nước mưa 32

Hình 6. Hố ga tập trung 33

Hình 7. Sơ đồ quy trình thu gom, thoát nước thải 34

Hình 8. Quy trình xử lý nước thải của Hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sản xuất (công suất 190 m^3/ngày đêm) 38

Hình 9. Quy trình xử lý của Hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 350 m^3/ngày đêm) 40

Hình 10. Hình ảnh kho chứa hóa chất 45

Hình 11. Quy trình xử lý khí thải lò hơi 46

Hình 12. Công trình lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT) 50

Hình 13. Hình ảnh khu vực chứa tro xỉ 50

Hình 14. Công trình lưu chứa chất thải nguy hại 53

Hình 15. Máy ép bùn tại Nhà máy 54

Hình 16. Thiết bị, công trình PCCC tại Nhà máy 60

Hình 17. Hồ chứa nước PCCC tại Nhà máy 60

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: **Công ty TNHH NEW MINGDA Việt Nam**

- Địa chỉ văn phòng: ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

- Người đại diện theo pháp luật:

+ Ông Qiu MiaoFa. Chức vụ: Chủ tịch Công ty

+ Ông Zhang Zhixiang. Chức vụ: Tổng giám đốc *(Giấy ủy quyền số 01/2024/QĐUQ-NMD ngày 10/6/2024)*

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100625866 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh chứng nhận lần đầu ngày 22/9/2017, điều chỉnh lần 5 ngày 24/01/2024.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9827229319 do Sở kế hoạch và đầu tư Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh chứng nhận lần đầu ngày 21/9/2017, chứng nhận lần thứ 07 ngày 24/01/2024.

- Mã số thuế: 2100625866

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: **NHÀ MÁY SẢN XUẤT SẢN PHẨM MAY MẶC QUẦN ÁO CÁC LOẠI, CÔNG SUẤT 9.900.000 SẢN PHẨM/NĂM**

- Địa điểm hoạt động của cơ sở: Thuộc thửa đất số 179, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Tứ cận tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông: giáp Quốc lộ 54;

+ Phía Tây: giáp nhà và đất của dân;

+ Phía Nam: giáp nhà và đất của dân;

+ Phía Bắc: giáp đất và nhà dân.

Hình 1. Ảnh vệ tinh vị trí Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:

+ Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc cho Công ty TNHH NEW MINGDA Việt Nam thuê 56.711,3 m^2 đất, tọa lạc tại ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

+ Hợp đồng thuê đất số 97/HĐTĐ ngày 02/11/2018 được ký kết giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Công ty TNHH NEW MINGDA Việt Nam.

+ Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 29/01/2019 của Sở Xây dựng.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 29/TD-PCCC ngày 09/01/2019.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 130/TD-PCCC ngày 27/7/2019.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 38/TD-PCCC ngày 16/12/2019.

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và các giấy

phép môi trường thành phần:

+ Quyết định số 2353/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm".

+ Công văn số 48/UBND-NN ngày 06/01/2020 của UBND tỉnh và Công văn số 3605/UBND-NN ngày 09/09/2020 của UBND tỉnh về việc thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt của dự án "Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm".

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi) số 26/GP-UBND ngày 24/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

+ Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm" số 10/GXN-STNMT ngày 31/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ Sổ đăng ký Chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 84.000138.T, cấp lần 1 ngày 30/9/2019.

- Quy mô của Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm:

+ Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm được quy định tại khoản 3 Điều 9 của Luật đầu tư công. Tổng vốn đầu tư là 225.700.000.000 đồng *(bằng chữ: Hai trăm hai mươi lăm tỷ, bảy trăm triệu đồng)*: Thuộc nhóm B theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

+ Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm thuộc nhóm II theo quy định tại tiểu mục 2 Mục I Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

+ Căn cứ theo Khoản 2 Điều 39 và Điểm c Khoản 3 Điều 41 của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022, Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cấp giấy phép môi trường *(cấu trúc và nội dung Báo cáo được xây dựng theo Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của*

Chính phủ).

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Quy mô: Nhà máy được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích là 56.711,3 m^2 *(theo Hợp đồng thuê đất số 97/HĐTĐ ngày 02/11/2018 được ký kết giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Công ty TNHH NEW MINGDA Việt Nam, hiệu lực đến hết ngày 20/9/2067).*

Quy mô các hạng mục công trình thuộc Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm được thống kê trong bảng sau:

Bảng 1. Quy mô các hạng mục công trình thuộc Nhà máy

STT	Hạng mục công trình	Diện tích (m^2)
I	***Đất xây dựng công trình***	***34.377***
1	Xưởng chính 1 và 3 khu nhà vệ sinh	13.068
2	Xưởng chính 2 và 2 khu nhà vệ sinh	13.068
3	Xưởng phụ 1 và 02 khu nhà vệ sinh	3.610
4	Khu vực chứa chất thải thông thường (CTR công nghiệp thông thường)	50
5	Kho chứa chất thải nguy hại	20
6	Kho chứa hóa chất	100
7	Khu vực lò hơi và HTXL lò hơi	40
8	Kho chứa than	64
9	Máy phát điện dự phòng	40
10	Kho chứa CTR sinh hoạt	30
11	Phòng y tế	100
12	Xưởng phụ 2	2.288
13	KTX + Nhà ăn	453
14	Khu vực Hệ thống xử lý nước thải tập trung	800
15	Hồ nước PCCC	200
16	Trạm điện	32
17	Nhà bảo vệ	24

STT	Hạng mục công trình	Diện tích (m^2)
18	Kho chứa xỉ than	390
II	***Cây xanh***	***8.778,30***
III	***Đường nội bộ, vỉa hè***	***13.556***
Tổng cộng		***56.711,30***

Nguồn: Công ty TNHH NEW MINGDA Việt Nam, 2024

- Công suất hoạt động: Sản xuất tối đa 9.900.000 sản phẩm/năm

- Nhân viên làm việc tại Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm: 784 người, trong đó:

+ Bộ phận văn phòng: 21 người

+ Bộ phận sản xuất: 761 người

+ Nhân viên phụ trách vận hành lò hơi: 01 người

+ Nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý nước thải: 01 người

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình sản xuất tại Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm được thể hiện trong các sơ đồ sau:

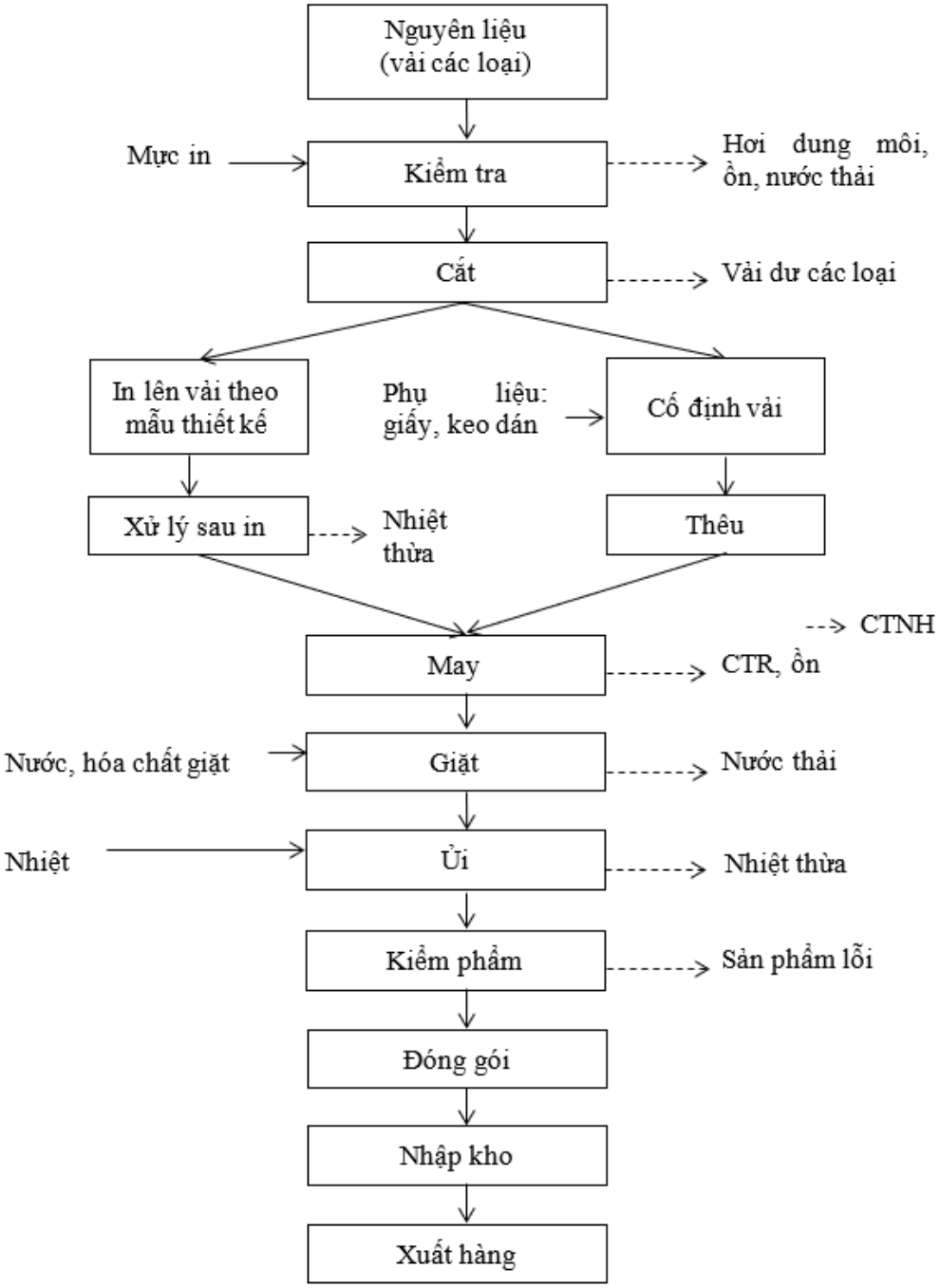

Hình 2. Sơ đồ quy trình sản xuất tại Nhà máy

**** Thuyết minh sơ đồ***

- Nguyên vật liệu gồm vải thun, phụ liệu ngành may được nhập về Nhà máy, sau đó lưu trữ trong kho chứa nguyên liệu.

- Công đoạn kiểm tra: Nhân viên tiến hành kiểm tra nguyên liệu với các chỉ tiêu như độ màu, độ co giãn. Sau đó, thiết kế và lên sơ đồ thực hiện kế hoạch cắt.

- Công đoạn cắt: Vải được cắt thành nhiều kiểu có kích thước khác nhau theo mẫu của bộ phận thiết kế. Sau khi cắt, vải sẽ được kiểm tra chất lượng kỹ lưỡng trước khi chuyển sang công đoạn kế tiếp. Tùy theo yêu cầu khách hàng sản

phẩm sẽ được in, thêu *(chi tiết tại quy trình in và thêu)*.

- Công đoạn may: Vải sau khi được cắt theo quy cách yêu cầu sẽ được chuyển vào dây chuyền may. Hoàn tất thứ tự các công đoạn may theo quy trình của mã hàng, nhân viên sẽ kiểm tra chất lượng tại các công đoạn may và sản phẩm hoàn tất để thực hiện công đoạn khuy, nút. Tiếp đó, sản phẩm sẽ chuyển sang công đoạn giặt.

- Công đoạn giặt được thực hiện bằng các máy giặt chuyên dụng, nhằm làm sạch bề mặt sản phẩm, các chất làm mềm vải cũng được cho vào với khối lượng nhất định để đảm bảo chất lượng vải, tùy vào sản phẩm và yêu cầu của khách hàng Công ty sẽ thực hiện qua công đoạn giặt hay không giặt. Tổng lượng sản phẩm cần giặt tối đa là 80% trên tổng sản phẩm. Sản phẩm sau giặt được đưa qua máy xả sạch, sấy khô trước khi chuyển sang công đoạn ủi.

- Công đoạn ủi được thực hiện với nguồn nhiệt lấy từ lò hơi để ủi thẳng sản phẩm. Sản phẩm sau khi ủi được kiểm tra chất lượng trước khi gấp xếp, đóng gói.

- Sau khi đóng gói, sản phẩm được chuyển sang kho thành phẩm chờ xuất hàng. Tại đây, sản phẩm sẽ được kiểm tra chất lượng một lần nữa trước khi lên kế hoạch xuất hàng. Sau khi hoàn tất việc kiểm tra và lên kế hoạch, sản phẩm được xuất đi với chất lượng tốt nhất.

**** Quy trình in được thể hiện trong sơ đồ sau***

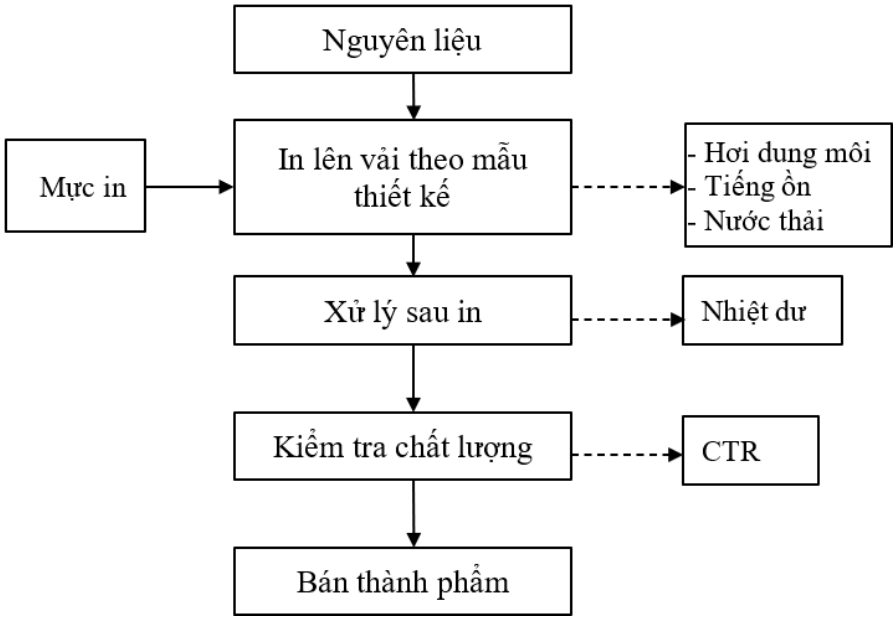

Hình 3. Sơ đồ quy trình in

**** Thuyết minh sơ đồ***

- Đối với những sản phẩm cần in, mẫu mã sẽ tùy thuộc vào yêu cầu của

từng đơn đặt hàng. Vải sau quá trình cắt sẽ là nguyên liệu cho quá trình in.

- Mực in được sử dụng là mực in gốc nước thuộc dòng mực thân thiện với môi trường. Mực in sẽ được pha với nước sạch chuẩn bị cho công đoạn in. Công đoạn in được thực hiện bằng máy in chuyên dụng với công nghệ in lụa. Trong quá trình in, mực in được thấm hút vào bề mặt vải và cố định lại tại các bản in theo hoa văn đã được xác định từ trước. Đây là công nghệ in mới, an toàn, ít gây ảnh hưởng đến người lao động. Hơi dung môi phát sinh rất ít do thành phần mực in rất khó bay hơi trong điều kiện in. Ngoài ra, tại đây nước thải sẽ phát sinh do quá trình rửa các khung in. Nước thải sẽ được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải rửa khung in (xử lý sơ bộ) và được xử lý tiếp tục tại hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi xả thải ra môi trường.

Trong quy trình sản xuất tại Nhà máy, công đoạn in được nhận định là công đoạn phát sinh các loại chất thải nguy hại lại chiếm tỷ lệ cao và có các tác động nhất định đến môi trường và sức khỏe công nhân viên làm việc tại công đoạn này.

Do đó, nhằm giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực, Nhà máy đã lựa chọn công nghệ in tiên tiến, sử dụng các loại hóa chất thân thiện với môi trường, cụ thể như sau:

- Sử dụng máy in lụa cải tiến, với các ưu điểm nổi bật như giảm nhân công trong công đoạn may, đảm bảo độ chính xác trên từng thiết kế và từng mét vải được sản xuất và giảm thiểu tối đa lượng phát thải ra môi trường (giảm lượng nước tiêu thụ lên đến 75 - 90% cho mỗi m^2 trên sản phẩm in, giảm mức tiêu thụ năng lượng xuống còn 37% và giảm lượng khí thải CO_2, … so với phương pháp in truyền thống).

- Sử dụng mực in gốc nước, đây là loại mực sử dụng nước làm dung môi thay vì hóa chất. Do đó không chứa các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC) và các chất gây ô nhiễm không khí nguy hiểm khác (HAP) ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường.

**** Quy trình thêu được thể hiện trong sơ đồ sau***

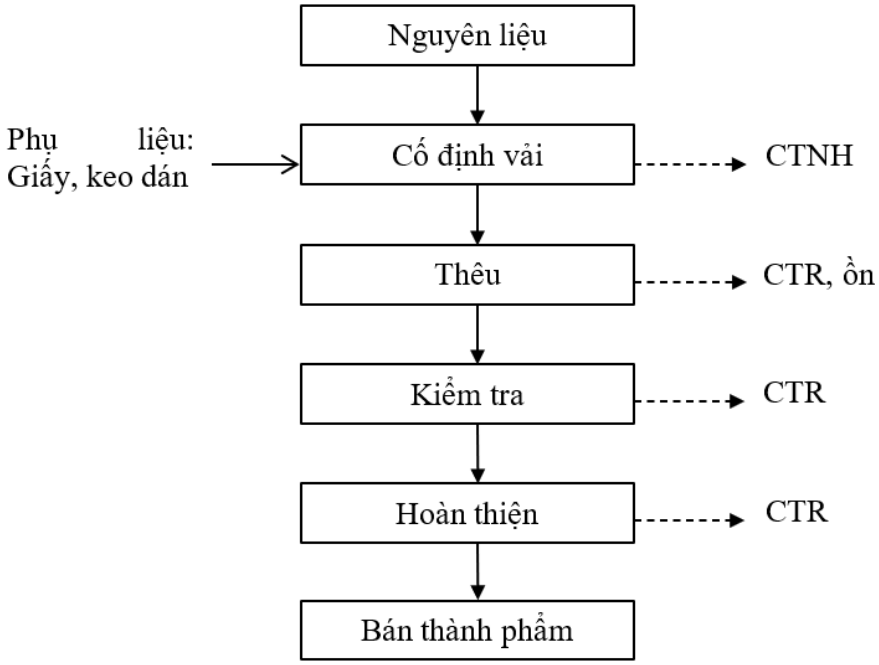

Hình 4. Sơ đồ quy trình thuê

**** Thuyết minh sơ đồ***

- Đối với những sản phẩm cần thêu, mẫu mã sẽ tùy thuộc vào yêu cầu của từng đơn đặt hàng. Vải sau quá trình cắt, chỉ thêu sẽ là nguyên liệu đầu vào cho quá trình thêu.

- Bắt đầu quy trình là làm cố định vải thêu bằng cách xịt keo dán lên vải hoặc sử dụng giấy lót tùy loại vải. Giấy lót được ép vào vải bằng máy ép dập tự động. Quá trình xịt keo sẽ được thực hiện trong phòng kín, dưới sàn sẽ được lót các tấm nylon để thu gom keo rơi vãi. Định kỳ tấm lót nylon sẽ được thay và xử lý theo CTNH.

- Tiếp theo vải cần thêu sẽ được trải lên máy thêu vi tính để thực hiện quá trình thêu.

- Sau khi thêu, vải đã thêu được kiểm tra đạt tiêu chuẩn sẽ được cắt chỉ, xé giấy trước khi lưu kho.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm: Các sản phẩm may mặc, quần áo các loại.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước

Các loại nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng trong quá trình hoạt động của Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại,

công suất 9.900.000 sản phẩm/năm và các loại phế liệu phát sinh được thống kê chi tiết trong bảng sau:

Bảng 2. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất và phế liệu phát sinh

STT	Tên nguyên liệu/nhiên liệu	Đơn vị tính	Khối lượng	Nguồn cung cấp
I	***Nguyên liệu, vật liệu***			
1	Vải: coton, kaki, jean, kate	Tấn/tháng	100	Các đơn vị cung ứng trong và ngoài tỉnh
2	Băng keo	Cuộn/tháng	500	nt
3	Chỉ	Cuộn/tháng	40.000	nt
4	Giấy chống ẩm	Tờ/tháng	2000	nt
5	Keo vải	Cuộn/tháng	200	nt
6	Mắt cáo kim loại, Nút	Set/tháng	10.000	nt
7	Tem, nhãn	Cái/tháng	200.000	nt
8	Thùng carton	Cái /tháng	10.156	nt
II	***Nhiên liệu***			
1	Than đá (vận hành lò hơi)	Tấn/tháng	2.600	nt
III	***Phế liệu***			
1	Chất thải rắn sinh hoạt	kg/tháng	235	-
2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường			
a	Xỉ than	*kg/tháng*	1.560	-
b	Vải vụn	*kg/tháng*	2.410	-
IV	***Điện, nước và hóa chất***			
1	Điện năng	kWh	150.000	Công ty điện lực Trà Vinh – Tổng công ty điện lực miền Nam TNHH
2	Nước cấp	*m^3/tháng*	5.245	Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh
3	Hóa chất trong sản xuất			
a	*Mực in gốc nước*	*kg/tháng*	*52*	Các đơn vị cung ứng trong và ngoài

STT	Tên nguyên liệu/nhiên liệu	Đơn vị tính	Khối lượng	Nguồn cung cấp
				tỉnh
b	*Keo chụp bản*	*kg/tháng*	*52*	nt
c	*Hóa chất BENSOFT ABS-80*	*kg/tháng*	*2995*	nt
d	*Hóa chất BENSOFT CD-220*	*kg/tháng*	*2995*	nt
e	*Hóa chất XIN MORLE FS -10*	*kg/tháng*	*250*	nt
4	Hóa chất cung cấp cho hệ thống xử lý nước thải, xử lý môi trường			
a	*Chlorine*	*Kg/tháng*	*650*	Các đơn vị cung ứng trong và ngoài tỉnh
b	*Calcium Hypochlorite*	*Kg/tháng*	*26*	nt
c	*Anionic Polymer*	*Kg/tháng*	52	nt

Nguồn: Công ty TNHH NEW MINGDA Việt Nam, 2024

Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

1.1. Về mục đích sử dụng đất

Khu đất xây dựng Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm tọa lạc tại thửa đất số 179 tờ bản đồ số 15, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cho thuê tại Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 09/7/2018, với mục đích sử dụng đất là "SỬ DỤNG VÀO MỤC ĐÍCH ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP (SKC)"

1.2. Về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội

- Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm hoạt động với dây chuyền sản xuất, công nghệ hiện đại, sản xuất sản phẩm chất lượng cao, đảm bảo tiêu chuẩn môi trường; gắn với giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, đặc biệt là lao động địa phương, tạo điều kiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển công nghiệp và giải quyết các vấn đề xã hội ở khu vực huyện Châu Thành.

- Như vậy, duy trì hoạt động Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh Trà Vinh theo Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển ngành Dệt May và Da Giầy Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.1. Đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt nguồn tiếp nhận nước thải

Trong quá trình hoạt động, Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi) số 26/GP-UBND ngày 24/7/2020, nên hoạt động xả nước thải của Nhà máy cơ bản phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường nước mặt nguồn tiếp nhận nước thải.

Đến thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, hoạt động xả thải không thay đổi so với nội dung đã được cấp phép, cụ thể như sau:

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh cấp 3 Triền Giồng, sau đó chảy ra kênh

TN 12.

- Vị trí nơi xả nước thải: ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Tọa độ vị trí xả thải tại điểm cuối cùng (VN 200, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^0):

+ Tọa độ X= 1089 780

+ Tọa độ Y= 592 569

- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tự chảy theo hệ thống thoát nước của Công ty và chảy ra Kênh cấp 3 Triền Giồng, sau đó chảy ra kênh TN 12, loại hình xả ngầm xả ven bờ.

- Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày đêm

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 350 m^3/ngày đêm

- Chất lượng nước thải: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$).

Nhằm đảm bảo hoạt động xả thải của Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm tại thời điểm lập Báo cáo vẫn duy trì được sự phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường nguồn tiếp nhận nước thải, Công ty phối hợp với đơn vị tư vấn thực hiện đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nguồn tiếp nhận nước thải là kênh TN 12, cụ thể như sau:

a) Sự phù hợp của hoạt động xả thải đối với chế độ thủy văn của nguồn tiếp nhận nước thải

- Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý của Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm là tuyến kênh TN 12, thông qua hệ thống thoát nước thải của Nhà máy và tuyến Kênh cấp 3 Triền Giồng.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa của Nhà máy là 350 m^3/ngày đêm (tương đương 0,0041 m^3/s)

- Lưu lượng tức thời nhỏ nhất của tuyến kênh TN 12: Tại thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp GPMT, chưa có số liệu thống kê, đo đạc lưu lượng dòng chảy của tuyến kênh này. Bên cạnh đó, chế độ thủy triều của tuyến kênh TN 12 chịu ảnh hưởng trực tiếp của tuyến kênh Thanh Nguyên. Do đó, đơn vị tư vấn lựa chọn lưu lượng tức thời nhỏ nhất của tuyến kênh Thanh Nguyên là 0,56 m^3/s để đánh giá cho tuyến kênh TN 12 *(nguồn: Dự án Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông nội tỉnh, các tuyến kênh trục và kênh cấp I trên địa bàn tỉnh Trà Vinh).*

So sánh giữa lưu lượng xả thải lớn nhất của Nhà máy và lưu lượng tức thời

nhỏ nhất của tuyến kênh TN 12 cho thấy, hoạt động xả thải của Nhà máy hoàn toàn không ảnh hưởng đến chế độ thủy văn của tuyến kênh TN 12.

b) Sự phù hợp của hoạt động xả thải đối với chất lượng nước mặt tiếp nhận nước thải

Tại thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm, thực hiện quan trắc chất lượng nước mặt nguồn tiếp nhận nước thải và nước thải sau xử lý, cụ thể như sau:

- Thông tin lấy mẫu nước mặt nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí lấy mẫu: Nước mặt tại kênh cấp 3 Triền Giồng, cách vị trí xả thải khoảng 100m, về hướng xả vào tuyến kênh TN 12 (Tọa độ VN 200, kinh tuyến trục $105^0$30’, múi chiếu 3^0: X= 1089 784 ; Y= 592 570)

+ Thời gian lấy mẫu: đợt 1 ngày 04/6/2024, đợt 2 ngày 7/6/2024 và đợt 3 ngày 10/6/2024

+ Hiện trạng khu vực tiếp nhận nước thải tại thời điểm lấy mẫu:

- Màu sắc: Không phát hiện màu sắc lạ.
- Mùi: Không phát hiện mùi hôi thối do nước bị ô nhiễm.
- Không phát hiện các dấu hiệu ô nhiễm môi trường nước mặt.

- Thông tin lấy mẫu nước thải:

+ Vị trí lấy mẫu: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung, trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận (Tọa độ VN 200, kinh tuyến trục $105^0$30’, múi chiếu 3^0: X= 1089 882 ; Y= 592 764)

+ Thời gian lấy mẫu: đợt 1 ngày 30/5/2024, đợt 2 ngày 04/6/2024 và đợt 3 ngày 7/6/2024

- Kết quả thử nghiệm

Bảng 3. Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt tiếp nhận nước thải

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			QCVN 08:2023/ BTNMT
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	
1	COD	mg/L	9	10	13	≤ 15
2	BOD_5	mg/L	4	5	6	≤ 6
3	Amoni	mg/L	0,22	0,16	0,24	$0,3^{(*)}$

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			QCVN 08:2023/ BTNMT
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	
4	Tổng N	mg/L	1,24	1,06	1,19	≤ 1,5
5	Tổng P	mg/L	0,18	0,22	0,24	≤ 0,3

**** Ghi chú:***

- Giá trị giới hạn áp dụng theo QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (Mức B, bảng 2 - Bảng 2. Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước; mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp)

- Giá trị (*) áp dụng theo QCVN 08:2023/BTNMT (bảng 1 - Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khoẻ con người) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

Bảng 4. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			QCVN 40:2011/ BTNMT (cột B; K_q = 0,9; K_f = 1,1)
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	
1	pH	-	7,24	7,16	7,31	5,5 - 9
2	Nhiệt độ	^{0}C	30,7	30,5	30,4	-
3	TSS	mg/L	18	21	20	99
4	COD	mg/L	108	96	96	148,5
5	BOD_5	mg/L	45	40	43	49,5
6	NH_4^+-N	mg/L	8,20	7,5	8,1	9,9
7	Tổng N	mg/L	16,0	14,8	15,5	39,6
8	Tổng P	mg/L	0,060	0,078	0,060	5,94
9	Fe	mg/L	0,27	0,32	0,24	4,95
10	Coliform	MPN/100 mL	3.900	3.200	4.100	5.000
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	1,8	1,2	1,7	9,9
12	Hg	mg/L	KPH	KPH	KPH	9,9

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			QCVN 40:2011/ BTNMT (cột B; K_q = 0,9; K_f = 1,1)
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	
13	Pb	mg/L	KPH	KPH	KPH	0,495
14	As	mg/L	KPH	KPH	KPH	0,099
15	Cd	mg/L	KPH	KPH	KPH	0,099
16	Sunfua	mg/L	0,13	0,11	0,10	0,495
17	Mn	mg/L	KPH	KPH	KPH	0,99
18	Clo dư	mg/L	KPH	KPH	KPH	1,98

Theo số liệu kết quả quan trắc cho thấy: Tại thời điểm lập báo cáo, nguồn tiếp nhận nước thải có chất lượng tốt, tất cả các thông số quan trắc đều đạt QCVN 08:2023/BTNMT (bảng 1, mức B bảng 2), nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; K_q = 0,9; K_f = 1,1) trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

Như vậy, có thể kết luận rằng: Hoạt động xả nước thải của Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm không gây tác động xấu đến chất lượng nước mặt nguồn tiếp nhận nước thải.

c) Sự phù hợp của hoạt động xả thải đối với khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải

Trình tự, phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Điều 82 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

- Xác định đoạn sông cần đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải: Nguồn tiếp nhận nước thải của Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm là tuyến kênh TN 12.

Tuy nhiên, theo điểm a khoản 2 điều 5 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, tổng chiều dài đoạn kênh dưới 10km, nên ghép chung với đoạn kênh liền kề là kênh Thanh Nguyên (tổng chiều dài 7,17km, thuộc Hệ thống thuỷ lợi Tầm Phương) để đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải. Như vậy, đoạn kênh cần thực hiện đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải là kênh TN 12 và kênh Thanh Nguyên.

- Xác định mục đích sử dụng nước của nguồn tiếp nhận nước thải: Theo

Quyết định số 1142/QĐ-TTg ngày 02/10/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, nước mặt đoạn kênh cần đánh giá (tuyến kênh TN 12 và kênh Thanh Nguyên) dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi, sản xuất nông nghiệp và không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- Xác định thông số đánh giá: Căn cứ theo Khoản 1 Điều 82 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Khoản 1 Điều 7 của Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, QCVN 08:2023/BTNMT và QCVN 40:2011/BTNMT, thông số được lựa chọn trong quá trình đánh giá bao gồm: **COD, BOD_5, Amoni, tổng Ni-tơ, tổng Phốt-pho.**

- Xác định phương pháp đánh giá: Căn cứ theo điểm b khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, phương pháp đánh giá được lựa chọn là phương pháp đánh giá gián tiếp.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 82 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, công thức tính toán theo phương pháp đánh giá gián tiếp cụ thể như sau:

$$\mathbf{L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_{tt}) \times F_s + NP_{td}}.$$ Trong đó:

+ L_{tn}: Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm, đơn vị tính là kg/ngày;

+ L_{td}: Tải lượng tối đa của từng thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn kênh cần đánh giá, đơn vị tính là kg/ngày.

+ F_s: Hệ số an toàn, được xem xét, lựa chọn trong khoảng từ 0,7 đến 0,9 trên cơ sở mức độ đầy đủ, tin cậy, chính xác của các thông tin, số liệu sử dụng để đánh giá do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 xem xét, quyết định xem xét, quyết định. Lựa chọn giá trí tính là 0,7.

+ L_{nn}: Tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn kênh cần đánh giá, đơn vị tính là kg/ngày;

+ L_{tt}: Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải, đơn vị tính là kg/ngày;

+ NP_{td}: Tải lượng cực đại của thông số ô nhiễm mất đi do các quá trình biến đổi xảy ra trong đoạn kênh, đơn vị tính là kg/ngày. Giá trị NP_{td} phụ thuộc vào từng chất ô nhiễm và có thể chọn giá trị bằng 0 đối với chất ô nhiễm có phản ứng làm giảm chất ô nhiễm này.

- Như vậy, công thức xác định khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải bằng phương pháp đánh giá gián tiếp như sau: $\mathbf{L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_{tt}) \times 0,7}$

a) Xác định tải lượng tối đa của từng thông số chất lượng nước mặt (L_{td})

Công thức xác định: $\boldsymbol{L_{td} = C_{qc} \times Q_S \times 86,4}$. Trong đó:

- C_{qc}: Giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng nước của đoạn kênh, đơn vị tính là mg/l. Áp dụng theo QCVN 08:2023/BTNMT *(bảng 1 đối với thông số Amoni và mức B, bảng 2 đối với các thông số COD, BOD_5, tổng Ni-tơ, tổng Phốt-pho).*

- Q_S: Lưu lượng dòng chảy của đoạn kênh đánh giá, đơn vị tính là m^3/s. Lưu lượng dòng chảy tối thiểu của đoạn kênh là 0,56 m^3/s *(nguồn: Dự án "Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông nội tỉnh, các tuyến kênh trục và kênh cấp I trên địa bàn tỉnh Trà Vinh")*

- Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m^3/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

Bảng 5. Bảng tính tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td})

TT	Thông số	C_{qc} mg/l	Q_s m^3/s	Hệ số thứ nguyên	L_{td} (kg/ngày)
1	COD	15	0,56	86,4	725,76
2	BOD_5	6	0,56	86,4	290,30
3	Amoni	0,3	0,56	86,4	14,52
4	Tổng N	1,5	0,56	86,4	72,58
5	Tổng P	0,3	0,56	86,4	14,52

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024

b) Xác định tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{nn})

Công thức xác định: $\boldsymbol{L_{nn} = C_{nn} \times Q_S \times 86,4}$. Trong đó:

- Q_S: Lưu lượng dòng chảy của đoạn kênh đánh giá, đơn vị tính là m^3/s. Lưu lượng dòng chảy tối thiểu của đoạn kênh cần đánh giá là 0,56 m^3/s.

- Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m^3/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

- C_{nn}: Kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt, đơn vị tính là mg/l;

Kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt trên cơ sở giá trị trung bình của kết quả phân tích 03 mẫu nước kênh (01 vị trí lấy mẫu, với tần suất 03 ngày/đợt lấy mẫu), cụ thể như sau:

Bảng 6. Kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			Giá trị trung bình *(ký hiệu: C_{nn})*
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	
1	COD	mg/L	9	10	13	10,67
2	BOD_5	mg/L	4	5	6	5,00
3	Amoni	mg/L	0,22	0,16	0,24	0,21
4	Tổng N	mg/L	1,24	1,06	1,19	1,16
5	Tổng P	mg/L	0,18	0,22	0,24	0,21

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024

Bảng 7. Bảng tính tải lượng trung bình của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{nn})

TT	Thông số	C_{nn} mg/l	Q_s m^3/s	Hệ số thứ nguyên	L_{nn} (kg/ngày)
1	COD	10,67	0,56	86,4	516,26
2	BOD_5	5,00	0,56	86,4	241,92
3	Amoni	0,21	0,56	86,4	10,16
4	Tổng N	1,16	0,56	86,4	56,13
5	Tổng P	0,21	0,56	86,4	10,16

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024

c) Xác định tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải (L_{tt})

Theo khoản 3 Điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, nguồn thải vào đoạn sông gồm 03 nguồn chính: nguồn thải điểm, nguồn thải diện và nguồn thải tự nhiên. Tải lượng các thông số ô nhiễm từ 03 nguồn này được ký hiệu tương ứng là L_t, L_d và L_n.

Công thức xác định tổng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải: $\boldsymbol{L_{tt} = L_t + L_d + L_n}$ Trong đó:

- L_t: Nguồn thải điểm, đơn vị tính là mg/L.

- L_d: Nguồn thải diện, đơn vị tính là mg/L.

- L_n: Nguồn thải tự nhiên, đơn vị tính là mg/L.

c.1) Công thức xác định tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn thải điểm (L_t): $\boldsymbol{L_t = C_t \times Q_t \times 86,4}$. Trong đó:

- Q_t: Lưu lượng lớn nhất của nguồn nước thải xả vào đoạn kênh, đơn vị tính là m^3/s.

- Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên.

- C_t: Kết quả phân tích thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải xả vào đoạn sông, đơn vị tính là mg/L.

Theo số liệu thống kê, khảo sát thực tế và Dự án Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông nội tỉnh, các tuyến kênh trục và kênh cấp I trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt tại Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 16/02/2024, ngoài nguồn thải của Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm, đoạn kênh đánh giá không tiếp nhận thêm nguồn thải điểm khác.

- Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm cụ thể như sau:

+ Kết quả thử nghiệm 03 mẫu nước thải sau xử lý, trước khi xả ra nguồn tiếp nhận như sau:

Bảng 8. Kết quả phân tích nước thải sau xử lý

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			Kết quả Trung bình
			Lần 1	Lần 2	Lần 3	
1	COD	mg/L	108	96	96	100,00
2	BOD_5	mg/L	45	40	43	42,67
3	Amoni	mg/L	8,20	7,5	8,1	7,93
4	Tổng N	mg/L	16,0	14,8	15,5	15,43
5	Tổng P		0,060	0,078	0,060	0,07

Bảng 9. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm (ký hiệu: L_t)

TT	Thông số	C_t mg/l	Q_t m^3/s	Hệ số thứ nguyên	L_t (kg/ngày)
1	COD	100,00	0,0041	86,4	35,42
2	BOD_5	42,67	0,0041	86,4	15,12
3	Amoni	7,93	0,0041	86,4	2,81
4	Tổng N	15,43	0,0041	86,4	5,47
5	Tổng P	0,07	0,0041	86,4	0,02

c.2) Các định tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn thải diện (L_d)

Theo số liệu thống kê, khảo sát thực tế và Dự án Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông nội tỉnh, các tuyến kênh trục và kênh cấp I trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt tại Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 16/02/2024, đoạn kênh cần đánh giá (chủ yếu số liệu khảo sát tại tuyến kênh Thanh Nguyên), nguồn thải diện chủ yếu là nước thải sinh hoạt của các hộ dân trong khu vực.

Ước tính lưu lượng nước thải phát sinh tại các hộ dân lân cận Nhà máy (tối đa là 200 hộ dân), có hoạt động xả nước thải vào đoạn kênh cần đánh giá: Trung bình 03 người/hộ, với nhu cầu sử dụng nước khoảng 120 lít/người/ngày và tỷ lệ phát sinh nước thải lấy 100% so với lưu lượng nước sử dụng, như vậy lưu lượng nước thải phát sinh < 72 m^3/ngày.

Áp dụng công thức xác định thông số ô nhiễm có trong nguồn thải theo điều 82 Thông tư 02/2022/BTNMT, lưu lượng lớn nhất và kết quả phân tích các thông số chất lượng nước, kết quả xác định tải lượng của thông số có trong nguồn thải diện được tính toán như sau:

Bảng 10. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải diện (L_d)

TT	Thông số	C_d mg/l	Q_d m^3/s	Hệ số thứ nguyên	L_d (kg/ngày)
1	BOD_5	50	0,00083	86,4	3,59
2	Amoni	10	0,00083	86,4	0,72

Ghi chú: Giá trị C_d – Giá trị giới hạn thông số ô nhiễm có trong nước thải quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K = 1,0)

Tổng tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn thải vào đoạn kênh cần đánh giá (L_{tt})

được tính như sau: $\mathbf{L_{tt} = L_t + L_d}$ ***(kg/ngày)***

Như vậy, kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 11. Kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải

TT	Thông số	$L_{tđ}$ (kg/ngày)	L_{nn} (kg/ngày)	L_{tt} (kg/ngày)	F_s	$L_{tn}= (L_{tđ} - L_{nn} - L_{tt}) \times 0,7$ (kg/ngày)
1	COD	725,76	516,26	35,42	0,7	121,86
2	BOD_5	290,30	241,92	18,71	0,7	20,77
3	Amoni	14,52	10,16	3,53	0,7	0,58
4	Tổng N	72,58	56,13	5,47	0,7	7,69
5	Tổng P	14,52	10,16	0,02	0,7	3,04

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024

Kết luận chung: Theo kết quả tính toán cho thấy, có 05/05 thông số được đánh giá đều còn khả năng tiếp nhận nguồn thải.

Do đó, có thể kết luận rằng: Môi trường nước mặt đoạn kênh còn khả năng tiếp nhận nước thải sau xử lý *(đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B; K_q=0,9; K_f=1,1)* của Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm.

Ngoài ra, theo số liệu của Dự án Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông nội tỉnh, các tuyến kênh trục và kênh cấp I trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt tại Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 16/02/2024, tuyến kênh Thanh Nguyên còn khả năng tiếp nhận đối với các thông số BOD_5, Amoni, TSS và không còn khả năng tiếp nhận đối với thông số COD.

Do đó, nhằm giảm thiểu sức ép đến chất lượng nguồn nước mặt xung quanh, Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm luôn thực hiện tốt công tác quản lý, xử lý nguồn thải, đảm bảo nước thải được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B; K_q=0,9; K_f=1,1) trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

2.2. Đánh giá khả năng chịu tải của môi trường không khí

Quá trình hoạt động sản xuất tại Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm sẽ phát sinh bụi, mùi và khí thải từ một số nguồn chính như sau:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển, phương tiện giao thông.
- Bụi, mùi và khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất.
- Bụi, mùi và khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi.
- Mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Tham khảo kết quả quan trắc đợt 1/2024, chất lượng môi trường không khí tại Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm như sau:

Bảng 12. Kết quả quan trắc hiện trạng môi trường không khí trong khu vực làm việc

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 02:2019/BYT
			KLV.01	KLV.02	
1	Bụi toàn phần	mg/m^3	0,29	0,41	8
2	VOCs	mg/m^3	KPH	KPH	-

Bảng 13. Kết quả quan trắc môi trường đối với khí thải

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT *(cột B; K_p = 1; K_v = 1)*
1	SO_2	mg/Nm^3	112,7	500
2	NO_X	mg/Nm^3	18,5	850
3	CO	mg/Nm^3	237,1	1.000
4	Bụi (PM)	mg/Nm^3	96	200
5	Nhiệt độ	^0C	80	-
6	Lưu lượng	m^3/h	5.566	-

**** Ghi chú:*** Giá trị tối đa cho phép áp dụng theo công thức: $C_{max}=C \times K_p \times K_v$ của QCVN 19:2009/BTNMT. Trong đó:

+ C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);

+ C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ (áp dụng cột B);

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (K_p = 1);

+ K_v là hệ số vùng, khu vực (K_v = 1);

Theo số liệu quan trắc cho thấy, môi trường không khí trong khu vực làm việc tại Nhà máy có chất lượng tốt và đạt QCVN 02:2019/BYT. Ngoài ra, nguồn phát sinh khí thải chính tại Nhà máy là khí thải lò hơi đã được xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p = 1 và K_v = 1) trước khi thải ra môi trường xung quanh. Như vậy, công tác bảo vệ môi trường không khí, những biện pháp đang được áp dụng nhằm giảm tác động của bụi, khí thải tại Nhà máy có hiệu quả cao, đảm bảo kiểm soát tốt và triệt để các nguồn thải, qua đó đảm bảo không gây tác động xấu đến môi trường không khí và sức khỏe cộng đồng.

Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

Các hạng mục công trình thu gom, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải tại Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm đã được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh và được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 10/GXN-STNMT ngày 31/12/2021. Tại thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, các hạng mục công trình đều hoạt động tốt, hiệu quả xử lý chất thải cao và chưa có dấu hiệu hư hỏng hoặc xuống cấp, cụ thể như sau:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

a) Công trình thu gom nước mưa

- Các công trình thu gom, thoát nước mưa chảy tràn hoàn toàn độc lập, riêng biệt với công trình thu gom, thoát nước thải, đảm bảo nước mưa hoàn toàn không bị ô nhiễm bởi nước thải.

- Nước mưa chảy tràn phần mái công trình: Bố trí máng thu nước mưa (máng xói) dọc trên mái công trình nhà xưởng. Sau đó, nước mưa được dẫn thoát xuống hệ thống cống thoát nước mưa sân đường bằng đường ống PVC D90, D114.

- Hệ thống cống thoát nước mưa sân đường: Hiện trạng khu vực Nhà máy đã đầu tư xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới cống thu gom, thoát nước mưa sân đường nội bộ, với các thông số kỹ thuật như sau:

+ Vật liệu xây dựng: Cống BTCT và ống PVC; đường kính 400mm và 500mm; với tổng chiều dài 1.125 m.

+ Dọc trên tuyến cống bố trí 135 hố ga nước mưa, với chức năng điều hòa lưu lượng dòng chảy và tách chất thải rắn ra khỏi dòng chảy. Thông số kỹ thuật của hố ga nước mưa cụ thể như sau:

- Hố ga loại 1: Kích thước: dài x rộng x sâu = 1,43m x 1,3m x 1,6m
- Hố ga loại 2: Kích thước: dài x rộng x sâu = 1,44m x 1,44m x 2,1m
- Hố ga loại 3: Kích thước: dài x rộng x sâu = 0,7m x 0,63m x 1,4m
- Vật liệu xây dựng: Bêtông

b) Công trình thoát nước mưa

- Nước mưa sau khi được thu gom vào hệ thống cống thoát nước mưa

sân đường, sẽ được tập trung về 01 hố ga tập trung và thoát ra nguồn tiếp nhận bằng đường ống BTCT, đường kính 800mm, với chiều dài khoảng 215m.

- Thông số kỹ thuật của hố ga tập trung:

+ Kích thước: dài x rộng x sâu = 1,6m x 1,2m x 2,1m

+ Vật liệu xây dựng: Bêtông

- Nguồn tiếp nhận: Kênh cấp 3 Triền Giồng, sau đó chảy ra kênh TN 12 (thuộc địa phận ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh)

- Vị trí xả thải có tọa độ như sau (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^o):

+ X = 1089 780

+ Y = 592 569

- Riêng đối với nước mưa chảy tràn khu vực sân, đường dọc theo Khu vực xưởng phụ 1 được thu gom và thoát vào Hồ nước PCCC

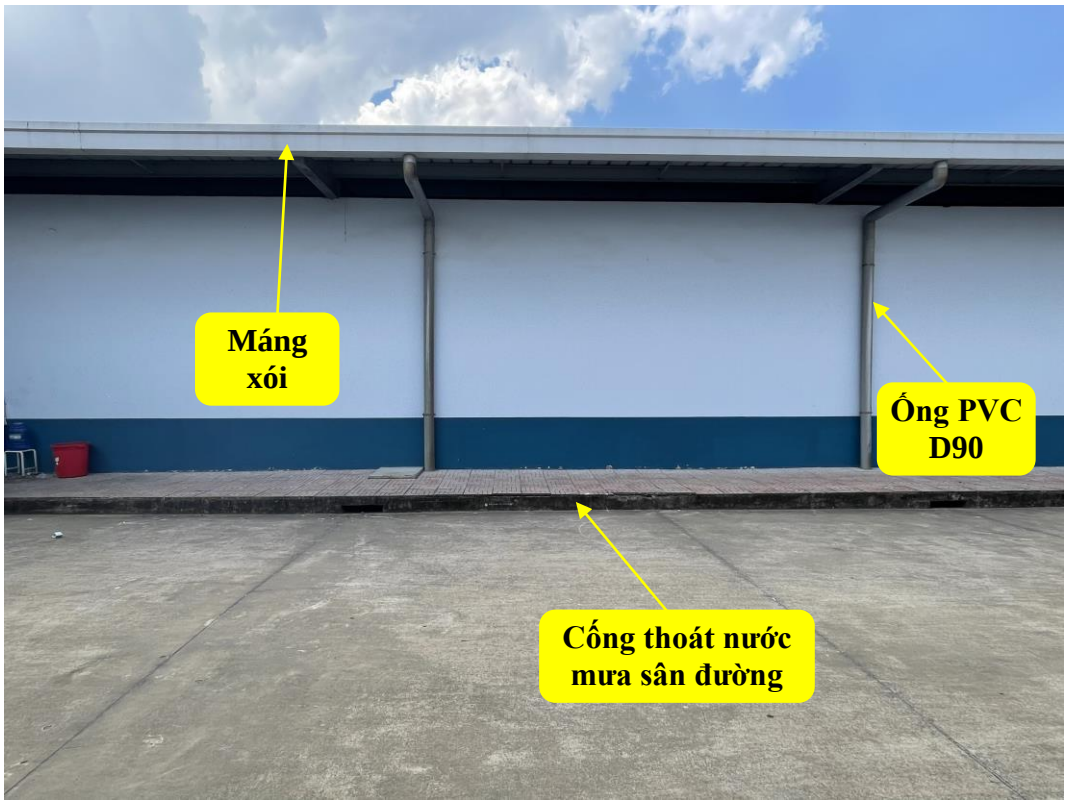

Hình 5. Công trình thu gom, thoát nước mưa

Hình 6. Hố ga tập trung

c) Các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa ô nhiễm nước mưa chảy tràn

- Thực hiện vệ sinh sân, đường nội bộ. Tần suất tối thiểu 01 lần/ngày

- Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt bố trí dọc trên tuyến đường nội bộ đều có nắp đậy kín. Thực hiện kiểm tra, thay mới khi có hư hỏng,… đảm bảo không phát sinh nước rỉ rác ra môi trường.

- Các loại chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại đều được lưu chứa trong kho chứa chuyên dụng, đảm bảo nước mưa không tiếp xúc với chất thải.

- Thực hiện vệ sinh, duy tu, nạo vét, thu gom chất thải tại hố ga nước mưa, cống thu gom thoát nước mưa.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Trong quá trình hoạt động của Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm, phát sinh 03 loại nước thải, cụ thể như sau:

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh tại các nhà vệ sinh và nhà ăn

- Nước thải sản xuất: Phát sinh từ công đoạn in và công đoạn giặt

- Nước thải xả đáy lò hơi: Phát sinh từ quá trình xả đáy lò hơi và một phần từ bể xử lý khí thải lò hơi

Các công trình thu gom và thoát nước thải tại Nhà máy đã được xây dựng đồng bộ và hoàn chỉnh, cụ thể như sau:

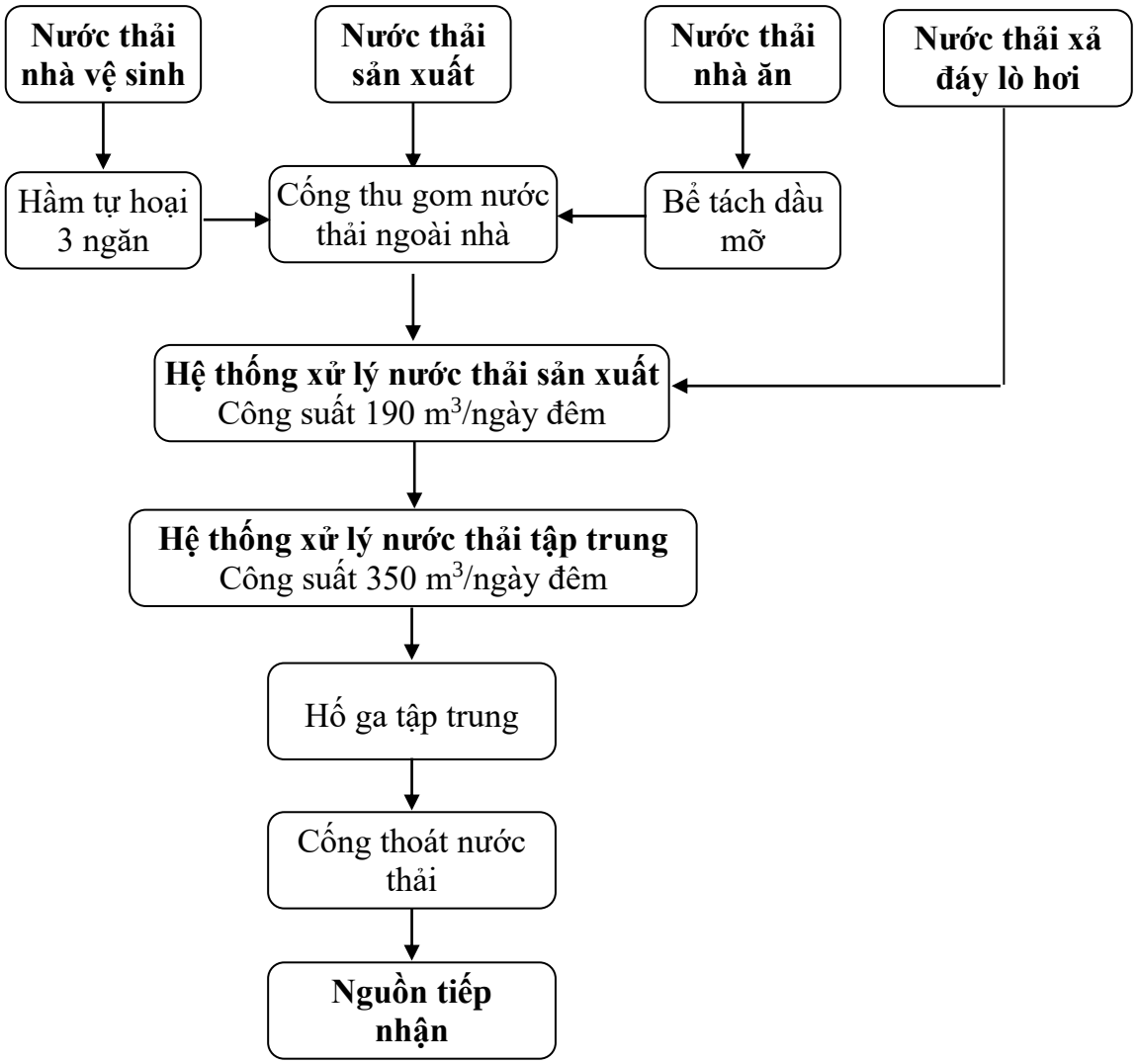

Hình 7. Sơ đồ quy trình thu gom, thoát nước thải

**** Thuyết minh quy trình***

a) Công trình thu gom nước thải

- Nước thải sinh hoạt (nhà vệ sinh) và nhà ăn: Nước thải sau xử lý sơ bộ được dẫn thoát ra mạng lưới cống thu gom nước thải ngoài nhà bằng đường ống PVC D114 và dẫn về xử lý tại hệ thống XLNT

- Nước thải sản xuất: Được thu gom về hố ga nước thải tập trung bố trí tại khu vực phòng in và phòng giặt, tiếp tục được dẫn thoát ra mạng lưới cống thu gom nước thải ngoài nhà bằng đường ống PVC D114 và dẫn về xử lý tại hệ thống XLNT

- Nước thải xả đáy lò hơi: Được đấu nối ra mạng lưới cống thu gom nước thải ngoài nhà bằng đường ống PVC D114 và dẫn về xử lý tại hệ thống XLNT

+ Mạng lưới cống thu gom nước thải ngoài nhà: Tuyến cống BTCT D400, với tổng chiều dài 781m. Dọc trên tuyến cống bố trí 74 hố ga nước thải. Thông số kỹ thuật của hố ga nước thải cụ thể như sau:

- Kích thước: dài x rộng x sâu = 1,56m x 1,2m x 2,4m
- Vật liệu xây dựng: Bêtông

b) Công trình thoát nước thải sau xử lý

- Nước thải sau hệ thống XLNT được xả thải ra nguồn tiếp nhận nước thải bằng công trình thoát nước thải, cụ thể như sau:

+ Nước thải sau hệ thống XLNT được xả thải ra hố ga tập trung bằng đường ống PVC D114.

+ Nước thải từ hố ga tập trung được xả thải ra Kênh cấp 3 Triền Giồng *(thuộc địa phận ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh)* bằng đường ống BTCT, đường kính 800mm, với chiều dài khoảng 215m.

c) Điểm xả nước thải sau xử lý

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh cấp 3 Triền Giồng, sau đó tự chảy kênh TN12 (thuộc địa phận ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh), theo phương thức xả ngầm, xả ven bờ.

- Vị trí xả thải có tọa độ như sau (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^o):

+ X = 1089 780

+ Y = 592 569

Tại thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm, vị trí xả thải của Nhà máy không thay đổi so với Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi) số 26/GP-UBND ngày 24/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

1.3. Xử lý nước thải

- Nước thải phát sinh tại Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm có lưu lượng tối đa là 190 m^3/ngày đêm (số liệu thống kế 06 tháng đầu năm 2024), trong đó:

+ Nước thải sinh hoạt (bao gồm nước thải phát sinh tại nhà vệ sinh và nhà ăn): Lưu lượng phát sinh tối đa ước tính khoảng 75 m^3/ngày đêm

+ Nước thải sản xuất: Lưu lượng phát sinh tối đa ước tính khoảng 114

m^3/ngày đêm

+ Nước thải xả đáy lò hơi: Lưu lượng phát sinh tối đa ước tính khoảng 0,5 - 1,0 m^3/ngày đêm

a) Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt

- Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt: Hầm tự hoại 3 ngăn.

- Chức năng của công trình: Thu gom và xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt, trước khi được xử lý tại công trình xử lý nước thải tập trung.

- Số lượng hầm: Tổng số lượng hầm tự hoại được xây dựng tại Nhà máy là 14 hầm, thông số kỹ thuật của các hầm tự hoại cụ thể:

Bảng 14. Danh mục hầm tự hoại

STT	Khu vực	Số lượng hầm tự hoại *(hầm)*	Thông số kỹ thuật *(dài x rộng x sâu)*
1	Xưởng chính 1	02	- Hầm 1: 8,3m x 3,8m x 1,62m - Hầm 2: 7,1m x 3,8m x 1,62m
2	Xưởng chính 2	01	8,3m x 3,8m x 1,62m
3	Xưởng phụ 1	02	- Hầm 1: 7,1m x 3,8m x 1,62m - Hầm 2: 7,1m x 3,8m x 1,62m
4	Ký túc xá	08	2,8m x 2,1m x 1,5m
5	Nhà bảo vệ	01	2,2m x 1m x 1,3m
Tổng cộng		***14***	

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024

b) Công trình xử lý sơ bộ nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt sau hầm tự hoại

- Nước thải phát sinh từ các công đoạn sản xuất như: Công đoạn vệ sinh dụng cụ in, công đoạn giặt. Lưu lượng nước thải phát sinh chiếm tỷ lệ cao (> 50%) trong tổng lưu lượng nước thải của nhà máy và tần suất phát sinh xuyên suốt trong quá trình sản xuất. Do đó, nhằm đảm bảo nước thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường, tại Nhà máy đã đầu tư hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sản xuất.

- Ngoài ra, nhằm tăng cường hiệu quả xử lý nước thải, đảm bảo 100% nước thải của Nhà máy được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường, Nhà máy đã thực hiện thu gom nước thải sinh hoạt sau hầm tự hoại về xử lý tiếp tục tại hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sản xuất, trước khi được xử lý

tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Chức năng và công suất hoạt động của hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sản xuất cụ thể như sau:

+ Công suất: Hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sản xuất có công suất 190 m^3/ngày đêm

+ Chức năng: Xử lý sơ bộ nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt sau hầm tự hoại

+ Công nghệ xử lý: Hóa lý

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; K_q=0,9; K_f=1,1).

+ Quy trình xử lý của Hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sản xuất (công suất 190 m^3/ngày đêm) được thể hiện trong sơ đồ sau:

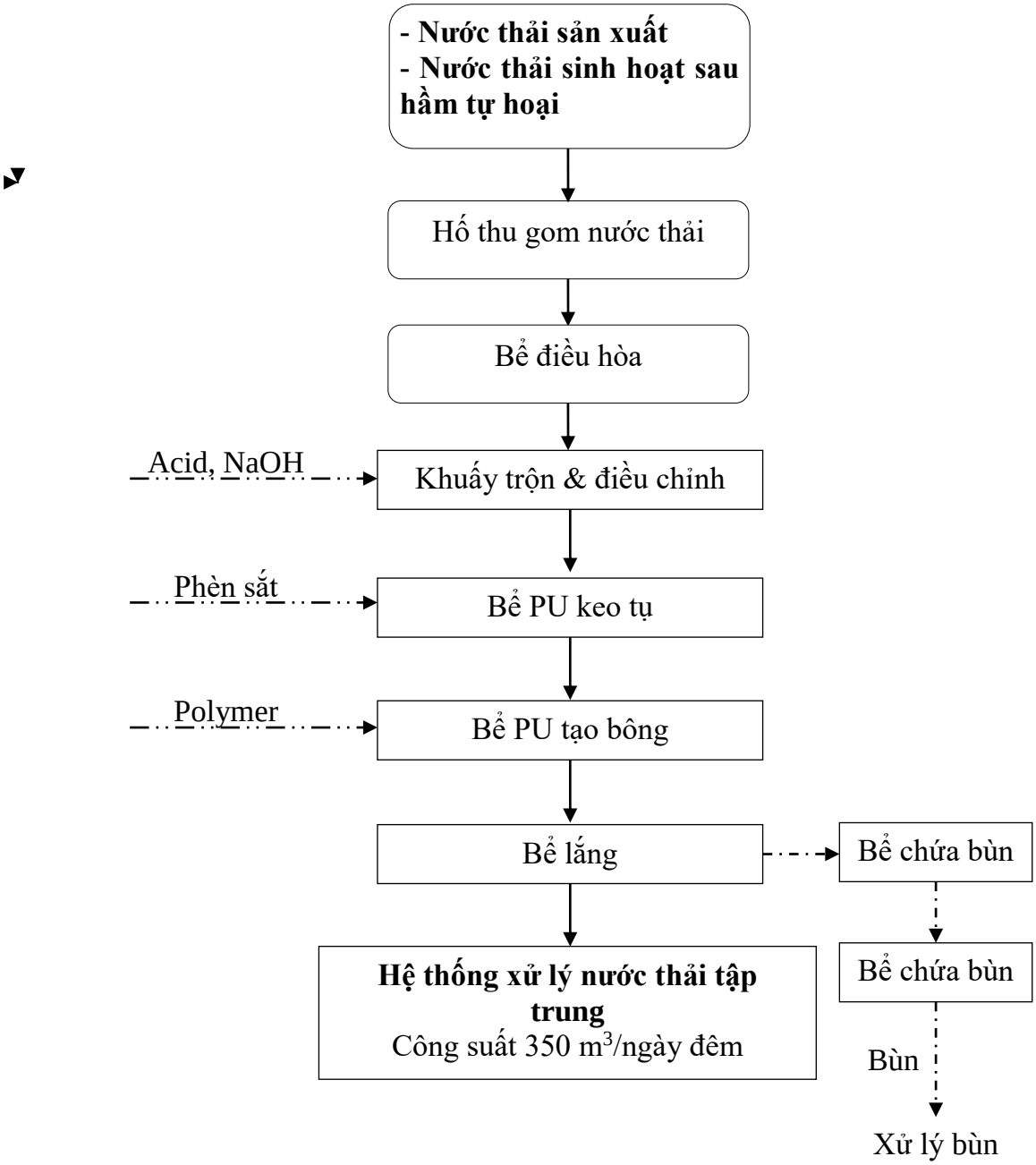

Hình 8. Quy trình xử lý nước thải của Hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sản xuất (công suất 190 m^3/ngày đêm)

**** Thuyết minh quy trình***

- Bể thu gom: Nước thải từ các nguồn theo hệ thống thu gom về hố thu nước thải, sau đó được bơm lên bể điều hòa.

- Bể điều hòa: Là bể có nhiệm vụ điều hòa về lưu lượng và nồng độ hữu cơ trong nước thải, làm giảm kích thước và tạo chế độ làm việc ổn định cho các công trình phía sau, tránh hiện tượng quá tải.

Bể được thiết kế với thời gian lưu nước từ 4 - 8h để hệ thống vận hành ổn định và đảm bảo tính an toàn cao. Bể điều hòa được sục khí liên tục để xáo trộn

đều nước, tránh lắng cặn trong bể và tránh phân hủy kỵ khí sinh metan gây mùi khó chịu. Nước thải từ bể điều hòa sẽ được dẫn đến các bể công trình của Hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sản xuất (công suất 190 m^3/ngày đêm).

- Bể khuấy trộn & điều chỉnh: Độ pH của nước thải tập trung thải ra là không ổn định, khác nhau trong từng thời điểm & thường không đảm bảo yêu cầu của mục đích công nghệ. Vì vậy bể chỉnh pH sẽ làm nhiệm vụ điều chỉnh pH theo đúng mục đích của công nghệ. Bể chỉnh pH môi trường axit để đảm phản ứng keo tụ tạo bông xảy ra tốt.

- Bể keo tụ: Nước thải chứa nhiều tạp chất có thành phần rất khác nhau làm ô nhiễm nước. Bể keo tụ có tác dụng tạo nên các hạt liên kết giữa các tạp chất có trong nước thải và hóa chất thêm vào để tạo thành bông bùn. Nhờ có những bông bùn, các tạp chất mới có thể lắng và loại ra khỏi nước.

- Bể tạo bông: Quá trình tạo bông được xúc tác bởi quá trình kết hợp các hạt bùn nhỏ thành bông bùn thông qua các chất trợ keo tụ (Polymer).

- Bể lắng bùn cặn: Tại bể lắng, nước chuyển động qua vùng phân phối nước, đi vào vùng lắng của bể lắng theo phương pháp lắng trọng lực, bùn sẽ lắng và tập trung tại vùng chứa cặn của bể lắng. Nước thải tiếp tục đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

c) Công trình xử lý nước thải tập trung

- Công suất: Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 350 m^3/ngày đêm

- Chức năng: Xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại Nhà máy

- Công nghệ xử lý: Công nghệ sinh học màng MBBR. Sử dụng công nghệ xử lý nước thải màng MBBR được xem là lựa chọn tối ưu nhất, đảm bảo nước thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận. Hiệu suất của công nghệ màng MBBR đạt 98 - 99% khi được lắp đặt và vận hành đúng kỹ thuật.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; K_q=0,9; K_f=1,1).

- Quy trình xử lý của Hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 350 m^3/ngày đêm) được thể hiện trong sơ đồ sau:

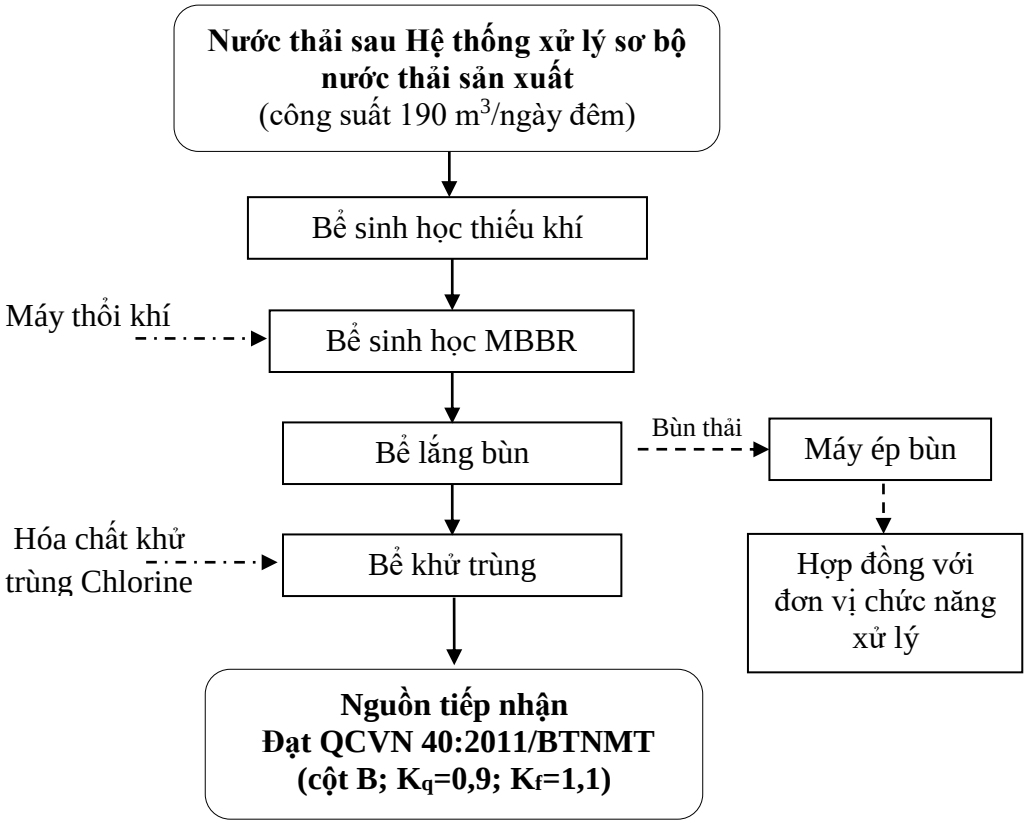

Hình 9. Quy trình xử lý của Hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 350 m^3/ngày đêm)

**** Thuyết minh quy trình***

Các nguồn nước thải sau khi được xử lý sơ bộ tại Hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sản xuất (công suất 190 m^3/ngày đêm) sẽ được dẫn qua xử lý tiếp tục tại Hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 350 m^3/ngày đêm), cụ thể như sau:

- Bể sinh học thiếu khí: Giúp phân huỷ hợp chất hữu cơ và để khử Nitrat trong điều kiện thiếu khí. Quá trình sinh học diễn ra nhờ các vi sinh vật sử dụng Nitrat, Nitrite làm chất oxy hóa để sản xuất năng lượng. Trong bể Anoxic, quá trình khử Nitrat sẽ diễn ra theo phản ứng:

$$+\ 6NO_3^+ + 5CH_3OH \rightarrow 5CO_2 + 3N_2 + 7H_2O + 60H^-$$

+ Trong bể Anoxic có lắp đặt thiết bị khuấy trộn chìm để tạo ra sự xáo trộn trong bể giúp bọt khí N_2 (từ quá trình khí Nitrat) dễ dàng thoát lên khỏi mặt nước. Sau đó nước thải từ bể sinh học thiếu khí tiếp tục qua bể sinh học MBBR tiếp tục xử lý các chất ô nhiễm còn lại.

- Bể sinh học MBBR: Tại bể này sử dụng giá thể vi sinh di động trong hệ thống sục khí để phát triển lượng vi sinh vật có mặt trong bể, nhằm tăng hiệu quả xử lý chất hữu cơ có trong nước thải.

Trong bể MBBR, hệ thống cấp khí được cung cấp để tạo điều kiện cho vi sinh vật hiếu khí sinh trưởng và phát triển. Đồng thời quá trình cấp khí phải đảm bảo được các vật liệu luôn ở trạng thái lơ lửng và chuyển động xáo trộn liên tục trong suốt quá trình phản ứng. Vi sinh vật có khả năng phân giải các hợp chất hữu cơ sẽ dính bám và phát triển trên bề mặt các vật liệu. Các vi sinh vật hiếu khí sẽ chuyển hóa các chất hữu cơ trong nước thải để phát triển thành sinh khối. Quần xã vi sinh sẽ phát triển và dày lên rất nhanh chóng cùng với sự suy giảm các chất hữu cơ trong nước thải. Khi đạt đến một độ dày nhất định, khối lượng vi sinh vật sẽ tăng lên, lớp vi sinh vật phía trong do không tiếp xúc được nguồn thức ăn nên chúng sẽ bị chết, khả năng bám vào vật liệu không còn. Khi chúng không bám được lên bề mặt vật liệu sẽ bị bong ra rơi vào trong nước thải (bông bùn). Một lượng nhỏ vi sinh vật còn bám trên các vật liệu sẽ tiếp tục sử dụng các hợp chất hữu cơ có trong nước thải để hình thành một quần xã sinh vật mới.

- Bể lắng bùn và bể khử trùng: Nước thải sau xử lý ti bể MBBR sẽ được dẫn sang bể lắng nhằm loại bỏ bông bùn có trong nước thải, phần nước trong tiếp tục được dẫn sang bể khử trùng.

Tại bể khử trùng, nước thải được tiếp xúc với hóa chất khử trùng chlorine, nhằm tiêu diệt hoàn toàn Coliforms và các vi trùng gây bệnh khác có trong nước thải, đảm bảo nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; K_q=0,9; K_f=1,1) trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận nước thải.

Bảng 15. Hình ảnh hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm

Thông số kỹ thuật của các bể xử lý nước thải tại 02 hệ thống xử lý nước thải được thống kê trong bảng sau:

Bảng 16. Thông số kỹ thuật của các bể xử lý nước thải

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng (bể)
A	***Hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sản xuất (công suất 190 m^3/ngày đêm)***		
1	Bể thu gom	- Kích thước: dài * rộng * cao = 1,8m * 1,8m * 2,0m - Kết cấu: + Vách: Xây gạch, dày 20cm + Đáy: BTCT, M250 dày 20cm	02
2	Bể điều hòa	- Kích thước dài * rộng * cao = 6,6m * 4,8m * 3,8m - Kết cấu: + Vách: Xây gạch, dày 20cm + Đáy: BTCT, M250 dày 20cm	01
3	Bể keo tụ	- Kích thước: dài * rộng * cao = 1,7m * 1,5m * 2,0m - Kết cấu: + Vách: Xây gạch, dày 20cm + Đáy: BTCT, M250 dày 20cm	01
4	Bể tạo bông	- Kích thước: dài * rộng * cao = 1,5m * 1,5m * 2,0m - Kết cấu: + Vách: Xây gạch, dày 20cm + Đáy: BTCT, M250 dày 20cm	01
5	Bể lắng	- Kích thước: dài * rộng * cao = 1,5m * 1,5m * 2,0m - Kết cấu: + Vách: BTCT, M250, dày 20cm + Đáy: BTCT, M250 dày 20cm	01
B	***Hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 350 m^3/ngày đêm)***		

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng (bể)
1	Bể thiếu khí	- Kích thước: dài * rộng * cao = 3,5m * 5,5m * 4m - Kết cấu: + Vách: Xây gạch, dày 25cm + Đáy: BTCT, M250 dày 20cm	01
2	Bể hiếu khí MBBR	- Kích thước: dài * rộng * cao = 8,45m * 5,5m * 4m - Kết cấu: + Vách: Xây gạch, dày 25cm + Đáy: BTCT, M250 dày 20cm	01
3	Bể lắng sinh học	- Kích thước: dài * rộng * cao = 4,0m * 4,0m * 4,0m - Kết cấu: + Vách: Xây gạch, dày 25cm + Đáy: BTCT, M250 dày 20cm	01
4	Bể khử trùng	- Kích thước: dài * rộng * cao = 2,2m * 4,8m * 3,8m - Kết cấu: + Vách: Xây gạch, dày 25cm + Đáy: BTCT, M250 dày 20cm	01
5	Bể chứa bùn	- Kích thước: dài * rộng * cao = 4,0m * 2,75m * 2,1m - Kết cấu: + Vách: Xây gạch, dày 25cm + Đáy: BTCT, M250 dày 20cm	01

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Trong quá trình hoạt động sản xuất của Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm có phát sinh bụi, mùi và khí thải từ các nguồn chính như sau:

- Bụi, hơi hóa chất phát sinh trong các công đoạn sản xuất (chủ yếu tập trung tại công đoạn cắt, thêu và in), hơi hóa chất phát sinh trong quá trình lưu chứa và sử dụng.

- Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi: Lò hơi tại Nhà máy sử dụng nhiên liệu là than, do đó có phát sinh bụi, khí thải từ nguồn này.

- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông

- Mùi phát sinh từ các công trình lưu chứa và xử lý chất thải như: Thùng chứa CTRSH, hố ga thu gom nước thải, hệ thống xử lý nước thải tập trung

Các biện pháp được áp dụng nhằm giảm thiểu tác động của bụi, mùi và khí thải cụ thể như sau:

2.1. Bụi, hơi hóa chất phát sinh trong các công đoạn sản xuất

- Khu vực các xưởng sản xuất: Thiết kế nhà xưởng thông thoáng, bố trí cửa thông gió phần mái, trang bị quạt hút công nghiệp (tổng số quạt hút được trang bị tại Nhà máy là 132 cái, loại quạt có công suất 75.795 m^3/h).

- Các loại máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất đều sử dụng nguồn năng lượng điện năng, nên đảm bảo không phát sinh khí thải từ nguồn này.

- Thiết bị, máy móc sản xuất được bảo dưỡng định kỳ, theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất, đảm bảo an toàn khi vận hành; Thực hiện vệ sinh sau mỗi ca làm việc, đảm bảo tránh được tích tụ bụi bẩn.

- Công tác lưu chứa hóa chất:

+ Các loại hóa chất phục vụ sản xuất được lưu chứa trong kho hóa chất (kho có diện tích khoảng 100 m^2). Tại đây, bố trí đầy đủ các biển hướng dẫn, biển cảnh báo an toàn hóa chất.

+ Hóa chất được nhập về kho với số lượng phù hợp với nhu cầu sản xuất, trong tình trạng bao bì kín.

- Ưu tiên sử dụng các loại hóa chất thân thiện môi trường: Sử dụng mực in gốc nước, đây là loại mực sử dụng nước làm dung môi thay vì hóa chất. Do đó không chứa các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC) và các chất gây ô nhiễm không khí nguy hiểm khác (HAP).

- Kiểm soát chặc chẽ lượng hóa chất sử dụng trong công đoạn in, công đoạn cố định vải, đúng liều lượng và theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất, … từ đó góp phần giảm thiểu tối đa hóa chất dư thừa và phát sinh mùi hôi.

- Định kỳ vệ sinh khung in, máy in, nhằm đảm bảo không phát sinh bụi mực từ nguồn này.

- Khu vực phòng in, phòng xịt keo đảm bảo khép kín, độc lập với các công đoạn sản xuất còn lại.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại Nhà máy, chú trọng trang bị dụng cụ bảo hộ lao động, thay mới định kỳ cho công nhân làm việc tại các công đoạn tiếp xúc với hóa chất.

- Thực hiện tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân viên, nhằm phát hiện các bệnh nghề nghiệp và điều trị kịp thời.

- Công nhân viên làm việc, tiếp xúc với hóa chất đều được đào tạo và huấn luyện về an toàn lao động trong quá trình tiếp xúc hóa chất.

- Thực hiện vệ sinh khu vực sản xuất, thu gom triệt để CTRCN về khu vực lưu chứa, … tần suất thực hiện: tối thiểu 01 lần/ca làm việc.

Hình 10. Hình ảnh kho chứa hóa chất

2.2. Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi

- Đầu tư hệ thống xử lý khí thải đồng bộ và hoạt động song song với quá trình vận hành lò hơi, đảm bảo thu gom và xử lý triệt để khí thải lò hơi, cụ thể như sau:

+ Công suất xử lý: 6.500 m^3 khí thải/giờ

+ Hóa chất sử dụng: Dung dịch hấp thụ $Ca(OH)_2$

+ Quy chuẩn áp dụng: Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, K_p = 1, K_v= 1)

+ Quy trình xử lý khí thải lò hơi được thể hiện trong sơ đồ sau:

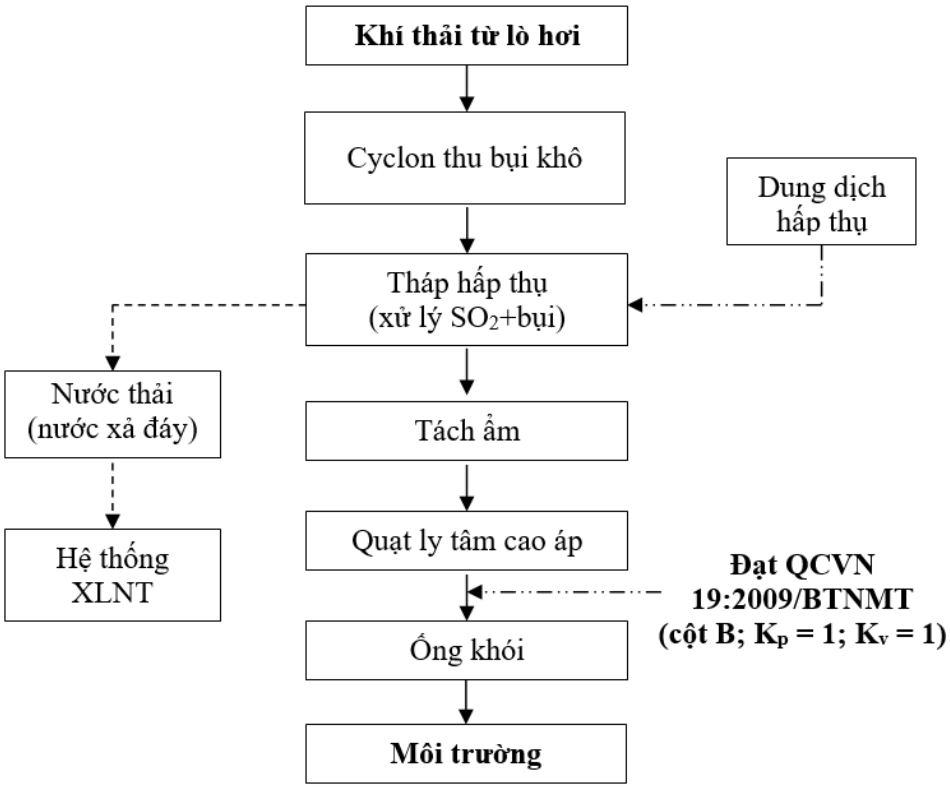

Hình 11. Quy trình xử lý khí thải lò hơi

**** Thuyết minh quy trình:***

- Cyclon: Dòng khí thải lò hơi sẽ được quạt hút thu vào đường ống dẫn khí đi đến cyclone. Cyclone là thiết bị hình trụ chữ nhật có miệng dẫn khí vào ở phía trên. Không khí vào cyclon sẽ chảy xoáy theo đường xoắn ốc dọc bề mặt trong của vỏ hình trụ. Xuống tới phần phễu, dòng khí sẽ chuyển động ngược lên trên theo đường xoắn ốc và qua ống tâm thoát ra ngoài. Hạt bụi trong dòng không khí chảy xoáy sẽ bị cuốn theo dòng khí vào chuyển động xoáy. Lực ly tâm gây tác động làm hạt bụi sẽ rời xa tâm quay và tiến về vỏ ngoài cyclone, va chạm với nó, sẽ mất động năng và rơi xuống phễu thu. Ở đó, hạt bụi đi qua thiết bị xả đi ra ngoài.

- Tháp hấp thụ (xử lý SO_2 và bụi): Tại tháp hấp thụ, dung dịch hấp thụ $Ca(OH)_2$ sẽ được phun từ trên xuống, dòng khí được dẫn vào tháp theo hướng từ dưới lên. Quá trình tiếp xúc giữa dung dịch và khí thải sẽ xảy ra các quá trình xử lý như sau:

+ Quá trình lôi cuốn các cấu bụi trong dòng khí thải đi vào trong dung dịch hấp thụ. Bụi được loại ra khỏi khí thải và lưu giữ trong nước

+ Quá trình hấp thụ SO_2 vào dung dịch hấp thụ. Phản ứng loại bỏ SO_2 như sau:

- $SO_2 + H_2O \rightarrow H_2SO_3$
- $H_2SO_3 + Ca(OH)_2 \rightarrow CaSO_3.2H_2O$
- $SO_3.2H_2O + 1/2O_2 \rightarrow CaSO_4.2H_2O$

Dung dịch rơi xuống đáy tháp hấp thụ được bơm tuần hoàn lên đỉnh tháp để xử lý bụi và SO_2. Phần khí sạch sẽ được quạt hút ly tâm cao áp hút thoát ra ống khói.

- Tấm đệm tách ẩm: Tấm tách ẩm là một thành phần trong tháp hấp thụ, được sử dụng để loại bỏ hơi nước trong dòng khí hoặc hỗn hợp khí và hơi nước, đảm bảo hiệu suất xử lý khí thải của toàn hệ thống.

- Ống khói: Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, K_p = 1, K_v= 1) được thoát ra môi trường thông qua ống khói có chiều cao khoảng 15m, đường kính: 0,45m

- Các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động của bụi phát sinh từ than và tro xỉ lò hơi:

+ Bố trí khu vực chứa than và tro xỉ, với diện tích khoảng 64m^2, kết cấu: Nền ximăng, máy lợp tole, tường bao quanh.

+ Than được lưu chứa trong tình trạng đóng bao kín; Tro xỉ sau khi giải nhiệt được đóng bao kín, đảm bảo không phát sinh bụi từ nguồn này.

2.3. Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông

- Tại cổng ra vào Nhà máy: Quy định tắt máy đối với phương tiện của công nhân viên (xe môtô), quy định tốc độ di chuyển đối với các phương tiện vận chuyển hàng hóa (xe tải, xe container)

- Sân, đường nội bộ trong khuôn viên Nhà máy đều được bêtông/nhựa hóa. Xây dựng tường rào bao quanh Nhà máy, góp phần giảm thiểu phát tán bụi, khí thải và lan truyền tiếng ồn ra khu vực xung quanh.

- Bố trí nhân viên vệ sinh sân, đường. Tần suất thực hiện trung bình 01 lần/ngày.

- Quy định cụ thể vị trí hoạt động của các phương tiện xuất, nhập hàng hóa. Xây dựng và thực hiện kế hoạch xuất, nhập hàng hóa hợp lý, hạn chế các phương tiện tập trung với số lượng lớn.

- Đối với các phương tiện vận chuyển thuộc tài sản của Nhà máy: Thực hiện đầy đủ tần suất kiểm định theo quy định của Cục đăng kiểm về mức độ

an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường, sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ, vận chuyển hàng hóa đúng với tải trọng quy định.

- Thường xuyên kiểm tra và sửa chữa khu vực sân, đường bị xuống cấp có khả năng phát sinh bụi.

- Bố trí cây xanh trong khuôn viên Nhà máy, nhằm tạo cảnh quan và cải thiện điều kiện vi khí hậu.

2.4. Mùi phát sinh từ các công trình lưu chứa và xử lý chất thải

a) Đối với công trình lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt

- Thùng chứa CTRSH: sử dụng các loại thùng chứa có nắp đậy kín.

- Công tác thu gom, xử lý CTRSH: Thực hiện ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải. Đảm bảo chất thải được thu gom và xử lý triệt để.

- Riêng đối với thức ăn thừa phát sinh tại nhà ăn: Được thu gom và xử lý triệt để trong ngày.

- Bố trí khu vực nhà kho tập kết chất thải rắn sinh hoạt: diện tích khoảng 30 m^2.

b) Đối với hố ga thu gom nước thải, hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Thực hiện nạo vét tuyến cống thu gom nước thải, hố ga nước thải. Tần suất thực hiện: Trung bình 01 lần/3 tháng

- Hệ thống xử lý nước thải: Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống XLNT, đảm bảo hệ thống được vận hành liên tục, đúng quy trình và phát hiện, xử lý kịp thời các sự cố, qua đó giúp giảm thiểu phát sinh mùi từ quá trình phân hủy các chất ô nhiễm có trong nước thải

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Công trình lưu trữ chất thải rắn

a) Đối với chất thải rắn sinh hoạt

- Thực hiện tốt công tác phân loại CTRSH tại nguồn theo đúng hướng dẫn tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/01/2022.

- Bố trí đầy đủ các loại thùng chứa rác thải sinh hoạt tại các khu vực phát sinh chất thải rắn sinh hoạt như: Nhà ăn, văn phòng, nhà vệ sinh và dọc trên tuyến đường nội bộ.

- Tùy thuộc vào từng khu vực, khối lượng và thành phần chất thải, bố trí

các loại thùng chứa rác với thể tích phù hợp, đảm bảo thu gom triệt để chất thải và cảnh quan khu vực.

- Số lượng các loại thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt đã được bố trí tại khu vực Nhà máy cụ thể như sau:

Bảng 17. Danh mục thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt

STT	Khu vực bố trí	Số lượng thùng chứa	Ghi chú *Thể tích thùng chứa*
1	Văn phòng	10	120 lít
2	Sân, đường	10	120 lít
3	Nhà ăn		
3.1	Thùng chứa thức ăn thừa	03	120 lít
3.2	Thùng chứa nhóm chất thải còn lại	50	120 lít
4	Nhà vệ sinh	40	60 lít

Nguồn: Công ty TNHH NEW MINGDA Việt Nam, 2024

b) Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT)

b.1) Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quy trình sản xuất

- Bố trí thùng chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: Tại mỗi chuyền sản xuất bố trí 01 thùng chứa (loại thùng nhựa, thể tích 120 lít). Tổng số thùng chứa CTRCNTT được bố trí tại Nhà máy khoảng 42 thùng.

- Bố trí kho chứa CTRCNTT, với kết cấu xây dựng cụ thể như sau:

+ Diện tích kho: 50 m^2

+ Kết cấu xây dựng: Nền trán ximăng, vách tường, máy tole, đảm bảo chất thải không tiếp xúc với nắng, mưa.

+ Chiều cao nền công trình > 0,2m so với mặt đường, nhằm tránh nước mưa chảy tràn vào khu vực kho.

+ Nhìn chung, kết cấu xây dựng kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đã được xây dựng tại Nhà máy đáp ứng đúng quy định tại khoảng 3 điều 33 Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

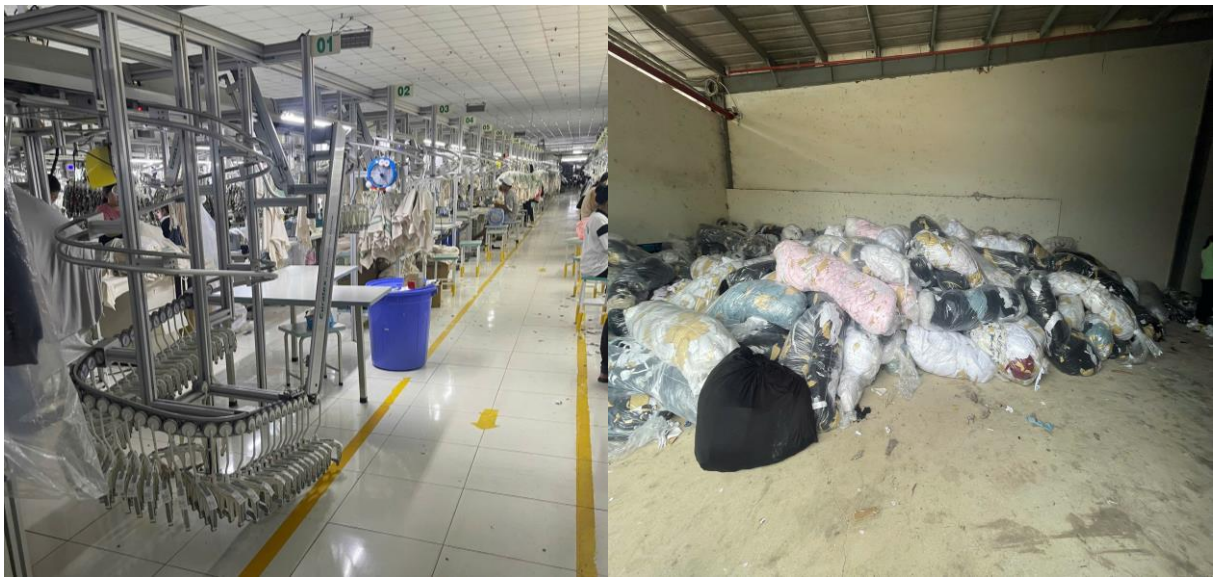

Hình 12. Công trình lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT)

b.2) Tro xỉ phát sinh từ lò hơi

- Tro xỉ phát sinh từ quá trình vận hành lò hơi được tiến hành tưới nước tạo ẩm ngay khi tro xỉ được lấy ra, nhằm giải nhiệt và hạn chế phát sinh bụi tro từ nguồn này;

- Bố trí khu vực tập kết, lưu chứa trong xỉ, với tổng diện tích khoảng 390 m^2, có vách cao, mái tole, … đảm bảo tro xỉ không tiếp xúc với nắng, mưa, gió và không đổ tràn ra khu vực xung quanh.

Hình 13. Hình ảnh khu vực chứa tro xỉ

3.2. Công trình xử lý chất thải rắn

a) Đối với chất thải rắn sinh hoạt

- Nhóm chất thải thực phẩm (thức ăn thừa phát sinh tại khu vực Nhà ăn): Bà Kim Thị Same (địa chỉ: ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh). Tần suất thu gom: 01 ngày/lần

- Nhóm chất thải sinh hoạt còn lại: Thực hiện ký kết hợp đồng vận chuyển, xử lý rác sinh hoạt với Hợp tác xã Xây dựng – Môi trường Trà Vinh (địa chỉ: Khóm 4, phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh). Tần suất thu gom: 02 ngày/lần

b) Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quy trình sản xuất (vải vụn, thùng carton thải, túi nilong thải, lõi chỉ thải, …)

- Bố trí nhân viên phụ trách thu gom chất thải rắn công nghiệp thông thường từ các vị trí phát sinh đến kho chứa.

- Thực hiện ký kết hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường với Công ty TNHH Thương mại – Xử lý môi trường Thành Lập (địa chỉ liên lạc: 39 Cao Triều Phát, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh).

- Địa điểm xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường: Nhà máy xử lý chất thải nguy hại thuộc Công ty TNHH Thương mại – Xử lý môi trường Thành Lập (địa chỉ hoạt động: Lô 147, tổ 3, ấp Bàu Trăn, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh).

b) Đối với tro xỉ

- Thực hiện ký kết hợp đồng vận chuyển, xử lý tro xỉ: Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường Trái Đất Xanh (địa chỉ: lô 04HG-1, đường dọc kênh Ranh, khu công nghiệp Xuyên Á, ấp Tràm Lạc, xã Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An)

- Địa điểm xử lý chất thải: Nhà máy xử lý chất thải thuộc Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường Trái Đất Xanh (địa chỉ hoạt động: lô 04HG-1, đường dọc kênh Ranh, khu công nghiệp Xuyên Á, ấp Tràm Lạc, xã Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An).

3.3. Chủng loại, khối lượng chất thải rắn

a) Đối với chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải sinh hoạt phát sinh trung bình khoảng 235 kg/ngày (định mức phát sinh CTRSH trung bình khoảng 0,3 kg/người/ngày), được chia thành các

nhóm sau:

+ Nhóm chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: chai nhựa đã qua sử dụng.

+ Nhóm chất thải thực phẩm: Thức ăn thừa, rau, củ, quả thải phát sinh trong quá trình chế biến thức ăn tại khu vực nhà ăn

+ Nhóm chất thải sinh hoạt khác: Phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh và từ hoạt động chăm sóc cây xanh

b) Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thành phần chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại Nhà máy được liệt kê trong bảng sau:

Bảng 18. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường

Mã chất thải	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại thông thường	Kí hiệu phân loại	Khối lượng *(kg/năm)*
-	Vải vụn	Rắn	-	168.761
18 01 05	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	TT-R	18.479
18 01 11	Túi nilong thải	Rắn	TT-R	2.268
-	Lõi chỉ thải	Rắn	-	929
04 01 04	Tro xỉ	Rắn	TT	48.000
Tổng cộng				***238.437***

Ghi chú:

- TT-R: Nhóm chất thải được thu hồi, phân loại, lựa chọn để tái sử dụng, sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

- TT: Chất thải rắn công nghiệp thông thường

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại tại Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm theo đúng quy định tại Điều 35 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

4.1. Công trình lưu trữ chất thải nguy hại

- Đối với thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại:

+ Bảo đảm lưu chứa an toàn chất thải nguy hại; Kết cấu cứng chịu được

va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải lưu chứa trong quá trình sử dụng

+ Có biển dấu hiệu cảnh báo theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại

+ Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở thể lỏng hoặc có thành phần nguy hại dễ bay hơi phải có nắp đậy kín

+ Số lượng thùng chứa CTNH: 04 thùng, loại thùng nhựa HPE, thể tích 120 lít/thùng.

- Đối với nhà kho lưu chứa chất thải nguy hại:

+ Diện tích: 20 m^2

+ Kết cấu xây dựng: Nền bêtông, vách tường, mái tole: đảm bảo CTNH không tiếp xúc với nắng, mưa.

+ Trang bị thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy: 02 bình chữa cháy

+ Có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo đúng quy định

Hình 14. Công trình lưu chứa chất thải nguy hại

- Đối với bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: Bùn được đưa về máy ép bùn xử lý sơ bộ.

- Máy ép bùn được sử dụng tại Nhà máy là Máy ép bùn khung bản, với chức năng làm đặc bùn đến mức tối đa, thể tích bùn có thể giảm đến 10 lần so với thể tích ban đầu của nó, tăng tính hiệu quả kinh tế và giảm thiểu ô nhiễm

- Máy ép bùn khung bản hoạt động dựa trên nguyên lý lọc ép qua màng,

nhờ vào áp suất của hỗn hợp bùn cặn, nước lọc thẩm thấu qua màng sau đó dẫn tuần hoàn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, phần cặn bã sẽ được giữ lại bên trong bản lọc. Thiết bị làm việc gián đoạn theo mẻ.

- Bùn thải sau máy ép bùn được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Hình 15. Máy ép bùn tại Nhà máy

4.2. Công trình xử lý chất thải nguy hại

- Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn, đảm bảo lưu giữ trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa phù hợp.

- Thực hiện ký hợp đồng để chuyển giao chất thải nguy hại cho cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý nguy hại phù hợp: Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường Trái Đất Xanh (địa chỉ: lô 04HG-1, đường dọc kênh Ranh, khu công nghiệp Xuyên Á, ấp Tràm Lạc, xã Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An).

Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường Trái Đất Xanh đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường -Tổng cục Môi trường cấp Giấy phép hoạt động theo Mã số QLCTNH: 5-6-7-8.084.VX (Cấp lần 1), Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.084.VX (Cấp lần 2 ngày 31/5/2016), Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.084.VX (Cấp lần 3 ngày 21/5/2019).

- Địa điểm xử lý chất thải: Nhà máy xử lý chất thải thuộc Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường Trái Đất Xanh (địa chỉ hoạt động: lô 04HG-1, đường dọc kênh Ranh, khu công nghiệp Xuyên Á, ấp Tràm Lạc, xã Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An).

4.3. Chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại

Thành phần và tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 19. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại

Mã chất thải	**Tên chất thải**	**Trạng thái tồn tại thông thường**	**Kí hiệu phân loại**	**Khối lượng *(kg/năm)***
16 01 06	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thuỷ tinh hoạt tính thải	Rắn	NH	150
18 02 01	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	KS	2.000
18 01 03	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	KS	200
18 01 04	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	Rắn	KS	200
16 01 08	Các loại dầu mỡ thải	Rắn/lỏng	NH	200
12 06 05	Bùn thải	Bùn	KS	400
Tổng cộng				***3.150***

Nguồn: Số liệu thống kê năm 2023 và 2024

Ghi chú:

- KS: Chất thải công nghiệp phải kiểm soát, cần áp dụng ngưỡng CTNH (hay ngưỡng nguy hại của chất thải) theo quy định tại QCKTMT về ngưỡng CTNH để phân định là CTNH hoặc CTRCNTT

- NH: Chất thải nguy hại

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

5.1. Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Đối với tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các máy móc, thiết bị chuyên dụng phục vụ sản xuất:

+ Các máy móc, thiết bị được lót lớp đệm, tấm lót cao su, … nhằm giảm thiểu tối đa phát sinh tiếng ồn và độ rung.

+ Các máy móc, thiết bị được kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, nhằm đảm bảo công suất hoạt động, giảm thiểu phát sinh độ ồn, độ rung;

+ Các máy móc, thiết bị được sửa chữa hoặc thay mới nhanh chóng, kịp thời khi có hư hỏng.

+ Đảm bảo thời gian làm việc trong ngày của người lao động; Thực hiện tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân viên đúng theo quy định của Bộ luật Lao động 2019.

- Đối với tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện vận chuyển:

+ Ban hành nội quy, quy định cụ thể về vị trí đỗ xe, vận tốc xe khi ra vào Nhà máy.

+ Thực hiện kế hoạch xuất - nhập hàng hợp lý, hạn chế tập trung phương tiện tải trọng lớn.

+ Xây dựng hàng rào bao quanh toàn Nhà máy, nhằm hạn chế lan truyền tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

- Tăng cường mật độ cây xanh, góp phần tạo cảnh quan và hạn chế lan truyền tiếng ồn ra khu vực xung quanh.

5.2. Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ).

- QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ).

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với công trình thu gom, xử lý nước thải

a) Đối với công trình thu gom, thoát nước thải

- Mạng lưới cống thu gom nước thải được thi công đúng yêu cầu kỹ thuật, độ dốc đảm bảo khả năng tự chảy của dòng thải, qua đó thu gom triệt để nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Bố trí nhân viên phụ trách theo dõi, kiểm tra công trình thu gom, thoát nước thải, nhằm phát hiện và xử lý kịp thời khi có hư hỏng.

- Nhanh chóng thực hiện sửa chữa tuyến cống thu gom nước thải, khi

phát sinh hư hỏng (nếu có).

- Thực hiện kiểm tra, nạo vét tuyến cống thoát nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp, đảm bảo lưu thông dòng chảy, không gây ùn ứ hoặc ngập úng tại vị trí xả thải.

b) Đối với hệ thống xử lý nước thải

- Công suất hoạt động tối đa của hệ thống xử lý nước thải tập trung đã được tính toán đến hệ số an toàn, nhằm giảm thiểu tối đa phát sinh sự cố quá tải.

- Bố trí nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, chịu trách nhiệm vận hành và duy trì hệ thống hoạt động liên tục, ổn định, đạt hiệu quả xử lý cao và phát hiện kịp thời các hư hỏng, sự cố.

- Thực hiện đầy đủ chế độ bảo trì, duy tu, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị theo quy định/hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Thực hiện đầy đủ chương trình quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý, qua đó kiểm soát được hiệu quả xử lý nước thải của hệ thống, đảm bảo nước thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

- Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, thực hiện các biện pháp điều tiết, sử dụng nước tiết kiệm để giảm thiểu nước thải phát sinh trong thời gian khắc phục sự cố.

- Trong trường hợp phát sinh sự cố về sinh khối, thiết bị, … dẫn đến nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn:

+ Nước thải được lưu chứa tại bể điều hoà, không xả thải ra môi trường. Bể điều hòa có tổng thể tích khoảng 101 m^3, thời gian lưu chứa nước thải tối đa là 7h.

+ Thực hiện kiểm tra, xác định nguyên nhân và khắc phục hư hỏng.

+ Nước thải được hoàn lưu xử lý lại, đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

7.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất

- Các loại hóa chất được vận chuyển đến Nhà máy bằng phương tiện chuyên dụng.

- Nhập hóa chất về Nhà máy đáp ứng theo nhu cầu sử dụng, không nhập và tồn lưu với khối lượng lớn so với nhu cầu sử dụng.

- Hóa chất được lưu trữ trong nhà kho, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình

lưu trữ và sử dụng các loại hóa chất theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Nhân viên tiếp xúc trực tiếp với hóa chất được tập huấn các biện pháp an toàn hóa chất.

- Thực hiện nghiêm ngặt công tác kiểm tra thùng chứa, thiết bị chứa hóa chất theo đúng quy định, đảm bảo không phát sinh sự cố rò rỉ, tràn hóa chất hoặc phát hiện và xử lý kịp thời khi phát sinh sự cố.

- Công nhân có liên quan trực tiếp đến hoạt động hóa chất sẽ được huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất.

- Trang bị bảo hộ lao động cho nhân viên tiếp xúc với hóa chất.

- Xây dựng phương án, kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo đúng quy định.

- Trong trường hợp phát sinh sự cố tràn hóa chất, triển khai thực hiện các biện pháp ứng phó như sau:

▪ Ngăn chặn: Sử dụng vật liệu chuyên dùng để quay quanh, khống chế hóa chất loang ra diện rộng, tràn vào các công trình lân cận, đặt biệt là các tuyến cống thoát nước.

▪ Sử dụng vật liệu hấp thụ (chủ yếu là cát) để thu gom lượng hóa chất tràn và làm sạch khu vực có hóa chất tràn qua.

▪ Vật liệu hấp thụ nhiễm hóa chất, đất nhiễm hóa chất được lưu trữ riêng biệt (áp dụng các biện pháp quản lý và xử lý CTNH).

7.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

- Đối với quá trình vận hành nồi hơi:

+ Thực hiện đăng kiểm định kỳ theo đúng quy định.

+ Thực hiện các chế độ bảo dưỡng, vận hành, tu sửa và khám nghiệm theo đúng quy trình kỹ thuật.

+ Định kỳ kiểm tra các thiết bị an toàn nồi hơi như bộ điều khiển an toàn, van an toàn, van xả đáy, van xả hơi, rơle áp suất, đồng hồ áp lực, ...

+ Ngừng ngay hoạt động của nồi hơi khi phát hiện các dấu hiệu bất thường như: Áp suất trong lò hơi tăng quá mức; phát hiện thấy các bộ phận chịu áp lực chính của lò hơi có vết nứt, phồng, gỉ mòn đáng kể, xì hơi, nước ở các mối nối, mối hàn, các miếng đệm bị xé; áp kế hư hỏng và không có khả năng xác định áp suất trong lò hơi bằng một dụng cụ nào khác.

- Đối với máy móc, thiết bị sản xuất:

+ Công nhân trực tiếp vận hành máy móc, thiết bị sản xuất được tập huấn định kỳ, nâng cao kiến thức trong thao tác vận hành, sử dụng các loại máy móc.

+ Trang bị đầy đủ các loại dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân, đảm bảo phù hợp với từng vị trí việc làm cụ thể.

+ Bố trí đầy đủ tủ thuốc y tế tại khu vực các Nhà xưởng, nhằm xử lý, sơ cứu kịp thời khi phát sinh các sự cố tai nạn lao động.

+ Thực hiện đầy đủ chế độ khám/kiểm tra sức khỏe định kỳ cho công nhân viên làm việc tại Nhà máy.

+ Trong quá trình làm việc, công nhân viên có dấu hiệu bất thường về sức khỏe, cần báo cáo đến người quản lý, để được sơ cứu và nghỉ ngơi hợp lý.

+ Có chế độ hỗ trợ cho người lao động gặp tai nạn lao động, nhằm khắc phục kịp thời các thiệt hại do tai nạn gây ra.

- An toàn thực phẩm: Nhân viên làm việc tại nhà ăn được xác nhận đủ sức khỏe tham gia chế biến thực phẩm. Dụng cụ, trang thiết bị và nguyên phụ liệu chế biến thực phẩm đảm bảo đạt yêu cầu về ATTP.

7.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

- Công tác phòng cháy chữa cháy tại Nhà máy được thực hiện theo đúng quy định tại Luật Phòng cháy và chữa cháy, các thông tư, nghị định và hướng dẫn hiện hành.

- Xây dựng quy định, nội quy về phòng cháy và chữa cháy, về sử dụng điện, sử dụng lửa và các chất dễ cháy, nổ; Nội quy phòng chống cháy nổ được niêm yết tại những vị trí thích hợp trong khuôn viên Nhà máy.

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, các phương tiện phòng cháy chữa cháy tại khu vực nhà xưởng, văn phòng, trang bị hệ thống chống sét đánh thẳng theo đúng quy định tại TCVN 3890:2009.

- Xây dựng thiết kế và được cơ quan có thẩm quyền thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.

- Hệ thống cấp điện trong khu vực Nhà máy bảo đảm đạt tiêu chuẩn an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Xây dựng hệ thống giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, …, trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy bảo đảm số lượng và chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy hoặc theo quy định.

- Các phương tiện PCCC luôn được kiểm tra thường xuyên và trong tình trạng sẵn sàng ứng phó sự cố;

- Thường xuyên tổ chức các buổi diễn tập, ứng phó với sự cố cháy nổ theo hướng dẫn của Phòng cảnh sát PCCC và CNCH;

- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của công nhân trong công tác phòng cháy chữa cháy;

- Phối hợp với cơ quan có chức năng khi phát sinh sự cố cháy nổ, để được hướng dẫn kịp thời các biện pháp ứng phó và khắc phục sự cố.

Hình 16. Thiết bị, công trình PCCC tại Nhà máy

Hình 17. Hồ chứa nước PCCC tại Nhà máy

8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi

- Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn và nước mưa chảy tràn tại Nhà máy được xả thải ra nguồn tiếp nhận là Kênh cấp 3 Triền Giồng, sau đó tự chảy kênh TN12 *(thuộc địa phận ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh)*. Do đó, trong quá trình xả thải, Nhà máy thực hiện một số biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa các tác động đến nguồn tiếp nhận nước thải, cụ thể như sau:

- Đối với nước mưa chảy tràn: Thực hiện đầy đủ công tác kiểm soát chất lượng nước mưa chảy tràn.

- Đối với nước thải: Toàn bộ nước thải phát sinh tại Nhà máy được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; K_q=0,9; K_f=1,1) trước khi xả thải ra công trình thủy lợi.

- Thực hiện đầy đủ chương trình quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý, trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

9. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Bảng 20. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

STT	Hạng mục công trình	Quy mô, công suất		Cơ sở pháp lý
		Theo nội dung ĐTM đã được phê duyệt	Nội dung thay đổi	
1	Công suất hoạt động	12.000.000 sản phẩm/năm	9.900.000 sản phẩm/năm	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9827229319 do Sở kế hoạch và đầu tư Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh chứng nhận lần đầu ngày 21/9/2017, chứng nhận lần thứ 07 ngày 24/01/2024
2	Hệ thống xử lý nước thải tập trung			
2.1	Công suất:	600 m^3/ngày đêm	350 m^3/ngày đêm	- Công văn số 3605/UBND-NN ngày 09/09/2020 của UBND tỉnh
2.2	Quy trình xử lý	(Nước thải từ nhà ăn; nước thải nhà vệ sinh; nước thải in giặt đã xử lý sơ bộ bằng Hệ thống xử lý nước thải sản xuất sơ bộ; nước thải từ hệ thống xử lý khí thải) → Hố thu nước thải → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học MBBR (sinh học có giá thể lơ lửng) → Bể lắng bùn sinh học → Bể khử trùng → Xả thải ra môi trường (nguồn tiếp nhận đạt	(Nước thải từ nhà ăn; nước thải nhà vệ sinh; nước thải in giặt; nước thải từ hệ thống xử lý khí thải) → Hố thu nước thải → Bể điều hòa → Hệ thống xử lý nước thải sản xuất sơ bộ → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học MBBR (sinh học có giá thể lơ lửng) → Bể lắng bùn sinh học → Bể khử trùng → Xả thải ra môi trường (nguồn tiếp nhận đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B)	

STT	Hạng mục công trình	Quy mô, công suất		Cơ sở pháp lý
		Theo nội dung ĐTM đã được phê duyệt	**Nội dung thay đổi**	
		QCVN 40:2011/BTNMT, cột B)		
3	Công suất Hệ thống xử lý nước thải sản xuất sơ bộ	350 m^3/ngày đêm	190 m^3/ngày đêm	
4	Thực hiện điều chỉnh vị trí xây dựng các hạng mục công trình như: - Vị trí hệ thống XLNT - Vị trí hồ nước phòng cháy chữa cháy - Vị trí khu vực lò hơi, khu vực chứa than và khu vực chứa xỉ than - Vị trí khu vực kho chứa CTR công nghiệp thông thường - Vị trí kho chứa chất thải nguy hại			- Công văn số 48/UBND-NN ngày 06/01/2020 của UBND tỉnh
5	Thự hiện điều chỉnh quy mô các kho chứa chất thải			
5.1	Kho chứa chất thải nguy hại	25 m^2	20 m^2	- Công văn số 48/UBND-NN ngày 06/01/2020 của UBND tỉnh
5.2	Kho chứa CTR công nghiệp thông thường	15 m^2	50 m^2	
5.3	Khu vực chứa xỉ than	391 m^2	390 m^2	
5.4	Kho chứa CTR sinh hoạt	Không đề xuất	30 m^2	
5.5	Phòng y tế	Không đề xuất	100 m^2	

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn 1: Nước thải sinh hoạt

+ Nguồn 2: Nước thải sản xuất

+ Nguồn 3: Nước thải xả đáy lò hơi

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 350 m^3/ngày.đêm.

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 350 m^3/ngày.đêm.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Áp dụng theo QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; K_q=0,9; K_f=1,1). Giới hạn thông số, nồng độ các chất ô nhiễm được phép xả thải:

Bảng 21. Giá trị giới hạn nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (cột B; K_q=0,9; K_f=1,1)
1	pH	-	5,5 - 9
2	TSS	mg/L	99
3	BOD_5	mg/L	49,5
4	COD	mg/L	148,5
5	Sulfua	mg/L	0,495
6	NH_4^+ (tính theo N)	mg/L	9,9
7	Tổng N	mg/L	39,6
8	Tổng P	mg/L	5,94
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	9,9
10	As	mg/L	0,099
11	Pb	mg/L	0,495
12	Fe	mg/L	4,95
13	Coliform	MPN/100mL	5.000

**** Ghi chú:*** Giá trị tối đa cho phép được tính theo công thức: C_{max}= C x K_q x K_f của QCVN 40:2011/BTNMT, trong đó:

+ C: Giá trị của thông số ô nhiễm (cột B).

+ K_q: Hệ số lưu lượng nguồn tiếp nhận nước thải (K_q = 0,9).

+ K_f: Hệ số lưu lượng nguồn thải (K_f = 1,1).

+ Không áp dụng hệ số K_q và K_f cho chỉ tiêu pH và Coliform.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh cấp 3 Triền Giồng, sau đó tự chảy kênh TN12 (thuộc địa phận ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh)

- Vị trí xả nước thải có tọa độ như sau *(tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^o)*:

+ X = 1089 780

+ Y = 592 569

- Phương thức xả thải: Tự chảy, xả ngầm, ven bờ

- Chế độ xả thải: 24h/ngày đêm

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải: 01 nguồn khí thải lò hơi

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 6.500 m^3/giờ

- Dòng khí thải: 01 dòng khí thải qua ống khói.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải được áp dụng theo: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, K_v=1, K_p=1), cụ thể như sau:

Bảng 22. Giá trị giới hạn nồng độ các chất ô nhiễm có trong khí thải sau xử lý

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (C_{max})
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	200
2	CO	mg/Nm^3	1.000
3	SO_2	mg/Nm^3	500
4	NO_x	mg/Nm^3	850

- Vị trí xả khí thải có tọa độ như sau *(tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^o)*:

+ Tọa độ X = 1094511

+ Tọa độ Y = 585786

- Chế độ xả thải: Thải liên tục theo hoạt động của lò hơi

- Phương thức xả thải: Khí thải xả thải trực tiếp qua ống khói

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn

- Nguồn phát sinh: Phát sinh trong quá trình hoạt động của máy thổi khí tại khu vực hệ thống xử lý nước thải

- Vị trí phát sinh tiếng ồn *(tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^o)*:

+ Tọa độ: X=1089 891

+ Tọa độ: Y=592 780

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ), cụ thể như sau:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày (khu vực thông thường)	Giới hạn cho phép QCVN 26:2010/BTNMT (dBA)
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	55

Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 2353/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Trà Vinh, chương trình quan trắc môi trường định kỳ tại Nhà máy, bao gồm:

Bảng 23. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

STT	Tên điểm quan trắc	Thông số	Tần suất
I	***Nước thải sinh hoạt***		
1	Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của công ty	pH, nhiệt độ, độ màu, TSS, COD, BOD_5, amoni, tổng N, tổng P, Fe, Coliform, tổng dầu mỡ khoáng, Hg, Pb	03 tháng/lần
II	***Khí thải***		
1	Tại ống thoát khí thải lò hơi	Lưu lượng, nhiệt độ, bụi, CO, SO_2, NO_x	03 tháng/lần
III	***Không khí xung quanh***		
1	Khu vực in	Bụi, VOC	03 tháng/lần
2	Khu vực thêu		

- Thời gian quan trắc năm 2023:

+ Đợt 1: thực hiện lấy mẫu ngày 17/3/2023

+ Đợt 2: thực hiện lấy mẫu ngày 16/6/2023

+ Đợt 3: thực hiện lấy mẫu ngày 29/9/2023

+ Đợt 4: thực hiện lấy mẫu ngày 25/12/2023

- Thời gian quan trắc năm 2024:

+ Đợt 1: thực hiện lấy mẫu ngày 26/3/2024

+ Đợt 2: thực hiện lấy mẫu ngày 30/5/20024

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

- Kết quả quan trắc chất lượng nước thải năm 2023 và 2024 được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 24. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải năm 2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				QCVN 40:2011/ BTNMT (C_{max})
			Đợt 1/2023	Đợt 2/2023	Đợt 3/2023	Đợt 4/2023	
1	Pb	mg/L	KPH	KPH	KPH	0,011	0,495
2	pH	-	6,85	7,10	6,90	7,73	5,5 - 9
3	Nhiệt độ	^{0}C	29,1	28,0	28,5	29,8	40
4	Độ màu	Pt-Co	16,8	25,0	24,0	18,42	150
5	TSS	mg/L	31,5	40,0	35,0	12,00	99
6	COD	mg/L	72,5	81,0	80,0	31	148,5
7	BOD_5	mg/L	31,8	43,5	42,6	17	49,5
8	NH_4^+-N	mg/L	1,85	2,60	2,60	KPH	9,9
9	Tổng N	mg/L	3,06	15,0	15,3	0,34	39,6
10	Tổng P	mg/L	0,987	4,10	1,60	7,85	5,94
11	Fe		KPH	KPH	KPH	0,27	4,95
12	Coliform	MPN/ 100mL	4.500	5.000	4.500	$7,9.10^1$	5.000
13	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	9,9
14	As	µg/L	KPH	KPH	KPH	$0,0015 .10^{-3}$	99
15	Hg	µg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	9,9
16	Cd	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0,099

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023

Bảng 25. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải năm 2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011/BTNMT (C_{max})
			Đợt 1/2024	Đợt 2/2024	
1	Pb	mg/L	KPH	KPH	0,495
2	pH	-	7,42	7,24	5,5 - 9
3	Nhiệt độ	^{0}C	29,6	30,7	40
4	Độ màu	Pt-Co	100,4	10	150
5	TSS	mg/L	15,4	18	99
6	COD	mg/L	139	108	148,5
7	BOD_5	mg/L	44,3	45	49,5

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011/BTNMT (C_{max})
			Đợt 1/2024	Đợt 2/2024	
8	NH_4^+-N	mg/L	7,29	8,20	9,9
9	Tổng N	mg/L	31,9	16,0	39,6
10	Tổng P	mg/L	0,58	0,060	5,94
11	Fe		KPH	0,27	4,95
12	Coliform	MPN/ 100mL	$2,3.10^3$	3.900	5.000
13	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	KPH	1,8	9,9
14	As	µg/L	KPH	KPH	99
15	Hg	µg/L	KPH	KPH	9,9
16	Cd	mg/L	KPH	KPH	0,099

Nguồn: Kết quả quan trắc đợt 1 và 2 năm 2024

Theo số liệu thống kê kết quả quan trắc năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024 cho thấy, nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy đều có chất lượng tốt và tất cả các thông số quan trắc đều đạt giới hạn quy định tại QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; K_q=0,9; K_f=1,1).

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải

- Kết quả quan trắc chất lượng khí thải năm 2023 và 2024 được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 26. Kết quả quan trắc chất lượng khí thải năm 2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				QCVN 19:2009/ BTNMT (C_{max})
			Đợt 1/2023	Đợt 2/2023	Đợt 3/2023	Đợt 4/2023	
1	Bụi	mg/Nm^3	58,3	42,5	58,3	6,80	200
2	CO	mg/Nm^3	295	623	295	509	1.000
3	SO_2	mg/Nm^3	137	114	137	< 2,62	500
4	NO_x	mg/Nm^3	161	85,0	161	2	850
5	Lưu lượng	m^3/h	5.189	6.550	5.189	8.760	-
6	Nhiệt độ	^0C	86,6	110	86,6	129,1	-

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023

Bảng 27. Kết quả quan trắc chất lượng khí thải năm 2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 19:2009/BTNMT (C_{max})
			Đợt 1/2024	Đợt 2/2024	
1	Bụi	mg/Nm^3	96	108	200
2	CO	mg/Nm^3	237,1	267,9	1.000
3	SO_2	mg/Nm^3	112,7	KPH	500
4	NO_x	mg/Nm^3	18,5	38,1	850
5	Lưu lượng	m^3/h	5.566	5.058	-
6	Nhiệt độ	^0C	80	89	-

Nguồn: Kết quả quan trắc đợt 1 và 2 năm 2024

Theo số liệu thống kê kết quả quan trắc năm 2023 và 02 đợt đầu năm 2024 cho thấy, tất cả các thông số quan trắc đều có giá trị thấp và nằm trong quy chuẩn cho phép.

Như vậy, khí thải lò hơi đã được xử lý triệt để, đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, K_v=1, K_p=1) trước khi xả thải ra môi trường.

3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với môi trường không khí khu vực làm việc

- Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí khu vực làm việc năm 2023 và 2024 được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 28. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí khu vực làm việc năm 2023 (vị trí Khu vực in)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				QCVN 02:2019/ BYT
			Đợt 1/2023	Đợt 2/2023	Đợt 3/2023	Đợt 4/2023	
1	Bụi TSP	mg/m^3	0,116	0,132	0,132	0,069	8
2	$VOCs^{(*)}$						
	Benzen	mg/m^3	-	-	-	KPH	5,0
	Toluene	mg/m^3	-	KPH	KPH	KPH	100
	Xylen	mg/m^3	-	-	-	KPH	100
	Styren	mg/m^3	-	-	-	KPH	-

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023

Bảng 29. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí khu vực làm việc năm 2023 (vị trí Khu vực thêu)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				QCVN 02:2019/ BYT
			Đợt 1/2023	Đợt 2/2023	Đợt 3/2023	Đợt 4/2023	
1	Bụi TSP	mg/m^3	0,141	0,090	0,090	0,081	8
2	$VOC_s^{(*)}$						
	Benzen	mg/m^3	-	-	-	KPH	5,0
	Toluene	mg/m^3	-	KPH	KPH	KPH	100
	Xylen	mg/m^3	-	-	-	KPH	100
	Styren	mg/m^3	-	-	-	KPH	-

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023

Bảng 30. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí khu vực làm việc năm 2024 (vị trí Khu vực in)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 02:2019/ BYT
			Đợt 1/2024	Đợt 2/2024	
1	Bụi TSP	mg/m^3	0,29	0,72	8
2	$VOC_s^{(*)}$				
	Benzen	mg/m^3	KPH	KPH	5,0
	Toluene	mg/m^3	KPH	KPH	100
	Xylen	mg/m^3	KPH	KPH	100
	Styren	mg/m^3	KPH	KPH	-

Nguồn: Kết quả quan trắc đợt 1 và 2 năm 2024

Bảng 31. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí khu vực làm việc năm 2024 (vị trí Khu vực thêu)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 02:2019/ BYT
			Đợt 1/2024	Đợt 2/2024	
1	Bụi TSP	mg/m^3	0,41	0,37	8
2	$VOC_s^{(*)}$				
	Benzen	mg/m^3	KPH	KPH	5,0
	Toluene	mg/m^3	KPH	KPH	100
	Xylen	mg/m^3	KPH	KPH	100

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 02:2019/ BYT
			Đợt 1/2024	Đợt 2/2024	
	Styren	mg/m^3	KPH	KPH	-

Nguồn: Kết quả quan trắc đợt 1 và 2 năm 2024

Ghi chú: giá trị (*) áp dụng QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (cột giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA))

Theo kết quả quan trắc năm 2023 và 02 đợt đầu năm 2024 cho thấy, môi trường không khí khu vực làm việc tại Nhà máy có chất lượng tốt, tất cả các thông số quan trắc đều đạt QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc và QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (cột giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA))

Trong quá trình hoạt động sản xuất tại Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm có phát thải ra môi trường. Tuy nhiên, Nhà máy đã thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý, xử lý các nguồn thải, đảm bảo xử lý các loại chất thải (khí thải, nước thải, ...) đạt tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận, từ đó đã giảm thiểu tối đa các tác động xấu đến môi trường trong khu vực Nhà máy và khu vực xung quanh.

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Căn cứ theo Khoản 4 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nhà máy thuộc đối tượng không phải thực hiện vận hành thử nghiệm, cụ thể như sau: Nhà máy đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi) số 26/GP-UBND ngày 24/7/2020, nội dung giấy phép như sau:

- Xả nước thải vào công trình thủy lợi (nguồn tiếp nhận nước thải): Kênh cấp 3 Triền Giồng, sau đó chảy ra kênh TN 12

- Vị trí nơi xả nước thải: ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Tọa độ vị trí xả thải tại điểm cuối cùng (VN 200, kinh tuyến trục $105^0$30', múi chiếu 3^0):

+ Tọa độ X= 1089 780

+ Tọa độ Y= 592 569

- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tự chảy theo hệ thống thoát nước của Công ty và chảy ra Kênh cấp 3 Triền Giồng, sau đó tự chảy ra kênh TN 12, loại hình xả ngầm, xả ven bờ.

- Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày đêm

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 350 m^3/ngày đêm

- Chất lượng nước thải: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; K_q = 0,9; K_f = 1,1).

Tại thời điểm lập báo cáo, hoạt động xả thải của Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm không thay đổi so với nội dung đã được cấp phép.

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục và định kỳ chất thải

a) Chương trình quan trắc tự động, liên tục và định kỳ nước thải

Căn cứ theo Khoản 1, 2 Điều 111 Luật bảo vệ môi trường năm 2020; Khoản 2 Điều 97, Phụ lục II và XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục và định kỳ.

b) Chương trình quan trắc tự động, liên tục và định kỳ khí thải

Căn cứ theo Khoản 1, 2 Điều 112 Luật bảo vệ môi trường năm 2020; Khoản 2 Điều 98, Phụ lục II và XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục và định kỳ.

2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ cơ sở

a) Quan trắc nước thải định kỳ

- Vị trí quan trắc: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung, trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận (ký hiệu: NT_{xt})

- Tần số quan trắc: 06 tháng/lần

- Thông số giám sát: pH, TSS, BOD_5, COD, Sulfua, NH_4^+ (tính theo N), Tổng N, Tổng P, Tổng dầu mỡ khoáng, As, Pb, Fe, Coliform

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; K_q=0,9; K_f=1,1)

b) Quan trắc khí thải định kỳ

- Vị trí quan trắc: Khí thải lò hơi sau xử lý, trước khi xả thải ra môi trường không khí xung quanh (ký hiệu: KT_{xt})

- Tần số quan trắc: 06 tháng/lần

- Thông số giám sát: Bụi tổng, CO, SO_2, NO_x và lưu lượng

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, K_v=1, K_p=1)

c) Quan trắc tiếng ồn

- Vị trí quan trắc: Khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung (ký hiệu: KK_{xq})

- Tần số quan trắc: 06 tháng/lần

- Thông số giám sát: tiếng ồn

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ)

d) Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm:

Thực hiện lập lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm và nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm tại Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm ước tính khoảng 30.000.000 đồng/năm *(bằng chữ: Ba mươi triệu đồng chẵn).*

Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

1. Các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ sở

Trong năm 2023 và 2024, Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm tiếp 01 đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số 143/QĐ-TTr ngày 24/7/2023 của Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường

+ Thời gian tiến hành kiểm tra: ngày 16/8/2023

+ Kết luận chung của Đoàn kiểm tra:

▪ Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải tập trung có 01 thông số quan trắc vượt giới hạn cho phép quy định tại QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; K_q = 0,9; K_f = 1,1): Thông số amoni vượt giới hạn 1,05 lần

▪ Tại thời điểm kiểm tra, việc thống kê khối lượng chất thải phát sinh chưa kịp thời theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra.

▪ Hệ thống cống bêtông thoát nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải tập trung ra kênh Triền Giồng đã tích tụ nhiều bùn, không đảm bảo cho việc lấy mẫu trong quá trình giám sát hoặc thanh tra, kiểm tra.

▪ Đồng hồ theo dõi lưu lượng nước thải bị hư hỏng, tuy nhiên Công ty chưa sửa chữa kịp thời để đảm bảo theo dõi lưu lượng xả thải.

▪ Sổ nhật ký theo dõi lưu lượng xả nước thải Công ty ghi chép chưa phù hợp.

▪ Công ty thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022, tuy nhiên số liệu nêu trong báo cáo chưa phù hợp.

2. Tình hình khắc phục những tồn tại

Công ty TNHH NEW MINGDA Việt Nam đã triển khai thực hiện khắc phục các mặt hạn chế, tồn tại trong công tác bảo vệ môi trường tại Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm và báo cáo kết quả khắc phục đến Thanh Tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh tại báo cáo số 19/BC/NMD ngày 06/11/2023, cụ thể như sau:

- Thực hiện cải tạo hệ thống xử lý nước thải tập trung và thực hiện quan

trắc, kiểm chứng nước thải sau xử lý, kết quả: Các thông số quan trắc đều đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$).

- Thực hiện đúng và đầy đủ nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2353/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 và Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 10/GXN-STNMT ngày 31/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường

- Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ, làm cơ sở lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023; yêu cầu đơn vị tư vấn rà soát nội dung báo cáo, số liệu theo đúng thực tế, … và nộp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định.

- Phân công nhân viên phụ trách kiểm tra, vận hành công trình BVMT, … thống kê khối lượng chất thải phát sinh, ghi chép Sổ nhật ký theo dõi lưu lượng xả nước thải theo đúng quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu để ra sự cố môi trường, Công ty thực hiện việc khắc phục và báo cáo đến cơ quan nhà nước về môi trường và chính quyền địa phương để kiểm tra, giám sát; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại môi trường do sự cố Công ty gây ra theo nội dung quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có).

Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Công ty TNHH NEW MINGDA Việt Nam cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Công ty TNHH NEW MINGDA Việt Nam cam kết xử lý các loại chất thải phát sinh tại Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 9.900.000 sản phẩm/năm đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể như sau:

+ Đối với nước thải:

▪ Vận hành liên tục các công trình xử lý nước thải (công trình xử lý sơ bộ và hệ thống xử lý nước thải tập trung), đảm bảo nước thải được xử lý triệt để.

▪ Toàn bộ nước thải được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 350 m^3/ngày đêm), đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; K_q=0,9; K_f=1,1).

▪ Thực hiện đầy đủ chương trình quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý

+ Đối với khí thải:

▪ Đảm bảo khí thải lò hơi được xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, K_v=1, K_p=1).

▪ Thực hiện đầy đủ chương trình quan trắc chất lượng khí thải sau xử lý

+ Đối với nước mưa chảy tràn: Thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát chất lượng nước mưa chảy tràn.

+ Đối với chất thải rắn (chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại): Thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý chất thải tại nguồn, thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định. Đảm bảo công tác quản lý và xử lý chất thải rắn đúng theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Đối với sự cố, rủi ro: Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố, rủi ro. Đảm bảo các công trình, phương tiện, thiết bị ứng phó sự cố luôn trong tình trạng sẵn sàng sử dụng.

+ Trong trường hợp phát sinh sự cố môi trường tại Nhà máy, Công ty cam kết thực hiện các biện pháp khắc phục như sau:

- Giảm công suất hoạt động hoặc tạm ngừng hoạt động sản xuất, đảm bảo giảm thiểu tối đa phát thải ra môi trường.
- Thực hiện khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).
- Thực hiện báo cáo kết quả khắc phục đến cơ quan nhà nước về môi trường và chính quyền địa phương để kiểm tra, giám sát.

+ Thực hiện lập và nộp Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo đúng quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

PHỤ LỤC 1
CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 2100625866

Đăng ký lần đầu: ngày 22 tháng 09 năm 2017

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 24 tháng 01 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NEW MINGDA VIET NAM CO.,LTD

Tên công ty viết tắt: NEW MINGDA VN

2. Địa chỉ trụ sở chính

ấp Thanh Nguyên A , Xã Mỹ Chánh, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại: *01264.568659* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ : 86.354.118.662 đồng.

Bằng chữ: Tám mươi sáu tỷ ba trăm năm mươi bốn triệu một trăm mười tám nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: NINGBO MINGDA KNITTING CO.,LTD

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: *91330212144417948U*

Ngày cấp: *26/11/1984* Nơi cấp: *Cục quản lý giám sát thị trường thành phố NingBo, Trung Quốc*

Địa chỉ trụ sở chính: *Tầng 21 tòa nhà ShanShan, số 777 đường Ri Li Zhong, YinZhou, Thành phố NingBo, tỉnh ZheJiang, Trung Quốc*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: QIU MIAOFA Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch công ty

Sinh ngày: *02/09/1952* Dân tộc: *Quốc tịch: Trung Quốc*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *EH1924833*

Ngày cấp: *07/08/2019* Nơi cấp: *Trung Quốc*

Địa chỉ thường trú: *Số 26F, số 9 ngõ 92, đường Yong Gang Bei, JiangDong, Ning Bo, tỉnh ZhengJiang, Trung Quốc*

Địa chỉ liên lạc: *ấp Thanh Nguyên A, Xã Thanh Mỹ, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH TRÀ VINH

Lê Thanh Xuân

CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM
Số: 01/2024/QĐUQ-NMD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH ỦY QUYỀN

Bên ủy quyền:

CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM. Đại diện là :

Ông : QIU MIAOFA Chức vụ: Chủ tịch công ty

Số hộ chiếu: EH1924833

Ngày cấp: 07/08/2019

Nơi cấp : Trung Quốc

Địa chỉ : Ấp Thanh Nguyên A, Xã Mỹ Chánh, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Theo quyết định ủy quyền 01/2024/QĐUQ-NMD ngày 10/06/2024 của Chủ tịch Công ty TNHH New MingDa Việt Nam

Bằng văn bản này Ông QIU MIAOFA đồng ý ủy quyền cho :

Bên được ủy quyền:

Ông : ZHANG ZHIXIANG Chức vụ : Tổng Giám đốc

Hộ chiếu số : E69340834

Ngày cấp : 22/02/2016

Nơi cấp : Trung Quốc

Địa chỉ : Ấp Thanh Nguyên A, Xã Mỹ Chánh, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Nội dung ủy quyền:

Bên ủy quyền đồng ý cho bên được ủy quyền được thay mặt bên ủy quyền được quyền quyết định, ký tên các nội dung liên quan đến hồ sơ hải quan, hợp đồng kinh tế, hồ sơ liên quan đến thuế, hồ sơ công văn xin nhập cảnh, thủ tục vi sa, và các hồ sơ khác liên quan đến cơ quan Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

Trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên ủy quyền :

1. Chịu trách nhiệm với Pháp luật Việt Nam về các nội dung đã ủy quyền

Trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên được ủy quyền :

1. Thực hiện đúng theo các nội dung đã được ủy quyền
2. Chịu trách nhiệm với Pháp luật Việt Nam về các nội dung đã ký

Thời hạn ủy quyền: từ ngày 10/06/2024 đến khi có quyết định mới

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về toàn bộ nội dung ủy quyền nêu trên.

Trà vinh, ngày 10 tháng 06 năm 2024

Người được ủy quyền

ZHANG ZHIXIANG

Người ủy quyền

M.S.D.N: 2100625866 - C.T.N.H.H. - CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM - H. CHÂU THÀNH - T. TRÀ VINH

QIU MIAOFA

BẢN SAO

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2353/QĐ-UBND	*Trà Vinh, ngày 26 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm"

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm" họp ngày 16/10/2018;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm" đã được bổ sung, chỉnh sửa gửi kèm Văn bản số 16/CV-NMD ngày 15/11/2018 của Công ty TNHH New Mingda Việt Nam;

Xét Tờ trình số 554/TTr-STNMT ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm",

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm" (sau đây gọi là dự án) được lập bởi Công ty TNHH New Mingda Việt Nam (sau đây gọi là chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô và công suất của dự án:

1.1. Vị trí thực hiện: Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

1.2. Diện tích: 56.771,3 m^2 (theo Hợp đồng thuê đất số 88/HĐTĐ ngày 02/10/2018 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh và Công ty TNHH New Mingda Việt Nam).

1.3. Quy mô và công suất: 12.000.000 sản phẩm/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án:

2.1. Thiết kế, xây dựng, vận hành liên tục và giám sát chặt chẽ công trình xử lý nước thải đảm bảo đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận; đồng thời, thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, hạn chế thấp nhất các tác động phát sinh từ dự án trong giai đoạn hoạt động.

2.2. Thu gom, phân loại và xử lý chất thải rắn phát sinh từ sinh hoạt và sản xuất đảm bảo không để phát tán gây ô nhiễm môi trường khu vực xung quanh dự án; quản lý chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định.

2.3. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường; ứng phó rủi ro, sự cố phát sinh; chương trình giám sát môi trường và lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra.

2.4. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe của công nhân, người dân xung quanh khu vực dự án, phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi thực hiện dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý. Đồng thời, chủ dự án phải thực hiện đúng và đầy đủ các cam kết đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

4. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh;

Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Giám đốc Công ty TNHH New Mingda Việt Nam căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ TN&MT;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- LĐVP;
- Lưu: VT, PNN.40

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 9827229319

Chứng nhận lần đầu: Ngày 21 tháng 9 năm 2017

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 07 (hiệu đính): Ngày 24 tháng 01 năm 2024

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9827229319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu ngày 21/9/2017, điều chỉnh lần thứ 06 ngày 05/7/2019;

Căn cứ Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 12/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ bản đề nghị hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9827229319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu ngày 21/9/2017, điều chỉnh lần thứ 06 ngày 05/7/2019 do Công ty TNHH New Mingda Việt Nam nộp ngày 19/01/2024,

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH TRÀ VINH

Chứng nhận:

Dự án đầu tư: **NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC NEW MINGDA**; mã số dự án: 9827229319, do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 21/9/2017, điều chỉnh lần thứ 06 ngày 05/7/2019, được đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; và được đăng ký hiệu đính: Quy đổi giữa Việt Nam đồng (VND) với đô la Mỹ (USD) tại phần vốn góp và vốn vay của dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư: **CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM**, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100625866 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu ngày 21/9/2017, điều chỉnh lần thứ 02 ngày 01/02/2018.

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Họ và tên: Qiu Miao Fa Giới tính: Nam.

Chức danh: Chủ tịch Công ty.

Ngày sinh: 02/09/1952 Quốc tịch: Trung Quốc.

Hộ chiếu số: E50465492; Ngày cấp: 05/5/2015; Nơi cấp: ZheJiang, Trung Quốc.

Địa chỉ thường trú: 26F, số 9 ngõ 92, đường Yong Gang Bei, JiangDong, thành phố Ning Bo, tỉnh ZhengJiang, Trung Quốc.

Chỗ ở hiện tại: Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: **Nhà máy sản xuất hàng may mặc New Mingda.**

2. Mục tiêu dự án: Sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại (bao gồm cắt, in thêu, may, giặt ủi, kiểm tra, đóng gói).

3. Quy mô dự án: Sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại (bao gồm cắt, in thêu, may, giặt ủi, kiểm tra, đóng gói) với số lượng 9.900.000 sản phẩm/năm gồm 03 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Từ tháng 7/2018 - 3/2019: 3.300.000 sản phẩm/năm, diện tích xây dựng là 12.000 m^2.

- Giai đoạn 2: Từ tháng 4/2019 - 12/2019: 3.300.000 sản phẩm/năm, diện tích xây dựng là 12.000 m^2.

- Giai đoạn 3: Từ tháng 01/2020 - 9/2020: 3.300.000 sản phẩm/năm, diện tích xây dựng là 12.000 m^2.

- Lao động dự kiến sử dụng: Khoảng 3.050 người; trong đó, 3030 lao động là người Việt Nam và 20 lao động quản lý là người nước ngoài.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

5. Diện tích đất sử dụng: Khoảng 56.711,3 m^2.

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 225.700.000.000 đồng *(Hai trăm hai mươi lăm tỷ, bảy trăm triệu đồng)*, tương đương 9.910.000 USD. Trong đó:

- Vốn của Nhà đầu tư: 80.168.000.000 đồng *(tương đương 3.520.000 USD)*, chiếm 35,52%.

- Vốn huy động từ các tổ chức tín dụng: 145.532.000.000 đồng *(tương đương 6.390.000 USD)*, chiếm 64,48%.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm, kể từ ngày được cấp Quyết định chủ trương đầu tư lần đầu.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Từ tháng 9/2018 - 4/2019: Hoàn thành đầu tư hạng mục của giai đoạn 1 và bắt đầu sản xuất.

- Từ tháng 4/2019 - 5/2019: Hoàn thành đầu tư hạng mục của giai đoạn 2.

- Từ tháng 5/2019 - 7/2019: Hoàn thành giai đoạn 3 và đi vào sản xuất.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Ưu đãi về thuế xuất nhập khẩu:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

- Tạm ứng trước tiền bồi thường giải phóng mặt bằng để đảm bảo thời gian triển khai dự án theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này.

- Nộp Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi triển khai dự án.

- Thực hiện ký quỹ đầu tư theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Mức ký quỹ là 3% tổng mức đầu tư dự án. Nhà đầu tư đã tạm ứng tiền giải phóng mặt bằng, tái định cư được hoãn thực hiện nghĩa vụ ký quỹ tương ứng với số tiền giải phóng mặt bằng, tái định cư đã tạm ứng.

- Thực hiện đúng cam kết sử dụng lao động là người Việt Nam quy định tại khoản 3 Điều 1 Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này.

- Nhà đầu tư phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp phải chấp hành pháp luật Việt Nam, các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và điều lệ của doanh nghiệp.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đầu tư số 9827229319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 21/9/2017, điều chỉnh lần thứ 06 ngày 05/7/2019.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 *(hai)* bản gốc; Công ty TNHH New Mingda Việt Nam được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Lưu: VT, TTXT.Thảo.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TRÀ VINH

Nguyễn Hoàng Đệ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1375 /QĐ-UBND	*Trà Vinh, ngày 09 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Công ty TNHH New Mingda Việt Nam thuê 56.711,3m^2 đất, tọa lạc tại ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất hàng may mặc New Mingda

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 323/TTr-STNMT ngày 05/7/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty TNHH New Mingda Việt Nam, địa ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thuê diện tích 56.711,3m^2 đất (trong đó có 417m^2 đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình đường bộ), thuộc thửa đất số 179, tờ bản đồ số 15, loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, tọa lạc tại ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất hàng may mặc New Mingda.

Thời hạn sử dụng đất: Từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 20/9/2067.

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Trích lục bản đồ địa chính số 1626/TL-VPĐKĐĐ, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 11/5/2018.

Hình thức thuê đất: Trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Phối hợp với các đơn vị có liên quan thông báo cho Công ty TNHH New Mingda Việt Nam nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật.

2. Ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH New Mingda Việt Nam theo quy định.

3. Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành và đơn vị có liên quan xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa cho Công ty TNHH New Mingda Việt Nam.

4. Trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH New Mingda Việt Nam đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Châu Thành, Chủ tịch UBND xã Mỹ Chánh và Công ty TNHH New Mingda Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên trang thông tin điện tử của Văn phòng UBND tỉnh./.

Nơi nhận:
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 4;
- LĐVP; các Phòng: CNXD; KT;
- TT TH-CB;
- Lưu: VT, NN.09

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

Mẫu số 4

Số: 97 /HĐTĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 02 tháng 11 năm 2018

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc cho Công ty TNHH New Mingda Việt Nam thuê 56.711,3 m^2 đất, tọa lạc tại ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất may mặc New Mingda;

Căn cứ Quyết định số 824/QĐ-CT ngày 24/10/2018 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Trà Vinh về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty TNHH New Mingda Việt Nam;

Căn cứ Thông báo số 41/TB-CT ngày 26/10/2018 của Cục Thuế tỉnh Trà Vinh về việc nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Hôm nay, ngày 02 tháng 11 năm 2018 tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất là:

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh;

Địa chỉ: Số 478A, đường Mậu Thân, Khóm 3, Phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh;

Người đại diện: Ông Trần Văn Hùng;

Chức vụ: Giám đốc.

II. Bên thuê đất là:

Công ty TNHH New Mingda Việt Nam;

Địa chỉ: Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh;

Số điện thoại: 01264. 568.659;

Người đại diện: Ông QIU MIAO FA;

Chức vụ: Chủ tịch Công ty;

Tài khoản số: 0741000657273 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Trà Vinh;

III. Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất 56.711,3 m^2 đất (Năm mươi sáu ngàn, bảy trăm mười một phẩy ba mét vuông). Trong đó, có 417m^2 đất thuộc hành lang an toàn công trình đường bộ.

Tại ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

2. Vị trí, ranh giới khu đất thuê được xác định theo Tờ trích lục bản đồ địa chính số 1626/TL-VPĐKĐĐ, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 11 tháng 5 năm 2018.

3. Thời hạn thuê đất: Đến hết ngày 20/9/2067.

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Sử dụng vào mục đích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC) để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất hàng may mặc New Mingda.

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá đất tính tiền thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê là:

Vị trí 1: 679,5 m^2 x 295.500 đ/m^2 = 200.792.250 đồng;

Vị trí 2: 3.165,9 m^2 x 177.300 đ/m^2 = 561.314.070 đồng;

Vị trí 3: 5.074,8 m^2 x 118.200 đ/m^2 = 599.841.360 đồng;

Vị trí 4: 5.179,3 m^2 x 105.536 đ/m^2 = 546.602.605 đồng;

Vị trí 5: 42.194,8 m^2 x 105.536 đ/m^2 = 4.453.070.413 đồng;

HLATĐB: 417 m^2 x 295.500 đ/m^2 = 123.223.500 đồng.

Tổng số tiền thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê là: 6.484.844.198 đồng.

(Sáu tỷ, bốn trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi bốn ngàn, một trăm chín mươi tám đồng)

2. Các khoản được trừ vào tiền thuê đất như sau:

- Số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng ứng trước được trừ vào tiền thuê đất là 5.036.452.600 đồng (*Năm tỷ, không trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi hai ngàn, sáu trăm đồng*) theo Điểm 14.2 Mục A Phần I Thông báo số 41/TB-CT ngày 26/10/2018 của Cục Thuế tỉnh.

- Miễn tiền thuê đất cho Công ty TNHH New Mingda Việt Nam trong thời gian 11 năm (kể từ ngày 09/7/2018 đến hết ngày 08/7/2029). Lý do: Miễn theo Điểm c Khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP của Chính phủ, với số tiền thuê đất được miễn là 1.448.391.598 đồng *(Một tỷ, bốn trăm bốn mươi tám triệu, ba trăm chín mươi mốt ngàn, năm trăm chín mươi tám đồng)* theo Điểm 15 Mục A Phần I Thông báo số 41/TB-CT ngày 26/10/2018 của Cục Thuế tỉnh.

- Như vậy xem như Công ty TNHH New Mingda Việt Nam đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về tiền thuê đất theo Thông báo số 41/TB-CT ngày 26/10/2018 của Cục Thuế tỉnh.

3. Tiền thuê đất được tính từ ngày 09/7/2018 đến hết ngày 20/9/2067.

4. Phương thức nộp tiền thuê đất: Thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê.

5. Nơi nộp tiền thuê đất: Tại Kho Bạc Nhà nước tỉnh Trà Vinh.

6. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 06 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

4. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thoả thuận của các Bên (nếu có): Không.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận;

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;

4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Cam kết khác (nếu có): Không.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế, kho bạc nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này thay thế Hợp đồng thuê đất số 88/HĐTĐ ngày 02/10/2018 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Bên thuê đất	**Bên cho thuê đất**
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)*
CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
QIU MAOFA	Trần Văn Hùng

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 29.. tháng 01 năm 2019

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số:..05../GPXD

1. Cấp cho: **Công ty TNHH New Mingda Việt Nam**

- Người đại diện: **QIU MAOFA** Chức vụ: **Chủ tịch Công ty**

- Địa chỉ: 26F, số 9 ngõ 92, đường Yong Gang Bei, JiangDong, thành phố NingBo, tỉnh ZhengJiang, Trung Quốc.

2. Được phép xây dựng công trình thuộc dự án**: Nhà máy sản xuất hàng may mặc New Mingda**

- Tổng số công trình: 06 công trình.

- Công trình: Công trình công nghiệp nhẹ, cấp II;

- Theo thiết kế**: Bản vẽ thiết kế thi công đã được Chủ tịch Công ty TNHH New Mingda Việt Nam phê duyệt.**

- Do: **Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp Trà Vinh thiết kế.**

- Đơn vị thẩm tra: **Công ty Cổ phần xây dựng Nền Tảng Vàng, thành phố Hồ Chí Minh.**

- Đơn vị thẩm định: **Sở Xây dựng Trà Vinh (Công văn số 09/KQTĐ-SXD ngày 29/01/2019).**

2.1. Công trình: Xưởng chính 1

+ Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): **13.068 m^2;**

+ Tổng diện tích sàn: **13.068 m^2;**

+ Chiều cao công trình: **8,37m**;

+ Số tầng: **01 tầng**;

+ Cốt nền xây dựng công trình: **Cốt ±0,000 cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,2m.**

2.2. Công trình: Xưởng chính 2

+ Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): **13.068 m^2;**

+ Tổng diện tích sàn: **13.068 m^2;**

+ Chiều cao công trình: **8,37m**;

+ Số tầng: **01 tầng**;

+ Cốt nền xây dựng công trình: **Cốt ±0,000 cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,2m.**

2.3. Công trình: Xưởng phụ 1

+ Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): **3.610m^2;**

+ Tổng diện tích sàn: **3.610m^2;**

+ Chiều cao công trình: **6,20m;**

+ Số tầng: **01 tầng;**

+ Cốt nền xây dựng công trình: **Cốt ±0,000 cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,2m.**

2.4. Công trình: Xưởng phụ 2

+ Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): **2. 288m^2;**

+ Tổng diện tích sàn: **2.288m^2;**

+ Chiều cao công trình: **4,64;**

+ Số tầng: **01 tầng;**

+ Cốt nền xây dựng công trình: **Cốt ±0,000 cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,2m.**

2.5. Công trình: Ký túc xá

+ Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): **453m^2;**

+ Tổng diện tích sàn: **453m^2;**

+ Chiều cao công trình: **4,80;**

+ Số tầng: **01 tầng;**

+ Cốt nền xây dựng công trình: **Cốt ±0,000 cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,2m.**

2.6. Các hạng mục phụ trợ:

- Bể xử lý nước thải: diện tích xây dựng 800m^2.

- Hồ nước PCCC: diện tích xây dựng 200m^2.

- Nhà bảo vệ: diện tích xây dựng 26m^2.

- Sân đường nội bộ: diện tích sân đường khoảng 11.519m^2; diện tích vỉa hè khoảng 2.037m^2.

- Hệ thống thoát nước; Hệ thống cấp nước sinh hoạt + chữa cháy; Cây xanh.

2.7. Mật độ xây dựng (toàn khu): 59,53%; hệ số sử dụng đất: 0,6

2.8. Vị trí xây dựng: **Ấp Thanh Nguyên, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.**

+ Thửa đất số: **179** + Tờ bản đồ số: **15**

+ Tổng diện tích: **56.711,3m^2 (Ghi chú: Trong thửa đất có 417m^2 đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình Quốc lộ 54).**

2.9. Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: **Các công trình thuộc dự án định vị thi công phải đảm bảo cách tim đường Quốc lộ 54 tối thiểu là 23,3m và nằm trong ranh giới thửa đất của dự án.**

2.10. Màu sắc công trình: **Đề nghị chủ đầu tư sử dụng màu sắc phù hợp và đảm bảo mỹ quan của công trình.**

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: **Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 094976 do UBND tỉnh Trà Vinh cấp ngày 07/11/2018.**

4. Ghi nhận công trình đã khởi công: Các công trình số 1, 2, 3, 4 và 5 đã được chủ đầu tư khởi công xây dựng (trong đó: công trình số 1 và 5 đang thi công hoàn thiện; các công trình số 2, 3 và 4 đang thi công phần khung).

5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:
- Như: Điều 1;
- Lưu: P.QLXD.

GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG

Lê Minh Tân

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng (kiến trúc mặt ngoài, vị trí, diện tích xây dựng, quy mô, chiều cao, số tầng hoặc điều chỉnh thiết kế làm thay đổi công năng sử dụng làm ảnh hưởng đến an toàn, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường,...) thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Trà Vinh, ngày..... tháng ..... năm 20.....

GIÁM ĐỐC

CÔNG AN TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG CS-PCCC VÀ CNCH

Số: 211 /TD-PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Mẫu số PC03
Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BCA, ngày 16/12/2014

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số .....ngày14 /.11 /2019 ....của: Công ty TNHH New Mingda Việt Nam

Người đại diện là Ông/Bà:.....QIU MIAODE..... Chức danh: Giám đốc

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CHỨNG NHẬN:

Công trình: Nhà máy sản xuất hàng may mặc New Mingda.
Hạng mục: Mở rộng nhà xưởng thêu, hệ thống PCCC

Địa điểm xây dựng: Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH New Mingda Việt Nam

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Cty CP TVTKXDTM&DV 4MHOME; Cty TNHH TM Hải An Phát

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, giới hạn bậc chịu lửa; khoảng cách an toàn PCCC; thoát nạn;
- Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà;
- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler; đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
- Phương tiện bình chữa cháy xách tay; hệ thống chống sét.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Trà Vinh ...,ngày 19 tháng 11 năm 2019

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trung tá Nguyễn Minh Chiểu

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư (thực hiện);
- C07 (BC);
-Lưu:PC07...

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
	Kiến trúc, kết cấu		
01	Mặt bằng tổng thể cải tạo	MBTT: 02	
02	Mặt bằng định vị cọc, mặt bàng bố trí móng	KC: 06	
03	Mặt bằng bố trí đà giằng móng, chi tiết đà giằng	KC: 09	
04	Mặt bằng, mặt cắt, các chi tiết	KC: 10	
05	Mặt bằng cột thép	KC: 11	
06	Mặt bằng mái	KC: 12	
07	Mặt đứng trục	KC: 12a	
08	Mặt đứng trục	KC: 14, 15	
09	Mặt bằng kết cấu mái	KC: 16	
10	Hệ giằng cột thép	KC: 17	
11	Khung kèo K1, K2	KC: 18	
12	Các chi tiết liên kết	KC: 19, 20	
*	**Hệ thống PCCC**		
13	MB tổng thể	KT: 01	
14	Mặt bằng báo cháy	BC: 01	
15	Sơ đồ hệ thống báo cháy	BC: 02	
16	Mặt bằng chữa cháy	CC: 01	
17	Sơ đồ hệ thống chữa cháy	CC: 02	
18	Chi tiết lắp đặt hệ thống chữa cháy	CC: 03	
19	Mặt bằng chống sét	CS:01	
20	Chi tiết lắp đặt hệ thống chống sét mái	CS:02	

CÔNG AN TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG CS-PCCC VÀ CNCH

Số: 130 /TD-PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Mẫu số PC03
Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BCA, ngày 16/12/2014

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số .....ngày 22 / 7 /2019 .....của: Công ty TNHH New Mingda Việt Nam

Người đại diện là Ông/Bà: QIU MIAOFA Chức danh: Chủ tịch công ty

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CHỨNG NHẬN:

Công trình: Nhà máy sản xuất hàng may mặc New Mingda

Hạng mục: Nhà kho, nhà ăn, hệ thống PCCC

Địa điểm xây dựng: Ấp Thạnh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH New Mingda Việt Nam

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH TM Hải An Phát

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, giới hạn bậc chịu lửa; khoảng cách an toàn PCCC; thoát nạn;
- Hệ thống chữa cháy trong nhà, hệ thống chữa cháy Sprinkler;
- Hệ thống báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, thoát nạn;
- Phương tiện chữa cháy.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Trà Vinh, ngày 24 tháng 7 năm 2019

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư (thực hiện);
- C07(BC)...;
-Lưu:PC07...

Trung tá Nguyễn Minh Chiểu

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
01	Mặt bằng tổng thể	KT 01	
	Nhà Kho		
02	Mặt bằng, mặt bằng mái	KT 02	
03	Các mặt đứng, mặt cắt, chi tiết cấu tạo	KT 03	
04	Mặt bằng móng, mặt cắt móng - cọc	KT 04	
	Nhà ăn		
05	Mặt bằng, mặt bằng mái, mặt đứng trục, mặt cắt, chi tiết cấu tạo, chi tiết cửa	KT 06, 07	
06	Mặt bằng móng	KT 08	
07	Mặt bằng chữa cháy tổng thể	CC 01	
08	Mặt bằng chữa cháy nhà kho, nhà ăn	CC 02,03	
09	Sơ đồ hệ thống chữa cháy	CC 04	
10	Mặt bằng báo cháy nhà kho, nhà ăn	BC 01,02	
11	Sơ đồ hệ thống báo cháy	BC 03	

CÔNG AN TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG CS-PCCC VÀ CNCH

Số: 38 /TD-PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Mẫu số PC03
Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BCA, ngày 16/12/2014

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số .....ngày 26 / 12 / 2019 .....của: Công ty TNHH New Mingda Việt Nam

Người đại diện là Ông/Bà: QIU MIAODE Chức danh: Giám đốc

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CHỨNG NHẬN:

Công trình: Nhà máy sản xuất hàng may mặc New Mingda. Hạng mục: Cải tạo, mở rộng nhà kho; mở rộng ký túc xá; mở rộng phòng vật, tư y tế; mở rộng nhà xe; mở rộng nhà nồi hơi; hệ thống PCCC

Địa điểm xây dựng: Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH New Mingda Việt Nam

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Cty TNHH TM và DV Kim Quang Phát; Cty TNHH TM Hải An Phát

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, giới hạn bậc chịu lửa; khoảng cách an toàn PCCC; thoát nạn;
- Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà;
- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler; đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
- Phương tiện bình chữa cháy xách tay.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Trà Vinh, ngày 26 tháng 12 năm 2019

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trung tá Nguyễn Minh Chiểu

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư (thực hiện);
- C07 (BC);
- Lưu: PC07.

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
01	Mặt bằng tổng thể	KT- 01	
02	Mặt bằng, mặt bằng mái, mặt cắt nhà xe 1	KT- 02	
03	Mặt bằng, mặt bằng mái, mặt cắt nhà xe 2	KT- 03	
04	Mặt bằng, mặt bằng mái, mặt đứng, chi tiết cửa ký túc xá 2	KT- 04	
05	Mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt phòng vật tư, y tế	KT- 05	
06	Mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt nhà kho mở rộng	KT- 06	
07	Mặt bằng mái, chi tiết cửa nhà kho mở rộng	KT- 07	
08	Mặt bằng, mặt bằng mái, mặt cắt, mặt đứng nhà nồi hơi	KT- 08	
09	Mặt bằng, mặt bằng mái nhà kho cải tạo	KT: 09	
10	Mặt cắt, mặt đứng, chi tiết cửa nhà kho cải tạo	KT: 10	
11	Mặt bằng chữa cháy nhà xe 1, nhà xe 2	CC: 01	
12	Mặt bằng báo cháy phòng vật tư, y tế	BC: 01	
13	Mặt bằng chữa cháy phòng vật tư, y tế	CC: 01	
14	Mặt bằng báo cháy nhà kho mở rộng	BC: 01	
15	Mặt bằng chữa cháy nhà kho mở rộng	CC: 01	
16	Sơ đồ không gian, chi tiết lắp đặt chữa cháy nhà kho mở rộng	CC: 02	
17	Mặt bằng chữa cháy nhà nồi hơi	CC:01	
18	Mặt bằng báo cháy ký túc xá	BC: 01	
19	Mặt bằng chữa cháy ký túc xá	CC: 01	
20	Sơ đồ không gian, chi tiết lắp đặt chữa cháy ký túc xá	CC: 02	
21	Mặt bằng báo cháy nhà kho cải tạo	BC: 01	
22	Sơ đồ nguyên lý hệ thống báo cháy	BC: 02	

CÔNG AN TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG CS-PCCC VÀ CNCH
Số: 29 /TD-PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Mẫu số PC03
Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BCA, ngày 16/12/2014

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số .....ngày 25 /12 /2018....của: ...Công ty TNHH New Mingda Việt Nam.....

Người đại diện là Ông/Bà:.....QIU MIAOFA..... Chức danh:....Chủ tịch công ty

.....**PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH**.....

CHỨNG NHẬN:

.....**Công trình: Nhà máy sản xuất hàng may mặc New Mingda**.....

Địa điểm xây dựng: ..Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: ....Công ty TNHH New Mingda Việt Nam.....

Đơn vị lập dự án/thiết kế: ..Cty CP tư vấn XDTH Trà Vinh; Cty TNHH MTV HT PCCC Bảo An

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, giới hạn bậc chịu lửa; khoảng cách an toàn PCCC; ngăn cháy; thoát nạn;.....
- Hệ thống báo cháy tự động; đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;.....
- Hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà; hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler;.....
- Hệ thống thông gió; phương tiện chữa cháy xách tay;.....
- Hệ thống chống sét.....
- .....
- .....

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Trà Vinh ... ...,ngày 09 tháng 01 năm 2019

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trung tá Nguyễn Minh Chiếu

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư (thực hiện);
- C07 (BC);
- Lưu: PC07.

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
01	Mặt bằng tổng thể	TKKT 01/01	
	Xưởng chính 1		
02	MB xưởng chính, mặt đứng, chi tiết cửa	TKKT 01/04	
03	MB mái, mặt bằng vị trí làm việc	TKKT 02/04	
04	Mặt đứng, mặt cắt	TKKT 03→04/04	
05	MB móng, dầm, các mặt cắt, khung kèo thép, các chi tiết	TKKC 01→02/02	
	Xưởng chính 2		
06	MB, mặt đứng	TKKT 01/03	
07	MB mái, xà gồ, kèo, mặt cắt, chi tiết cửa, mặt đứng	TKKT 02→03/03	
08	MB móng, dầm, các mặt cắt	TKKC 01/02	
09	Khung kèo thép, các chi tiết	TKKC 02/02	
	Xưởng phụ 1		
10	MB nhà xưởng, mặt bằng mái, xà gồ, vì kèo	TKKT 01/02	
11	Các mặt đứng, mặt cắt	TKKT 02/02	
12	MB móng, mặt cắt móng, cột, MB dầm mái	TKKC 01→02/02	
	Xưởng phụ 2		
13	MB nhà xưởng, mặt bằng mái, mặt đứng	TKKT 01/02	
14	Mặt đứng, mặt cắt, chi tiết cửa	TKKT 02/02	
15	MB móng, các mặt cắt, khung kèo thép, các chi tiết	TKKC 01→02/02	
	Kí túc xá		
16	MB, mặt đứng, mặt cắt, chi tiết cấu tạo, chi tiết cửa	TKKT 01/01	
17	MB móng, đà kiềng	TKKC 02/02	
	Hệ thống phòng cháy chữa cháy		
18	MB tổng thể hệ thống chữa cháy	PC 01/10-CC	
19	MB tổng thể hệ thống chữa cháy Sprinkler	PC 02/10-CC	
20	Sơ đồ không gian hệ thống cấp nước chữa cháy Sprinkler	PC 03/10-CC	
21	Sơ đồ không gian hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường	PC 04/10-CC	
22	Chi tiết lắp đặt	PC 05/10-CC	
23	MB hệ thống báo cháy nhà xưởng	PC 06/10-BC	
24	Sơ đồ nguyên lý hệ thống báo cháy tự động, chi tiết lắp đặt	PC 07/10-BC	
25	MB bố trí đèn chiếu sáng sự cố, thoát hiểm	PC 08/10-CSTH	
26	Mặt bằng tổng thể chống sét nhà xưởng	PC 09/10-CS	
27	Chi tiết thiết bị chống sét	PC 10/10-CS	
28	MB tổng thể thông gió, hút bụi, làm mát	PC 01/04 -VEN	
29	Hệ thống quạt thông gió, hút bụi, làm mát, mặt bằng, mặt đứng, chi tiết thông gió	PC 02→04/04 -VEN	

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 30 tháng 9 năm 2019

SỔ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH: **84.000138.T**

(Cấp lần: 1)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

Tên: CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

Địa chỉ văn phòng: ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: 09777.25103

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2100625866 đăng ký lần 2 ngày 29/8/2019, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải chất thải nguy hại (CTNH) đã đăng ký các cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách chất thải nguy hại tại Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Chịu trách nhiệm và đảm bảo tính chính xác của việc kê khai các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của đơn vị (cơ sở).

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH New Mingda Việt Nam;
- Lưu: VT, MT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH TRÀ VINH

Đặng Văn Điền

PHỤ LỤC

*(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số **QLCTNH: 84.000138.T***
do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh
cấp lần 1, ngày 30 tháng 9 năm 2019)

1. Cơ sở phát sinh CTNH

Tên: : CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

Địa chỉ văn phòng: ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: 09777.25103

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên (ước tính)

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	12	16 01 06
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	120	18 02 01
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	270	18 01 03
4	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (composit…)	Rắn	210	18 01 04
5	Các loại dầu mỡ thải	Rắn	120	16 01 08
6	Que hàn thải	Rắn	24	07 04 01
Tổng số lượng			**756**	

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 48 /UBND-NN V/v thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt của dự án "Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm"	*Trà Vinh, ngày 06 tháng 01 năm 2020*

Kính gửi: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 731/TTr-STNMT ngày 30/12/2019 về việc xin thay đổi và bổ sung một số nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt của Công ty TNHH New Mingda Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Về nguyên tắc, thống nhất việc Công ty TNHH New Mingda Việt Nam thay đổi, bổ sung một số nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm" đã được phê duyệt tại Quyết định số 2353/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh như đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 731/TTr-STNMT ngày 30/12/2019.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc Công ty TNHH New Mingda Việt Nam thay đổi, bổ sung một số nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm" đúng theo quy định.

Trình tự, thủ tục thực hiện đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Cty TNHH New Mingda Việt Nam;
- LĐVP;
- Lưu: VT, PNN. 03

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Trần Anh Dũng

E:\PHUONG20\CVUB\03STNMTthaydoiDTMCtyNewMingda.doc

SAO Y
Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh
Thời gian ký: 09/09/2020 16:33:36 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3605/UBND-NN V/v thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt của dự án "Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm"	*Trà Vinh, ngày 09 tháng 9 năm 2020*

Kính gửi: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 466/TTr-STNMT ngày 04/9/2020 về việc chấp thuận cho Công ty TNHH New Mingda Việt Nam tạm xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 350 m^3/ngày đêm và hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 190 m^3/ngày đêm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường theo chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra Công ty TNHH New Mingda Việt Nam thực hiện việc thay đổi một số nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm" đúng theo quy định./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Cty TNHH New Mingda Việt Nam;
- LĐVP;
- Lưu: VT, PNN. 03 bản

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

C:\Users\htphuong\Downloads\131STNMTCtyNewMingdatamxay dungHTXLNTtaptrung doc

UBND TỈNH TRÀ VINH **SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 466 /TTr-STNMT	*Trà Vinh, ngày 04 tháng 9 năm 2020*

(K 10/9/2020)

TỜ TRÌNH

Về việc chấp thuận cho Công ty TNHH New Mingda Việt Nam tạm xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 350 m^3/ngày đêm và hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 190 m^3/ngày đêm

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh

Căn cứ Quyết định số 2353/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án "Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm" do Công ty TNHH New Mingda Việt Nam làm chủ đầu tư;

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án "Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm" do Công ty TNHH New Mingda Việt Nam (gọi tắt là Công ty) làm chủ đầu tư. Ngày 02/7/2020 Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức Đoàn kiểm tra các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành để vận hành thử nghiệm. Qua kiểm tra cho thấy Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải sản xuất sơ bộ công suất 190 m^3/ngày đêm (theo ĐTM được phê duyệt là 330 m^3/ngày.đêm) và hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 350 m^3/ngày đêm (theo ĐTM được phê duyệt là 600 m^3/ngày đêm). Theo đó, Sở đã có Công văn số 1669/STNMT-CCBVMT ngày 14/7/2020 yêu cầu Công ty báo cáo giải trình việc xây dựng các hệ thống xử lý nước thải có công suất thấp hơn so với ĐTM được phê duyệt.

Ngày 26/8/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được văn bản số 0520-NEW/MTTV ngày 24/8/2020 của Công ty về việc giải trình một số nội dung biên bản kiểm tra các công trình xử lý chất thải và Công văn số 0219-NEW/MTTV ngày 24/8/2020 về việc thông báo Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án. Sau khi xem xét hồ sơ và kết quả kiểm tra thực tế tại Công ty cho thấy Công ty xin tạm thời xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 350 m^3/ngày đêm (trong đó tiếp nhận nước thải từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 190 m^3/ngày đêm); đồng thời Công ty cũng đã đưa nước thải sinh hoạt, nước thải nhà ăn, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải vào hệ thống xử lý nước thải sản xuất sơ bộ để tăng cường xử lý trước khi đưa vào bể sinh học thiếu khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 350 m^3/ngày đêm để tiếp tục xử lý theo đúng quy trình phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; Công ty cam kết khi tổng lưu lượng nước thải đạt 90% công suất của hệ thống xử lý (khoảng 315 m^3/ngày

đêm), Công ty sẽ đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 600 m^3/ngày đêm đúng theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

TT	Nội dung thay đổi	Theo báo cáo ĐTM được phê duyệt tại Quyết định số 2353/QĐ-UBND	Theo Công văn số 0520-NEW/MTTV ngày 24/8/2020 của Công ty
1	Công suất hệ thống xử lý nước thải tập trung	Công suất: 600 m^3/ngày đêm	Công suất: 350 m^3/ngày đêm. - Công ty cam kết khi lượng nước thải đạt 90% công suất của hệ thống hiện tại Công ty sẽ đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đủ công suất 600 m3/ngày đêm theo báo cáo ĐTM được phê duyệt.
2	Công suất hệ thống xử lý nước thải sản xuất sơ bộ	Công suất: 330 m^3/ngày đêm	- Công suất: 190 m^3/ngày đêm.
3	Quy trình xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung	(Nước thải từ nhà ăn; Nước thải nhà vệ sinh; Nước thải in giặt đã xử lý sơ bộ bằng **Hệ thống xử lý nước thải sản xuất sơ bộ;** nước thải từ hệ thống xử lý khí thải) → Hố thu nước thải → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học MBBR (sinh học có giá thể lơ lửng) → Bể lắng bùn sinh học → Bể khử trùng →Xả thải ra môi trường (nguồn tiếp nhận đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B).	(Nước thải từ nhà ăn; Nước thải nhà vệ sinh; Nước thải in giặt; Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải) → Hố thu nước thải → Bể điều hòa → **Hệ thống xử lý nước thải sản xuất sơ bộ** → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học MBBR (sinh học có giá thể lơ lửng) → Bể lắng bùn sinh học → Bể khử trùng →Xả thải ra môi trường (nguồn tiếp nhận đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B).

Theo báo cáo của Công ty, việc thay đổi nêu trên nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư nhưng vẫn đảm bảo được công suất xử lý nước thải, hiệu quả xử lý nước thải và phù hợp với tình hình thực tế phát sinh nước thải của Công ty trong quá trình sản xuất, kinh doanh hiện tại. Ngoài ra với những thay đổi như trên, Công ty cam kết chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp theo quy định.

Xét thấy việc Công ty tạm xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 350 m^3/ngày đêm như trên là phù hợp với tình hình sản xuất thực tế hiện tại và điều kiện của Công ty và Công ty đưa nước thải sinh hoạt, nước thải nhà ăn, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải vào hệ thống xử lý nước thải sản xuất sơ bộ để tăng công đoạn xử lý nhằm nâng cao hiệu quả xử lý là tốt cho môi trường. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong hoạt động và lập Kế

hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình UBND tỉnh xem xét, chấp thuận cho Công ty được tạm xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 350 m^3/ngày đêm, hệ thống xử lý nước thải sản xuất sơ bộ công suất 190 m^3/ngày đêm và thay đổi quy trình hệ thống xử lý nước thải tập trung để tăng cường hiệu quả xử lý nước thải nêu trên.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND huyện Châu Thành;
- BLĐ Sở;
- Phòng TNMT huyện Châu Thành;
- Công ty TNHH New Mingda VN;
- Lưu: VT, TTra, MT.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH TRÀ VINH

Trần Văn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 26 /GP-UBND	*Trà Vinh, ngày 24 tháng 7 năm 2020*

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
(Trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Thủy lợi;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của Công ty TNHH New Mingda Việt Nam ngày 15 tháng 7 năm 2020 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 404/TTr-SNN ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước cho Công ty TNHH New Mingda Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH New Mingda Việt Nam, địa chỉ: Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Xả nước thải vào công trình thủy lợi (nguồn nước tiếp nhận nước thải): Kênh cấp 3 Triền Giồng sau đó chảy ra kênh TN 12.

2. Vị trí nơi xả nước thải: Tại ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Tọa độ vị trí xả thải tại điểm cuối cùng (VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^0): X(m) = 1089780, Y(m) = 592569.

3. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý tự chảy theo hệ thống thoát nước của Công ty và chảy ra kênh cấp 3 Triền Giồng sau đó chảy ra kênh TN 12, loại hình xả mặt, ven bờ.

4. Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày đêm.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 350 m^3/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải: Áp dụng theo QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, K_f=1,1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được ban hành kèm theo Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, K_f=1,1)
1	Nhiệt độ	°C	40

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, K_f=1,1)
2	pH	-	5,5 - 9
3	Độ màu	Pt/Co	150
4	BOD_5 (20°C)	mgO_2/l	50
5	COD	mgO_2/l	150
6	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
7	Asen	mg/l	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,01
9	Chì	mg/l	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,1
11	Mangan	mg/l	1
12	Sắt	mg/l	5
13	Sunfua	mg/l	0,5
14	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
15	Tổng N	mg/l	40
16	Tổng P	mg/l	6
17	Dầu mỡ khoáng	mg/l	10
18	Clo	mg/l	2
19	Coliform	MPN/100ml	5.000

7. Thời hạn của giấy phép là: 05 (năm) năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH New Mingda Việt Nam:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện việc quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận bao gồm: Vị trí, lưu lượng nước thải, thông số quan trắc chất lượng nước thải và chất lượng nước nguồn tiếp nhận; tần suất quan trắc.

3. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thu gom, xử lý nước thải, nước xả thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Việc xả thải phải bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, bảo vệ chất lượng nguồn nước tiếp nhận; bảo đảm lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Trường hợp nguồn nước tiếp nhận xảy ra các hiện tượng bất thường, ô nhiễm nguồn nước thì Công ty TNHH New Mingda Việt Nam phải dừng ngay việc xả nước thải.

6. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 32 của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.

Điều 3. Công ty TNHH New Mingda Việt Nam được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Điều 31 của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất 45 (bốn mươi lăm) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH New Mingda Việt Nam còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:
- Tổng cục Thủy lợi;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, NN&PTNT, KH&CN;
- Cục Thuế Trà Vinh;
- Cty TNHH New Mingda VN;
- LĐVP;
- Lưu: VT, NN.04

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

E:\PHUONG20\Quyetdinh\XNTVNN\03ctyNewMingdaVNxaMyChanh,huyenChauThanh.doc . 9030 .

UBND TỈNH TRÀ VINH **SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10 /GXN-STNMT	*Trà Vinh, ngày 31 tháng 12 năm 2021*

GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án "Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm"

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN:

I. Thông tin chung về dự án:

Tên chủ dự án: Công ty TNHH New Mingda Việt Nam.

Địa chỉ văn phòng: Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Địa điểm hoạt động của dự án: Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 0374.712617.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100625866 ngày 25/9/2020 (thay đổi lần thứ 3) do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp.

Quyết định số 2353/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự "Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm".

Công văn số 48/UBND-NN ngày 06/01/2020 và Công văn số 3605/UBND-NN ngày 09/9/2020 của UBND tỉnh về việc thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt của dự án "Nhà máy sản xuất các sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm".

II. Nội dung xác nhận:

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc quần áo các loại, công suất 12.000.000 sản phẩm/năm" ***(chi tiết tại Phụ lục kèm theo).***

III. Trách nhiệm của Chủ Dự án:

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường đã

nêu tại Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chương trình quan trắc môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ và đột xuất theo quy định của pháp luật.

IV. Tổ chức thực hiện:

Chủ dự án đã hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Giấy xác nhận này là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH New Mingda Việt Nam;
- UBND tỉnh (b/c);
- UBND huyện Châu Thành;
- GĐS (b/c);
- Phòng TNMT huyện Châu Thành;
- Lưu: VT, MT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH TRÀ VINH

Nguyễn Quốc Tuấn

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số: ...10..../GXN-STNMT ngày 31. tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh)

1. Công trình thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

Đã xây dựng hệ thống thu gom nước mưa, nước thải riêng biệt, cụ thể:

* *Nước mưa:* đã xây dựng hệ thống cống thu gom nước mưa từ các mái nhà và mặt đường nội bộ của Công ty bao gồm đường dẫn bằng đường ống bê tông cốt thép với tổng chiều dài 1.125 m, đường kính 400mm với 135 hố ga toàn khu vực nhà máy, dẫn về 01 hố ga thoát nước mưa và tự chảy ra kênh Triền Giồng.

* *Nước thải:* đã xây dựng mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh như sau:

+ Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn và đấu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy.

+ Nước thải từ quá trình rửa nhà xưởng, xả đáy lò hơi và nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy.

+ Nước thải sản xuất từ quá trình in, giặt sẽ được thu gom và đưa về hệ thống xử lý nước thải sản xuất sơ bộ trước khi đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy.

Đã xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất sơ bộ như sau:

- Công suất: 190 m^3/ngày đêm.

- Chế độ vận hành: liên tục 24/24 giờ.

- Quy trình xử lý: Nước thải in vải sau khi tách mực sơ bộ, Nước giặt → Khuấy trộn và điều chỉnh pH → Thiết bị PU keo tụ → Thiết bị PU tạo bông → Bể lắng → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Đã xây dựng 01 Hệ thống xử lý nước thải tập trung như sau:

- Công suất: 350m^3/ngày đêm.

- Chế độ vận hành: liên tục 24/24 giờ.

- Quy trình xử lý: Nước thải → Hố thu nước thải → Bể điều hòa → Hệ thống xử lý nước thải sản xuất sơ bộ → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học MBBR (sinh học có giá thể lơ lửng) → Bể lắng bùn sinh học → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Hóa chất sử dụng: dung dịch Clorine.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường áp dụng đối với hệ thống: QCVN 40:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B, K_q= 0,9, K_f =1,1.

2. Công trình xử lý bụi, khí thải:

Đã xây dựng hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ Lò hơi, cụ thể:

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Quy mô, công suất xử lý khí thải: 6.500 m^3 khí thải/ giờ.

- Quy trình xử lý: Khí thải từ lò hơi → Cyclon thu bụi khô → Tháp hấp thụ (xử lý SO_2 + bụi) → Tách ẩm → Quạt ly tâm cao áp → Ống khói (cao 15 mét)→ Môi trường.

- Chế độ vận hành: hoạt động song song với lò hơi.

- Hóa chất sử dụng: dung dịch $Ca(OH)_2$.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường áp dụng đối với lò đốt: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, K_p=1, K_v=1,2.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

* *Chất thải rắn sinh hoạt:* Đã bố trí 05 thùng chứa rác thải bằng nhựa (loại 240 lít) để thu gom và tập kết tại khu vực lưu giữ rác thải sinh hoạt; hợp đồng với Hợp tác xã xây dựng – môi trường Trà Vinh để xử lý, tần suất 02 lần/tuần.

* *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:* Đã xây dựng kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 240 m^2 để tập kết, lưu giữ; hợp đồng với Công ty TNHH cơ điện Hàm Rồng để thu gom, vận chuyển, xử lý.

4. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Đã xây dựng kho chứa chất thải nguy hại diện tích 12 m^2; đã đăng ký sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại có Mã số QLCTNH: 84.0001358T (cấp lần 1) ngày 30/9/2019 và hợp đồng với Công ty cổ phần công nghệ môi trường Trái Đất Xanh để thu gom, vận chuyển, xử lý.

5. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

Đã lắp đặt trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy và được Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ - Công an tỉnh Trà Vinh cấp các Giấy thẩm duyệt số 130/TD-PCCC ngày 24/7/2019; Giấy thẩm duyệt số 211/TD-PCCC ngày 19/11/2019 và Giấy thẩm duyệt số 38/TD-PCCC ngày 26/12/2019.

6. Chương trình quan trắc môi trường:

6.1. Giám sát nước thải:

- Vị trí quan trắc: 01 vị trí, nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty.

- Thông số: Nhiệt độ, màu, pH, SS, BOD_5, COD, Amoni, tổng Nitơ, tổng Photpho, Sắt, Chì, Thủy ngân, dầu mỡ khoáng, tổng Coliform.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, K_q=0,9, K_f =1,1 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

6.2. Giám sát môi trường không khí:

- Vị trí và thông số giám sát: 02 vị trí, cụ thể:

+ Vị trí 1: Khu vực in: Bụi, VOC.

+ Vị trí 2: Khu vực thêu: Bụi, VOC.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: Quyết định số 3733/QĐ-BYT

6.3. Giám sát khí thải lò hơi

- Vị trí giám sát: 01 vị trí, tại ống thoát khí thải lò hơi.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, Nhiệt độ, Bụi, CO, SO_2, NO_x.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K_p =1, K_v =1,2 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

6.4. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt:

- Vị trí giám sát: khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt

- Thông số quan trắc: Khối lượng.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

6.5. Giám sát chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: khu vực tập kết chất thải rắn công nghiệp thông thường và khu vực tập kết chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: khối lượng, thành phần.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

7. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác:

- Vận hành thường xuyên đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy xác nhận này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đề nghị phân tích bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, tro xỉ thải lò hơi để xác định ngưỡng nguy hại, trường hợp xác định bùn thải và tro xỉ là chất thải nguy hại thì chủ dự án phải thực hiện quản lý theo quy định. Đồng thời phải phân loại, lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại riêng biệt theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

- Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, các yêu cầu bắt buộc về bảo vệ môi trường tại Quyết định số 2353/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh và các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, chủ dự án phải khắc phục ngay sự cố và có báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời kiểm tra, giám sát việc khắc phục hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH
ĐÀO TẠO KỸ THUẬT AN TOÀN VIỆT NAM
Số đăng ký chứng nhận : CNATXD-22.0001*183/GCN-KĐ
Địa chỉ: Số 65, Ngõ 168/80 Phan Trọng Tuệ, Huỳnh Cung, Tam Hiệp, Thanh Trì, TP. Hà Nội
VPGD: Số 69, Ngõ 89/19 đường Bằng Liệt, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội * 024 2206 0973

I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG:

CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

Địa chỉ: Ấp Thanh Nguyên A, X. Mỹ Chánh, H. Châu Thành, T. Trà Vinh

II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH:

- Tên đối tượng kiểm định: **NỒI HƠI**
  + Loại và mã hiệu: **DZH2-1.25-T** + Số chế tạo: **191057**
  + Nhà chế tạo: **Henan Yuanda -Trung Quốc** + Năm chế tạo: **2019**
- Đặc tính kỹ thuật:
  + Áp suất thiết kế: **11,0 bar** + Công suất: **2,0 tấn/h**
  + Áp suất làm việc: **8,0 bar**
  + Công dụng của nồi: **Cấp hơi nước bão hòa**

Địa điểm lắp đặt: ***Ấp Thanh Nguyên A, X. Mỹ Chánh, H. Châu Thành, T. Trà Vinh.***

Đã được kiểm định **định kỳ** đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số:...393../TBAL-ITS, ngày 09 tháng 6 năm 2023(*)

Tem kiểm định số: **003562**

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến: **09 /6/2024**

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2023

KT.GIÁM ĐỐC

Hình ảnh QRCode

M.S.D.N:0109879607-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐÀO TẠO KỸ THUẬT AN TOÀN VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC

Mai Thị Oanh

(*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

No (Số seri): .....003744.....

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH
ĐÀO TẠO KỸ THUẬT AN TOÀN VIỆT NAM
Địa chỉ: Số 65, Ngõ 168/80 Phan Trọng Tuệ, Thôn Huỳnh Cung, Xã Tam Hiệp, H. Thanh Trì, TP.Hà Nội
VPGD: Số 69, Ngõ 89/19 đường Bằng Liệt, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội * 024 2206 0973
VP Cần Thơ: 303E/12 KDC Hàng Bàng, KV5, P. An Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh,ngày 09 tháng 06 năm 2023

BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN NỒI HƠI, NỒI ĐUN NƯỚC NÓNG

SỐ: . . 393 . /TBAL-ITS

Chúng tôi gồm:

1. KS: **Nguyễn Văn Ba** - Số hiệu kiểm định viên: **637/KĐV-BLĐTBXH**
2. KS: **Nguyễn Văn Long** - Số hiệu kiểm định viên: **989/KĐV-BLĐTBXH**

Thuộc: **CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH ĐÀO TẠO KỸ THUẬT AN TOÀN VIỆT NAM**

Số chứng nhận của tổ chức kiểm định: **183/GCN-KĐ**

Đã tiến hành kiểm định: NỒI HƠI

- Đơn vị sử dụng: CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM
- Địa chỉ: Ấp Thanh Nguyên A, X. Mỹ Chánh, H. Châu Thành, T. Trà Vinh
- Địa chỉ lắp đặt: Ấp Thanh Nguyên A, X. Mỹ Chánh, H. Châu Thành, T. Trà Vinh
- Quy trình kiểm định áp dụng: **QTKĐ 01 – 2016/BLĐTBXH, TCVN7704:2007**
- Chứng kiến kiểm định và thông qua biên bản có:

1. Ông/Bà: . . . . . - Chức vụ: . . . . . .
2. Ông/Bà: . . . . . - Chức vụ: . . . . . .

I. THÔNG SỐ CƠ BẢN CỦA BÌNH

- Loại, mã hiệu: DZH2-1.25-T
- Áp suất thiết kế: 11,0 bar
- Số chế tạo: 191057
- Áp suất làm việc: 8,0 bar
- Năm chế tạo: 2019
- Công suất : 2,0 Tấn/h
- Nhà chế tạo: Henan Yuanda -Trung Quốc
- Nhiên liệu sử dụng: Than đá
- Nhiệt độ thiết kế hơi bão hoà: 184 °C
- Nhiệt độ thiết kế hơi quá nhiệt: / °C
- Công dụng: Cấp hơi nước bão hòa
- Ngày kiểm định lần trước: 11/07/2022, do: CT CP KIỂM ĐỊNH AN TOÀN QUỐC TẾ

II. HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH

Lần đầu ☐ Định kỳ ☑ Bất thường ☐

III. NỘI DUNG KIỂM ĐỊNH

1. Kiểm tra hồ sơ:

Nhận xét: Hồ sơ đầy đủ theo quy định hiện hành và phù hợp

Đánh giá kết qủa: Đạt ☑ Không đạt ☐

2. Kiểm tra kỹ thuật bên ngoài, bên trong:

Hạng mục kiểm tra	Đạt	Không đạt
Khoảng cách	✓	
Cửa	✓	
Cầu thang, sàn thao tác	✓	
Chiếu sáng vận hành	✓	
Hệ thống chống sét	✓	
Tình trạng bề mặt kim loại các bộ phận chịu áp lực	✓	
Tình trạng mối hàn	✓	
Tình trạng cáu cặn	✓	
Hệ thống cấp nước	✓	

Các thiết bị, bộ phận phụ trợ	✓	
Van an toàn	✓	
Áp kế	✓	
Đo mức	✓	
Các thiết bị an toàn, đo lường, tự động khác	✓	

Nhận xét: Đạt yêu cầu

Đánh giá kết qủa: Đạt ☑ Không đạt ☐

3. Thử nghiệm:

Nội dung	Môi chất thử	Áp suất thử (bar)	Thời gian duy trì (phút)
Thử bền	/	/	/
Thử vận hành	Nước + hơi bão hòa	8,0	30

Nhận xét: Đạt yêu cầu

Đánh giá kết qủa: Đạt ☑ Không đạt ☐

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nồi hơi (nồi đun nước nóng) được kiểm định có kết quả: Đạt ☑ Không đạt ☐
2. Đã được dán tem kiểm định số: 003562 Tại vị trí: Tủ điều khiển
3. Áp suất làm việc cho phép: 8,0 bar
4. Nhiệt độ làm việc hơi bão hoà: 184 °C - Nhiệt độ làm việc hơi quá nhiệt: / °C
5. Áp suất đặt của van an toàn:

Vị trí	Áp suất mở (bar)	Áp suất đóng (bar)
Van hơi bão hoà	8,8	7,8
Van hơi quá nhiệt	/	/

6. Các kiến nghị: Tuân thủ các qui định an toàn khi vận hành.
   - Định kỳ tổ chức huấn luyện cho công nhân vận hành.
   - Hằng năm định kỳ kiểm định áp kế và van an toàn tại cơ quan có chức năng

   Thời hạn thực hiện kiến nghị: Định kỳ theo quy định hiện hành.

V. THỜI HẠN KIỂM ĐỊNH

Kiểm định định kỳ: **Ngày 09 tháng 06 năm 2024**

Lý do rút ngắn thời hạn kiểm định: Thiết bị sử dụng với tần suất cao

Biên bản đã được thông qua: Ngày 09 tháng 06 năm 2023

Tại: Đơn vị sử dụng

Biên bản được lập thành : Hai (02) bản, mỗi bên có trách nhiệm lưu giữ một (01) bản.

CHỦ CƠ SỞ	**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**	**KIỂM ĐỊNH VIÊN**
(Ký tên và đóng dấu)	(Ký, ghi rõ họ, tên)	(Ký, ghi rõ họ, tên)
	Kiều Thị Hoài Thương	Nguyễn Văn Ba

TỈNH/THÀNH PHỐ
TRÀ VINH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 464.1/2023/1-2-3-4-5-6.084.VX

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY CP CNMT TRÁI ĐẤT XANH** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.084.VX
Địa chỉ văn phòng: Lô 04HG-1 Đường Dọc Kênh Ranh, KCN Xuyên Á, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ĐT: 0272. 3758858
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Lô 04HG-1 Đường Dọc Kênh Ranh, KCN Xuyên Á, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ĐT: 0272. 3758858

2.Chủ CS DV XL CTNH 2: .....Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn phòng:..... ĐT:.....
Địa chỉ cơ sở: .....ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM** Mã số QLCTNH:.....
Địa chỉ văn phòng: Ấp Thanh Nguyên A, Xã Mỹ Chánh, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh
Địa chỉ cơ sở: Ấp Thanh Nguyên A, Xã Mỹ Chánh, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đầy đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý#
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Bùn thải nhiễm thành phần nguy hại			x	12 06 05	395	TĐ-HR
02	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	118	Nghiền,TC-HR
03	Chất hấp thụ vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	1991	TĐ-HR
04	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			18 01 03		TC-TĐ-HR
05	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (composit,…)	x			18 01 04		TC-TĐ-HR
06	Các loại dầu mỡ thải	x			16 01 08		TĐ-HR
07	Que hàn thải	x			07 04 01		HR

#Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/Tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/Chiết/Lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 62C-07906

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: NGUYỄN VĂN NGÀ Ký:..... Ngày: 27/12/2023

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký .....Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 – 4 (hoặc 5)

Trà Vinh, ngày 27 tháng 12 năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Long An, ngày 29 tháng 12 năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TRÁI ĐẤT XANH

TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Lực

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☒
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
越南社会主义共和国
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
独立-自由-幸福
---o0o---

HỢP ĐỒNG KINH TẾ
经济合同

(V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại)
（收集，运输和处理工业废物）

Số/编号:2957A/2023/HĐ – TĐX

- *Căn cứ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;*
  根据越南社会主义共和国第十一届国民大会第七届会议于 2005 年 6 月 14 日通过的第 33/2005 /QH11 号民事法;
- *Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;*
  根据越南社会主义共和国第十一届国民大会第七届会议于 2005 年 6 月 14 日通过的第 36/2005 /QH11 号商业法;
- *Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*
  根据政府 2022 年 1 月 10 日第 08/2022/NĐ-CP 号法令，其中详述了环境保护法的若干条款;
- *Căn cứ Thông tư 02/2022/TT – BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*
- *根据自然资源和环境部 2022 年 1 月 10 日发布的第 02/2022/TT-BTNMT 号通知，详细说明了《环境保护法》若干条款的实施情况;Căn cứ vào chức năng và điều kiện xử lý chất thải nguy hại của Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Trái Đất Xanh;*
  根据绿色地球环境技术股份公司关于危险废物的处理条件和职能
- *Căn cứ vào nhu cầu của CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM ;*
  *按照*新明达越南有限公司要求

Hôm nay, ngày 10 tháng 07 năm 2023, đại diện hai bên gồm có:
今日，2023 年 7 月 10 日， 双方代表是

BÊN A : CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM
甲方：新明达越南有限公司

Địa chỉ : Ấp Thanh Nguyên A, Xã Mỹ Chánh, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam. 地址：越南茶荣省，州成县，美政公社，青源 A

Mã số thuế : 2100625866

税编号：2100625866

Đại diện là 代表人 : Ông /先生 YANG WENYI

Chức vụ 职位: Giám Đốc Công Ty 公司经理

BÊN B : CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TRÁI ĐẤT XANH

乙方：绿地环保科技股份有限公司

Địa chỉ : Lô 04HG-1, Đường dọc kênh Ranh, KCN Xuyên Á, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Lot 04HG-1, Road along Ranh Canal, Xuyen A Industrial Park, Tram Lac Hamlet, My Hanh Bac Commune, Duc Hoa District, Long An Province

Điện thoại/电话 : 0272.3758858 Fax 传真: 0272.3758828

Mã số thuế/税编号 : 1101404258

Số tài khoản/银行账号 : 118492999. Tại Ngân hàng Á Châu, Chi nhánh Phú Lâm, TP.HCM.

118492999. 胡志明市富林分行亚洲商业银行。

Đại diện 代表人: Ông **Đỗ Huy Lực/杜辉力先生** Chức vụ 职位: **Tổng giám đốc/总经理**

Sau khi thỏa thuận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng với các điều khoản sau đây:

双方达成协议后，同意签订合同，条款如下:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

第 1 条：合同内容

1.1 Bên A đồng ý chọn Bên B thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp của Công Ty TNHH New Mingda Việt Nam theo đúng chức năng hành nghề của Bên B đã được cấp phép.

甲方同意选择乙方按照乙方许可的执业职能承担新明达越南有限公司危险废物和工业废物的收集、运输和处理工作。

1.2 Toàn bộ chất thải được chuyên chở và đưa về xử lý tại Nhà máy xử lý chất thải nguy hại của Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Trái Đất Xanh, tại địa chỉ: Lô 04HG-1, Đường dọc kênh Ranh, KCN Xuyên Á, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

所有废物均被运输到绿色地球环境技术股份公司的危险废物处理厂以进行处理，地址在：隆安省德和县美幸北公社钗乐村穿亚工业区沿 Ranh 沟渠的道路 04HG-1 地段。

1.3 Hợp đồng có thời hạn, kể từ ngày 10 tháng 07 năm 2023 đến ngày 10 tháng 07 năm 2024.

该合同的有效期为 2023 年 07 月 10 日至 2024 年 07 月 10 日.

ĐIỀU 2. SỐ LƯỢNG, DANH MỤC CHẤT THẢI XỬ LÝ VÀ ĐƠN GIÁ

第 2 条 数量、处置废物清单和单价

2.1 Số lượng/数量

2.1.1 Số lượng chất thải phụ thuộc vào quá trình phát sinh chất thải nguy hại (CTNH) và chất thải công nghiệp của Công Ty TNHH New Mingda Việt Nam đang lưu giữ tại kho.

废物量取决于产生危险废物（HW）的过程，新明达越南有限公司的工业废物存放在仓库。

2.1.2 Số lượng chất thải được tính theo số lượng thực tế mà Bên A giao cho Bên B thông qua Biên bản giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên.

废弃物量按甲方通过双方代表核证的交货记录交予乙方的实际数量计算。

2.2 Đơn giá xử lý chất thải nguy hại: 、

STT 序数	Tên chất thải 废物名称	Trạng thái 状态	Mã CTNH 危害废物编号	Đơn giá xử lý (VNĐ/Kg) 处理单价（越南盾/公斤）
1	Bùn thải nhiễm thành phần nguy hại 被有害成分污染的废污泥	Bùn 刚体	12 06 05	**4.800**
2	Bóng đèn huỳnh quang thải 废荧光灯泡	Rắn 刚体	16 01 06	**6.000**
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại 吸收剂、过滤材料（包括其他代码未涵盖的油过滤材料）、清洁布、被危险成分污染的废物保护布	Rắn 刚体	18 02 01	**5.000**
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa 塑料垃圾硬包装	Rắn 刚体	18 01 03	**5.000**
5	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (composit…) 其他材料（复合材料等）制成的废弃硬质包装	Rắn 刚体	18 01 04	
6	Các loại dầu mỡ thải 废油脂的种类	Rắn 刚体	16 01 08	**4.500**
7	Que hàn thải 废烙铁	Rắn 刚体	07 04 01	**5.500**

Ghi chú:备注

- *Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT;*

以上的单价还没有包含增值税

- *Khối lượng chất thải đều được quy đổi bằng đơn vị kilogam;*

废物数量全部换成公斤来算

- *Xe vận chuyển có chức năng vận chuyển và xử lý CTNH được Bộ TNMT cấp phép.*

运输车辆有功能运输和处理危害废物有资源和环境部许可

- *Tổng khối lượng chất thải bàn giáo tối thiểu 3.000 KG/chuyến, nếu < 3.000kg thì tính thêm chi phí vận chuyển là 2.000.000 VNĐ/chuyến (chưa bao gồm VAT);*

所交接的废物总量至少为 3,000 公斤/趟，如果<3,000 公斤，则额外计算的运输费用为 2,000,000 越南盾/趟 (以上的单价还没有包含增值税)。

ĐIỀU 3. ĐỊA ĐIỂM THU GOM VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

第 3 条： 收货地点和付款方式

3.1 Địa điểm thu gom 收货地点

3.1.1 Địa điểm thu gom chất thải ở Công Ty TNHH New Mingda Việt Nam, địa chỉ: Ấp Thanh Nguyên A, Xã Mỹ Chánh, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.

3.1.2 New Mingda Vietnam Co., Ltd. 的垃圾收集地点，地址：Thanh Nguyen A Hamlet, My Chanh Commune, Chau Thanh District, Tra Vinh Province, Vietnam。

3.1.3 Sau thu gom và xử lý chất thải, căn cứ trên Biên bản giao nhận thức tế có xác nhận của đại diện hai bên, Bên B phát hành hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A về chi phí xử lý chất thải nguy hại

垃圾收集处理完毕后，乙方根据实际交接记录，经双方代表核证，向甲方开具垃圾处理费用的有效财务发票。

3.2 Phương thức thanh toán/付款方式

3.2.1 Hình thức thanh toán: Bên A thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý cho Bên B theo hình thức chuyển khoản.

付款方式：甲方以银行转账方式向乙方支付代收、运输、装卸等费用。

3.2.2 Thời hạn thanh toán: Sau khi thu gom, trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính và chứng từ CTNH theò phụ lục 3 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT đã được ký tên và đóng dấu, Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị hóa đơn cho Bên B.

付款期限：收款后，自甲方收到按照 02/2022/TT-BTNMT 附件 3 签字的财务发票和危险废物文件之日起 10 日内，甲方签字盖章，甲方甲将向乙方支付发票金额的 100%。

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

第四条： 双方的责任

4.1 Trách nhiệm của Bên A

甲方的责任

4.1.1 Toàn bộ chất thải của Bên A phải được thu gom, phân loại chất thải theo từng loại riêng biệt và có nhãn chất thải: chất thải rắn chứa vào bao PE, chất thải lỏng chứa vào thùng có nắp đậy kín và lưu trữ tại một khu vực riêng biệt, cố định để thuận tiện khi Bên B đến thu gom chất thải.

甲方的所有废物必须按照每种废物的类型进行收集和分类，并带有废物标签：将固体废物装入 PE 袋中，将液体废物装在有盖的容器中并储存在单独的区域，以便乙方进行收集。

4.1.2 Khi bàn giao chất thải nguy hại, Bên A phải lập 01 bộ "Chứng từ chất thải nguy hại" gồm 04 liên theo phụ lục 03 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và đã được Bên A ký tên, đóng dấu ở mục 06 và giao cho Bên B trong ngày thu gom chất thải.

交付危险废物时，甲方必须按照第 02/2022/TT-BTNMT 号通知附录 03 的规定制作 01 套“危险废物单据”（包括 04 联），该套单据将由甲方在第 06 节上签名盖章后在废物收集当天将其移交给乙方。

4.1.3 Nếu Bên A không phân loại chất thải theo từng loại riêng biệt và không bàn giao chứng từ chất thải nguy hại trong ngày chuyển giao chất thải đúng theo quy định môi trường, thì Bên B sẽ không nhận hàng và Bên A phải chịu toàn bộ chi phí vận chuyển là 5.000.000 VNĐ (Viết bằng chữ: *Năm triệu đồng*).

如果甲方没有根据每种废物的类型进行收集和分类，并且没有按照环保规定在废物移交之日交付危险废物单据，则乙方将拒绝收货以及甲方必须承担所有运输费用为 5,000,000 万越南盾（大写：*伍百万越南盾*）。

4.1.4 Bên A tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ của Bên B thực hiện đóng gói chất thải, cử nhân viên giám sát trong quá trình thu gom chất thải hay cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng Công ty.

甲方为乙方员工进行废物包装创造顺利条件，以及在废物收集过程中任命监督人员或在进出公司时提供必要的文件。

4.2 Trách nhiệm của Bên B

乙方的责任

4.2.1 Bên B có trách nhiệm thực hiện vận chuyển theo yêu cầu của Bên A để tránh tình trạng ứ đọng kho bãi, bảo đảm chất thải được xử lý và tái chế, tái sử dụng theo đúng quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam về bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được xử lý bằng các phương pháp đã đăng ký trong giấy phép xử lý, tiêu hủy CTNH đã được cấp của Bên B.

乙方负责应甲方要求进行运输废物，以避免废物停滞，确保废物按照越南环保法律法规被处理、回收和再利用。危险废物采用乙方授予的危险废物处理和处置许可证中注册的方法进行处理。

4.2.2 Bên B có trách nhiệm làm thủ tục xuất trình giấy tờ cần thiết và thực hiện tốt nội quy của Bên A khi xe và công nhân của Bên B ra/vào cổng Bên A.

在乙方的运输工具和工人进出甲方工厂门口时，乙方负责办理必要的手续并严格执行甲方的规定。

4.2.3 Sau khi chất thải của Bên A được giao cho Bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

甲方的废物移交给乙方后，如在运输、储存和处理过程中发生任何事故，则乙方应承担全部责任。

4.2.4 Vận chuyển chất thải ra khỏi cổng của Bên A khi đủ chuyến và chỉ chở loại hàng trong danh mục chất thải của Hợp đồng này.

当废物数量满一趟车时，将废物从甲方门口运出，并且仅运输本合同废物清单中的废物种类。

4.2.5 Bên B phải mang đầy đủ các phương tiện thiết bị chuyên dụng cần thiết khi đến thu gom chất thải. Tuân thủ quy chế quản lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật về việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH.

乙方在收集废物时必须携带所有必要的专用设备和设施。遵守有关危险废物收集、运输和处理的法律法规的有关危险废物管理的规定。

4.2.6 Bên B phải cung cấp chứng từ chất thải nguy hại cho Bên A sau khi đã hoàn thành việc xử lý chất thải nguy hại.

乙方必须在完成对危险废物的处理后向甲方提供危险废物单据。

4.2.7 Bên B phải cung cấp các hồ sơ liên quan đến việc thu gom và xử lý chất thải cho Bên A, để Bên A có căn cứ ký hợp đồng và khi Bên A yêu cầu.

乙方必须向甲方提供与废物收集和处理有关的文件和资料，以便甲方有依据签署合同，以及在甲方要求的情况下提供。

ĐIỀU 5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

第 5 条：一般条款

5.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ký, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

双方承诺严格遵守所有已签署的条款，未经双方书面同意，任何一方均不得更改合同内容或单方面终止合同。违约方必须赔偿因其的违约行为对受害方造成的全部损失。

5.2 Mọi tranh chấp phát sinh đều được ưu tiên giải quyết trên tinh thần hợp tác, thương lượng. Nếu hai bên không tự giải quyết được vấn đề, cả hai cùng thống nhất sẽ đưa ra giải quyết theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành và theo quyết định Tòa án nhân dân TP. HCM hoặc Tòa án Kinh tế có thẩm quyền. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà cả hai bên đều phải tuân thủ. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu trách nhiệm thanh toán.

双方将本着合作和互利的精神优先处理所有纠纷。如果双方不能自行协商解决问题，双方将同意根据越南现行法律和胡志明市人民法院或主管经济法院的判决解决问题。法院的判决是双方必须遵循的最终判决。关于诉讼的所有费用应由败诉方承担。

5.3 Bên B có trách nhiệm photo và đóng dấu các giấy phép kinh doanh, giấy phép hành nghề xử lý chất thải theo yêu cầu của Luật Bảo vệ môi trường cho Bên A.

乙方负责复印并盖章“环境保护法”规定的营业执照、废物处理执业证书并将其交给甲方。

ĐIỀU 6. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

第 6 条：不可抗力的情况

6.1 Thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng là nghĩa vụ của các bên liên quan trong hợp đồng và cũng là một nguyên tắc luật định. Tuy nhiên, không phải lúc nào hợp đồng cũng được thực hiện một cách suôn sẻ. Vẫn có thể có những biến cố xảy ra làm ảnh hưởng đến quá trình thực hiện hợp đồng của các bên. Trong đó có những sự cố nằm ngoài khả năng dự đoán và kiểm soát của các bên, xảy ra không phải do lỗi của các bên, mà do các “sự kiện bất khả kháng” như: lũ lụt, hỏa hoạn, bão, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, đảo chính, đình công, cấm vận, thay đổi chính sách của chính phủ,….

严格履行合同是合同各方的义务，也是法律的规定。但是，合同并不总是能顺利进行，仍然可能发生影响双方履行合同的事件，其中，发生的事件超出各方的预测和控制能力范围，以及这些事件的发生不是由于各方的过错而是由于“不可抗力事件”，例如洪

水、火灾、暴风雨、地震、海啸、战争，暴动、政变、罢工、禁运、政府政策的改变等。

6.2 Khi có các sự kiện này xảy ra làm chậm trễ quá trình thực hiện hợp đồng của một trong các bên liên quan đến hợp đồng, thì bên xảy ra sự cố phải nhanh chóng thông báo cho Bên còn lại, để cùng nhau giải quyết các vấn đề phát sinh.

当发生此类事件而延误合同任何一方的合同履行时，则受不可抗力事件的影响的一方必须立即通知另一方，以共同解决问题。

ĐIỀU 7. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

第 7 条：合同的效力

7.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và kết thúc sau khi việc vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, thanh toán chi phí xử lý hoàn tất.

本合同自签订之日起开始生效，并且自废物的运输和处理工作结束以及处理费用支付完毕后清算。

7.2 Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng chỉ có hiệu lực thi hành bằng cách: Hai bên thỏa thuận ký kết phụ lục bổ sung hoặc ký kết hợp đồng mới. Phụ lục bổ sung hợp đồng là một bộ phận không thể tách rời với hợp đồng và có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản nào trong hợp đồng thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi.

合同内容的修改和补充仅在以下情况下有效：双方同意签署合同附录或签署新的合同。合同的附录是合同的不可分割的部分，并跟主合同具有相同的法律价值。如果合同附录中的条款与合同条款不一致，则视为主合同中的该条款已被修改。

7.3 Hợp đồng này gồm 07 (bảy) Điều, được lập thành 04 (bốn) bản. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau./.

本合同含有 07（柒）条款，以及一式 04（肆）份，每方各持 02（贰）份，具有相同的法律价值。

ĐẠI DIỆN BÊN A **甲方代表** **(CHỦ NGUỒN THẢI)** **（废物产生者）**	**ĐẠI DIỆN BÊN B** **乙方代表** **(ĐƠN VỊ VẬN CHUYỂN XỬ LÝ)** **废物运输和处理单位**
YANG WENYI	**ĐỖ HUY LỰC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---o0o---

PHỤ LỤC SỐ 01 CỦA HỢP ĐỒNG
合同的一号附件

(V/v: Bổ sung danh mục CTCN)
（关于：补充工业企业名单）

(Đính kèm Hợp Đồng Xử Lý số: **2957A/2023/HĐ-TĐX**)
（附搬运合同编号：2957A/2023/HD-TDX）

Long An, ngày 17 tháng 08 năm 2023
隆安，2023 年 8 月 17 日

BÊN A : CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM
甲方：新明达越南有限公司

Địa chỉ : Ấp Thanh Nguyên A, Xã Mỹ Chánh, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.

地址：越南茶荣省，州成县，美政公社，青源 A

Mã số thuế /税编号 : 2100625866
Đại diện là 代表人 : Ông /先生 YANG WENYI
Chức vụ 职位: Giám Đốc Công Ty 公司经理

BÊN B : CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TRÁI ĐẤT XANH
乙方：绿地环保科技股份有限公司
Địa chỉ : Lô 04HG-1, Đường dọc kênh Ranh, KCN Xuyên Á, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
地址：隆安省，德华县，美幸北社，站乐村，川亚工业区，园沿运河路 04HG-1 号地块
Lot 04HG-1, Road along Ranh Canal, Xuyen A Industrial Park, Tram Lac Hamlet, My Hanh Bac Commune, Duc Hoa District, Long An Province
Điện thoại/电话 : 0272.3758858 Fax 传真: 0272.3758828
Mã số thuế/税编号 : 1101404258
Số tài khoản: 118492999. Tại Ngân hàng Á Châu, Chi nhánh Phú Lâm, TP.HCM.
银行账号： 118492999. 胡志明市富林分行亚洲商业银行。
Đại diện 代表人: Ông **Phạm Văn Hùng**
Chức vụ 职位: **Giám đốc/经理**

Sau khi thỏa thuận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng với các điều khoản sau đây:
经协商一致，双方同意签订如下合同：

ĐIỀU I. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DANH MỤC CHẤT THẢI CHO HỢP ĐỒNG SỐ: 2957A/2023/HĐ-TĐX.

第 I 条：合同号：2957A/2023/HD-TDX 废物清单的调整和添加。

Số lượng và loại chất thải giao nhận: sẽ được xác định bằng Biên Bản Giao Nhận hoặc Chứng Từ Quản Lý Chất Thải Công nghiệp theo số cân thực tế giao nhận giữa hai Bên.
交运和交运废物的数量和类型：将根据双方实际交运的重量，通过交运纪要或工业废物管理文件确定。

Danh mục chất thải CTCN bổ sung:
工业废物补充清单：

STT 序数	Tên chất thải 废物名称	Trạng thái 状态	Mã CTNH 危害废物编号	Đơn giá xử lý (VNĐ/Kg) 处理单价（越南盾/公斤）
1	Chất thải công nghiệp không nguy hại (Xỉ than,...) 无害工业废弃物（煤渣、. . .）	Rắn 固体	-	**2.300**

Ghi chú:备注

- *Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT;*
- 以上的单价不包含增值税
- *Đơn giá trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải. Không bao gồm chi phí đóng gói và bao đựng;*
- 以上单价包括垃圾收集、运输和处理的费用。不包括包装和携带费用；
- *Chất thải công nghiệp được thug om kết hợp với các chất thải khác;*
- 工业废物与其他废物一起收集
- *Tổng khối lượng chất thải bàn giao trong 01 lần tối thiểu là 8 tấn, nếu không đạt khối lượng thì tính thêm phụ phí vận chuyển là 2.000.000 VNĐ/Chuyến (chưa bao gồm VAT).*
- 一次性移交的塔里尔总量至少为 8 吨，否则将额外收取 2,000,000 越南盾/趟（不含增值税）的运费。
- *Các điều khoản khác trong hợp đồng không đổi.*
- 合同中的其他条款保持不变

ĐIỀU II. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG
第二条。一般条款

Phụ lục Hợp đồng này là một phần không thể tách rời của hợp đồng thu gom ,vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (**Số: 2957A/2023/HĐ-TĐX) kí ngày 10/07/2023**.

本合同附件是 2023 年 10 月 7 日签订的《危险废物收集、运输、处置合同》（**编号：2957A/2023/HD-TDX**）的组成部分。

- Phụ lục Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi hợp đồng thu gom ,vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (**Số: 2957A/2023/HĐ-TĐX**) hết hiệu lực.

- 本合同附件自签订之日起生效，至危险废物收集、运输、处置合同（编号：2957A/2023/HD-TDX）到期时失效。

- Phụ lục Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản, có giá trị pháp lý như nhau.

- 本合同附件一式四（四）份，双方各保留二（两）份，具有同等法律效力。

ĐẠI DIỆN BÊN A 甲方代表者 **(CHỦ NGUỒN THẢI)** （废物来源者）	**ĐẠI DIỆN BÊN B** 乙方代表者 **(ĐƠN VỊ VẬN CHUYỂN XỬ LÝ)** （处理发物者） **PHẠM VĂN HÙNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THU GOM VÀ BỐC TẢI RÁC
Số: 167/2023/HĐTG-HTX

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND, ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành quy định về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ nhu cầu thu gom và bốc tải để đảm bảo vệ sinh môi trường;

Hôm nay, ngày 30 tháng 12 năm 2022, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

- Đại diện là Ông: **YANG WENYI ;** Chức vụ: **Giám đốc**
- Địa chỉ: ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
- Điện thoại: 0977 725 103
- MST: 2100625866
- Email: newmingdavn@gmail.com

BÊN B: HTX XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG TRÀ VINH

- Đại diện là Bà: **Huỳnh Thị Tuyết;** Chức vụ: **Giám đốc**
- Địa chỉ: 9/91B Phạm Ngũ Lão, Khóm 4, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- Điện thoại: 02943 853123
- Tài khoản: 9101110047979, mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Trà Vinh.
- Mã số thuế: 2100570945
- Email: htxxaydungmoitruongtv@gmail.com

Hai bên thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều I. Nội dung công việc:

Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom và bốc tải rác thải trong thùng tại khu vực (địa chỉ) bên A.

Điều II: Trách nhiệm, quyền hạn, quyền lợi của mỗi bên:

1. Trách nhiệm bên A:

- Bên A không để thùng rác ở lề đường, làm cản trở lối đi khi phương tiện bên B đến lấy rác. Rác thải trong sinh hoạt có góc động vật phải cho vào túi nylon cột kín, cho vào thùng rác chung.

- Rác thải sinh hoạt phải được tập kết cho vào thùng chứa, không để rơi rớt bên ngoài chân thùng.

- Tuyệt đối, không đưa chất thải nguy hại và rác công nghiệp lẫn vào trong rác sinh hoạt. Trường hợp nếu ngành chức năng kiểm tra phát hiện rác trên xe có lẫn chất nguy hại và rác công nghiệp thì bên A sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Thanh toán tiền cho bên B sau khi bên A nhận được hóa đơn từ bên B.

2. Trách nhiệm của bên B:

- Thực hiện thu gom và bốc tải rác sinh hoạt trong thùng chứa, thùng chứa rác đặt trong khu vực lưu giữ rác thải tập trung của Công ty, với tần suất 02 ngày/lần.

- Nếu phát hiện bên A để rác thải nguy hại vào thùng rác, bên B từ chối thu gom, đồng thời báo đến các cơ quan chức năng và bên A chịu chi phí bồi thường thiệt hại.

Điều III: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:

- Giá trị hợp đồng: **2.500.000 đồng/tháng**.(*Giá đã gồm thuế GTGT)*

Bằng chữ: Hai triệu năm trăm nghìn đồng.

- Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán cho bên B từ ngày 05 đến 10 tây hàng tháng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Điều IV: Thời gian thực hiện hợp đồng:

Thời gian thực hiện hợp đồng là 12 tháng, bắt đầu thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Điều V: Điều khoản bổ sung:

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu có trở ngại, vướng mắc, thì 02 bên phải thông báo cho nhau biết trước ít nhất 10 ngày bằng văn bản, để cùng nhau thỏa thuận giải quyết.

Điều VI: Điều khoản chung:

- Cùng nhau đồng trách nhiệm trong việc xây dựng huyện Châu Thành sạch - đẹp - văn minh.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều, khoản đã ghi trong hợp đồng. Nếu bên nào vi phạm sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Hết hạn hợp đồng, nếu hai bên không tiếp tục gia hạn thì hợp đồng đương nhiên được thanh lý vào ngày 31/12/2023.

- Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	Huỳnh Thị Tuyết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---o0o---

HỢP ĐỒNG THU GOM RÁC THẢI CÔNG NGHIỆP

Châu Thành, ngày 21 tháng 08 năm 2023

BÊN A : **CÔNG TY TNHH** NEW MINGDA VIỆT NAM
Địa chỉ : Ấp Thanh Nguyên A, Xã Mỹ Chánh, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam
Mã số thuế : 2100625866
Điện thoại :
Đại diện : Ông **YANG WEN YI** Chức vụ: **Giám Đốc**

BÊN B : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THÀNH LẬP**
Địa chỉ trụ sở : 39 Cao Triều Phát, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp.HCM, Việt Nam
Mã số thuế : 0301761350
Điện thoại : 028 3860 3072 Fax : 028 3974 5075
Đại diện : Ông **TĂNG TỪ THẾ** Chức vụ: **Giám đốc**
Tài khoản : 2000 148 510 37950 tại Ngân hàng Eximbank Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh

Sau khi thỏa thuận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- Bên A đồng ý chọn Bên B thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải công nghiệp của Bên A theo đúng chức năng hành nghề của Bên B đã được cấp phép.
- Toàn bộ rác thải được chuyên chở và đưa về xử lý tại Nhà máy xử lý chất thải nguy hại của Công ty TNHH TM Xử lý Môi trường Thành Lập tại địa chỉ: Lô 147 Tổ 3 Ấp Bàu Trăn, Xã Nhuận Đức, Huyện Củ Chi, Thành phố HCM.
- Trường hợp trong quá trình Bên B tiếp nhận rác thải công nghiệp mà phát hiện Bên A để lẫn bất kỳ loại chất thải nào khác không nằm trong danh mục rác thải công nghiệp chuyển giao theo hợp đồng ký kết thì bên B sẽ từ chối tiếp nhận khối lượng chất thải bị lẫn đó. Hai bên sẽ tiến hành bàn bạc để đưa ra quyết định thống nhất.
- **Thời hạn hợp đồng**: 01 năm kể từ ngày ký đến hết ngày **18/08/2024.**

ĐIỀU 2. SỐ LƯỢNG, DANH MỤC CHẤT THẢI XỬ LÝ VÀ ĐƠN GIÁ

2.1 Số lượng và loại rác thải công nghiệp giao nhận: sẽ được xác định bằng Biên Bản Bàn Giao Chất Thải Rắn Công nghiệp thông thường (mẫu 03, Phụ lục III Thông tư 02/2022/TT-BTNMT) theo số cân thực tế giao nhận giữa hai Bên.

Danh mục chất thải CTCN bổ sung:

STT 序數	Tên rác thải công nghiệp 工业废物名称	Trạng thái 状态	Mã CTNH 危害废物编号
1	Chất thải công nghiệp không nguy hại (vải vụn,...) 无害工业废弃物（废料、...）	Rắn 刚体	-
2	Chất thải công nghiệp không nguy hại (thùng carton,...) 无害工业废弃物（纸箱、...）	Rắn 刚体	-
3	Chất thải công nghiệp không nguy hại (túi nilong,...) 无害工业废弃物（尼龙袋、...）	Rắn 刚体	-
4	Chất thải công nghiệp không nguy hại (lõi chỉ,...) 无害工业废弃物（线程核心、...）	Rắn 刚体	-

2.2 **Đơn giá xử lý**

Chất thải sẽ được thu gom định theo yêu cầu của Bên A khi có phát sinh chất thải công nghiệp với đơn giá tùy vào thời điểm do hai bên thỏa thuận.

Khối lượng chất thải đều được quy đổi bằng đơn vị kilogam (Kg)

ĐIỀU 3. ĐỊA ĐIỂM THU GOM, PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 **Địa điểm thu gom**

- Địa điểm thu gom chất thải tại: **Ấp Thanh Nguyên A, Xã Mỹ Chánh, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh.**

3.2 Sau thu gom và xử lý chất thải, căn cứ trên Biên bản giao nhận thực tế có xác nhận của đại diện hai bên

3.3 **Phương tiện vận chuyển**

- Quá trình vận chuyển được che chắn kỹ càng, tránh tình trạng rơi trên đường. Công ty TNHH TM Xử lý Môi trường Thành Lập cam kết chịu mọi trách nhiệm nếu xảy ra sự cố trong quá trình vận chuyển từ kho của bên A về nhà máy của bên B tại địa chỉ: Lô 147 Tổ 3 Ấp Bàu Trăn, Xã Nhuận Đức, Huyện Củ Chi, Thành phố HCM.

3.4 **Phương thức thanh toán**

- Hình thức thanh toán: tiền mặt hoặc chuyển khoản trong vòng 20 ngày làm việc kể từ khi Bên B phát hành hóa đơn.
- Hồ sơ thanh toán gồm: "Hóa đơn tài chính do Bên B cung cấp" và "chứng từ giao nhận CTCN đã được ký tên, đóng dấu".

- Bên A phải chịu phí phạt chậm 0.3% nếu quá 20 ngày mà chưa thanh toán cho Bên B.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1 **Trách nhiệm của Bên A**

- Toàn bộ rác thải của Bên A phải được thu gom, phân loại rác thải theo từng loại riêng biệt và có nhãn, chứa bao PE, lưu trữ tại một khu vực riêng biệt, cố định để thuận tiện khi Bên B đến thu gom rác thải.
- Bên A tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ của Bên B thực hiện đóng gói rác thải, cử nhân viên giám sát trong quá trình thu gom rác thải hay cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng Bên A.
- Thanh toán kinh phí thực hiện đúng thời hạn theo Điều 3.

4.2 **Trách nhiệm của Bên B**

- Bên B có trách nhiệm thực hiện vận chuyển theo yêu cầu của Bên A để tránh tình trạng ứ đọng kho bãi, bảo đảm rác thải được xử lý và tái chế, tái sử dụng theo đúng quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam về bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được xử lý bằng các phương pháp đã đăng ký trong giấy phép xử lý, tiêu hủy CTNH đã được cấp của Bên B.
- Chịu trách nhiệm xử lý chất thải tại nhà máy của Bên B (tại Lô 147 Tổ 3, ấp Bàu Trăn, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định hiện hành về quản lý chất thải công nghiệp của Nhà nước Việt Nam.
- Bên B có trách nhiệm làm thủ tục xuất trình giấy tờ cần thiết và thực hiện tốt nội quy của Bên A khi xe và công nhân của Bên B ra/vào cổng Bên A.
- Sau khi chất thải của Bên A được giao cho Bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Vận chuyển chất thải ra khỏi cổng của Bên A khi đủ chuyến và chỉ chở loại hàng trong danh mục chất thải của Hợp đồng này.
- Bên B phải cung cấp các hồ sơ liên quan đến việc thu gom và xử lý chất thải cho Bên A, để Bên A có căn cứ ký hợp đồng và khi Bên A yêu cầu.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát sinh vấn đề cơ quan môi trường xử phạt do bên B xử lý không đúng quy định hoặc xử lý không kịp thời, bên B chịu trách nhiệm.
- Không nhận chất thải ngoài danh mục đã báo giá cũng như chất thải có tính chất khác biệt so với mẫu báo giá.

ĐIỀU 5. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- Thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng là nghĩa vụ của các bên liên quan trong hợp đồng và cũng là một nguyên tắc luật định. Tuy nhiên, không phải lúc nào hợp đồng cũng được thực hiện một cách suôn sẻ. Vẫn có thể có những biến cố xảy ra làm ảnh hưởng đến quá trình thực hiện hợp đồng của các bên. Trong đó có những sự cố nằm ngoài khả năng dự đoán và kiểm soát của các bên, xảy ra không phải do lỗi của các bên, mà do các "sự kiện bất khả kháng" như: lũ lụt, hỏa hoạn, bão, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, đảo chính, đình công, cấm vận, thay đổi chính sách của chính phủ,....

- Khi có các sự kiện này xảy ra làm chậm trễ quá trình thực hiện hợp đồng của một trong các bên liên quan đến hợp đồng, thì bên xảy ra sự cố phải nhanh chóng thông báo cho Bên còn lại, để cùng nhau giải quyết các vấn đề phát sinh.

ĐIỀU 6. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ký, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại. Nếu muốn hủy hợp đồng thì phải thông báo trước cho đối phương 30 ngày.
- Thời gian thu gom chất thải sẽ được thực hiện theo thỏa thuận giữa hai Bên bằng văn bản.
- Mọi tranh chấp phát sinh đều được ưu tiên giải quyết trên tinh thần hợp tác, thương lượng. Nếu hai bên không tự giải quyết được vấn đề, cả hai cùng thống nhất sẽ đưa ra giải quyết theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành và theo quyết định Tòa án nhân dân TP. HCM hoặc Tòa án Kinh tế có thẩm quyền. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà cả hai bên đều phải tuân thủ. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu trách nhiệm thanh toán.
- Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng chỉ có hiệu lực thi hành bằng cách: Hai bên thỏa thuận ký kết phụ lục bổ sung hoặc ký kết hợp đồng mới. Phụ lục bổ sung hợp đồng là một bộ phận không thể tách rời với hợp đồng và có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản nào trong hợp đồng thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi.
- Các biên bản thỏa thuận kèm theo là bộ phận không thể tách rời và có hiệu lực theo hiệu lực của Hợp đồng này.
- Hợp đồng này có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký và tự thanh lý sau khi hai bên hoàn thành xong trách nhiệm và nghĩa vụ.
- Trong trường hợp Bên B tiến hành thu gom, xử lý, hoàn trả xong chứng từ CTNH cho Bên A trước thời hạn kết thúc của hợp đồng và Bên A đã hoàn thành xong nghĩa vụ công nợ thì hợp đồng này cũng tự động được thanh lý tại thời điểm đó.
- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A (CHỦ NGUỒN THẢI) TỔNG GIÁM ĐỐC	ĐẠI DIỆN BÊN B (ĐƠN VỊ VẬN CHUYỂN XỬ LÝ) GIÁM ĐỐC
YANG WEN YI	TĂNG TƯ THẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
越南社会主义共和国
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
独立-自由-幸福
---o0o---

HỢP ĐỒNG KINH TẾ
经济合同

(V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp)
（收集，运输和处理工业废物,工业废物）
Số/编号:3722**/2024/HĐ – TĐX**

- *Căn cứ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;*
  根据越南社会主义共和国第十一届国民大会第七届会议于 2005 年 6 月 14 日通过的第 33/2005 /QH11 号民事法;
- *Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;*
  根据越南社会主义共和国第十一届国民大会第七届会议于 2005 年 6 月 14 日通过的第 36/2005 /QH11 号商业法;
- *Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*
  根据政府 2022 年 1 月 10 日第 08/2022/ND-CP 号法令，其中详述了环境保护法的若干条款;
- *Căn cứ Thông tư 02/2022/TT – BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*
  根据自然资源和环境部 2022 年 1 月 10 日发布的第 02/2022/TT-BTNMT 号通知，详细说明了《环境保护法》若干条款的实施情况;
- *Căn cứ vào chức năng và điều kiện xử lý chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp của Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Trái Đất Xanh;*
  根据绿色地球环境技术股份公司关于危险废物和工业废物的处理条件和职能
- *Căn cứ vào nhu cầu của CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM ;*
  *按照*新明达越南有限公司要求

Hôm nay, ngày 10 tháng 07 năm 2024, đại diện hai bên gồm có:
今日，2024 年 7 月 10 日， 双方代表是

BÊN A : CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM
甲方 : 新明达越南有限公司
Địa chỉ : Ấp Thanh Nguyên A, Xã Mỹ Chánh, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.
地址 : 越南茶荣省，州成县，美政公社，青源 A
Mã số thuế : 2100625866
税编号 : 2100625866
Đại diện : Ông ZHANG ZHIXIANG Chức vụ: **Giám Đốc Công Ty**
代表人 : **先生** 职位: **公司经理**

BÊN B : CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TRÁI ĐẤT XANH

乙方 ： 绿地环保科技股份有限公司

Địa chỉ : Lô 04HG-1, Đường dọc kênh Ranh, KCN Xuyên Á, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

地址 : Lot 04HG-1, Road along Ranh Canal, Xuyen A Industrial Park, Tram Lac Hamlet, My Hanh Bac Commune, Duc Hoa District, Long An Province

Điện thoại : 0272.3758858 Fax: 0272.3758828

电话 : 0272.3758858 传真: 0272.3758828

Mã số thuế : 1101404258

税编号 : 1101404258

Số tài khoản : 118492999. Tại Ngân hàng Á Châu, Chi nhánh Phú Lâm, TP.HCM.

银行账号 : 118492999. 胡志明市富林分行亚洲商业银行。

Đại diện : Ông **Đỗ Huy Lực** Chức vụ: **Tổng giám đốc**

代表人 : **杜辉力先生** 职位: **总经理**

Sau khi thỏa thuận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng với các điều khoản sau đây:

双方达成协议后，同意签订合同，条款如下:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

第 1 条：合同内容

1.1 Bên A đồng ý chọn Bên B thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp của Công Ty TNHH New Mingda Việt Nam theo đúng chức năng hành nghề của Bên B đã được cấp phép.

甲方同意选择乙方按照乙方许可的执业职能承担新明达越南有限公司危险废物和工业废物的收集、运输和处理工作。

1.2 Toàn bộ chất thải được chuyên chở và đưa về xử lý tại Nhà máy xử lý chất thải nguy hại của Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Trái Đất Xanh, tại địa chỉ: Lô 04HG-1, Đường dọc kênh Ranh, KCN Xuyên Á, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

所有废物均被运输到绿色地球环境技术股份公司的危险废物处理厂以进行处理，地址在：隆安省德和县美幸北公社钗乐村穿亚工业区沿 Ranh 沟渠的道路 04HG-1 地段。

1.3 Hợp đồng có thời hạn, kể từ ngày 10 tháng 07 năm 2024 đến ngày 10 tháng 07 năm 2025.

该合同的有效期为 2024 年 07 月 10 日至 2025 年 07 月 10 日.

ĐIỀU 2. SỐ LƯỢNG, DANH MỤC CHẤT THẢI XỬ LÝ VÀ ĐƠN GIÁ

第 2 条 数量、处置废物清单和单价

2.1 <u>Số lượng/数量</u>

2.1.1 Số lượng chất thải phụ thuộc vào quá trình phát sinh chất thải nguy hại (CTNH) và chất thải công nghiệp (CTCN) của Công Ty TNHH New Mingda Việt Nam đang lưu giữ tại kho.

废物量取决于产生危险废物（HW）和工业废物的过程，新明达越南有限公司的工业废物存放在仓库。

2.1.2 Số lượng chất thải được tính theo số lượng thực tế mà Bên A giao cho Bên B thông qua Biên bản giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên.

废弃物量按甲方通过双方代表核证的交货记录交予乙方的实际数量计算。

2.2 **Đơn giá xử lý chất thải nguy hại:** 、

STT 序数	Tên chất thải 废物名称	Trạng thái 状态	Mã chất thải 废物号码	Đơn giá xử lý (VNĐ/Kg) 处理单价（越南盾/公斤）
1	Bùn thải nhiễm thành phần nguy hại 被有害成分污染的废污泥	Bùn 刚体	12 06 05	**4.800**
2	Bóng đèn huỳnh quang thải 废荧光灯泡	Rắn 刚体	16 01 06	**6.000**
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại 吸收剂、过滤材料（包括其他代码未涵盖的油过滤材料）、清洁布、被危险成分污染的废物保护布	Rắn 刚体	18 02 01	**5.000**
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa 塑料垃圾硬包装	Rắn 刚体	18 01 03	**5.000**
5	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (composit…) 其他材料（复合材料等）制成的废弃硬质包装	Rắn 刚体	18 01 04	
6	Các loại dầu mỡ thải 废油脂的种类	Rắn 刚体	16 01 08	**4.500**
7	Que hàn thải 废烙铁	Rắn 刚体	07 04 01	**5.500**
8	Chất thải công nghiệp không nguy hại (Xỉ, than,…) 无害工业废弃物（煤渣、...）	Rắn 刚体	CTCNTT	**2.300**

Ghi chú:备注

- *Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT;*

以上的单价还没有包含增值税

- *Khối lượng chất thải đều được quy đổi bằng đơn vị kilogam;*

废物数量全部换成公斤来算

- *Xe vận chuyển có chức năng vận chuyển và xử lý CTNH được Bộ TNMT cấp phép.*

运输车辆有功能运输和处理危害废物有资源和环境部许可

- *Tổng khối lượng chất thải bàn giáo tối thiểu 3.000 KG/chuyến, nếu < 3.000kg thì tính thêm chi phí vận chuyển là 2.000.000 VNĐ/chuyến (chưa bao gồm VAT);*

所交接的废物总量至少为 3,000 公斤/趟，如果<3,000 公斤，则额外计算的运输费用为 2,000,000 越南盾/趟 (以上的单价还没有包含增值税)。

ĐIỀU 3. ĐỊA ĐIỂM THU GOM VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

第 3 条： 收货地点和付款方式

3.1 Địa điểm thu gom 收货地点

3.1.1 Địa điểm thu gom chất thải ở Công Ty TNHH New Mingda Việt Nam, địa chỉ: Ấp Thanh Nguyên A, Xã Mỹ Chánh, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.

3.1.2 New Mingda Vietnam Co., Ltd. 的垃圾收集地点，地址：Thanh Nguyen A Hamlet, My Chanh Commune, Chau Thanh District, Tra Vinh Province, Vietnam。

3.1.3 Sau thu gom và xử lý chất thải, căn cứ trên Biên bản giao nhận thức tế có xác nhận của đại diện hai bên, Bên B phát hành hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A về chi phí xử lý chất thải nguy hại

垃圾收集处理完毕后，乙方根据实际交接记录，经双方代表核证，向甲方开具垃圾处理费用的有效财务发票。

3.2 Phương thức thanh toán/付款方式

3.2.1 Hình thức thanh toán: Bên A thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý cho Bên B theo hình thức chuyển khoản.

付款方式：甲方以银行转账方式向乙方支付代收、运输、装卸等费用。

3.2.2 Thời hạn thanh toán: Sau khi thu gom, trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính và chứng từ CTNH theo phụ lục 3 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT đã được ký tên và đóng dấu, Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị hóa đơn cho Bên B.

付款期限：收款后，自甲方收到按照 02/2022/TT-BTNMT 附件 3 签字的财务发票和危险废物文件之日起 10 日内，甲方签字盖章，甲方甲将向乙方支付发票金额的 100%。

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

第四条： 双方的责任

4.1 Trách nhiệm của Bên A

甲方的责任

4.1.1 Toàn bộ chất thải của Bên A phải được thu gom, phân loại chất thải theo từng loại riêng biệt và có nhãn chất thải: chất thải rắn chứa vào bao PE, chất thải lỏng chứa vào thùng có nắp đậy kín và lưu trữ tại một khu vực riêng biệt, cố định để thuận tiện khi Bên B đến thu gom chất thải.

甲方的所有废物必须按照每种废物的类型进行收集和分类，并带有废物标签：将固体废物装入 PE 袋中，将液体废物装在有盖的容器中并储存在单独的区域，以便乙方进行收集。

4.1.2 Khi bàn giao chất thải nguy hại, Bên A phải lập 01 bộ "Chứng từ chất thải nguy hại" gồm 04 liên theo phụ lục 03 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và đã được Bên A ký tên, đóng dấu ở mục 06 và giao cho Bên B trong ngày thu gom chất thải.

交付危险废物时，甲方必须按照第 02/2022/TT-BTNMT 号通知附录 03 的规定制作 01 套"危险废物单据"（包括 04 联），该套单据将由甲方在第 06 节上签名盖章后在废物收集当天将其移交给乙方。

4.1.3 Nếu Bên A không phân loại chất thải theo từng loại riêng biệt và không bàn giao chứng từ chất thải trong ngày chuyển giao chất thải đúng theo quy định môi trường, thì Bên B sẽ không nhận hàng và Bên A phải chịu toàn bộ chi phí vận chuyển là 5.000.000 VNĐ (Viết bằng chữ: *Năm triệu đồng*).

如果甲方没有根据每种废物的类型进行收集和分类，并且没有按照环保规定在废物移交之日交付危险废物单据，则乙方将拒绝收货以及甲方必须承担所有运输费用为 5,000,000 万越南盾（大写：*伍百万越南盾*）。

4.1.4 Bên A tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ của Bên B thực hiện đóng gói chất thải, cử nhân viên giám sát trong quá trình thu gom chất thải hay cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng Công ty.

甲方为乙方员工进行废物包装创造顺利条件，以及在废物收集过程中任命监督人员或在进出公司时提供必要的文件。

4.2 Trách nhiệm của Bên B

乙方的责任

4.2.1 Bên B có trách nhiệm thực hiện vận chuyển theo yêu cầu của Bên A để tránh tình trạng ứ đọng kho bãi, bảo đảm chất thải được xử lý và tái chế, tái sử dụng theo đúng quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam về bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được xử lý bằng các phương pháp đã đăng ký trong giấy phép xử lý, tiêu hủy CTNH đã được cấp của Bên B.

乙方负责应甲方要求进行运输废物，以避免废物停滞，确保废物按照越南环保法律法规被处理、回收和再利用。危险废物采用乙方授予的危险废物处理和处置许可证中注册的方法进行处理。

4.2.2 Bên B có trách nhiệm làm thủ tục xuất trình giấy tờ cần thiết và thực hiện tốt nội quy của Bên A khi xe và công nhân của Bên B ra/vào cổng Bên A.

在乙方的运输工具和工人进出甲方工厂门口时，乙方负责办理必要的手续并严格执行甲方的规定。

4.2.3 Sau khi chất thải của Bên A được giao cho Bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

甲方的废物移交给乙方后，如在运输、储存和处理过程中发生任何事故，则乙方应承担全部责任。

4.2.4 Vận chuyển chất thải ra khỏi cổng của Bên A khi đủ chuyến và chỉ chở loại hàng trong danh mục chất thải của Hợp đồng này.

当废物数量满一趟车时，将废物从甲方门口运出，并且仅运输本合同废物清单中的废物种类。

4.2.5 Bên B phải mang đầy đủ các phương tiện thiết bị chuyên dụng cần thiết khi đến thu gom chất thải. Tuân thủ quy chế quản lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật về việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH, CTCN.

乙方在收集废物时必须携带所有必要的专用设备和设施。遵守有关危险废物收集、运输和处理的法律法规的有关危险废物，工业废物管理的规定。

4.2.6 Bên B phải cung cấp chứng từ chất thải nguy hại cho Bên A sau khi đã hoàn thành việc xử lý chất thải nguy hại.

乙方必须在完成对危险废物的处理后向甲方提供危险废物单据。

4.2.7 Bên B phải cung cấp các hồ sơ liên quan đến việc thu gom và xử lý chất thải cho Bên A, để Bên A có căn cứ ký hợp đồng và khi Bên A yêu cầu.

乙方必须向甲方提供与废物收集和处理有关的文件和资料，以便甲方有依据签署合同，以及在甲方要求的情况下提供。

ĐIỀU 5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

第 5 条：一般条款

5.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ký, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

双方承诺严格遵守所有已签署的条款，未经双方书面同意，任何一方均不得更改合同内容或单方面终止合同。违约方必须赔偿因其的违约行为对受害方造成的全部损失。

5.2 Mọi tranh chấp phát sinh đều được ưu tiên giải quyết trên tinh thần hợp tác, thương lượng. Nếu hai bên không tự giải quyết được vấn đề, cả hai cùng thống nhất sẽ đưa ra giải quyết theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành và theo quyết định Tòa án nhân dân TP. HCM hoặc Tòa án Kinh tế có thẩm quyền. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà cả hai bên đều phải tuân thủ. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu trách nhiệm thanh toán.

双方将本着合作和互利的精神优先处理所有纠纷。如果双方不能自行协商解决问题，双方将同意根据越南现行法律和胡志明市人民法院或主管经济法院的判决解决问题。法院的判决是双方必须遵循的最终判决。关于诉讼的所有费用应由败诉方承担。

5.3 Bên B có trách nhiệm photo và đóng dấu các giấy phép kinh doanh, giấy phép hành nghề xử lý chất thải theo yêu cầu của Luật Bảo vệ môi trường cho Bên A.

乙方负责复印并盖章“环境保护法”规定的营业执照、废物处理执业证书并将其交给甲方。

ĐIỀU 6. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

第 6 条：不可抗力的情况

6.1 Thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng là nghĩa vụ của các bên liên quan trong hợp đồng và cũng là một nguyên tắc luật định. Tuy nhiên, không phải lúc nào hợp đồng cũng được thực hiện một cách suôn sẻ. Vẫn có thể có những biến cố xảy ra làm ảnh hưởng đến quá trình thực hiện hợp đồng của các bên. Trong đó có những sự cố nằm ngoài khả năng dự đoán và kiểm soát của các bên, xảy ra không phải do lỗi của các bên, mà do các “sự kiện bất khả kháng” như: lũ lụt, hỏa hoạn, bão, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, đảo chính, đình công, cấm vận, thay đổi chính sách của chính phủ,….

严格履行合同是合同各方的义务，也是法律的规定。但是，合同并不总是能顺利进行，仍然可能发生影响双方履行合同的事件，其中，发生的事件超出各方的预测和控制能力范围，以及这些事件的发生不是由于各方的过错而是由于“不可抗力事件”，例如洪

水、火灾、暴风雨、地震、海啸、战争，暴动、政变、罢工、禁运、政府政策的改变等。

6.2 Khi có các sự kiện này xảy ra làm chậm trễ quá trình thực hiện hợp đồng của một trong các bên liên quan đến hợp đồng, thì bên xảy ra sự cố phải nhanh chóng thông báo cho Bên còn lại, để cùng nhau giải quyết các vấn đề phát sinh.

当发生此类事件而延误合同任何一方的合同履行时，则受不可抗力事件的影响的一方必须立即通知另一方，以共同解决问题。

ĐIỀU 7. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

第 7 条：合同的效力

7.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và kết thúc sau khi việc vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp, thanh toán chi phí xử lý hoàn tất.

本合同自签订之日起开始生效，并且自废物和工业废物的运输和处理工作结束以及处理费用支付完毕后清算。

7.2 Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng chỉ có hiệu lực thi hành bằng cách: Hai bên thỏa thuận ký kết phụ lục bổ sung hoặc ký kết hợp đồng mới. Phụ lục bổ sung hợp đồng là một bộ phận không thể tách rời với hợp đồng và có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản nào trong hợp đồng thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi.

合同内容的修改和补充仅在以下情况下有效：双方同意签署合同附录或签署新的合同。合同的附录是合同的不可分割的部分，并跟主合同具有相同的法律价值。如果合同附录中的条款与合同条款不一致，则视为主合同中的该条款已被修改。

7.3 Hợp đồng này gồm 07 (bảy) Điều, được lập thành 04 (bốn) bản. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau./.

本合同含有 07（柒）条款、以及一式 04（肆）份，每方各持 02（贰）份，具有相同的法律价值。

ĐẠI DIỆN BÊN A **甲方代表** **(CHỦ NGUỒN THẢI)** **（废物产生者）**	**ĐẠI DIỆN BÊN B** **乙方代表** **(ĐƠN VỊ VẬN CHUYỂN XỬ LÝ)** **废物运输和处理单位**
ZHANG ZHIXIANG	**ĐỖ HUY LỰC**

HTX XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THU GOM VÀ BỐC TẢI RÁC
Số: 48/2024/HĐTG-HTX

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14/06/2005 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;

Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIIII, kỳ họp thứ 10 thông qua;

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ vào năng lực và chức năng của HTX Xây dựng - Môi trường Trà Vinh;

Căn cứ quá trình khảo sát thực tế và nhu cầu của Công ty TNHH New Mingda Việt Nam;

Hôm nay, ngày 29 tháng 12 năm 2023, Chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

Đại diện là Ông: **YANG WENYI** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 0977 725 103 Fax: .....

Mã số thuế: 2100625866

Email: newmingdavn@gmail.com

BÊN B: HTX XÂY DỰNG – MÔI TRƯỜNG TRÀ VINH

Đại diện là Bà: **HUỲNH THỊ TUYẾT** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: 9/91B Phạm Ngũ Lão, K4, Phường 1, TPTV, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: 02943.853123; 0399 924 318

Mã số thuế: 2100570945

Tài khoản: 9101110047979 tại Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Trà Vinh

Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã số 580107000007 cấp lần đầu ngày 25/4/2014, đăng ký thay đổi lần 03 ngày 20/01/2020 do Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Trà Vinh cấp.

Hai bên thống nhất thỏa thuận các nội dung sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A dịch vụ thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt ("**dịch vụ**") theo các điều khoản và điều kiện của hợp đồng như sau:

1.1 Thực hiện dịch vụ tại: *Công ty TNHH New Mingda Việt Nam*

1.2 Địa điểm lấy rác thải: *ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.*

1.3 Phương tiện thu gom: xe ô tô chuyên dụng của bên B.

1.4 Số lần lấy rác/ngày: ngày lấy ngày nghĩ

1.5 Khối lượng rác: 10 thùng/240 lít/lần.

1.6. Giải thích từ ngữ

- Chất thải rắn sinh hoạt (rác thải sinh hoạt) là chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động sinh hoạt thường ngày của con người.

- Chất thải rắn bị từ chối là chất thải rắn không thuộc chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong hoạt động thường ngày của con người.

ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá trị hợp đồng:

STT	Nội dung công việc	Đơn giá (đồng/tháng)	Thời gian (tháng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
01	Vận chuyển rác thải sinh hoạt tại nơi tập kết rác của công ty	2.500.000	12	30.000.000	Đã gồm VAT
Tổng cộng				**30.000.000**	
(Số tiền bằng chữ: Ba mươi triệu đồng)					

2. Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản. Bên A sẽ thanh toán cho bên B hàng tháng (vào ngày 20-25 tây của tháng cung cấp dịch vụ) với số tiền là: **2.500.000 đồng** (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*

Thông tin chuyển khoản:

- Tên tài khoản: Hợp tác xã Xây dựng - Môi trường Trà Vinh

- Số tài khoản: 9101110047979 tại Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Trà Vinh

ĐIỀU 3: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Thời gian thực hiện hợp đồng: ***Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024***. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2024. Hợp đồng có thể được gia hạn bằng văn bản được ký kết theo quyết định của các bên.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

1. Trách nhiệm Bên A:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B trong quá trình thực hiện dịch vụ và thanh toán tiền cho Bên B đầy đủ theo điều 2 của hợp đồng này.

- Yêu cầu các chủ nguồn thải quản lý (phân loại theo đúng quy định), đảm bảo không thất thoát, giao rác đúng chủng loại và đặt tại vị trí đã thỏa thuận.

- Rác thải phải được tập kết vào thùng chứa hoặc túi nylon, tuyệt đối không để rơi rớt bên ngoài.

2. Trách nhiệm Bên B:

- Đảm bảo tuân thủ thời gian thực hiện dịch vụ như đã thỏa thuận;

- Đảm bảo thu gom rác thải sinh hoạt trong phạm vi dịch vụ đã thỏa thuận theo đúng **Điều 1** của hợp đồng này và đảm bảo các quy định, nội quy, yêu cầu về vệ sinh và môi trường trong quá trình thu gom (Bên B chỉ thu gom rác thải sinh hoạt trong thùng chứa, không gom rác khi chưa tập kết vào thùng chứa).

- Vận chuyển và xử lý rác thải theo quy định của chính quyền địa phương và theo các quy định về xử lý rác thải khác;

- Trong quá trình thực hiện dịch vụ đảm bảo vệ sinh, an toàn lao động và không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

ĐIỀU 5: LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

5.1 Hợp Đồng này được điều chỉnh bởi và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

5.2 Bất kỳ tranh chấp phát sinh theo hoặc liên quan đến hợp đồng này ("**tranh chấp**") trước tiên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hoà giải. Trong trường hợp các bên không giải quyết được tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày ra thông báo về tranh chấp, tranh chấp đó sẽ được giải quyết dứt điểm tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền. Phán quyết của Tòa án có hiệu lực thi hành, bên thua kiện chịu án phí.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hợp đồng có giá trị kể từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024. Sau 30 ngày kể từ khi hết hạn hợp đồng, nếu hai Bên không nợ nhau và không bên nào có ý kiến khác bằng văn bản thì hợp đồng sẽ tự động thanh lý.

- Nếu khối lượng rác vượt quá số lượng mà 02 bên đã ký hợp đồng, thì bên A phải thỏa thuận điều chỉnh giá thu gom rác cho phù hợp. Nếu không bên B sẽ không bốc tải số rác vượt quá số lượng mà 02 bên ghi trong hợp đồng.

- Hợp đồng này được hai bên cam kết thực hiện đầy đủ và nghiêm chỉnh; trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, hai bên sẽ cùng nhau trao đổi giải quyết trên cơ sở cả hai đều có lợi. Mọi thay đổi (nếu có) sẽ được lập thành phụ lục đính kèm.

- Trong thời hạn hợp đồng, nếu có phát sinh tranh chấp, thì đôi bên phải kịp thời thương lượng để cùng nhau giải quyết, nếu thương lượng không thành thì sẽ giải quyết tại toà án kinh tế thuộc tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng.

- Đôi bên đều có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo cho Bên kia biết bằng văn bản trước 45 ngày.

- Hợp đồng được lập thành 02 bản với đầy đủ các chữ ký và con dấu của hai Bên. Mỗi Bên giữ 01 bản, có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
YANG WENYI	HUỲNH THỊ TUYẾT

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT
(Phòng thử nghiệm được chỉ định)(1)

Số:242512/MT/082512/23

Ngày: 08/01/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Không khí 1 (Tại khu vực in)
   Tọa độ: 9°51'18,0"/106°20'54,8"
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 25/12/2023
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 25/12/2023 đến 06/01/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TỪ THIỆN**
   Quốc lộ 53, khóm Phước Trị, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
7. Lưu mẫu : Không ☑ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu,TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 082512
   - Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
   - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
   - Thời gian và địa điểm: Từ 13h00 - 14h30 ngày 25/12/2023 tại Công ty TNHH NEW MINGDA Việt Nam - Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm³	TCVN 5067:1995	69,15
2	Hàm lượng Benzen	µg/Nm³	NIOSH Method 1501	< 15,0(a)
3	Hàm lượng Toluene	µg/Nm³	NIOSH Method 1501	< 150(a)
4	Hàm lượng Xylen	µg/Nm³	NIOSH Method 1501	< 150(a)
5	Hàm lượng Styren	µg/Nm³	NIOSH Method 1501	< 150(a)

Ghi chú: - (1) được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM HÓA SINH

Nguyễn Hữu Thịnh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gởi đến.
   Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gởi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
   Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
   This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT
(Phòng thử nghiệm được chỉ định)(1)

Số:252512/MT/082512/23

Ngày: 08/01/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Không khí 2 (Tại khu vực thêu)
   Tọa độ: 9°51'12,9"/106°20'55,5"
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 25/12/2023
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 25/12/2023 đến 06/01/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TỪ THIỆN**
   Quốc lộ 53, khóm Phước Trị, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
7. Lưu mẫu : Không ☑ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu,TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 082512
   - Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
   - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
   - Thời gian và địa điểm: Từ 13h00 - 14h30 ngày 25/12/2023 tại Công ty TNHH NEW MINGDA Việt Nam -Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm³	TCVN 5067:1995	80,63
2	Hàm lượng Benzen	µg/Nm³	NIOSH Method 1501	< 15,0(a)
3	Hàm lượng Toluene	µg/Nm³	NIOSH Method 1501	< 150(a)
4	Hàm lượng Xylen	µg/Nm³	NIOSH Method 1501	< 150(a)
5	Hàm lượng Styren	µg/Nm³	NIOSH Method 1501	< 150(a)

Ghi chú: - (1) được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Nguyễn Hữu Thịnh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gởi đến.
   Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gởi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
   Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
   This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT
(Phòng thử nghiệm được chỉ định)(1)

Số:262512/MT/082512/23

Ngày: 08/01/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải (Tại ống thoát khí thải lò hơi)
   Tọa độ: 9°51'15,2"/106°20'52,5"
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 25/12/2023
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 25/12/2023 đến 06/01/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TỪ THIỆN**
   Quốc lộ 53, khóm Phước Trị, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
7. Lưu mẫu : Không ☑ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu,TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 082512
   - Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
   - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
   - Thời gian và địa điểm: Từ 13h00 - 14h30 ngày 25/12/2023 tại Công ty TNHH NEW MINGDA Việt Nam - Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Lưu lượng	m^3/giờ	US EPA Method 2	8.760
2	Hàm lượng bụi tổng	mg/Nm^3	US EPA Method 5	6,80
3	Nhiệt độ	°C	US EPA Method 2	129,1
4	Hàm lượng CO	mg/Nm^3	HD 5.7 - QT - 27	509
5	Hàm lượng NOx (Tính theo NO_2)	mg/Nm^3	HD 5.7 - QT - 27	2
6	Hàm lượng SO_2	mg/Nm^3	HD 5.7 - QT - 27	< 2,62

Ghi chú: - (1) được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019).

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Nguyễn Hữu Thịnh

KT. **GIÁM ĐỐC**
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gởi đến.
   Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gởi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
   Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
   This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT
(Phòng thử nghiệm được chỉ định)(1)

Số:272512/MT/082512/23

Ngày: 08/01/2024
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải (Sau HTXL NT tập trung của Công ty)
   Tọa độ: 9°51'16,3"/106°20'51,2"
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 2,2 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 25/12/2023
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 25/12/2023 đến 06/01/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TỪ THIỆN**
   Quốc lộ 53, khóm Phước Trị, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
7. Lưu mẫu : Không ☑ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu,TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 082512
   - Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
   - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
   - Thời gian và địa điểm: Từ 13h00 - 14h30 ngày 25/12/2023 tại Công ty TNHH NEW MINGDA Việt Nam - ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,73 (tại 29,8°C)
2	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	29,8
3	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	12,00
4	Hàm lượng BOD_5 (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	17
5	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	31
6	Hàm lượng Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	< 2,10(a)
7	Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	0,34
8	Hàm lượng tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	7,85

Ghi chú: - (1) được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử; - Xem tiếp KQTN trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Nguyễn Hữu Thịnh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gởi đến.
   Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gởi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
   Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
   This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số:272512/MT/082512/23

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT
(Phòng thử nghiệm được chỉ định)(1)

Ngày: 08/01/2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9	Hàm lượng Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 200.7	0,27
10	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,011
11	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 200.8	< 0,00024(a)
12	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	< 2,70(a)
13	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	7,9 x 10^1
14	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	< 0,00075(a)
15	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0015
16	Độ màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	18,42

CATECH

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gởi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gởi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PACIFIC
115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, KP4, P.Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, HCM.
Điện thoại: 0938624566
Email: moitruongpacific.jsc@gmail.com Web:moitruongpacific.com

VLAT - 1.0561
ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 303

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 06/10/2023 ***Số: 10.23.1240-1***

1. Khách hàng: **CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM**
2. Địa điểm lấy mẫu: Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, Châu Thành, Trà Vinh
3. Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 29/09/2023 Ngày trả kết quả: 06/10/2023
4. Loại mẫu: Không khí Số lượng: 01
5. Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
29.09.NMD.KK01	Khu vực in(b)	X:1082796 ; Y:0647970
29.09.NMD.KK02	Khu vực thêu(b)	X:1082610 ; Y:0647962

6. Phương pháp lấy mẫu/thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy mẫu/thử nghiệm
1.	Bụi	mg/m^3	TCVN 5067:1995
2.	Toluen(**)	$\mu g/m^3$	NOISH 1501

7. Kết quả:

Kết quả	Thông số	
	Bụi	**Toluen**
	(mg/m^3)	**($\mu g/m^3$)**
29.09.NMD.KK01	0,132	KPH (LOD=6,6)
29.09.NMD.KK02	0,090	KPH (LOD=6,6)
QCVN 02:2019/BYT	***8***	*--*
QCVN 03:2019/BYT	*--*	***300***

Ghi chú:
- *Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.*
- *(*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.*
- *(**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert 077*
- *(a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
- *(b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
- *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).*
- *KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).*

Phòng thử nghiệm **Giám đốc PACIFIC**

M.S.D.N: 0316698386 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PACIFIC - Q. BÌNH TÂN - T.P HỒ CHÍ MINH

Đinh Bảo Tiến Lê Thị Ngọc Huyền

PCF ENVIRONMENT
CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PACIFIC
115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, KP4, P.Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, HCM.
Điện thoại: 0938624566
Email: moitruongpacific.jsc@gmail.com Web:moitruongpacific.com
VLAT - 1.0561 ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 303

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 06/10/2023 *Số: 10.23.1204-1*

1. Khách hàng: **CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM**
2. Địa điểm lấy mẫu: Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, Châu Thành, Trà Vinh
3. Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 29/09/2023 Ngày trả kết quả: 06/10/2023
4. Loại mẫu: Khí thải Số lượng: 01
5. Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp quan trắc/ lấy mẫu
29.09.TNM.KT01	Ống thoát khí thải lò hơi	X:1082786; Y:0647892	US EPA Method 05, US EPA method 02, Testo 350

6. Kết quả:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc/thử nghiệm	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				29.09.TNM.KT01	
1.	Bụi tổng (PM)	mg/Nm^3	US EPA Method 05	58,3	200
2.	CO	mg/Nm^3	HD/KT – CO	295	1000
3.	SO_2	mg/Nm^3	HD/KT – SO_2	137	500
4.	NOx	mg/Nm^3	HD/KT – NOx	161	850
5.	Lưu lượng	m^3/h	US EPA method 02	5.189	--
6.	Nhiệt độ	°C	HD – Nhiệt độ	86,6	--

Ghi chú: – *Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.*
– *(*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.*
– *(**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.*
– *(a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
– *(b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
– *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).*
– *KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).*

Phòng thử nghiệm

Võ Văn Khoa

KT. Giám đốc
P. Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PACIFIC

Trần Thanh Tùng

PCF ENVIRONMENT
CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PACIFIC
115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, KP4, P.Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, HCM.
Điện thoại: 0938624566
Email: moitruongpacific.jsc@gmail.com Web:moitruongpacific.com
ilac-MRA AOSC VLAT - 1.0561 ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 303

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 06/10/2023 *Số: 10.23.1204 - 1*

1. Khách hàng: **CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM**
2. Địa điểm lấy mẫu: Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
3. Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 29/09/2023 Ngày trả kết quả: 06/10/2023
4. Loại mẫu: Nước thải Số lượng: 01
5. Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp quan trắc/lấy mẫu	Tình trạng/ thể tích mẫu
2909.NMD.NT01	Sau HTXLNT tập trung của công ty	X:1082785; Y:0647890	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011	Mẫu nước trong, ít cặn/2lít

6. Kết quả:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc/ thử nghiệm	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B
				2909.NMD.NT01	
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	28,5	40
2.	pH(*)	--	TCVN 6492:2011	6,90	5,5 – 9
3.	Độ màu(*)	Pt-Co	TCVN 6185:2015 (C)	24,0	150
4.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	35,0	100
5.	BOD_5	mgO_2/L	TCVN 6001-1:2008	42,6	50
6.	COD	mgO_2/L	SMEWW 5220C:2017	80,0	150
7.	$NH_4^{+(*)}$	mg/L	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017	2,60	10
8.	Tổng N	mg/L	TCVN 6638:2000	15,3	40
9.	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	1,60	6
10.	Fe(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,05)	5
11.	Pb(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0008)	0,5
12.	Cd(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0003)	0,1
13.	As(*)	mg/L	SMEWW 3114B:2017	KPH (MDL=0,01)	0,1

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc/ thử nghiệm	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B
				2909.NMD.NT01	
14.	Hg(*)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (MDL=0,0002)	0,01
15.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (MDL = 0,3)	10
16.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	4.500	5.000

Ghi chú: – *Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.*
– *(*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.*
– *(**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.*
– *(a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
– *(b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
– *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).*
– *KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).*

Phòng thử nghiệm **Giám đốc PACIFIC**

M.S.D.N: 0316698486 - C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PACIFIC ★ Q.BÌNH TÂN - T.P HỒ CHÍ MINH

Đinh Bảo Tiến

Lê Thị Ngọc Huyền

PCF ENVIRONMENT
CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PACIFIC
115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, KP4, P.Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, HCM.
Điện thoại: 0938624566
Email: moitruongpacific.jsc@gmail.com Web:moitruongpacific.com
ilac-MRA AOSC VLAT - 1.0561 ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 303

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 24/06/2023 *Số: 06.23.646 - 1*

1. Khách hàng: **CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM**
2. Địa điểm lấy mẫu: Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, Châu Thành, Trà Vinh
3. Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 16/06/2023 Ngày trả kết quả: 24/06/2023
4. Loại mẫu: Không khí Số lượng: 01
5. Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
1606.NMD.KK01	Khu vực in(b)	X:1082796 ; Y:0647970
1606.NMD.KK02	Khu vực thêu(b)	X:1082610 ; Y:0647962

6. Phương pháp lấy mẫu/thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy mẫu/thử nghiệm
1.	Bụi	mg/m^3	TCVN 5067:1995
2.	Toluen(**)	$\mu g/m^3$	NOISH 1501

7. Kết quả:

Kết quả	Thông số	
	Bụi	Toluen
	(mg/m^3)	($\mu g/m^3$)
1606.NMD.KK01	0,132	KPH (LOD=6,6)
1606.NMD.KK02	0,090	KPH (LOD=6,6)
QCVN 02:2019/BYT	*8*	--
QCVN 03:2019/BYT	--	*300*

Ghi chú:
- *Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.*
- *(*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.*
- *(**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert 077*
- *(a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
- *(b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
- *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).*
- *KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).*

Phòng thử nghiệm **Giám đốc PACIFIC**

Đinh Bảo Thiên Lê Thị Ngọc Huyền

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PACIFIC
115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, KP4, P.Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, HCM.
Điện thoại: 0938624566
Email: moitruongpacific.jsc@gmail.com Web:moitruongpacific.com

VLAT - 1.0561 ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 303

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 24/06/2023 *Số: 06.23.646 - 2*

1. Khách hàng: **CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM**
2. Địa điểm lấy mẫu: Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, Châu Thành, Trà Vinh
3. Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 16/06/2023 Ngày trả kết quả: 24/06/2023
4. Loại mẫu: Khí thải Số lượng: 01
5. Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp quan trắc/ lấy mẫu
1606.NMD.KT01	Ống thoát khí thải lò hơi	Testo 350 ; US EPA Method 05 ; US EPA Method 02

6. Kết quả:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc/thử nghiệm	Kết quả 1606.NMD.KT01	QCVN 19:2009/BTNMT
1.	Bụi tổng (PM)	mg/Nm^3	US EPA Method 05	42,5	**200**
2.	CO	mg/Nm^3	HD/KT – CO	623	**1000**
3.	SO_2	mg/Nm^3	HD/KT – SO_2	114	**500**
4.	NOx	mg/Nm^3	HD/KT – NOx	85,0	**850**
5.	Lưu lượng	m^3/h	US EPA method 02	6.550	--
6.	Nhiệt độ	°C	HD – Nhiệt độ	110	--

Ghi chú:
- *Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.*
- *(*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.*
- *(**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.*
- *(a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
- *(b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
- *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).*
- *KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).*

Phòng thử nghiệm **Giám đốc PACIFIC**

M.S.D.N: 0316698486 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PACIFIC - Q. BÌNH TÂN - T.P HỒ CHÍ MINH

Đinh Bảo Tiến Lê Thị Ngọc Huyền

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH
MÔI TRƯỜNG PACIFIC
115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, KP4, P.Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, HCM.
Điện thoại: 0938624566
Email: moitruongpacific.jsc@gmail.com Web:moitruongpacific.com

VLAT - 1.0561
ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 303

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 31/05/2023 *Số: 05.23.544 - 1*

1. Khách hàng: **CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM**
2. Địa điểm lấy mẫu: Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
3. Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 24/05/2023 Ngày trả kết quả: 31/05/2023
4. Loại mẫu: Nước thải Số lượng: 01
5. Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp quan trắc/lấy mẫu	Tình trạng/ thể tích mẫu
2405.TNM.NT01	Sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty	X:1082785 Y:0647890	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011	Mẫu nước trong, ít cặn/ 2 lít

6. Kết quả:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc/ thử nghiệm	Kết quả
				2405.TNM.NT01
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	28,0
2.	pH(*)	--	TCVN 6492:2011	7,10
3.	Độ màu(*)	Pt-Co	TCVN 6185:2015 (C)	25,0
4.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	40,0
5.	BOD_5	mgO_2/L	TCVN 6001-1:2008	43,5
6.	COD	mgO_2/L	SMEWW 5220C:2017	81,0
7.	$NH_4^{+(*)}$	mg/L	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017	2,60
8.	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	4,10
9.	Tổng N	mg/L	TCVN 6638:2000	15,0
10.	$Cl^{-(*)}$	mg/L	TCVN 6194: 1996	20,0
11.	$S^{2-(*)}$	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017	0,30
12.	Fe(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL = 0,05)
13.	Pb(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL = 0,0008)
14.	Mn(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL = 0,02)

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc/ thử nghiệm	Kết quả
				2405.TNM.NT01
15.	Cd(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL = 0,0003)
16.	As(*)	mg/L	SMEWW 3114B:2017	KPH (MDL = 0,001)
17.	Hg(*)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (MDL = 0,0002)
18.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (MDL = 0,3)
19.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	5.000

Ghi chú: – *Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.*
– *(*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.*
– *(**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.*
– *(a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
– *(b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
– *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).*
– *KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).*

Phòng thử nghiệm

Đinh Bảo Tiến

Giám đốc PACIFIC

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PACIFIC

Lê Thị Ngọc Huyền

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH
MÔI TRƯỜNG PACIFIC
115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, KP4, P.Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, HCM.
Điện thoại: 0938624566
Email: moitruongpacific.jsc@gmail.com Web:moitruongpacific.com

VLAT - 1.0561
ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 303

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 24/03/2023 ***Số: 03.23.230-1***

1. Khách hàng: **CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM**
2. Địa điểm lấy mẫu: Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, Châu Thành, Trà Vinh
3. Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 17/03/2023 Ngày trả kết quả: 24/03/2023
4. Loại mẫu: Không khí Số lượng: 02
5. Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
1703.TNM.KK01	Khu vực in(b)	X:1082796; Y:0647970
1703.TNM.KK02	Khu vực thêu(b)	X:1082610; Y:0647962

6. Phương pháp lấy mẫu/thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy mẫu/thử nghiệm
1.	Bụi	mg/m^3	TCVN 5067:1995

7. Kết quả:

Kết quả	Thông số
	Bụi
	(mg/m^3)
1703.TNM.KK01	0,116
1703.TNM.KK02	0,141
QCVN 02:2019/BYT	*8*

Ghi chú: – *Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.*
– *(*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.*
– *(**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.*
– *(a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
– *(b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
– *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).*
– *KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).*

Phòng thử nghiệm

Võ Văn Khoa

KT.Giám đốc
P.Giám đốc

M.S.D.N: 0316698486 – CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PACIFIC – Q. BÌNH TÂN - T.P HỒ CHÍ MINH

Trần Thanh Tùng

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH
MÔI TRƯỜNG PACIFIC
115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, KP4, P.Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, HCM.
Điện thoại: 0938624566
Email: moitruongpacific.jsc@gmail.com Web:moitruongpacific.com

VLAT - 1.0561
ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 303

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 24/03/2023 *Số: 03.23.230-3*

1. Khách hàng: **CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM**
2. Địa điểm lấy mẫu: Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, Châu Thành, Trà Vinh
3. Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 17/03/2023 Ngày trả kết quả: 24/03/2023
4. Loại mẫu: Khí thải Số lượng: 01
5. Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp quan trắc/ lấy mẫu
1703.TNM.KT01	Ống thoát khí thải lò hơi	X:1082786; Y:0647892	US EPA Method 05, US EPA method 02, Testo 350

6. Kết quả:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc/thử nghiệm	Kết quả 1703.TNM.KT01	QCVN 19:2009/BTNMT
1.	Bụi tổng (PM)	mg/Nm^3	US EPA Method 05	58,3	**200**
2.	CO	mg/Nm^3	HD/KT – CO	295	**1000**
3.	SO_2	mg/Nm^3	HD/KT – SO_2	137	**500**
4.	NOx	mg/Nm^3	HD/KT – NOx	161	**850**
5.	Lưu lượng	m^3/h	US EPA method 02	5.189	--
6.	Nhiệt độ	°C	HD – Nhiệt độ	86,6	--

Ghi chú: – *Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.*
– *(*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.*
– *(**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.*
– *(a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
– *(b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
– *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).*
– *KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).*

Phòng thử nghiệm

Võ Văn Khoa

KT Giám đốc
P. Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PACIFIC

Trần Thanh Tùng

PCF ENVIRONMENT
CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PACIFIC
115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, KP4, P.Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, HCM.
Điện thoại: 0938624566
Email: moitruongpacific.jsc@gmail.com Web:moitruongpacific.com
ilac-MRA AOSC VLAT - 1.0561 ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 303

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 24/03/2023 *Số: 03.23.230-2*

1. Khách hàng: **CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM**
2. Địa điểm lấy mẫu: Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, Châu Thành, Trà Vinh
3. Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 17/03/2023 Ngày trả kết quả: 24/03/2023
4. Loại mẫu: Nước thải Số lượng: 01
5. Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp quan trắc/lấy mẫu	Tình trạng/ thể tích mẫu
1703.TNM.NT01	Sau HTXLNT tập trung của công ty	X:1082785; Y:0647890	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011	Mẫu nước trong, ít cặn/2lít

6. Kết quả:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc/ thử nghiệm	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B
				1703.TNM.NT01	
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	29,1	40
2.	pH(*)	--	TCVN 6492:2011	6,85	5,5 – 9
3.	Độ màu(*)	Pt-Co	TCVN 6185:2015 (C)	16,8	150
4.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	31,5	100
5.	BOD_5	mgO_2/L	TCVN 6001-1:2008	31,8	50
6.	COD	mgO_2/L	SMEWW 5220C:2017	72,5	150
7.	$NH_4^{+(*)}$	mg/L	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017	1,85	10
8.	Tổng N	mg/L	TCVN 6638:2000	3,06	40
9.	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	0,987	6
10.	Fe(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,05)	5
11.	Pb(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0008)	0,5
12.	Cd(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0003)	0,1
13.	As(*)	mg/L	SMEWW 3114B:2017	KPH (MDL=0,01)	0,1
14.	Hg(*)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH	0,01

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc/ thử nghiệm	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B
				1703.TNM.NT01	
				(MDL=0,0002)	
15.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (MDL = 0,3)	10
16.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	4.500	5.000

Ghi chú: – *Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.*
– *(*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.*
– *(**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.*
– *(a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
– *(b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
– *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).*
– *KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).*

Phòng thử nghiệm

Võ Văn Khoa

KT Giám đốc
P. Giám đốc

Trần Thanh Tùng

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET
Coshet Environmental Technology Center
Trụ sở: LL4A Đường Tam Đảo, Phường 15, Quận 10, Tp.HCM
Điện thoại: 028.38680842
Email: trungtamcoshet@gmail.com

VILAS 444

Số : 579-05/24-2.8 / KQPT

Tp.HCM, ngày 10 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

2/ Địa chỉ : Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 30/05/2024

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m^3
2	VOCs - Styrene* - Toluen*	 NIOSH Method 1501 NIOSH Method 1501	 NIOSH Method 1501 NIOSH Method 1501	 0,015 mg/m^3 0,007 mg/m^3

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi (mg/m^3)	VOCs (mg/m^3)
579-05/24-2.8KKXQ1.Khu vực in	0,72	2,05
579-05/24-2.8KKXQ2.Khu vực thêu	0,37	KPH
QCVN 02:2019/BYT[(a)] QCVN 03:2019/BYT[(a)]	**6,25**	-
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động (Quyết định 3733/2002/ QĐ-BYT – 10/10/2002)	-	-

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(a)Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)
Kết quả thử nghiệm được tính ở nhiệt độ 25°C và áp suất tuyệt đối 760 mm thủy ngân, tương đương mg/Nm^3.
KPH: *Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET

Hà Thúy Ngọc Diễm

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET
Coshet Environmental Technology Center
Trụ sở: LL4A Đường Tam Đảo, Phường 15, Quận 10, Tp.HCM
Điện thoại: 028.38680842
Email: trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 579-05/24-2.8 / KQPT

Tp.HCM, ngày 10 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

2/ Địa chỉ : Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 30/05/2024

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	1,2 mg/Nm^3
2	CO*	SOP_HTKT01	-	0÷11400 mg/Nm^3
3	SO_2*	SOP_HTKT01	-	0÷13100 mg/Nm^3
4	NO_x*	SOP_HTKT01	-	NO: 0÷4920 mg/Nm^3 NO_2: 0÷2068 mg/Nm^3
5	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 – 4.521.600 m^3/h
6	Nhiệt độ*	SOP_HTKT02	-	0÷1200°C

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu Nguồn thải	Lưu lượng P (m^3/h)	Nhiệt độ (^{0}C)	Bụi (mg/Nm^3)	CO (mg/Nm^3)	SO_2 (mg/Nm^3)	NO_x (mg/Nm^3)
579-05/24-2.8KT Khí thải tại ống thoát khí thải lò hơi (X=592806; Y=1089850) (Đo tại nguồn thải)	5.058	89	108	267,9	KPH (<IDL= 2,62)	38,1
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	Cmax = C x Kp x Kv với Kp =1 và Kv = 1	-	**200**	**1000**	**500**	**850**

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
***KPH:** Không phát hiện(<IDL); **IDL:** Giới hạn phát hiện của thiết bị*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET

Hà Thụy Ngọc Diễm

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET
Coshet Environmental Technology Center
Trụ sở: LL4A Đường Tam Đảo, Phường 15, Quận 10, Tp.HCM
Điện thoại: 028.38680842
Email: trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 579-05/24-2.8 / KQPT

Tp.HCM, ngày 10 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

2/ Địa chỉ : Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 30/05/2024

4/ Loại mẫu : **579-05/24-2.8NT**.Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B Kq=0,9;Kf=1,1)	Phương pháp phân tích
-	Lấy và bảo quản Nước thải*	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
-	Lấy và bảo quản mẫu vi sinh*	-	-	-	-	TCVN 8880:2011
1	pH*(30,7^{0}C)	-	7,24	2÷12	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/L	18	1,5	**99**	SMEWW 2540.D:2023
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)*	mg/L	108	2,0	**148,5**	SMEWW 5220.C:2023
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD_5)*	mg/L	45	1,0	**49,5**	TCVN 6001-1:2021
5	Tổng nitơ**	mg/L	16,0	1,50	**39,6**	TCVN 6638:2000
6	Tổng phốt pho (tính theo P)**	mg/L	0,060	0,016	**5,94**	TCVN 6202:2008
7	Amoni (NH_4^+ tính theo N)**	mg/L	8,20	0,010	**9,9**	TCVN 6179-1:1996
8	Asen (As)*	mg/L	KPH	60×10^{-5}	**0,099**	TCVN 6626:2000
9	Thủy ngân (Hg)*	mg/L	KPH	25×10^{-5}	**0,0099**	TCVN 7877:2008
10	Chì (Pb)*	mg/L	KPH	0,0023	**0,495**	SMEWW 3113.B:2023
11	Cadimi (Cd)*	mg/L	KPH	0,00015	**0,099**	SMEWW 3113.B:2023
12	Sắt (Fe)**	mg/L	0,27	0,02	**4,95**	TCVN 6177:1996
13	Sunfua*	mg/L	0,13	0,015	**0,495**	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2023
14	Dầu, mỡ khoáng*	mg/L	1,8	0,3	**9,9**	SMEWW 5520.B&F:2023
15	Nhiệt độ*	^{o}C	30,7	4÷50	**40**	SMEWW 2550B:2023

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B Kq=0,9;Kf=1,1)	Phương pháp phân tích
16	Độ màu (tính theo Pt-Co)*	mg/L	10	1,5	**150**	SMEWW 2120.C:2023
17	Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	0,015	**0,99**	SMEWW 3111.B:2023
18	Clo dư*	mg/L	KPH	0,037	**1,98**	SMEWW 4500-Cl.G:2023
19	Coliform*	MPN/ 100mL	3.900	2	**5.000**	SMEWW 9221.B:2023

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: *Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET

Hà Thụy Ngọc Diễm

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET
Coshet Environmental Technology Center
Trụ sở: LL4A Đường Tam Đảo, Phường 15, Quận 10, Tp.HCM
Điện thoại: 028.38680842
Email: trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444

Số : 579-05/24-2.8 / KQPT

Tp.HCM, ngày 10 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM
2/ Địa chỉ : Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
3/ Thời gian lấy mẫu : 30/05/2024
4/ Loại mẫu : **579-05/24-2.8NM**.Nước mặt tại kênh cấp 3 Triển Giồng

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 08: 2023/BTNMT Mức B, Bảng 2	Phương pháp phân tích
-	Lấy và bảo quản mẫu Nước mặt*	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5994:1995, TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-4:2018
-	Lấy và bảo quản mẫu vi sinh*	-	-	-	-	TCVN 8880:2011
1	pH*(28,5^{0}C)	-	6,91	2÷12	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/L	65	1,5	≤ 100	SMEWW 2540.D:2023
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)*	mg/L	11	2,0	≤ 15	SMEWW 5220.C:2023
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD_5)*	mg/L	5	1,0	≤ 6	TCVN 6001-1:2021
5	Hàm lượng ôxy hòa tan (DO)*	mg/L	3,80	0÷16	≥ 5,0	TCVN 7325:2016
6	Tổng nitơ*	mg/L	1,15	0,015	≤ 1,5	SMEWW 4500-N.C:2023
7	Tổng phốt pho (tính theo P)**	mg/L	0,26	0,016	≤ 0,3	TCVN 6202:2008
8	Amoni (NH_4^+ tính theo N)**	mg/L	0,28	0,010	0,3$^{(d)}$	TCVN 6179-1:1996
9	Nitrit (NO_2^-, tính theo N)*	mg/L	0,19	0,006	0,05$^{(d)}$	SMEWW 4500-NO_2^-.B:2023
10	Nitrat (NO_3^-, tính theo N)*	mg/L	0,12	0,020	-	TCVN 6180:1996
11	Phosphat (PO_4^{3-}, tính theo P)**	mg/L	KPH	0,011	-	TCVN 6202:2008
12	Kẽm (Zn)*	mg/L	KPH	0,0030	0,5$^{(d)}$	SMEWW 3111.B:2023
13	Sắt (Fe)**	mg/L	1,30	0,02	0,5$^{(d)}$	TCVN 6177:1996
14	Coliform*	MPN/ 100mL	6.300	2	≤ 5.000	SMEWW 9221.B:2023

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử;* ***KPH:*** *Không phát hiện (< MDL)*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
(d): QCVN 08:2023/ BTNMT - Bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

Hà Thuỷ Ngọc Diễm

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET
Coshet Environmental Technology Center
Trụ sở: LL4A Đường Tam Đảo, Phường 15, Quận 10, Tp.HCM
Điện thoại: 028.38680842
Email: trungtamcoshet@gmail.com

VILAS 444

Số : 597-06/24-3.6 / KQPT

Tp.HCM, ngày 14 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

2/ Địa chỉ : Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 04/06/2024

4/ Loại mẫu : **597-06/24-3.6NT**.Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B Kq=0,9;Kf=1,1)	Phương pháp phân tích
-	Lấy và bảo quản Nước thải*	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
-	Lấy và bảo quản mẫu vi sinh*	-	-	-	-	TCVN 8880:2011
1	pH*(30,2^{0}C)	-	7,16	2÷12	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/L	21	1,5	**99**	SMEWW 2540.D:2023
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)*	mg/L	96	2,0	**148,5**	SMEWW 5220.C:2023
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD_5)*	mg/L	40	1,0	**49,5**	TCVN 6001-1:2021
5	Tổng nitơ**	mg/L	14,8	1,50	**39,6**	TCVN 6638:2000
6	Tổng phốt pho (tính theo P)**	mg/L	0,078	0,016	**5,94**	TCVN 6202:2008
7	Amoni (NH_4^+ tính theo N)**	mg/L	7,5	0,010	**9,9**	TCVN 6179-1:1996
8	Asen (As)*	mg/L	KPH	60×10^{-5}	**0,099**	TCVN 6626:2000
9	Thủy ngân (Hg)*	mg/L	KPH	25×10^{-5}	**0,0099**	TCVN 7877:2008
10	Chì (Pb)*	mg/L	KPH	0,0023	**0,495**	SMEWW 3113.B:2023
11	Cadimi (Cd)*	mg/L	KPH	0,00015	**0,099**	SMEWW 3113.B:2023
12	Sắt (Fe)**	mg/L	0,32	0,02	**4,95**	TCVN 6177:1996
13	Sunfua*	mg/L	0,11	0,015	**0,495**	SMEWW 4500-S^{2-} .B&D:2023
14	Dầu, mỡ khoáng*	mg/L	1,2	0,3	**9,9**	SMEWW 5520.B&F:2023
15	Nhiệt độ*	°C	30,5	4÷50	**40**	SMEWW 2550B:2023

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET
Coshet Environmental Technology Center
Trụ sở: LL4A Đường Tam Đảo, Phường 15, Quận 10, Tp.HCM
Điện thoại: 028.38680842
Email: trungtamcoshet@gmail.com

VILAS 444

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B Kq=0,9;Kf=1,1)	Phương pháp phân tích
16	Độ màu (tính theo Pt-Co)*	mg/L	9	1,5	**150**	SMEWW 2120.C:2023
17	Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	0,015	**0,99**	SMEWW 3111.B:2023
18	Clo dư*	mg/L	KPH	0,037	**1,98**	SMEWW 4500-Cl.G:2023
19	Coliform*	MPN/ 100mL	3.200	2	**5.000**	SMEWW 9221.B:2023

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: *Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET

Hà Thuỵ Ngọc Diễm

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET
Coshet Environmental Technology Center
Trụ sở: LL4A Đường Tam Đảo, Phường 15, Quận 10, Tp.HCM
Điện thoại: 028.38680842
Email: trungtamcoshet@gmail.com

VILAS 444

Số : 597-06/24-3.6 / KQPT

Tp.HCM, ngày 14 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

2/ Địa chỉ : Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 04/06/2024

4/ Loại mẫu : **597-06/24-3.6NM**. Nước mặt tại kênh cấp 3 Triền Giồng cách vị trí xả thải khoảng 100m về hạ nguồn

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 08: 2023/BTNMT Mức B, Bảng 2	Phương pháp phân tích
-	Lấy và bảo quản mẫu Nước mặt*	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5994:1995, TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-4:2018
-	Lấy và bảo quản mẫu vi sinh*	-	-	-	-	TCVN 8880:2011
1	Nhu cầu oxy hóa học (COD)*	mg/L	9	2,0	≤ 15	SMEWW 5220.C:2023
2	Nhu cầu oxy sinh học (BOD_5)*	mg/L	4	1,0	≤ 6	TCVN 6001-1:2021
3	Tổng nitơ*	mg/L	1,24	0,015	≤ 1,5	SMEWW 4500-N.C:2023
4	Tổng phốt pho (tính theo P)**	mg/L	0,18	0,016	≤ 0,3	TCVN 6202:2008
5	Amoni (NH_4^+ tính theo N)**	mg/L	0,22	0,010	0,3[(d)]	TCVN 6179-1:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử;* ***KPH:*** *Không phát hiện (< MDL)*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
(d): QCVN 08:2023/ BTNMT - Bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET

Hà Thụy Ngọc Diễm

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET
Coshet Environmental Technology Center
Trụ sở: LL4A Đường Tam Đảo, Phường 15, Quận 10, Tp.HCM
Điện thoại: 028.38680842
Email: trungtamcoshet@gmail.com

VILAS 444

Số : 612-06/24-2.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 17 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

2/ Địa chỉ : Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 07/06/2024

4/ Loại mẫu : **612-06/24-2.1NT**.Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B Kq=0,9;Kf=1,1)	Phương pháp phân tích
-	Lấy và bảo quản Nước thải*	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
-	Lấy và bảo quản mẫu vi sinh*	-	-	-	-	TCVN 8880:2011
1	pH*(31,1^{0}C)	-	7,31	2÷12	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/L	20	1,5	**99**	SMEWW 2540.D:2023
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)*	mg/L	96	2,0	**148,5**	SMEWW 5220.C:2023
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD_5)*	mg/L	43	1,0	**49,5**	TCVN 6001-1:2021
5	Tổng nito**	mg/L	15,5	1,50	**39,6**	TCVN 6638:2000
6	Tổng phốt pho (tính theo P)**	mg/L	0,060	0,016	**5,94**	TCVN 6202:2008
7	Amoni (NH_4^+ tính theo N)**	mg/L	8,1	0,010	**9,9**	TCVN 6179-1:1996
8	Asen (As)*	mg/L	KPH	60×10^{-5}	**0,099**	TCVN 6626:2000
9	Thủy ngân (Hg)*	mg/L	KPH	25×10^{-5}	**0,0099**	TCVN 7877:2008
10	Chì (Pb)*	mg/L	KPH	0,0023	**0,495**	SMEWW 3113.B:2023
11	Cadimi (Cd)*	mg/L	KPH	0,00015	**0,099**	SMEWW 3113.B:2023
12	Sắt (Fe)**	mg/L	0,24	0,02	**4,95**	TCVN 6177:1996
13	Sunfua*	mg/L	0,10	0,015	**0,495**	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2023
14	Dầu, mỡ khoáng*	mg/L	1,7	0,3	**9,9**	SMEWW 5520.B&F:2023
15	Nhiệt độ*	°C	30,4	4÷50	**40**	SMEWW 2550B:2023

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET
Coshet Environmental Technology Center
Trụ sở: LL4A Đường Tam Đảo, Phường 15, Quận 10, Tp.HCM
Điện thoại: 028.38680842
Email: trungtamcoshet@gmail.com

VILAS 444

VIMCERTS 026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B Kq=0,9;Kf=1,1)	Phương pháp phân tích
16	Độ màu (tính theo Pt-Co)*	mg/L	12	1,5	**150**	SMEWW 2120.C:2023
17	Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	0,015	**0,99**	SMEWW 3111.B:2023
18	Clo dư*	mg/L	KPH	0,037	**1,98**	SMEWW 4500-Cl.G:2023
19	Coliform*	MPN/ 100mL	4.100	2	**5.000**	SMEWW 9221.B:2023

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: *Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET

Hà Thụy Ngọc Diễm

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET
Coshet Environmental Technology Center
Trụ sở: LL4A Đường Tam Đảo, Phường 15, Quận 10, Tp.HCM
Điện thoại: 028.38680842
Email: trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444

Số : 612-06/24-2.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 17 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

2/ Địa chỉ : Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 07/06/2024

4/ Loại mẫu : **612-06/24-2.1NM.** Nước mặt tại kênh cấp 3 Triền Giồng cách vị trí xả thải khoảng 100m về hạ nguồn

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 08: 2023/BTNMT Mức B, Bảng 2	Phương pháp phân tích
-	Lấy và bảo quản mẫu Nước mặt*	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5994:1995, TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-4:2018
-	Lấy và bảo quản mẫu vi sinh*	-	-	-	-	TCVN 8880:2011
1	Nhu cầu oxy hóa học (COD)*	mg/L	10	2,0	≤ 15	SMEWW 5220.C:2023
2	Nhu cầu oxy sinh học (BOD_5)*	mg/L	5	1,0	≤ 6	TCVN 6001-1:2021
3	Tổng nitơ*	mg/L	1,06	0,015	≤ 1,5	SMEWW 4500-N.C:2023
4	Tổng phốt pho (tính theo P)**	mg/L	0,20	0,016	≤ 0,3	TCVN 6202:2008
5	Amoni (NH_4^+ tính theo N)**	mg/L	0,16	0,010	0,3(d)	TCVN 6179-1:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử;* ***KPH:*** *Không phát hiện (< MDL)*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
(d): QCVN 08:2023/ BTNMT - Bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET

Hà Thụy Ngọc Diễm

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET
Coshet Environmental Technology Center
Trụ sở: LL4A Đường Tam Đảo, Phường 15, Quận 10, Tp.HCM
Điện thoại: 028.38680842
Email: trungtamcoshet@gmail.com

Số : 624-06/24-3.4 / KQPT

Tp.HCM, ngày 20 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

2/ Địa chỉ : Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 10/06/2024

4/ Loại mẫu : **624-06/24-3.4NM**. Nước mặt tại kênh cấp 3 Triền Giồng cách vị trí xả thải khoảng 100m về hạ nguồn

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 08: 2023/BTNMT Mức B, Bảng 2	Phương pháp phân tích
-	Lấy và bảo quản mẫu Nước mặt*	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5994:1995, TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-4:2018
-	Lấy và bảo quản mẫu vi sinh*	-	-	-	-	TCVN 8880:2011
1	Nhu cầu oxy hóa học (COD)*	mg/L	13	2,0	≤ 15	SMEWW 5220.C:2023
2	Nhu cầu oxy sinh học (BOD_5)*	mg/L	6	1,0	≤ 6	TCVN 6001-1:2021
3	Tổng nitơ*	mg/L	1,19	0,015	≤ 1,5	SMEWW 4500-N.C:2023
4	Tổng phốt pho (tính theo P)**	mg/L	0,24	0,016	≤ 0,3	TCVN 6202:2008
5	Amoni (NH_4^+ tính theo N)**	mg/L	0,24	0,010	0,3[(d)]	TCVN 6179-1:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử;* ***KPH:*** *Không phát hiện (< MDL)*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
(d): QCVN 08:2023/ BTNMT - Bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET

Hà Thúy Ngọc Diễm

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET
Trụ sở: LL4A Đường Tam Đảo, Phường 15, Quận 10, TP.HCM
Điện thoại: 028.38680842 - Fax: 028.38680869

VILAS 444 | VIMCERTS 026

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Ngày: 30 / 05 / 2024

Số: 579.05/24.98

Đơn vị yêu cầu:

Tên công ty: Công Ty TNHH NEW MINGDA Việt Nam

Địa chỉ: ấp Thanh Ngãi A, Xã Mỹ Chánh, H Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Loại mẫu	Chỉ tiêu	SL	Mã số	Loại mẫu	Chỉ tiêu	SL	Mã số
Vi khí hậu	Ồn		KQĐ	Khác	Rung		
	Nhiệt độ				Định vị		
	Độ ẩm				Đất		
	Gió				Bùn		
	Ánh sáng				Tiếng ồn	01	579.05/24.98N1
Khí xung quanh	Bụi	02	579.05/24.98KH1,2	Khí tại nguồn	Bụi	01	nt
	CO VOCs	02	nt		CO	01	nt
	SO_2				SO_2	01	nt
	NO_2				NO_x	01	nt
	CTĐB/SL:				CTĐB/SL:		

Loại mẫu	Loại nước	SL	Mã số	Loại nước	SL	Mã số
Nước	NN			NTSX (trước/ sau xử lý)	01	579.05/24.98N1
	NM	01	579.05/24.98M1	NTSH (trước/ sau xử lý)	01	

Chú thích vị trí:

KH1: Tại khu vực in

KH2: Tại khu vực thổi

KT: Ống thải tại ống thoát khí thải lò hơi

NT: Nước thải sau HTXL nước thải tập trung

Chú thích vị trí:

NM1: Nước mặt tại kênh cấp 2 khu Công

Chú thích:

SL : số lượng
CTĐB : Chỉ tiêu đặc biệt
KQĐ : Không quy định
NTSH : Nước thải sinh hoạt
NTSX : Nước thải sản xuất
NM : Nước mặt
NN : Nước ngầm

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ LẤY MẪU	ĐẠI DIỆN GIÁM SÁT	ĐẠI DIỆN CÔNG TY
Nhân Ngọc Quý	Châu Thị Thung	

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET
Trụ sở: LL4A Đường Tam Đảo, Phường 15, Quận 10, TP.HCM
Điện thoại: 028.38680842 - Fax: 028.38680869

VILAS 444 | VIMCERTS 026

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Ngày: 04 / 06 / 2024

Số: 597_06/24-3.6

Đơn vị yêu cầu:

Tên công ty: Công Ty TNHH NEW HINADA Việt Nam

Địa chỉ: ấp Thạnh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, H. Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Loại mẫu	Chỉ tiêu	SL	Mã số	Loại mẫu	Chỉ tiêu	SL	Mã số
Vi khí hậu	Ồn		KQĐ	Khác	Rung		
	Nhiệt độ				Định vị		
	Độ ẩm				Đất		
	Gió				Bùn		
	Ánh sáng						
Khí xung quanh	Bụi			Khí tại nguồn	Bụi		
	CO				CO		
	SO_2				SO_2		
	NO_2				NO_x		
	CTĐB/SL:				CTĐB/SL:		

Loại mẫu	Loại nước	SL	Mã số	Loại nước	SL	Mã số
Nước	NN			NTSX (trước/ sau xử lý)	01	597.06/24-3.6 NT
	NM	01	597.06/24-3.6 NM	NTSH (trước/ sau xử lý)		

Chú thích vị trí:

NT: Nhà Hải sau khi xử lý nhà Hải Lợi Trung

NM: Nhánh mặt trái Lonh Cống 3 Thái Công Ý

Chú thích vị trí:

Chú thích:
- SL : số lượng
- CTĐB : Chỉ tiêu đặc biệt
- KQĐ : Không quy định
- NTSH : Nước thải sinh hoạt
- NTSX : Nước thải sản xuất
- NM : Nước mặt
- NN : Nước ngầm

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ LẤY MẪU	ĐẠI DIỆN GIÁM SÁT	ĐẠI DIỆN CÔNG TY
Mai Ngọc Quý		Kim Thị Hồng Thúy

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET
Trụ sở: LL4A Đường Tam Đảo, Phường 15, Quận 10, TP.HCM
Điện thoại: 028.38680842 - Fax: 028.38680869

VILAS 444 | VIMCERTS 026

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Ngày: 07/ 06/ 2024

Số: 619-06/24-9.1

Đơn vị yêu cầu:

Tên công ty: Công Ty TNHH NEW MINADA Việt Nam

Địa chỉ: ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Thạnh B, H. Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Loại mẫu	Chỉ tiêu	SL	Mã số	Loại mẫu	Chỉ tiêu	SL	Mã số
Vi khí hậu	Ồn		KQĐ	Khác	Rung		
	Nhiệt độ				Định vị		
	Độ ẩm				Đất		
	Gió				Bùn		
	Ánh sáng						
Khí xung quanh	Bụi			Khí tại nguồn	Bụi		
	CO				CO		
	SO_2				SO_2		
	NO_2				NO_x		
	CTĐB/SL:				CTĐB/SL:		

Loại mẫu	Loại nước	SL	Mã số	Loại nước	SL	Mã số
Nước	NN			NTSX (trước/ sau xử lý)	01	619-06/24-9.1NT
	NM	01	619-06/24-9.1 NM1	NTSH (trước/ sau xử lý)		

Chú thích vị trí:

NT: Nước thải sau HTXL trước thải ra sông Tiền

NM1: Nước mặt tại kênh cấp 2 Thuận Giáng

Chú thích vị trí:

Chú thích: SL : số lượng; CTĐB : Chỉ tiêu đặc biệt; KQĐ : Không quy định; NTSH : Nước thải sinh hoạt; NTSX : Nước thải sản xuất; NM : Nước mặt; NN : Nước ngầm

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ LẤY MẪU	ĐẠI DIỆN GIÁM SÁT	ĐẠI DIỆN CÔNG TY
Mai Ngọc Quý		Kiều Thị Thoa Thương

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET
Trụ sở: LL4A Đường Tam Đảo, Phường 15, Quận 10, TP.HCM
Điện thoại: 028.38680842 - Fax: 028.38680869

VILAS 444 | VIMCERTS 026

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Ngày: 10 / 06 / 2024

Số: 694.06/24-34

Đơn vị yêu cầu:

Tên công ty: Công Ty TNHH NEW MINGDA Việt Nam

Địa chỉ: Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Thạnh, H. Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Loại mẫu	Chỉ tiêu	SL	Mã số	Loại mẫu	Chỉ tiêu	SL	Mã số
Vi khí hậu	Ồn		KQĐ	Khác	Rung		
	Nhiệt độ				Định vị		
	Độ ẩm				Đất		
	Gió				Bùn		
	Ánh sáng						
Khí xung quanh	Bụi			Khí tại nguồn	Bụi		
	CO				CO		
	SO_2				SO_2		
	NO_2				NO_x		
	CTĐB/SL:				CTĐB/SL:		

Loại mẫu	Loại nước	SL	Mã số	Loại nước	SL	Mã số
Nước	NN			NTSX (trước/ sau xử lý)		
	NM	01	694.06/24-34.NM	NTSH (trước/ sau xử lý)		

Chú thích vị trí: NM: Nước mặt tại kênh Cặp 3 Trapeo Công

Chú thích vị trí:

Chú thích:
SL : số lượng
CTĐB : Chỉ tiêu đặc biệt
KQĐ : Không quy định
NTSH : Nước thải sinh hoạt
NTSX : Nước thải sản xuất
NM : Nước mặt
NN : Nước ngầm

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ LẤY MẪU	ĐẠI DIỆN GIÁM SÁT	ĐẠI DIỆN CÔNG TY
Mai Ngọc Quý	Châu Thị Thuý	Kim Thị Hoài Thương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 303

(Cấp lần 01)

Tên tổ chức:

Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC

Trụ sở chính:

Số 115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định số *1224* /QĐ-BTNMT ngày *08* tháng *6* năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Lê Thị Ngọc Huyền Chức vụ: Giám đốc

CCCD số 079193012135 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21 tháng 12 năm 2021

Thời hạn của Giấy chứng nhận: 03 năm

Từ ngày *08* tháng *6* năm 2022

Đến ngày *07* tháng *6* năm 2025

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

1. Nước:		
- Nước mặt:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 08 thông số
- Nước dưới đất:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 08 thông số
- Nước biển:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Nước thải:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 03 thông số
2. Khí		
- Không khí xung quanh:	Lấy mẫu: 08 thông số	Đo tại hiện trường: 05 thông số
- Khí thải:	Lấy mẫu: 15 thông số	Đo tại hiện trường: 12 thông số
3. Đất:	Lấy mẫu: 01 thông số	
4. Trầm tích:	Lấy mẫu: 01 thông số	
5. Bùn thải:	Lấy mẫu: 01 thông số	
6. Chất thải rắn:	Lấy mẫu: 01 thông số	

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Nước:	
- Nước mặt:	36 thông số
- Nước dưới đất:	33 thông số
- Nước biển:	22 thông số
- Nước thải:	32 thông số
2. Khí:	
- Không khí xung quanh:	07 thông số
- Khí thải:	12 thông số
3. Đất:	14 thông số
4. Trầm tích:	10 thông số
5. Bùn thải:	12 thông số
6. Chất thải rắn:	11 thông số

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận:

1. Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC

Địa chỉ: Số 115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực: **Quan trắc môi trường**
(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số: 1224 /QĐ-BTNMT ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

2. Số đăng ký: **303/TN-QTMT**.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT TP Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL (10).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 1224 /QĐ-BTNMT	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình thí điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận **"Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC"**, địa chỉ tại Số 115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký **303/TN-QTMT**) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số **VIMCERTS 303**) theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi được chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TNMT TP Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL (09).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 38 /GCN-BTNMT	*Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2023*

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ;

Căn cứ kết quả thẩm định về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

CHỨNG NHẬN:

1. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ

Địa chỉ: Số 45 đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 02923.830.353; Email: catech@cantho.gov.vn.

Đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo.

2. Mã số chứng nhận: **VIMCERTS 019**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực ba (03) năm kể từ ngày ký đến hết ngày 26 tháng 10 năm 2026.

4. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật hiện hành và quan trắc theo đúng phạm vi được chứng nhận./.

Nơi nhận:
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ;
- Sở TN&MT thành phố Cần Thơ;
- Lưu: VT, VPMC, CKSONMT, QTMT (10).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Võ Tuấn Nhân

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 8838 /BTNMT-KSONMT	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
V/v thay đổi tên và địa điểm phòng thí nghiệm của tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số VIMCERTS 026)	*Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2023*

Kính gửi: Trung tâm Công nghệ môi trường COSHET

(địa chỉ: LL 4A đường Tam Đảo, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh)

Phúc đáp Công văn số 18/CV2023 ngày 22 tháng 9 năm 2023 của quý Trung tâm về việc thay đổi tên Trung tâm và địa chỉ phòng thí nghiệm mã VIMCERTS 026, sau khi xem xét, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Trung tâm Tư vấn Công nghệ môi trường và An Toàn vệ sinh lao động đã được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo Giấy chứng nhận số 28/GCN-BTNMT ngày 07 tháng 9 năm 2023, mã số VIMCERTS 026, địa chỉ phòng thí nghiệm tại số 286/8A Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Trung tâm đã được đổi tên thành **Trung tâm Công nghệ môi trường COSHET** và hoàn thành việc chuyển phòng thí nghiệm đến địa điểm mới tại **LL4A đường Tam Đảo, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh**.

2. Trung tâm Công nghệ môi trường COSHET có trách nhiệm thực hiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật hiện hành và thực hiện hoạt động quan trắc môi trường theo đúng phạm vi được chứng nhận tại Giấy chứng nhận số 28/GCN-BTNMT nêu trên.

Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi quý Trung tâm để biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở TNMT TP Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, KSONMT, QTMT (6).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 28 /GCN-BTNMT	*Hà Nội, ngày 07 tháng 9 năm 2023*

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Trung tâm Tư vấn công nghệ môi trường và An toàn vệ sinh lao động;

Căn cứ kết quả thẩm định về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Trung tâm Tư vấn công nghệ môi trường và An toàn vệ sinh lao động;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

CHỨNG NHẬN:

1. Trung tâm Tư vấn công nghệ môi trường và An toàn vệ sinh lao động

Địa chỉ: Số 286/8A Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.38680842; Email: trungtamcoshet@gmail.com.

Đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo.

2. Mã số chứng nhận: **VIMCERTS 026**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực ba (03) năm kể từ ngày ký đến hết ngày 06 tháng 9 năm 2026. Chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (Mã số VIMCERTS 026) ban hành kèm theo Quyết định số 2045/QĐ-BTNMT ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy chứng nhận này có hiệu lực.

4. Trung tâm Tư vấn công nghệ môi trường và An toàn vệ sinh lao động phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật hiện hành và quan trắc theo đúng phạm vi được chứng nhận./.

Nơi nhận:
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Trung tâm Tư vấn công nghệ môi trường và An toàn vệ sinh lao động;
- Sở TN&MT Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, CKSONMT, QTMT (10).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Võ Tuấn Nhân

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

MINISTRY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
BUREAU OF ACCREDITATION (BoA)

Member of ILAC/APAC MRA

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN
Certificate of Accreditation

Phòng thí nghiệm:

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG (COSHET)

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHẠM NGỌC

Laboratory:

CONSULTANCY CENTER OF OCCUPATIONAL SAFETY HEALTH AND ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY (COSHET)

PHAM NGOC SERVICE TRADING CO.,LTD

Địa điểm PTN/ Lab location:

286/8A Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của

has been assessed and found to conform with the requirements of

ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực công nhận

Field of Accreditation

HÓA, SINH

Chemical, Biological

Mã số

Accreditation No

VILAS 444

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
(Director of Bureau of Accreditation)

VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

PHAN THỊ THU HÀ

Ngày/ Date of Issue: 03/03/2023 (Annex of decision: 116.2023/QĐ-VPCNCL date 03/03/2023)
Hiệu lực công nhận/ Period of validation: up to 03/03/2026
Hiệu lực lần đầu/ Beginning of accreditation: 07/10/2010

Ký bởi: Văn phòng Công nhận chất lượng
Ngày ký: 06-02-2024 08:34:03 +07:00

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
VĂN PHÒNG
CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 163 /QĐ-VPCNCL

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận phòng thí nghiệm

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

- *Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Qui chuẩn kỹ thuật ngày 30 tháng 6 năm 2006;*
- *Căn cứ Quyết định số 2058/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 07 năm 2018 về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Văn phòng Công nhận Chất lượng;*
- *Căn cứ cuộc đánh giá giám sát, chuyển địa điểm Phòng thí nghiệm Vilas 444 ngày 27-28/11/2023;*
- *Theo đề nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá và Ban thẩm xét.*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận Phòng thí nghiệm:

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHẠM NGỌC

phù hợp theo các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 với phạm vi công nhận như được đề cập trong Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Phòng thí nghiệm mang số hiệu: **VILAS 444**

Điều 3: Phòng thí nghiệm được công nhận ở Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận theo quy định hiện hành.

Điều 4: Trước khi cung cấp dịch vụ thử nghiệm, Phòng thí nghiệm phải đáp ứng đủ các điều kiện để được cung cấp dịch vụ thử nghiệm theo các quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam.

Điều 5: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 06 tháng 02 năm 2024 đến ngày 03 tháng 03 năm 2026 và Phòng thí nghiệm sẽ chịu sự giám sát định kỳ mỗi năm một lần.

Điều 6: Quyết định này thay thế quyết định số 116.2023/QĐ-VPCNCL ngày 03 tháng 03 năm 2023 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng.

Nơi nhận:
- Như Điều 1;
- HS đánh giá;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

TRẦN THỊ THU HÀ

PHỤ LỤC 2
BẢN VẼ THIẾT KẾ

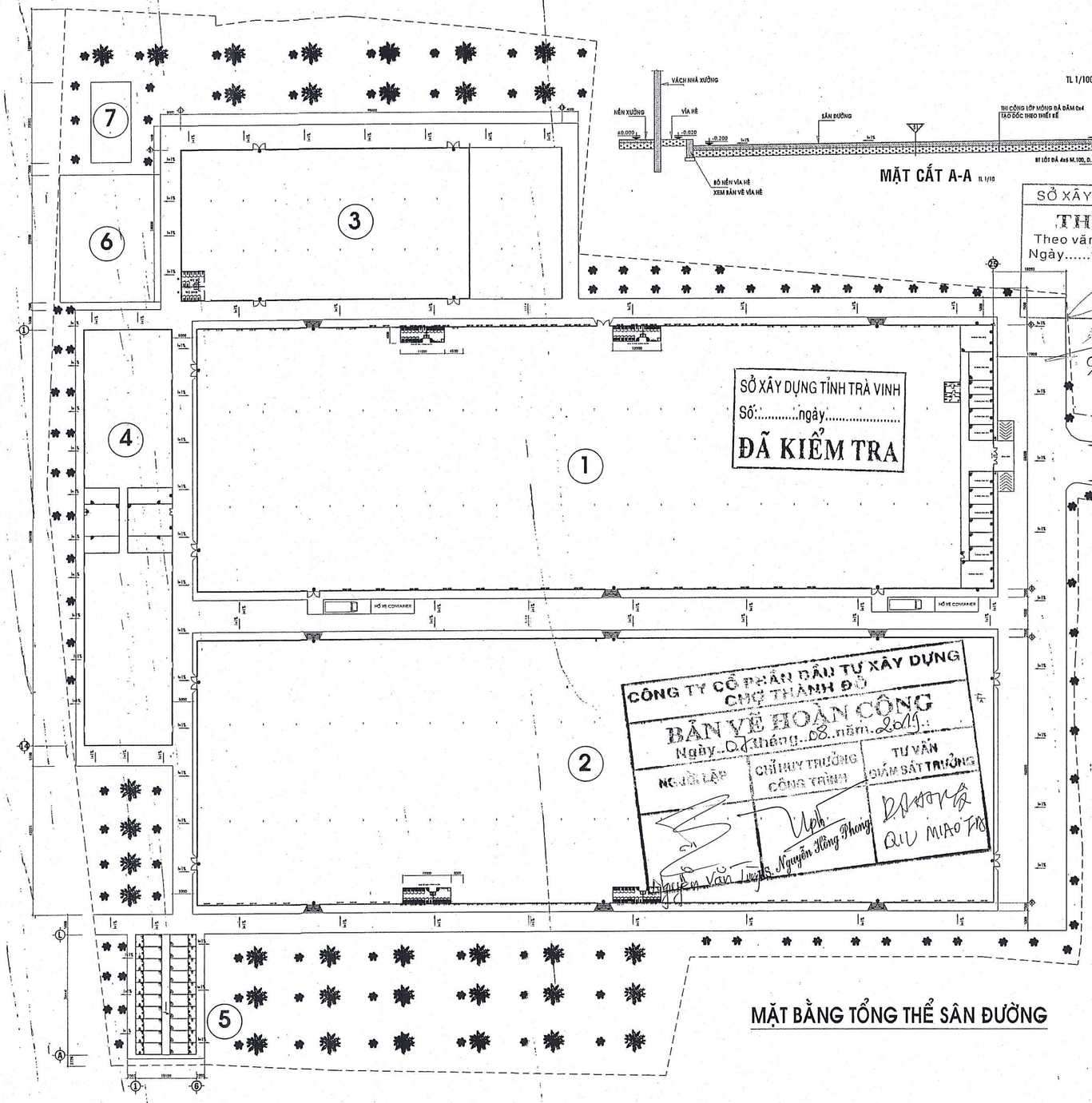

MẶT BẰNG TỔNG THỂ SÂN ĐƯỜNG

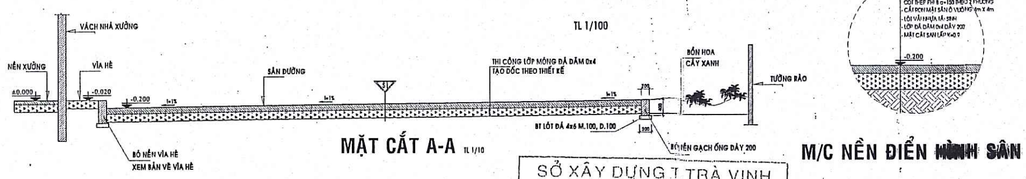

MẶT CẮT A-A TL 1/10

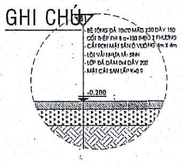

M/C NỀN ĐIỂN HÌNH SÂN S1

SỞ XÂY DỰNG T.TRÀ VINH
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KQTĐ
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Trần Võ Khương

LƯƠNG VĂN HẢI

1. XƯỞNG CHÍNH 1 (S= 66m x 198m = 13.068 m2)
2. XƯỞNG CHÍNH 2 (S= 66m x 198m = 13.068 m2)
3. XƯỞNG PHỤ 1 (S= 38m x 95m = 3.610 m2)
4. XƯỞNG PHỤ 2 (S= 104m x 22m = 2288 m2)
5. KÝ TÚC XÁ (S= 15.1 m x 30m = 453.0 m2)
6. BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI (S= 25m x 32m = 800 m2)
7. HỒ NƯỚC PCCC (S= 20m x 10m = 200 m2)
8. NHÀ BẢO VỆ (S= 4m x 6m = 24 m2)

- SÂN ĐƯỜNG S tổng = 11.519 m²
- VỈA HÈ S tổng = 2.037 m²

GHI CHÚ

HIỆU CHỈNH

NGÀY HT	KÝ HIỆU	

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP TRÀ VINH
TRA VINH GENERAL CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

XƯỞNG THIẾT KẾ XÂY DỰNG DD&CN

ĐỊA CHỈ: SỐ 310 - MẬU THÂN - PHƯỜNG 9 - THÀNH PHỐ TRÀ VINH - TỈNH TRÀ VINH
ĐT: (0294) 3858130; 0918940; 3856105; FAX (0294) 3856940; EMAIL: tvxdthtv@yahoo.com.vn

P. GIÁM ĐỐC

KTS. BÙI THANH QUANG

P. XƯỞNG TRƯỞNG KS: VÕ VŨ LINH	
CHỦ NHIỆM KTS. BÙI THANH QUANG	
CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC KTS: BÙI THANH QUANG	
THIẾT KẾ KIẾN TRÚC KTS: BÙI THANH QUANG	
THỂ HIỆN Ths.KS: MAI VĂN MINH	
PHÒNG QLKT KTS. NGÔ VĂN HIẾU	

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC NEW MINGDA

ĐỊA ĐIỂM XD: ẤP THANH NGUYÊN, XÃ MỸ CHÁNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

HẠNG MỤC:

SÂN ĐƯỜNG

BƯỚC THIẾT KẾ:

- ☐ THIẾT KẾ CƠ SỞ
- ☐ HOÀN CÔNG
- ☐ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
- ☐ HIỆN TRẠNG
- ☐ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
- ☐ HIỆU CHỈNH

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG TỔNG THỂ SÂN ĐƯỜNG
MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH

HT: --/--/2018 | TKKT | 01/02

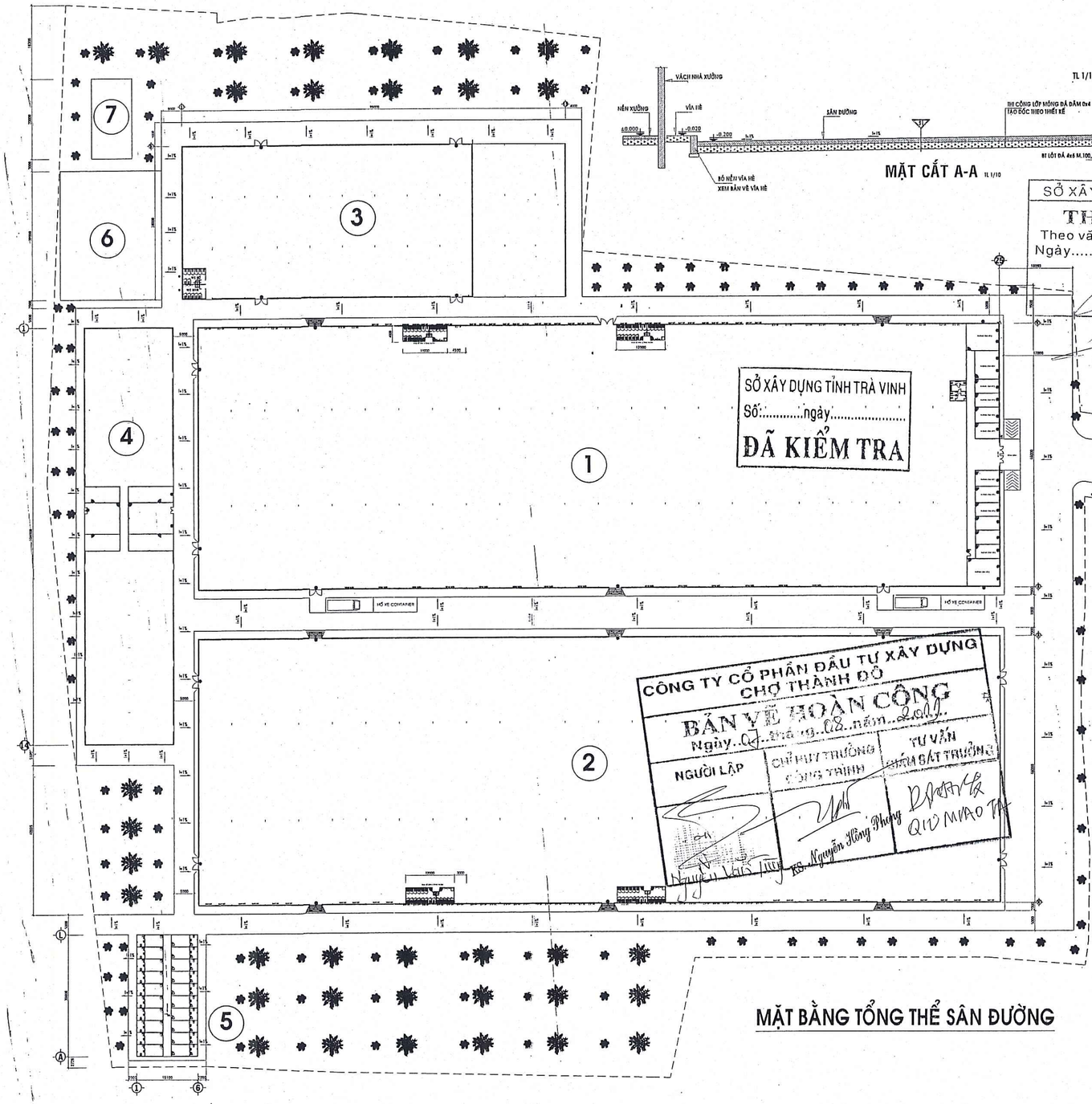

MẶT BẰNG TỔNG THỂ SÂN ĐƯỜNG

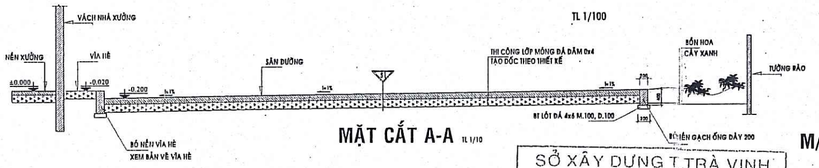

MẶT CẮT A-A TL 1/10

M/C NỀN ĐIỂN HÌNH SÂN S1

SỞ XÂY DỰNG T.TRÀ VINH
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KQTĐ
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Trần Văn Khương

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NỀN TẢNG VÀNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số: ...01/ZRCTT.
Ngày: 15 tháng 01 Năm 2019.
Ký tên:

LƯƠNG VĂN HẢI

1. XƯỞNG CHÍNH 1 (S= 66m x 198m = 13.068 m2)
2. XƯỞNG CHÍNH 2 (S= 66m x 198m = 13.068 m2)
3. XƯỞNG PHỤ 1 (S= 38m x 95m = 3.610 m2)
4. XƯỞNG PHỤ 2 (S= 104m x 22m = 2288 m2)
5. KÝ TÚC XÁ (S= 15.1 m x 30m = 453.0 m2)
6. BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI (S= 25m x 32m = 800 m2)
7. HỒ NƯỚC PCCC (S= 20m x 10m = 200 m2)
8. NHÀ BẢO VỆ (S= 4m x 6m = 24 m2)

- SÂN ĐƯỜNG S tổng = 11.519 m²
- VỈA HÈ S tổng = 2.037 m²

GHI CHÚ

HIỆU CHỈNH

NGÀY HT	KÝ HIỆU	

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP TRÀ VINH
TRA VINH GENERAL CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

XƯỞNG THIẾT KẾ XÂY DỰNG DD&CN

ĐỊA CHỈ: SỐ 219 - MẬU THÂN - PHƯỜNG 9 - THÀNH PHỐ TRÀ VINH - TỈNH TRÀ VINH
ĐT: (0294) 3851135; 3856108; FAX (0294) 3856940; EMAIL: tvxdthv@yahoo.com.vn

P. GIÁM ĐỐC KTS. BÙI THANH QUANG	
P. XƯỞNG TRƯỞNG KS: VÕ VŨ LINH	
CHỦ NHIỆM KTS. BÙI THANH QUANG	
CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC KTS: BÙI THANH QUANG	
THIẾT KẾ KIẾN TRÚC KTS: BÙI THANH QUANG	
THỂ HIỆN Ths.KS: MAI VĂN MINH	
PHÒNG QLKT KTS. NGÔ VĂN HIẾU	

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC NEW MINGDA

ĐỊA ĐIỂM XD: ẤP THANH NGUYÊN, XÃ MỸ CHÁNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

HẠNG MỤC:

SÂN ĐƯỜNG

BƯỚC THIẾT KẾ:

- ☐ THIẾT KẾ CƠ SỞ
- ☐ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
- ☐ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
- ☐ HOÀN CÔNG
- ☐ HIỆN TRẠNG
- ☐ HIỆU CHỈNH

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG TỔNG THỂ SÂN ĐƯỜNG
MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH

HT: --/--/2018 | TKKT 01/02

SỞ XÂY DỰNG TỈNH TRÀ VINH
Số:.....ngày.....
ĐÃ KIỂM TRA

SỞ XÂY DỰNG T.TRÀ VINH
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KQTĐ
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Trần Vũ Khương

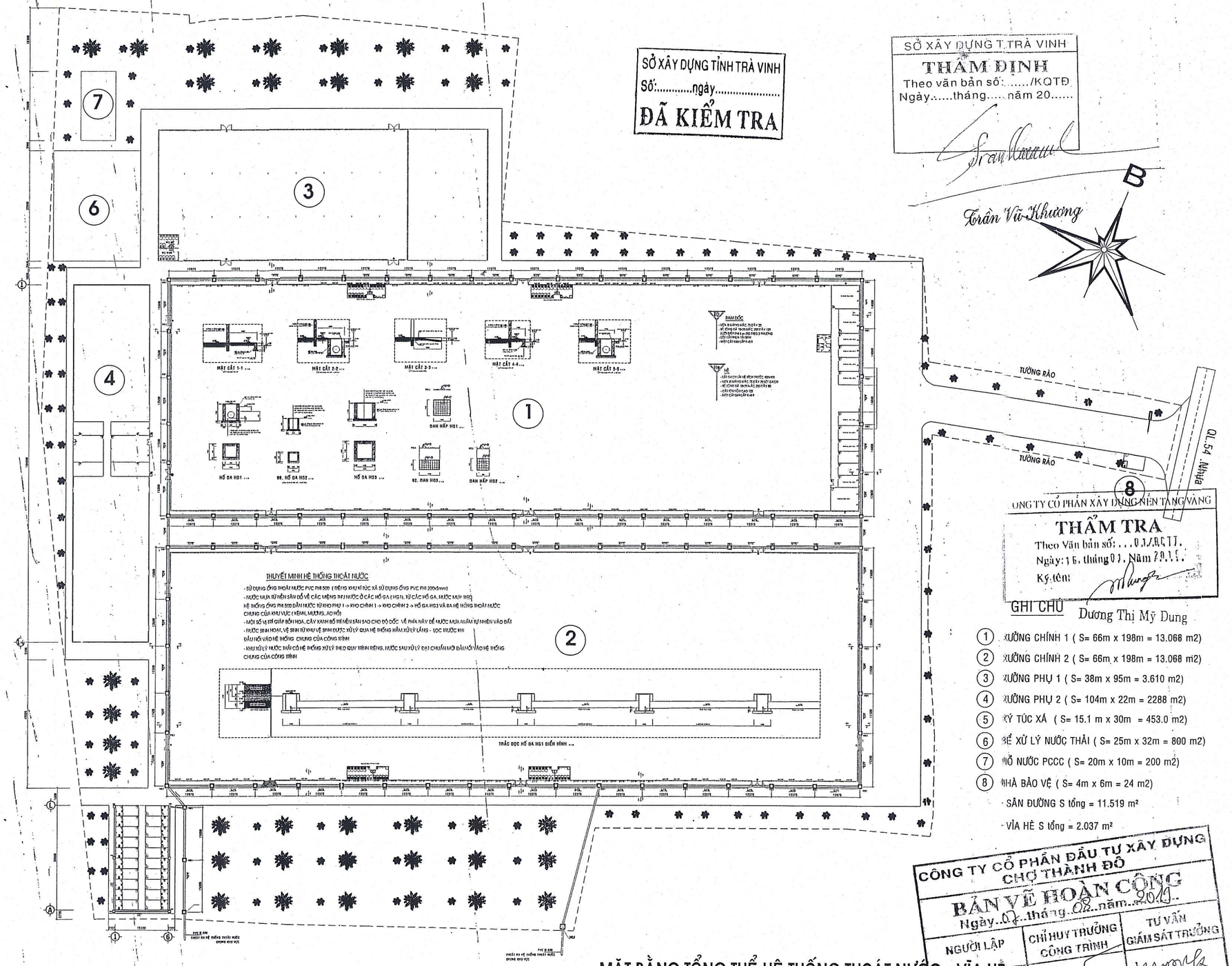

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC - VỈA HÈ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NỀN TẢNG VÀNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số: ...01/BCTT.
Ngày: 16 tháng 01 Năm 2019
Ký tên:

GHI CHÚ

Dương Thị Mỹ Dung

1. XƯỞNG CHÍNH 1 (S= 66m x 198m = 13.068 m2)
2. XƯỞNG CHÍNH 2 (S= 66m x 198m = 13.068 m2)
3. XƯỞNG PHỤ 1 (S= 38m x 95m = 3.610 m2)
4. XƯỞNG PHỤ 2 (S= 104m x 22m = 2288 m2)
5. KÝ TÚC XÁ (S= 15.1 m x 30m = 453.0 m2)
6. BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI (S= 25m x 32m = 800 m2)
7. HỒ NƯỚC PCCC (S= 20m x 10m = 200 m2)
8. NHÀ BẢO VỆ (S= 4m x 6m = 24 m2)

- SÂN ĐƯỜNG S tổng = 11.519 m²
- VỈA HÈ S tổng = 2.037 m²

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHỢ THÀNH ĐÔ
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 07 tháng 02 năm 2019

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
Nguyễn Văn Lượng	Nguyễn Hồng Phong	Quỳnh

GHI CHÚ

HIỆU CHỈNH

	NGÀY HT	KÝ HIỆU	

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP TRÀ VINH
TRA VINH GENERAL CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

XƯỞNG THIẾT KẾ XÂY DỰNG DD&CN

ĐỊA CHỈ: SỐ 319 - MẪU THÂN - PHƯỜNG 9 - THÀNH PHỐ TRÀ VINH - TỈNH TRÀ VINH
DT: (0294) 3858135; (0294) 3856100; FAX (0294) 3856040; EMAIL: tvdtbtv@yahoo.com.vn

P. GIÁM ĐỐC

KTS. BÙI THANH QUANG

P. XƯỞNG TRƯỞNG KS: VÕ VŨ LINH	
CHỦ NHIỆM KTS. BÙI THANH QUANG	
CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC KTS: BÙI THANH QUANG	
THIẾT KẾ KIẾN TRÚC KTS: BÙI THANH QUANG	
THỂ HIỆN Ths.KS: MAI VĂN MINH	
PHÒNG QLKT KTS. NGÔ VĂN HIẾU	

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC NEW MINGDA

ĐỊA ĐIỂM XD: ẤP THANH NGUYÊN, XÃ MỸ CHÁNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC - VỈA HÈ

BƯỚC THIẾT KẾ:

- ☐ THIẾT KẾ CƠ SỞ
- ■ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
- ☐ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
- ☐ HOÀN CÔNG
- ☐ HIỆN TRẠNG
- ☐ HIỆU CHỈNH

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HTTN - VỈA HÈ
MẶT CẮT VỈA HÈ - HỐ GA

HT: --/--/2018 | TKKT | 01/01

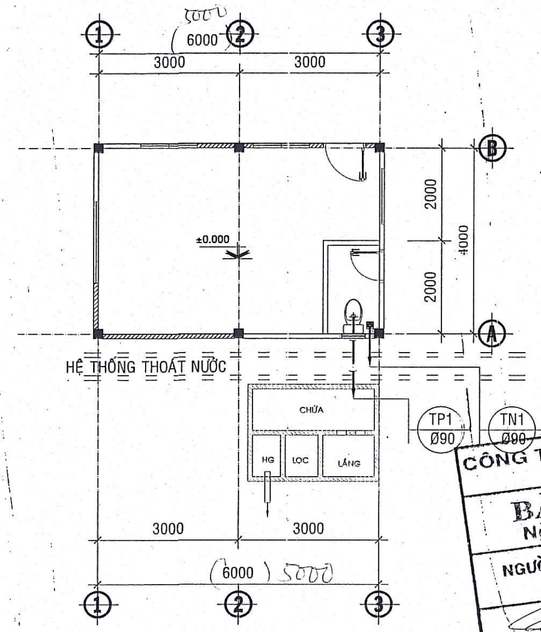

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC, TL1/100

SỞ XÂY DỰNG TỈNH TRÀ VINH
Số:.....ngày.....
ĐÃ KIỂM TRA
Trần Vũ Khương

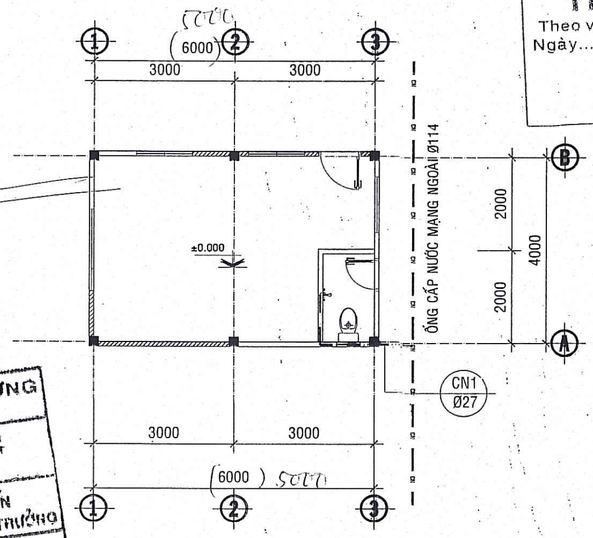

MẶT BẰNG THOÁT PHÂN, TL1/100

SỞ XÂY DỰNG T.TRÀ VINH
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KQTĐ
Ngày.....tháng.....năm 20.....

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHỢ THÀNH ĐÔ
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 01 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
Nguyễn Văn Tuyến	KS. Nguyễn Hồng Phong	QUI MIAO TK

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NỀN TẢNG VÀNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số: ...01/BC17.
Ngày: 15 tháng 03 Năm 2018
Ký tên:
Dương Thị Mỹ Dung

GHI CHÚ

1— CN — CN — ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC MẠNG NGOÀI (uPVC).
2— ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC CHÍNH VÀO CÁC KHU VỆ SINH (uPVC).
3— ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC ĐẾN THIẾT BỊ VỆ SINH (uPVC).
4— ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC TỪ PHỄU THU VÀ LAVABO DỐC 2% (uPVC).
5— ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC, PHÂN TỪ XÍ VÀO BỂ TỰ HOẠI DỐC 3% (uPVC).
6— SỬ DỤNG ỐNG NHỰA uPVC ĐI ÂM TƯỜNG, DƯỚI NỀN VÀ TRONG HỘP GEN.
7— SAU KHI THI CÔNG XONG CẦN PHẢI KIỂM TRA LẠI ĐỘ KÍN CỦA ĐƯỜNG ỐNG CẤP THOÁT NƯỚC.
8— CÁC ĐƠN VỊ THỊ CÔNG CẦN PHẢI CHÚ Ý ĐẶT CÁC TÊ CHO ĐÚNG VỊ TRÍ BÊN TRONG BỂ TỰ HOẠI ĐỂ CHO BTH LÀM VIỆC TỐT HƠN.
9— CÁC THIẾT BỊ VỆ SINH VÀ ỐNG CẤP THOÁT NƯỚC PHẢI ĐẠT TIÊU CHUẨN ISO.
10— MÀU CÁC THIẾT BỊ VỆ SINH DO CHỦ ĐẦU TƯ CHỌN LỰA.

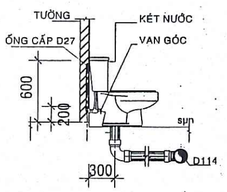

CHI TIẾT XÍ BỆT

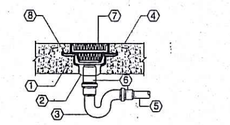

CHI TIẾT THU SÀN

GHI CHÚ

HIỆU CHỈNH

NGÀY HT	KÝ HIỆU	

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP TRÀ VINH
TRA VINH GENERAL CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY
XƯỞNG THIẾT KẾ XÂY DỰNG DD&CN
ĐỊA CHỈ: SỐ 319 - MẬU THÂN - PHƯỜNG 9 - THÀNH PHỐ TRÀ VINH - TỈNH TRÀ VINH
ĐT: (0294).3854150- (0294).3856109; FAX (0294).3856840; EMAIL: tvxdtlnh@yahoo.com.vn

P. GIÁM ĐỐC
KTS. BÙI THANH QUANG

P. XƯỞNG TRƯỞNG KS: VÕ VŨ LINH	
CHỦ NHIỆM KTS. BÙI THANH QUANG	
CHỦ TRÌ KS: NGÔ ĐÌNH PHÙNG	
THIẾT KẾ KS: NGÔ ĐÌNH PHÙNG	
THỂ HIỆN KS: NGÔ ĐÌNH PHÙNG	
PHÒNG QLKT KTS. NGÔ VĂN HIẾU	

TÊN CÔNG TRÌNH
NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC NEW MINGDA

ĐỊA ĐIỂM XD: ẤP THANH NGUYÊN, XÃ MỸ CHÁNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

HẠNG MỤC:
KÝ TÚC XÁ

BƯỚC THIẾT KẾ:
- ☐ THIẾT KẾ CƠ SỞ
- ☐ HOÀN CÔNG
- ■ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
- ☐ HIỆN TRẠNG
- ☐ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
- ☐ HIỆU CHỈNH

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG CẤP THOÁT NƯỚC
CÁC CHI TIẾT CẤU TẠO, GHI CHÚ

HT: --/--/2018 | CTN | 01/01

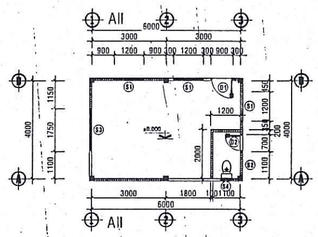

MẶT BẰNG

TỈ LỆ: 1/100

TƯỜNG NGĂN KHU VỆ SINH XÂY CAO 3M
ỐP MẶT TRONG GẠCH CERAMIC 250 X 400 CAO 2M.

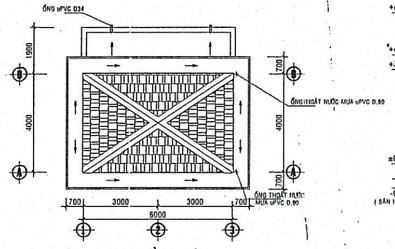

MẶT BẰNG MÁI

TỈ LỆ: 1/100

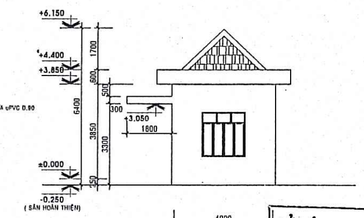

MẶT ĐỨNG TRỤC B-B

TỈ LỆ: 1/100

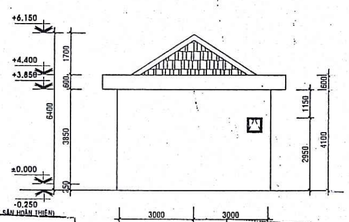

MẶT ĐỨNG TRỤC 1-3

TỈ LỆ: 1/100

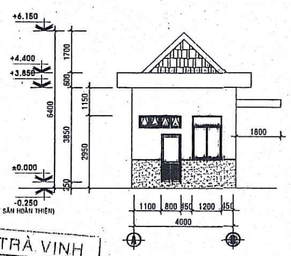

MẶT ĐỨNG TRỤC A-B

TỈ LỆ: 1/100

SỞ XÂY DỰNG TỈNH TRÀ VINH
Số:.....ngày.....
ĐÃ KIỂM TRA

SỞ XÂY DỰNG T.TRÀ VINH
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KQTĐ
Ngày.....tháng.....năm 20.....

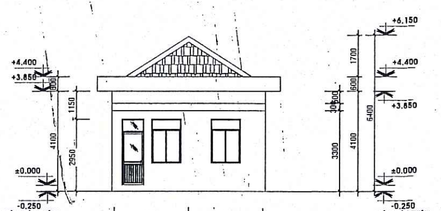

MẶT ĐỨNG TRỤC 3-1

TỈ LỆ: 1/100

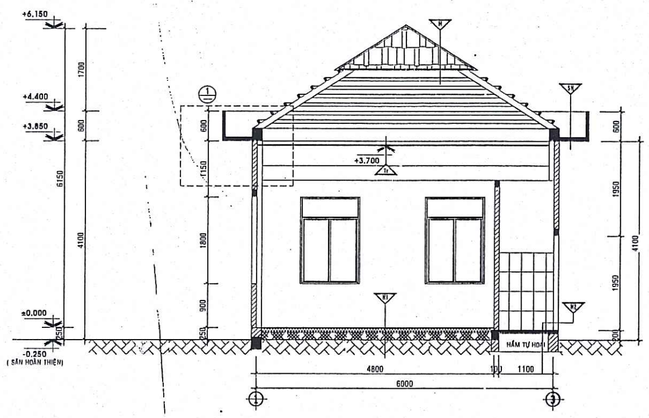

BẢNG THỐNG KÊ CỬA

TÊN CỬA - SỐ CÁNH VÀ CÁC GHI CHÚ	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	GHI CHÚ
(D1) CỬA ĐI Đ1	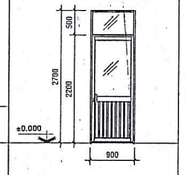	- CỬA ĐI 1 CÁNH MỞ - NHÔM MÀU TRẮNG HỆ 700 - SỬ DỤNG KÍNH MÀU DÀY 5M.M -CHỐT GÀI INOX + LẮP KÍNH - LẮP VÀO CỬA ĐỀU CÓ JION TRẮNG BAO VIỀN BƠM SILICON THEO CHU VI MÉP NGOÀI CHỐNG NGẤM NƯỚC - THI CÔNG PHẢI ĐẢM BẢO :KHÔNG CÓ ĐỘ RUNG KÍNH
TỔNG CỘNG		
01 BỘ		
(D2) CỬA ĐI Đ2	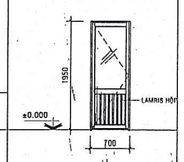	- CỬA ĐI 1 CÁNH MỞ - NHÔM MÀU TRẮNG HỆ 700 - SỬ DỤNG KÍNH MỜ DÀY 5M.M -CHỐT GÀI INOX + LẮP KÍNH - LẮP VÀO CỬA ĐỀU CÓ JION TRẮNG BAO VIỀN - BƠM SILICON THEO CHU VI MÉP NGOÀI CHỐNG NGẤM NƯỚC - THI CÔNG PHẢI ĐẢM BẢO :KHÔNG CÓ ĐỘ RUNG KÍNH
TỔNG CỘNG		
01 BỘ		
(S1) CỬA SỔ S1	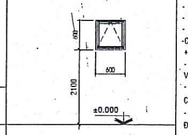	- CỬA SỔ 1 CÁNH BẬC - NHÔM MÀU TRẮNG HỆ 700 - SỬ DỤNG KÍNH MÀU DÀY 5M.M -CHỐT GÀI INOX + LẮP KÍNH - LẮP VÀO CỬA ĐỀU CÓ JION TRẮNG BAO VIỀN - BƠM SILICON THEO CHU VI MÉP NGOÀI CHỐNG NGẤM NƯỚC - THI CÔNG PHẢI ĐẢM BẢO :KHÔNG CÓ ĐỘ RUNG KÍNH
TỔNG CỘNG		
01 BỘ		
(S2) CỬA SỔ S2	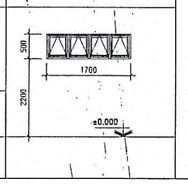	
TỔNG CỘNG		
01 BỘ		

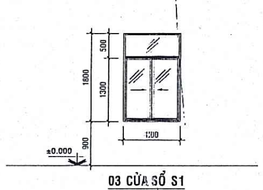

03 CỬA SỔ S1

TỈ LỆ: 1/25

- CỬA SỔ 2 CÁNH LÙA
- NHÔM MÀU TRẮNG HỆ 700
- SỬ DỤNG KÍNH MÀU DÀY 5M.M
-CHỐT GÀI INOX
+ LẮP KÍNH
- LẮP VÀO CỬA ĐỀU CÓ JION TRẮNG BAO VIỀN
- BƠM SILICON THEO CHU VI MÉP NGOÀI CHỐNG NGẤM NƯỚC
- THI CÔNG PHẢI ĐẢM BẢO :KHÔNG CÓ ĐỘ RUNG KÍNH

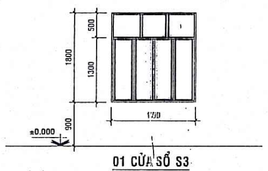

01 CỬA SỔ S3

TỈ LỆ: 1/25

- CỬA SỔ 2 CÁNH LÙA
- NHÔM MÀU TRẮNG HỆ 700
- SỬ DỤNG KÍNH MÀU DÀY 5M.M
-CHỐT GÀI INOX
+ LẮP KÍNH
- LẮP VÀO CỬA ĐỀU CÓ JION TRẮNG BAO VIỀN
- BƠM SILICON THEO CHU VI MÉP NGOÀI CHỐNG NGẤM NƯỚC
- THI CÔNG PHẢI ĐẢM BẢO :KHÔNG CÓ ĐỘ RUNG KÍNH

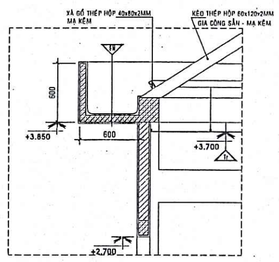

CHI TIẾT 1

TỈ LỆ: 1/25

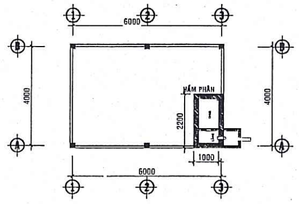

MẶT BẰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

TỈ LỆ: 1/100

M MÁI LỢP NGÓI 10V/M2
- MÁI TOLE NGÓI 10V/M2
- XÀ GỒ SẮT 40x80x2 mm (4 THANH)
- KÈO THÉP HỘP 60x120x2mm MẠ KẼM

N1 NỀN LÁT CÉRAMIC
- LÁT GẠCH THẠCH ANH 500x500
- VỮA XI MĂNG MÁC 75 DÀY TB 20 LÓT GẠCH
- BÊ TÔNG ĐÁ 40 x 60 B7.5 DÀY 100
- CÁT SÔNG ĐẮP NỀN TƯỚI NƯỚC ĐẦM KỸ, ĐẦM NỀN K>0.98
- MẶT ĐẤT TỰ NHIÊN ĐÃ SAN LẤP

Trần Vũ Khương

SN SÊNÔ
- LỚP VỮA XI MĂNG MÁC 75 DÀY 20
- QUÉT CHỐNG THẤM 02 LỚP SHELLKOTE
- QUÉT 01 LỚP SHEELKOTE PRIMER
- VỮA MÁC 75 TẠO DỐC 2% CHỖ MỎNG NHẤT DÀY 20
- SÀN BTCT ĐÁ 10x20 B15 (M.200) ĐỔ TẠI CHỖ, NGÂM NƯỚC XI MĂNG THEO TIÊU CHUẨN 6Kg/m3
- VỮA XM TRÁT TRẦN MÁC 75 DÀY 15
- HOÀN THIỆN BẢ MATÍT + SƠN NƯỚC MÀU TRẮNG

N2 NỀN KHU VỆ SINH
- LÁT GẠCH CÉRAMÍC 250 X 250 NHÁM MẶT
- VỮA XI MĂNG MÁC 75 DÀY TB 20 LÓT GẠCH
- ĐAN BTCT ĐÁ 1x2, MÁC 200
- HẦM VỆ SINH

T1 TRẦN THẠCH CAO
- KÉM TREO TRẦN + TĂNG ĐƠ ĐIỀU CHỈNH CAO ĐỘ
- HỆ KHUNG KIM LOẠI DỌC NGANG ĐỠ TẤM TRẦN
- TẤM TRẦN THẠCH CAO KT: 600x600

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NỀN TẢNG VÀNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số: . . . 17/BC-TT .
Ngày 15 . tháng 1 . . Năm 2018 .
Ký tên:

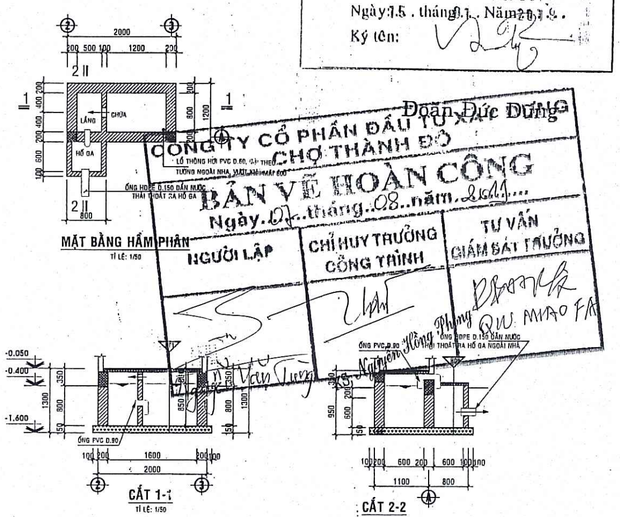

Đoàn Đức Dương
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHỢ THÀNH ĐÔ
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 01 tháng 08 năm 2021

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG

Nguyễn Văn Phương

MẶT BẰNG HẦM PHÂN

TỈ LỆ: 1/50

CẮT 1-1

TỈ LỆ: 1/50

CẮT 2-2

TỈ LỆ: 1/50

GHI CHÚ

HIỆU CHỈNH			
	NGÀY HT	KÝ HIỆU	

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP TRÀ VINH
TRA VINH GENERAL CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

XƯỞNG THIẾT KẾ XÂY DỰNG DD&CN

ĐỊA CHỈ: SỐ 319 - MẬU THÂN - PHƯỜNG 9 - THÀNH PHỐ TRÀ VINH - TỈNH TRÀ VINH
ĐT: (0294) 3856350, (0294) 3851089; FAX (0294) 3856940; EMAIL: tvxdnhv@yahoo.com.vn

P. GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 2100233360 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP TRÀ VINH - T. TRÀ VINH

KTS. BÙI THANH QUANG

P. XƯỞNG TRƯỞNG KS: VÕ VŨ LINH	
CHỦ NHIỆM KTS. BÙI THANH QUANG	
CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC KTS. BÙI THANH QUANG	
THIẾT KẾ KIẾN TRÚC KTS. BÙI THANH QUANG	
THỂ HIỆN Ths.KS: MAI VĂN MINH	
PHÒNG QLKT KTS. NGÔ VĂN HIẾU	

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC NEW MINGDA

ĐỊA ĐIỂM XD: ẤP THANH NGUYÊN, XÃ MỸ CHÁNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

HẠNG MỤC:

NHÀ BẢO VỆ

BƯỚC THIẾT KẾ:

- ☐ THIẾT KẾ CƠ SỞ
- ☐ HOÀN CÔNG
- ☑ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
- ☐ HIỆN TRẠNG
- ☐ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
- ☐ HIỆU CHỈNH

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG - MẶT ĐỨNG - MẶT CẮT CHI TIẾT CẤU TẠO; CHI CHÚ CẤU TẠO

HT: --/--/2018	TKKT 01/01

SỞ XÂY DỰNG TỈNH TRÀ VINH
Số:.....ngày.....
ĐÃ KIỂM TRA
Trần Vũ Trường

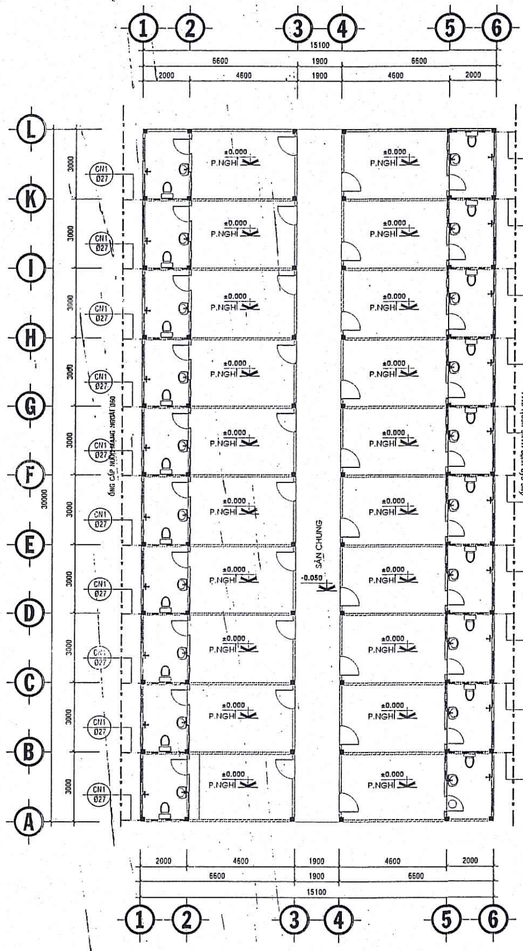

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC, TL1/100

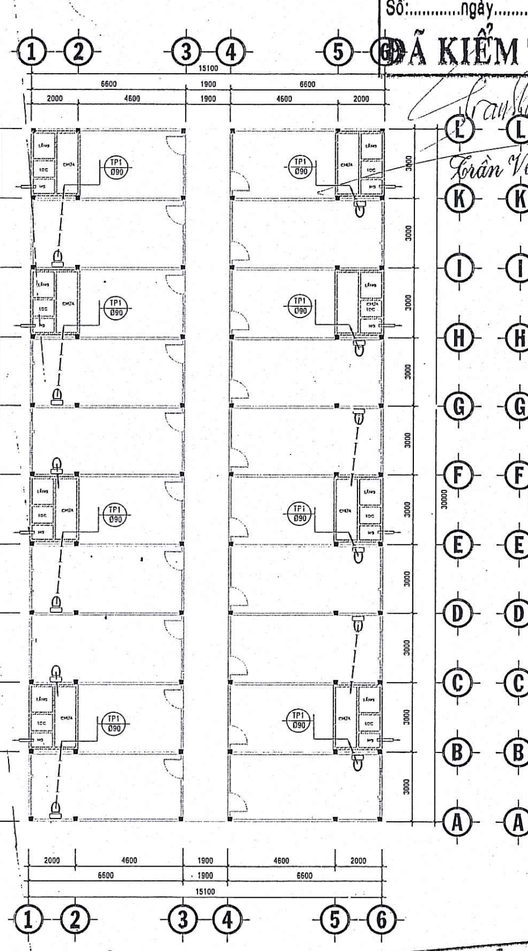

MẶT BẰNG THOÁT PHÂN, TL1/100

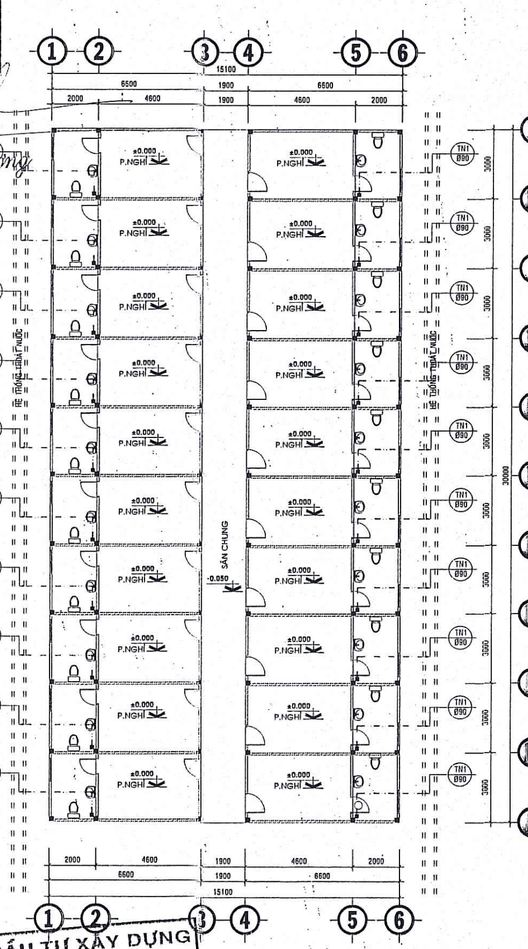

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC, TL1/100

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHỢ THÀNH ĐÔ
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 07 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
Nguyễn Viết Tuấn	Nguyễn Hồng Phụng	QIU MIAOFA

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NỀN TẢNG VÀNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số: ...07/BC.11.
Ngày 15 tháng 11 năm 2019
Ký tên:
Dương Thị Mỹ Dung

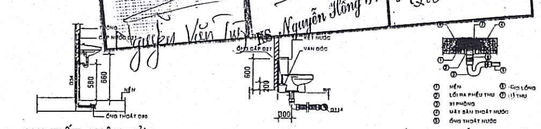

CHI TIẾT CHẬU RỬA

CHI TIẾT XÍ BỆT

CHI TIẾT THU SÀN

GHI CHÚ

1— CN — CN — ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC MẠNG NGOÀI (uPVC).
2— ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC CHÍNH VÀO CÁC KHU VỆ SINH (uPVC).
3— ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC ĐẾN THIẾT BỊ VỆ SINH (uPVC).
4— ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC TỪ PHỄU THU VÀ LAVABO DỐC 2% (uPVC).
5— ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC, PHÂN TỪ XÍ VÀO BỂ TỰ HOẠI DỐC 3% (uPVC).
6— SỬ DỤNG ỐNG NHỰA uPVC ĐI ÂM TƯỜNG, DƯỚI NỀN VÀ TRONG HỘP GEN.
7— SAU KHI THI CÔNG XONG CẦN PHẢI KIỂM TRA LẠI ĐỘ KÍN CỦA ĐƯỜNG ỐNG CẤP THOÁT NƯỚC.
8— CÁC ĐƠN VỊ THI CÔNG CẦN PHẢI CHÚ Ý ĐẶT CÁC TÊ CHO ĐÚNG VỊ TRÍ BÊN TRONG BỂ TỰ HOẠI ĐỂ CHO BTH LÀM VIỆC TỐT HƠN.
9— CÁC THIẾT BỊ VỆ SINH VÀ ỐNG CẤP THOÁT NƯỚC PHẢI ĐẠT TIÊU CHUẨN ISO.
10— MÀU CÁC THIẾT BỊ VỆ SINH DO CHỦ ĐẦU TƯ CHỌN LỰA.

GHI CHÚ:
SỞ XÂY DỰNG T.TRÀ VINH
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KQTĐ
Ngày.....tháng.....năm 20.....

HIỆU CHỈNH

NGÀY HT	KÝ HIỆU	

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP TRÀ VINH
TRA VINH GENERAL CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

XƯỞNG THIẾT KẾ XÂY DỰNG DD&CN

ĐỊA CHỈ: SỐ 319 - MẬU THÂN - PHƯỜNG 9 - THÀNH PHỐ TRÀ VINH - TỈNH TRÀ VINH
ĐT: (0294) 3866130, (0294) 3855109; FAX (0294) 3856940; EMAIL: hxdtdtv@yahoo.com.vn

P. GIÁM ĐỐC
KTS. BÙI THANH QUANG

P. XƯỞNG TRƯỞNG KS: VÕ VŨ LINH	
CHỦ NHIỆM KTS. BÙI THANH QUANG	
CHỦ TRÌ KS: NGÔ ĐÌNH PHÙNG	
THIẾT KẾ KS: NGÔ ĐÌNH PHÙNG	
THỂ HIỆN KS: NGÔ ĐÌNH PHÙNG	
PHÒNG QLKT KTS. NGÔ VĂN HIẾU	

TÊN CÔNG TRÌNH
NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC NEW MINGDA

ĐỊA ĐIỂM XD: ẤP THANH NGUYÊN, XÃ MỸ CHÁNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

HẠNG MỤC:
KÝ TÚC XÁ

BƯỚC THIẾT KẾ:
- ☐ THIẾT KẾ CƠ SỞ
- ■ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
- ☐ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
- ☐ HOÀN CÔNG
- ☐ HIỆN TRẠNG
- ☐ HIỆU CHỈNH

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG CẤP THOÁT NƯỚC CÁC CHI TIẾT CẤU TẠO, TGHI CHÚ

HT: –/–/2018 | CTN | 01/01

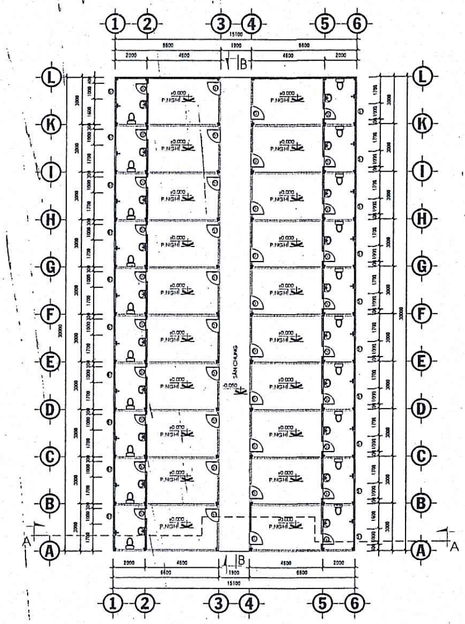

MẶT BẰNG KIẾN TRÚC TL 1-100

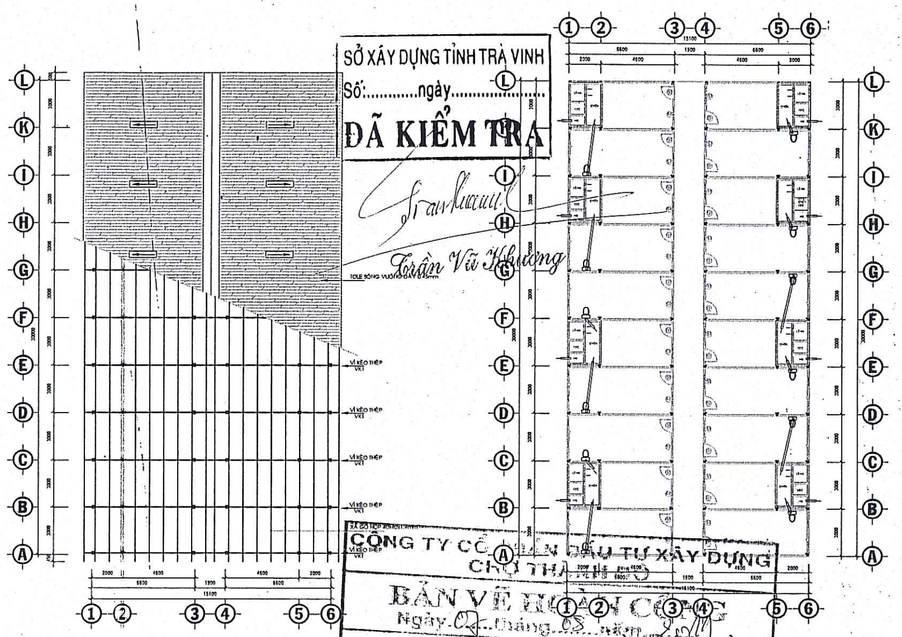

MẶT BẰNG MÁI + KÈO + XÀ GỒ TL 1-100

MẶT BẰNG BỐ TRÍ HẦM VỆ SINH TL 1-100

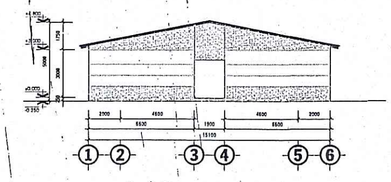

MẶT ĐỨNG TRỤC 1-6 TL 1-100

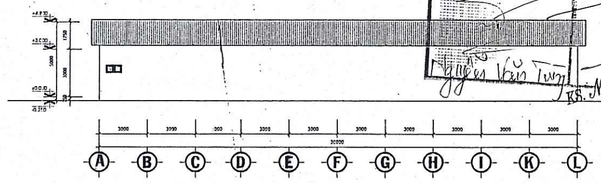

MẶT ĐỨNG TRỤC A-L TL 1-100

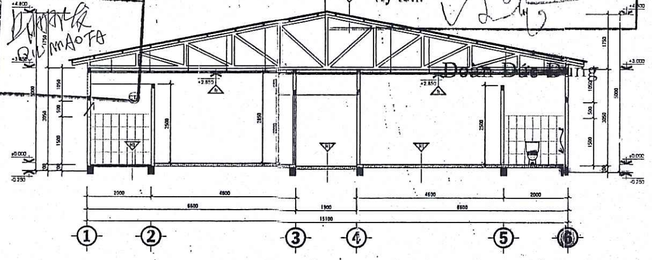

MẶT CẮT A-A TL 1-50

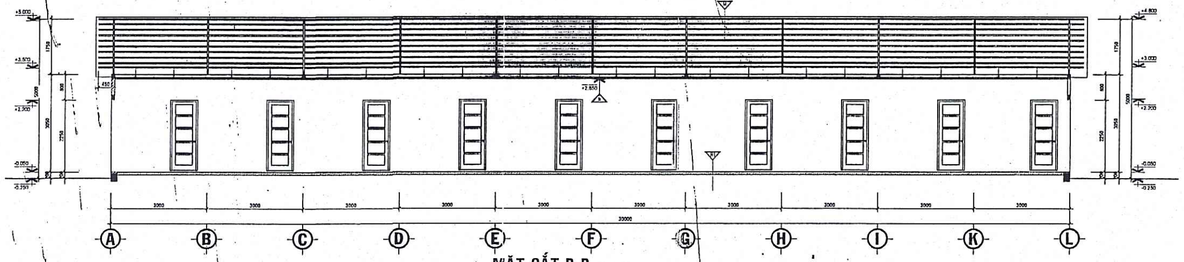

MẶT CẮT B-B TL 1-50

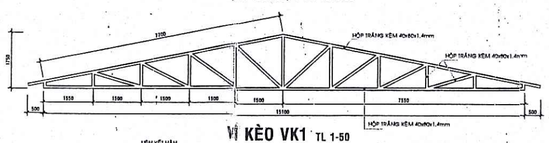

VÌ KÈO VK1 TL 1-50

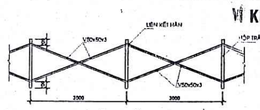

CHI TIẾT GIẰNG KÈO TL 1-50

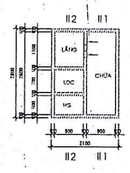

MB HẦM TỰ HOẠI TL 1-50

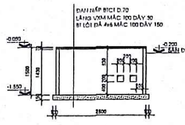

MẶT CẮT 1-1 TL 1-50

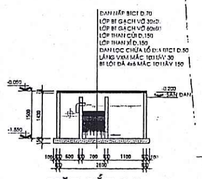

MẶT CẮT 2-2 TL 1-50

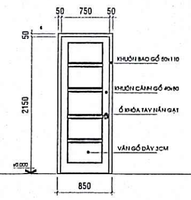

20. CỬA ĐI Đ1 TL 1-25
(CỬA ĐI GỖ KHUNG LÁU SƠN PU HOÀN THIỆN)

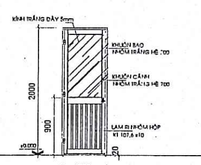

20. CỬA ĐI Đ2 TL 1-25
CỬA ĐI KHUNG NHÔM HỆ 700 + KÍNH

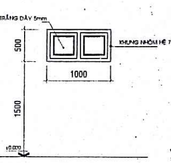

40. CỬA SỔ S2 TL 1-25
(CỬA SỔ KHUNG NHÔM HỆ 700)

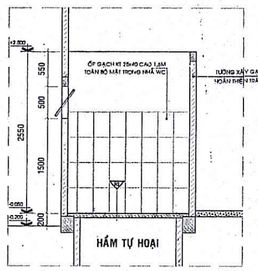

CHI TIẾT CT1 TL 1-50

MÁI LỢP TOLE
- LỢP TOLE SÓNG VUÔNG DÀY 0.45mm
- XÀ GỒ THÉP HỘP 40x80x1.4mm, BƯỚC XÀ GỒ 1.5M
- HỆ VÌ THÉP HỘP 40x80x1.4mm

NỀN GẠCH 500x500
- LÁT GẠCH NHÁM VÂN VỈ KT 500x500
- VỮA XI MĂNG MÁC 75 DÀY 20 LÓT GẠCH
- BÊ TÔNG LÓT ĐÁ 4x6 MÁC 100 DÀY 100
- MÀI CẦU SAN LẤP PHẲNG

NỀN GẠCH 250x250 NHÁM MỊN
- LÁT GẠCH NHÁM VÂN VỈ 250x250
- VỮA XI MĂNG MÁC 75 DÀY 20 LÓT GẠCH
- ĐAN BÊ TÔNG NỀN VỆ SINH (HOẶC BÊ TÔNG ĐÁ 4x6)
- MÀI CẦU SAN LẤP PHẲNG

TRẦN THẠCH CAO KHUNG NỔI
- KIỂU TRẦN PHẲNG + TẦNG CƠ ĐIỀU CHỈNH CAO ĐỘ (LIÊN KẾT VỚI XÀ GỒ)
- HỆ KHUNG CHỊU LỰC BỞI TẤM TRẦN
- TẤM THẠCH CAO KÍCH THƯỚC 600x600

GHI CHÚ CHUNG
* CÔNG TÁC XÂY
- TƯỜNG DÀY 80 - 180 SỬ DỤNG GẠCH ỐNG 8x8x18 CM
- TƯỜNG DƯỚI COS ±0.000 SỬ DỤNG GẠCH ỐNG 8x8x18 CM LOẠI CHẮC
* CÔNG TÁC ỐP
- XEM GHI CHÚ CỤ THỂ TRÊN CHI TIẾT CT
* CÔNG TÁC LÁT
- GẠCH HÀNH LANG THẤP HƠN GẠCH TRONG PHÒNG 5 cm
CHÂN TƯỜNG ỐP GẠCH CAO 160 THEO QUI CÁCH GẠCH LÁT
* CÔNG TÁC SƠN
- TOÀN BỘ TƯỜNG SƠN 1 NƯỚC LÓT (03 LỚP) CÓ BẢ MATIT
(TRỪ NƠI CÓ GHI CHÚ RIÊNG)

SỞ XÂY DỰNG T.TRÀ VINH
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KQTĐ
Ngày.....tháng.....năm 20.....

SỞ XÂY DỰNG TỈNH TRÀ VINH
Số:.....ngày.....
ĐÃ KIỂM TRA
Toàn Võ Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHỢ TRÀ VINH 3
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 01 tháng 03 năm 2019
NGƯỜI LẬP: Nguyễn Văn Tuyn
CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH: UPW
TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG: KS. Nguyễn Hồng Phong

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NỀN TẢNG VÀNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số: ....01/BC77.
Ngày: 15 tháng 03 Năm 2019.
Ký tên:

GHI CHÚ

HIỆU CHỈNH			
	NGÀY HT	KÝ HIỆU	

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP TRÀ VINH
TRA VINH GENERAL CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

XƯỞNG THIẾT KẾ XÂY DỰNG DD&CN

ĐỊA CHỈ: SỐ 319 - MẬU THÂN - PHƯỜNG 9 - THÀNH PHỐ TRÀ VINH - TỈNH TRÀ VINH
ĐT: (0294).3856330; (0294).3855108; FAX (0294).3856940; EMAIL: tvxdtdnh@yahoo.com.vn

P. GIÁM ĐỐC
KTS. BÙI THANH QUANG

P. XƯỞNG TRƯỞNG KS: VÕ VŨ LINH	
CHỦ NHIỆM KTS. BÙI THANH QUANG	
CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC KTS. BÙI THANH QUANG	
THIẾT KẾ KIẾN TRÚC KTS. BÙI THANH QUANG	
THỂ HIỆN Ths.KS: MAI VĂN MINH	
PHÒNG QLKT KTS. NGÔ VĂN HIẾU	

TÊN CÔNG TRÌNH
NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC NEW MINGDA

ĐỊA ĐIỂM XD: ẤP THANH NGUYÊN, XÃ MỸ CHÁNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

HẠNG MỤC:
KÍ TÚC XÁ

BƯỚC THIẾT KẾ:
- ☐ THIẾT KẾ CƠ SỞ
- ☐ HOÀN CÔNG
- ☑ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
- ☐ HIỆN TRẠNG
- ☐ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
- ☐ HIỆU CHỈNH

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG , MẶT ĐỨNG, MẶT CẮT CHI TIẾT CẤU TẠO, CHI TIẾT CỬA

HT: --/--/2018 | TKKT 01/01

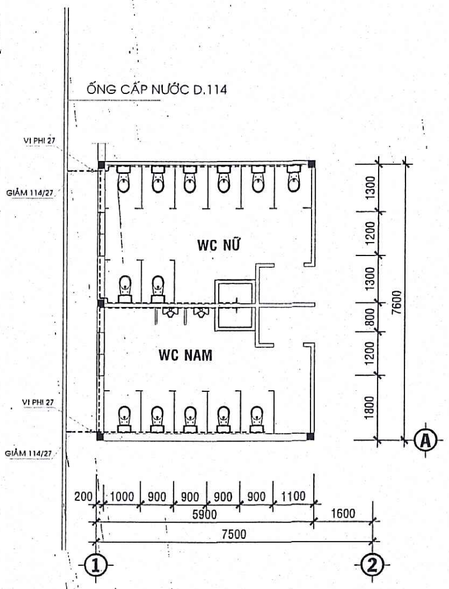

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC KHU VỆ SINH-tl 1:50

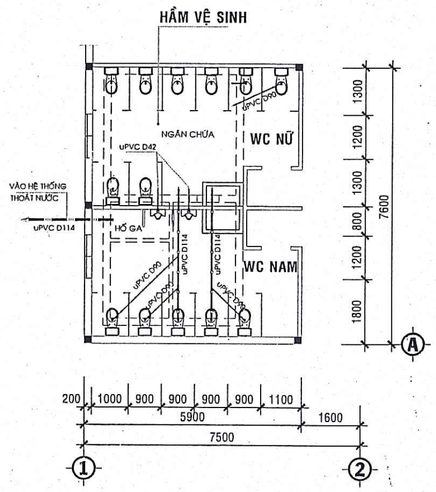

MẶT BẰNG THOÁT XÍ KHU VỆ SINH-tl 1:50

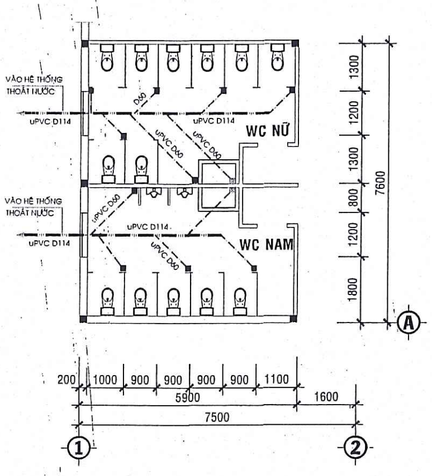

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC KHU VỆ SINH-tl 1:50

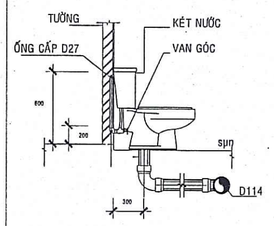

CHI TIẾT XÍ BỆT

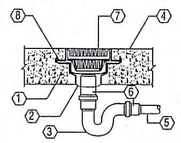

① NỀN
② LỐI RA PHỄU THU
③ XI PHÔNG
④ MẶT SÀN THOÁT NƯỚC
⑤ ỐNG THOÁT NƯỚC
⑥ ỐNG LỒNG
⑦ LỖ THU

CHI TIẾT THU SÀN

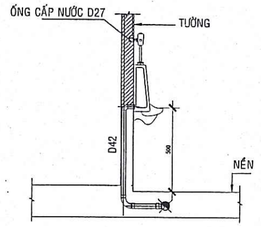

CHI TIẾT CHẬU TIỂU

SỞ XÂY DỰNG T.TRÀ VINH

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KQTĐ

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Trần Vũ Khương

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NỀN TẢNG VÀNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 01/TĐ/17.

Ngày: 1. 5 tháng 01 năm 20 17.

Ký tên:

Dương Thị Mỹ Dung

THUYẾT MINH HỆ THỐNG:

- NGUỒN NƯỚC: ĐƯỢC CẤP TỪ NGUỒN NƯỚC HIỆN HỮU KHU VỰC
- TOÀN BỘ ỐNG CẤP NHÁNH ĐI ÂM TRONG TƯỜNG (uPVC D.27 GIẢM CO RĂNG D.21) RA THIẾT BỊ
- THOÁT NƯỚC: NƯỚC TỪ LAVABO, VÀ PHỄU THU NƯỚC MẶT, THOÁT XUỐNG HỐ GA SAU ĐÓ DẪN RA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC NGOÀI NHÀ;
- THOÁT XÍ : NƯỚC BẨN TỪ CÁC CHẬU TIỂU, CÁC XÍ THOÁT XUỐNG NGĂN CHỨA HẦM VỆ SINH NƯỚC BẨN ĐƯỢC XỬ LÝ TỰ HOẠI Ở ĐÂY SAU ĐÓ ĐƯỢC DẪN RA HỐ GA NGOÀI NHÀ
- THOÁT HƠI ĐƯỢC ĐẶT Ở NGĂN CHỨA HVS SỬ DỤNG ỐNG PVC D.60 CÁC NGĂN TRONG HẦM PHẢN ĐƯỢC THÔNG HƠI NHAU
- CẤP NƯỚC ĐẾN THIẾT BỊ ỐNG uPVC D27
- THOÁT NƯỚC LAVABO ỐNG uPVC D34
- THOÁT NƯỚC XÍ TIỂU ỐNG uPVC D42
- THOÁT NƯỚC PHỄU THU ỐNG uPVC D60
- THOÁT NƯỚC CHUNG ỐNG uPVC D114
- THOÁT XÍ BỆT ỐNG uPVC D90

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHỢ THÀNH ĐÔ

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 07 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
Nguyễn Văn Tùng	Kỹ sư Hồng Phong	QIU MIAO FA

GHI CHÚ

HIỆU CHỈNH

NGÀY HT	KÝ HIỆU	

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH NEW MING DA VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP TRÀ VINH
TRA VINH GENERAL CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

XƯỞNG THIẾT KẾ XÂY DỰNG DD&CN

ĐỊA CHỈ: SỐ 319 - MẬU THÂN - PHƯỜNG 9 - THÀNH PHỐ TRÀ VINH - TỈNH TRÀ VINH
ĐT: (0294) 3856100 (0291) 3856100; FAX (0294) 3856940; EMAIL: tvxdthtv@yahoo.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP TRÀ VINH

GIÁM ĐỐC

KTS. BÙI THANH QUANG

P. XƯỞNG TRƯỞNG KS: VÕ VŨ LINH	
CHỦ NHIỆM KTS. BÙI THANH QUANG	
CHỦ TRÌ KS: NGÔ ĐÌNH PHÙNG	
THIẾT KẾ KS: TRẦN TRUNG CHÍ	
THỂ HIỆN KS: TRẦN TRUNG CHÍ	
PHÒNG QLKT KTS. NGÔ VĂN HIẾU	

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC NEW MINGDA

ĐỊA ĐIỂM XD: ẤP THANH NGUYÊN, XÃ MỸ CHÁNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

HẠNG MỤC:

XƯỞNG PHỤ 1

BƯỚC THIẾT KẾ:

- ☐ THIẾT KẾ CƠ SỞ
- ■ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
- ☐ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
- ☐ HOÀN CÔNG
- ☐ HIỆN TRẠNG
- ☐ HIỆU CHỈNH

TÊN BẢN VẼ

HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC KHU WC

--

HT: --/--/2018

CTN 01/01

THUYẾT MINH HỆ THỐNG:

- NGUỒN NƯỚC: ĐƯỢC CẤP TỪ NGUỒN NƯỚC HIỆN HỮU KHU VỰC
- TOÀN BỘ ỐNG CẤP NHÁNH ĐI ÂM TRONG TƯỜNG (uPVC D.27 GIẢM CO RĂNG D.21) RA THIẾT BỊ
- THOÁT NƯỚC: NƯỚC TỪ LAVABO, VÀ PHỄU THU NƯỚC MẾT, THOÁT XUỐNG HỐ GA SAU ĐÓ DẪN RA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC NGOÀI NHÀ;
- THOÁT XÍ : NƯỚC BẨN TỪ CÁC CHẬU TIỂU, CÁC XÍ THOÁT XUỐNG NGĂN CHỨA HẦM VỆ SINH
- NƯỚC BẨN ĐƯỢC XỬ LÝ TỰ HOẠI Ở DÂY SAU ĐÓ ĐƯỢC ĐẤN RA HỐ GA NGOÀI NHÀ
- THOÁT HƠI ĐƯỢC ĐẶT Ở NGĂN CHỨA HVS SỬ DỤNG ỐNG PVC D.60 CÁC NGĂN TRONG HẦM PHÂN ĐƯỢC THÔNG HƠI NHAU
- CẤP NƯỚC ĐẾN THIẾT BỊ ỐNG uPVC D27
- THOÁT NƯỚC LAVABO ỐNG uPVC D34
- THOÁT NƯỚC XÍ TIỂU ỐNG uPVC D42
- THOÁT NƯỚC PHỄU THU ỐNG uPVC D60
- THOÁT NƯỚC CHUNG ỐNG uPVC D114
- THOÁT XÍ BỆT ỐNG uPVC D90

SỞ XÂY DỰNG T.TRÀ VINH
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KQTĐ
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Trần Vũ Khương

SỞ XÂY DỰNG TỈNH TRÀ VINH
Số:.....ngày.....
ĐÃ KIỂM TRA

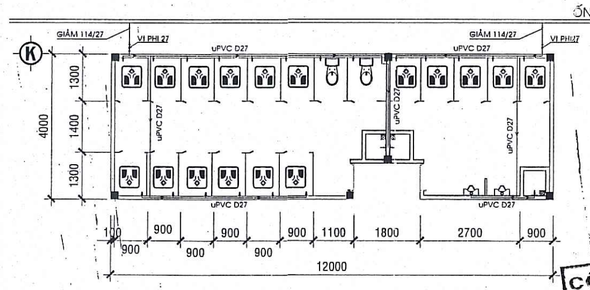

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC KHU VỆ SINH-tl 1:50
(KHU VỆ SINH TỪ TRỤC 7-9)
(KHU VỆ SINH TỪ TRỤC 13-15)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHỢ THÀNH ĐÔ
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 04 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
Nguyễn Văn Tuyến	KTS. Nguyễn Hồng Phong	QUI NHƠN TA

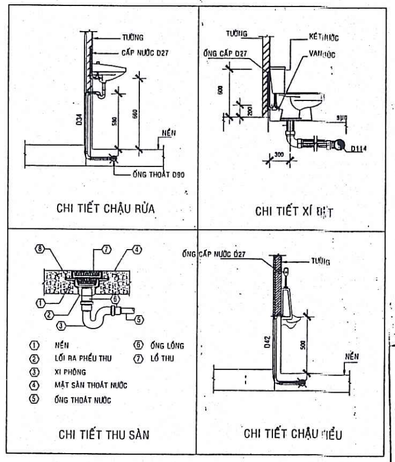

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NỀN TẢNG VÀNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số: ...
Ngày: ... tháng ... Năm ...
Ký tên:
Dương Thị Mỹ Dung

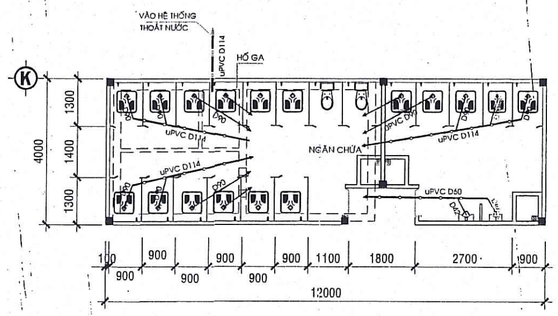

MẶT BẰNG THOÁT XÍ KHU VỆ SINH-tl 1:50
(KHU VỆ SINH TỪ TRỤC 7-9)
(KHU VỆ SINH TỪ TRỤC 13-15)

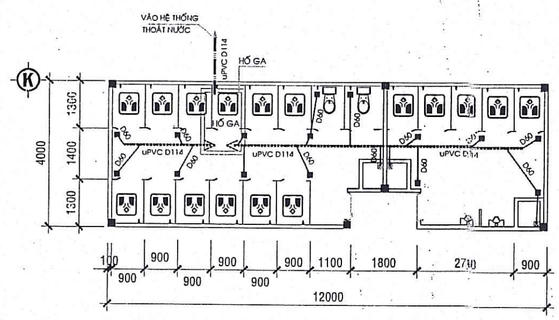

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC KHU VỆ SINH-tl 1:50
(KHU VỆ SINH TỪ TRỤC 7-9)
(KHU VỆ SINH TỪ TRỤC 13-15)

GHI CHÚ

HIỆU CHỈNH

NGÀY HT	KÝ HIỆU	

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH NEW MING DA VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP TRÀ VINH
TRA VINH GENERAL CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

XƯỞNG THIẾT KẾ XÂY DỰNG DD&CN

ĐỊA CHỈ: SỐ 319 - MẬU THÂN - PHƯỜNG 9 - THÀNH PHỐ TRÀ VINH - TỈNH TRÀ VINH
ĐT: (0294).3856589-(0294).3856109; FAX (0294).3856940; EMAIL: tvxdhtv@yahoo.com.vn

P. GIÁM ĐỐC
KTS. BÙI THANH QUANG

P. XƯỞNG TRƯỞNG KS: VÕ VŨ LINH	
CHỦ NHIỆM KTS. BÙI THANH QUANG	
CHỦ TRÌ KS: NGÔ ĐÌNH PHÙNG	
THIẾT KẾ KS: TRẦN TRUNG CHÍ	
THỂ HIỆN KS: TRẦN TRUNG CHÍ	
PHÒNG QLKT KTS. NGÔ VĂN HIẾU	

TÊN CÔNG TRÌNH
NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC NEW MINGDA

ĐỊA ĐIỂM XD: ẤP THANH NGUYÊN, XÃ MỸ CHÁNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

HẠNG MỤC:
XƯỞNG CHÍNH 2

BƯỚC THIẾT KẾ:
- ☐ THIẾT KẾ CƠ SỞ
- ☒ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
- ☐ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
- ☐ HOÀN CÔNG
- ☐ HIỆN TRẠNG
- ☐ HIỆU CHỈNH

TÊN BẢN VẼ
HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC KHU WC
--

HT: --/--/2018 | CTN | 01/01

SỞ XÂY DỰNG T.TRÀ VINH

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số: 67../KQTĐ

Ngày 29 tháng 01 năm 2019

Trần Vũ Khương

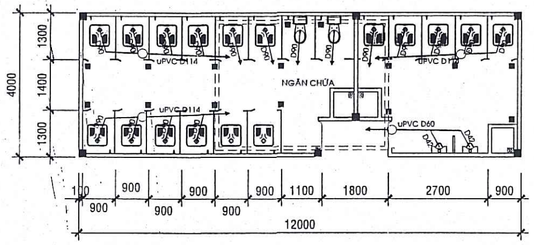

MẶT BẰNG THOÁT XÍ

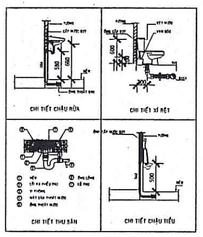

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ NƯỚC

STT	LOẠI VẬT TƯ	KÝ HIỆU	S.LƯỢNG	ĐVT	GHI CHÚ
1	VAN ĐỒNG 2 CHIỀU PHI 27		2	CÁI	
2	PHỄU THU PHI 90		13	CÁI	KT:200x200 D 80 (D27) S
3	PHỄU THU PHI 60		3	CÁI	KT:150x150 D 60 (D27) S
4	VÒI SEN		17	CÁI	SEN HƯƠNG NƯỚC NÓNG
5	VÒI XỊT		3	CÁI	SEN HƯƠNG NƯỚC NÓNG
6	VÒI XỊT VỆ		13	CÁI	LẮP THEO VỆ BỆT
7	VỊ TRÍ LẮP VỆ BỆT		5	CÁI	
8	ỐC ĐỒNG BỘ		13	CÁI	LẮP THEO VỆ
9	ỐC ĐỒNG BỘ		13	CÁI	LẮP THEO VỆ
10	BỘ THEO BỘ NHỰA		13	CÁI	CÁCH KIỂN 1000
11	VÒI NƯỚC ĐỒNG THÁO ĐI SÂN TƯỜNG		3	CÁI	CÁCH KIỂN 800
12	ỐNG PVC PHI 27		20	M	27 x 2.0 x 4
13	ỐNG PVC PHI 42		5	M	42 x 2.0 x 4
14	ỐNG PVC PHI 90 (ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA)		31	M	90 x 2.0 x 4
15	ỐNG PVC PHI 90		22	M	90 x 2.0 x 4
16	ỐNG PVC PHI 114		19	M	114 x 2.0 x 4
17	KĐNG THAU PHI 60, CÓ TỂ PHI D120		14	CÁI	1200 SÂU
18	CHẬU RỬA THAU PHI 27		3	CÁI	1200 SÂU
19	CO, TÊ PVC PHI 27		58	CÁI	1200 SÂU
20	CO, TÊ PVC PHI 42		8	CÁI	1200 SÂU
21	CO, TÊ, 135 PVC PHI 60		25	CÁI	1200 SÂU
22	CO, TÊ, 135 PVC PHI 90		25	CÁI	1200 SÂU
23	CÚT PVC PHI 90x42		3		1200 SÂU
24	CÚT PVC PHI 90x60		13		1200 SÂU
25	CÚT PVC PHI 114x27		2		1200 SÂU
26	CÚT PVC PHI 114x90		13		1200 SÂU

THUYẾT MINH HỆ THỐNG:

- NƯỚC ĐƯỢC CẤP TỪ NGUỒN NƯỚC HIỆN HỮU HIỆN HỮU
- TOÀN BỘ ỐNG CẤP NHÁNH ĐI BÊN TRONG TƯỜNG ỐPVC D 27 ĐẤU CO RĂNG D 200 RA THIẾT BỊ
- HOÀI NƯỚC NƯỚC SỬ LAVABO, VÀ PHỄU THU NƯỚC MÁY, THOÁT XUỐNG HỐ GA
- AU RA ĐẤU RA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC NGOÀI NHÀ.
- HOÀI HỆ NƯỚC ĐẤU SỬ CÁC CHẬU RỬA, CÁC VỆ THOÁT XUỐNG NGÀN CHỨA NẰM VỆ SINH
- NƯỚC ĐẤU ĐƯỢC XỬ LÝ SƠ BỘ ĐẤU ĐỘ ĐƯỢC ĐẤU RA HỐ GA NGOÀI NHÀ.
- HOÀI HỆ ĐƯỢC ĐẤU ỐNG NHÁNH CHÍNH MỤC ĐỘ DỤNG ỐNG PVC D 60
- CÁC NGÀN TRONG NHÀ PHẦN ĐƯỢC THÔNG HƠI KHAU
- CẤP NƯỚC ĐẾN THIẾT BỊ ỐNG UPVC D27
- HOÀI NƯỚC LAVABO ỐNG UPVC D34
- HOÀI NƯỚC VỆ BỆU ỐNG UPVC D42
- HOÀI NƯỚC PHỄU THU ỐNG UPVC D90
- HOÀI NƯỚC CHẬU ỐNG UPVC D114
- HOÀI HỆ BỆT ỐNG UPVC D90

ỐNG CẤP NƯỚC D.114

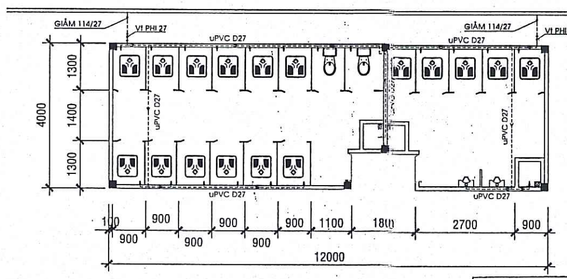

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC

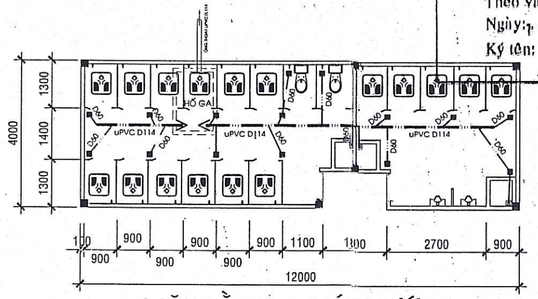

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NỀN TẢNG VÀNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 01/CV-BC14

Ngày: 15 tháng 01 Năm 2019

Ký tên:

Dương Thị Mỹ Dung

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHỢ THÀNH ĐÔ

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 03 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
Nguyễn Văn Tùng	KS. Nguyễn Hồng Phong	QIU MIAOFA

GHI CHÚ

HIỆU CHỈNH

NGÀY HT	KÝ HIỆU	

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP TRÀ VINH
TRA VINH GENERAL CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

XƯỞNG THIẾT KẾ XÂY DỰNG DD&CN

ĐỊA CHỈ: SỐ 319 - MẬU THÂN - PHƯỜNG 9 - THÀNH PHỐ TRÀ VINH - TỈNH TRÀ VINH
ĐT: (0294) 3850130; (0294) 3855108; FAX (0294) 3856840; EMAIL: hxdtthv@yahoo.com.vn

P. GIÁM ĐỐC

KTS. BÙI THANH QUANG

P. XƯỞNG TRƯỞNG KS: VÕ VŨ LINH	
CHỦ NHIỆM KTS. BÙI THANH QUANG	
CHỦ TRÌ KS: NGÔ ĐÌNH PHÙNG	
THIẾT KẾ KS: NGÔ ĐÌNH PHÙNG	
THỂ HIỆN KS: NGÔ ĐÌNH PHÙNG	
PHÒNG QLKT KTS. NGÔ VĂN HIẾU	

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC NEW MINGDA

ĐỊA ĐIỂM XD: ẤP THANH NGUYÊN, XÃ MỸ CHÁNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

HẠNG MỤC:

XƯỞNG CHÍNH 2

BƯỚC THIẾT KẾ:

- ☐ THIẾT KẾ CƠ SỞ
- ■ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
- ☐ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
- ☐ HOÀN CÔNG
- ☐ HIỆN TRẠNG
- ☐ HIỆU CHỈNH

TÊN BẢN VẼ

HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC KHU WC

HT: --/--/2018

CTN 01/01

SỞ XÂY DỰNG TỈNH TRÀ VINH
Số: 05 ngày 04/01/2019
ĐÃ KIỂM TRA
Trần Vũ Khương

SỞ XÂY DỰNG T.TRÀ VINH
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../KQTĐ
Ngày.....tháng.....năm 20.....

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHỢ THÀNH ĐÔ
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 07 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
Nguyễn Văn Tuyên	Kts. Nguyễn Hồng Phong	QU NHẬP FA

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NỀN TẢNG VÀNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 01.17.08.11
Ngày: 15 tháng 01 Năm 2019
Ký tên:
Đoàn Đức Dũng

MẶT BẰNG XƯỞNG CHÍNH 2 TL 1-100

MẶT ĐỨNG TRỤC 1-25 TL 1-100

MẶT ĐỨNG TRỤC 25-1 TL 1-100

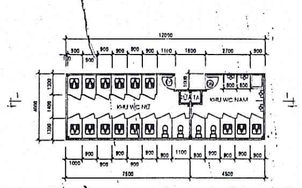

MẶT BẰNG KHU VỆ SINH CÔNG NHÂN
TL 1-50

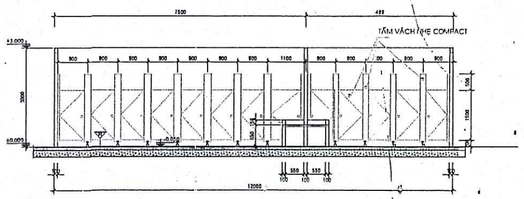

MẶT CẮT 1-1
TL 1-25

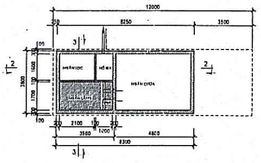

MẶT BẰNG HẦM TỰ HOẠI 1 TL 1-50
(HẦM VỆ SINH CÔNG NHÂN)

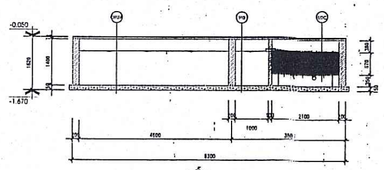

CẮT 2-2
TL 1-25

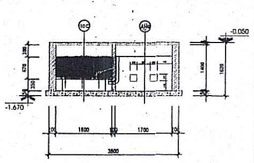

CẮT 3-3
TL 1-25

GHI CHÚ

HIỆU CHỈNH

NGÀY HT	KÝ HIỆU	

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP TRÀ VINH
TRA VINH GENERAL CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY
XƯỞNG THIẾT KẾ XÂY DỰNG DD&CN
ĐỊA CHỈ: SỐ 319 - MẬU THÂN - PHƯỜNG 9 - THÀNH PHỐ TRÀ VINH - TỈNH TRÀ VINH
ĐT: (0294) 3858120; (0294) 3858109; FAX (0294) 3856940; EMAIL: tvdthhv@yahoo.com.vn

P. GIÁM ĐỐC
M.S.D.N: 2100293360 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP TRÀ VINH - T.P TRÀ VINH - T. TRÀ VINH
KTS. BÙI THANH QUANG

P. XƯỞNG TRƯỞNG KS: VÕ VŨ LINH	
CHỦ NHIỆM KTS. BÙI THANH QUANG	
CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC KTS: BÙI THANH QUANG	
THIẾT KẾ KIẾN TRÚC KTS: BÙI THANH QUANG	
THỂ HIỆN Ths.KS: MAI VĂN MINH	
PHÒNG QLKT KTS. NGÔ VĂN HIẾU	

TÊN CÔNG TRÌNH
NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC NEW MINGDA

ĐỊA ĐIỂM XD: ẤP THANH NGUYÊN, XÃ MỸ CHÁNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

HẠNG MỤC:
XƯỞNG CHÍNH 2

BƯỚC THIẾT KẾ:

☐ THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ HOÀN CÔNG
☑ THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐ HIỆN TRẠNG
☐ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	☐ HIỆU CHỈNH

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG, MẶT ĐỨNG XƯỞNG CHÍNH
CHI TIẾT KHU VỆ SINH

HT: --/--/2018	TKKT 01/03

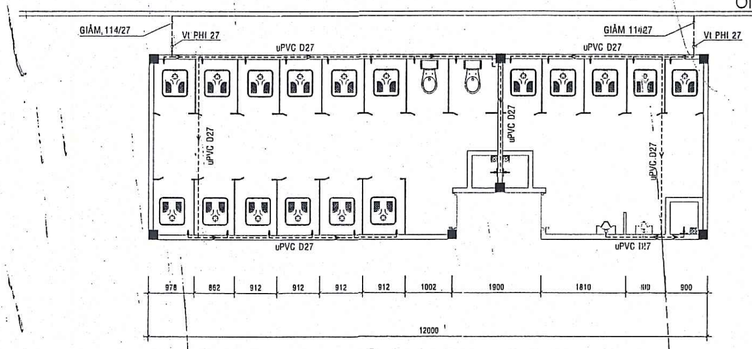

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC

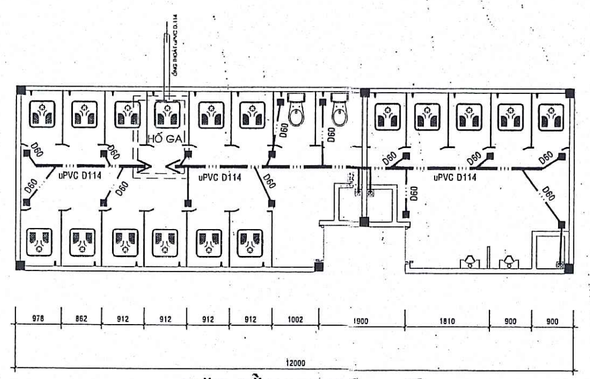

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC

SỞ XÂY DỰNG TỈNH TRÀ VINH
Số:.....ngày.....
ĐÃ KIỂM TRA

SỞ XÂY DỰNG T.TRÀ VINH
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 01../KQTĐ
Ngày 14 tháng 01 năm 2019

Trần Vũ Khương

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NỀN TẢNG VÀNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số: .../.../QCTT.
Ngày: 1..tháng 01 Năm 2019.
Ký tên:
Dương Thị Mỹ Dung

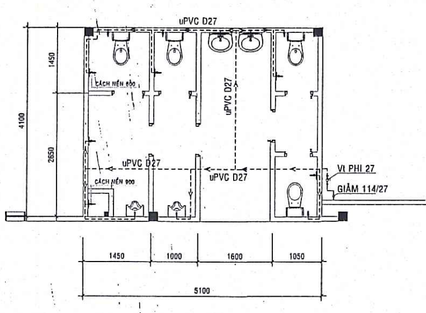

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC

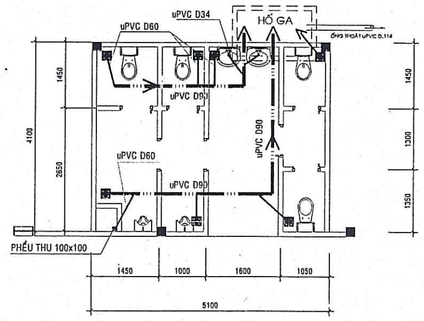

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC

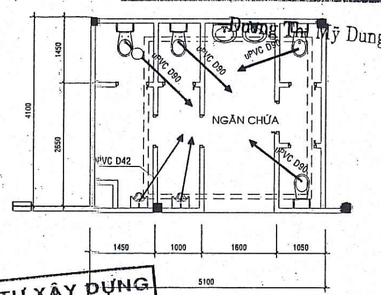

MẶT BẰNG THOÁT XÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHỢ THÀNH ĐÔ
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày..07..tháng..08..năm..2019...

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
Nguyễn Văn Tuyên	KS. Nguyễn Hồng Phong	QUÝ MẠO TÀI

THUYẾT MINH HỆ THỐNG:

- NGUỒN NƯỚC: ĐƯỢC CẤP TỪ NGUỒN NƯỚC HIỆN HỮU KHU VỰC
- TOÀN BỘ ỐNG CẤP NHÁNH ĐI ÂM TRONG TƯỜNG (uPVC D.27 GIẢM CO RĂNG D.21) RA THIẾT BỊ
- THOÁT NƯỚC: NƯỚC TỪ LAVABO, VÀ PHỄU THU NƯỚC MẶT, THOÁT XUỐNG HỐ GA SAU ĐÓ DẪN RA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC NGOÀI NHÀ;
- THOÁT XÍ : NƯỚC BẨN TỪ CÁC CHẬU TIỂU, CÁC XÍ THOÁT XUỐNG NGĂN CHỨA HẦM VỆ SINH NƯỚC BẨN ĐƯỢC XỬ LÝ TỰ HOẠI Ở ĐÁY SAU ĐÓ ĐƯỢC DẪN RA HỐ GA NGOÀI NHÀ
- THOÁT HƠI ĐƯỢC ĐẶT Ở NGĂN CHỨA HVS SỬ DỤNG ỐNG PVC D.60 CÁC NGĂN TRONG HẦM PHẢN ĐƯỢC THÔNG HƠI NHAU
- CẤP NƯỚC ĐẾN THIẾT BỊ ỐNG uPVC D27
- THOÁT NƯỚC LAVABO ỐNG uPVC D34
- THOÁT NƯỚC XÍ TIỂU ỐNG uPVC D42
- THOÁT NƯỚC PHỄU THU ỐNG uPVC D60
- THOÁT NƯỚC CHUNG, THOÁT XÍ BỆT ỐNG uPVC D90

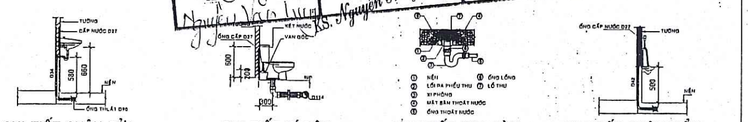

GHI CHÚ

HIỆU CHỈNH

NGÀY HT	KÝ HIỆU

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP TRÀ VINH
TRA VINH GENERAL CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

XƯỞNG THIẾT KẾ XÂY DỰNG DD&CN

ĐỊA CHỈ: SỐ 319 - MẬU THÂN - PHƯỜNG 9 - THÀNH PHỐ TRÀ VINH - TỈNH TRÀ VINH
ĐT: (0294).3855130; (0294).3855109; FAX (0294).3855940; EMAIL: hxdtthtv@yahoo.com.vn

P. GIÁM ĐỐC
KTS. BÙI THANH QUANG

P. XƯỞNG TRƯỞNG KS: VÕ VŨ LINH	
CHỦ NHIỆM KTS. BÙI THANH QUANG	
CHỦ TRÌ KS: NGÔ ĐÌNH PHÙNG	
THIẾT KẾ KS: NGÔ ĐÌNH PHÙNG	
THỂ HIỆN KS: NGÔ ĐÌNH PHÙNG	
PHÒNG QLKT KTS. NGÔ VĂN HIẾU	

TÊN CÔNG TRÌNH
NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC NEW MINGDA

ĐỊA ĐIỂM XD: ẤP THANH NGUYÊN, XÃ MỸ CHÁNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

HẠNG MỤC:
XƯỞNG CHÍNH 1

BƯỚC THIẾT KẾ:
- ☐ THIẾT KẾ CƠ SỞ
- ☐ HOÀN CÔNG
- ☑ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
- ☐ HIỆN TRẠNG
- ☐ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
- ☐ HIỆU CHỈNH

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG CẤP THOÁT NƯỚC
CÁC CHI TIẾT CẤU TẠO, THUYẾT MINH

HT: --/--/2018 | CTN | 01/01

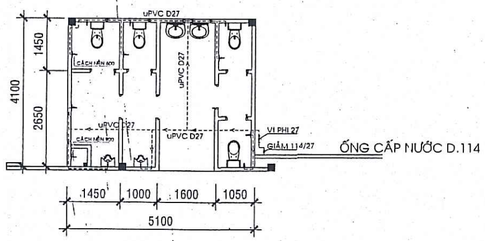

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC

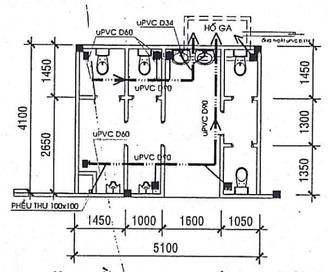

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC

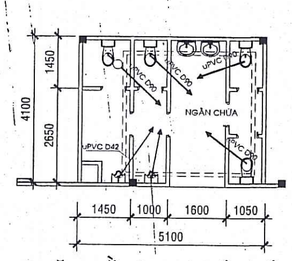

MẶT BẰNG THOÁT XÍ

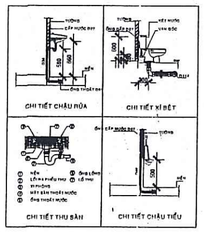

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ NƯỚC

STT	LOẠI VẬT TƯ	KÍ HIỆU	S.LƯỢNG	ĐVT	GHI CHÚ
1	VAN THAU 2 CHIỀU PHI 27		1	CÁI	
2	PHỄU THU INOX Ø		7	CÁI	KT: 200x200 D 90 (LOẠI 1)
3	PHỄU THU INOX Ø		3	CÁI	KT: 150x150 D 90 (LOẠI 1)
4	LAVABO LOẠI 1 MÒN + VÒI NƯỚC		3	BỘ	KHÔNG CHẬM
5	VÒI XẢ		4	CÁI	CỔ THÔNG NƯỚC LIỀN
6	VÒI XẢ XÍ		4	CÁI	LẮP THEO XÍ BỆT
7	XÍ BỆT + BỒ XÍ		3	CÁI	
8	GIÁ ĐỰNG GIẤY		4	CÁI	LẮP THEO XÍ
9	HỘP ĐỰNG GIẤY		4	CÁI	LẮP THEO XÍ
10	GIÁ TREO ĐỒ INOX		4	CÁI	CÁCH NHAU 1000
11	VÒI NƯỚC ĐỒNG THAU D 21 GẮN TƯỜNG		5	CÁI	CÁCH NHAU 600
12	ỐNG PVC PHI 27		50	M	ỐNG ĐỨNG
13	ỐNG PVC PHI 42		5	M	ỐNG ĐỨNG
14	ỐNG PVC PHI 60		5	M	ỐNG ĐỨNG
15	ỐNG PVC PHI 90 (LUỒN ỐNG THÔNG HƠI HẦM TỰ HOẠI)		20	M	ỐNG ĐỨNG
16	ỐNG PVC PHI 90		20	M	ỐNG ĐỨNG
17	ỐNG PVC PHI 114		15	M	ỐNG ĐỨNG
18	ỐNG PVC PHI 90 (LUỒN ỐNG THÔNG HƠI HẦM TỰ HOẠI)		10	M	ỐNG ĐỨNG
19	KHỚP NỐI MỀM PHI 27		14	CÁI	LOẠI ĐẶC
20	KHỚP NỐI MỀM PHI 42		6	CÁI	LOẠI ĐẶC
21	CO, TÊ, LỢI UPVC PHI 27		30	CÁI	LOẠI ĐẶC
22	CO, TÊ, LỢI UPVC PHI 42		10	CÁI	LOẠI ĐẶC
23	CO, TÊ, LỢI PVC PHI 60		10	CÁI	LOẠI ĐẶC
24	CO, TÊ, LỢI PVC PHI 90		10	CÁI	LOẠI ĐẶC
25	CÔN PVC PHI 60/42		3		LOẠI ĐẶC
26	CÔN PVC PHI 90/60		5		LOẠI ĐẶC
27	CÔN PVC PHI 114/90		5		LOẠI ĐẶC

THUYẾT MINH HỆ THỐNG:

- NGUỒN NƯỚC: ĐƯỢC CẤP TỪ NGUỒN NƯỚC HIỆN HỮU KHU VỰC
- TOÀN BỘ ỐNG CẤP NƯỚC ĐI ÂM TRONG TƯỜNG (UPVC D 27 GIẢM CỤC RỒNG D 21) RA THIẾT BỊ
- THOÁT NƯỚC: NƯỚC SÀN KHÔ, VÀ PHỄU THU NƯỚC MÁY, THOÁT XUỐNG HỐ GA
- BAO BỌC ĐẦU RA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC NGOÀI NHÀ;
- THOÁT XÍ: NƯỚC BẨN TỪ CÁC CHẬU RỬA, CÁC XÍ THOÁT XUỐNG NGĂN CHỨA HẦM VỆ SINH
- NƯỚC BẨN ĐƯỢC XỬ LÝ SƠ BỘ QUA BỂ TỰ HOẠI SAU ĐÓ ĐƯỢC DẪN RA HỐ GA NGOÀI NHÀ
- THOÁT HƠI ĐƯỢC ĐẶT Ở NGĂN CHỨA HƠI SỬ DỤNG ỐNG PVC D 90
- CÁC NGĂN TRONG HẦM NGĂN ĐƯỢC THÔNG HƠI NHAU
- CẤP NƯỚC ĐẾN THIẾT BỊ ỐNG UPVC D27
- THOÁT NƯỚC LAVABO ỐNG UPVC D34
- THOÁT NƯỚC XÍ BỆT ỐNG UPVC D42
- THOÁT NƯỚC PHỄU THU ỐNG UPVC D60
- THOÁT NƯỚC CHUNG ỐNG UPVC D114
- THOÁT XÍ BỆT ỐNG UPVC D90

SỞ XÂY DỰNG T.TRÀ VINH

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số: 04.../KQTĐ

Ngày 19 tháng 01 năm 2019

ỐNG CẤP NƯỚC D.114

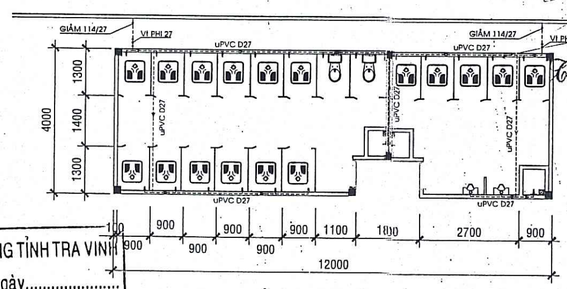

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC

SỞ XÂY DỰNG TỈNH TRÀ VINH

Số:.....ngày.....

ĐÃ KIỂM TRA

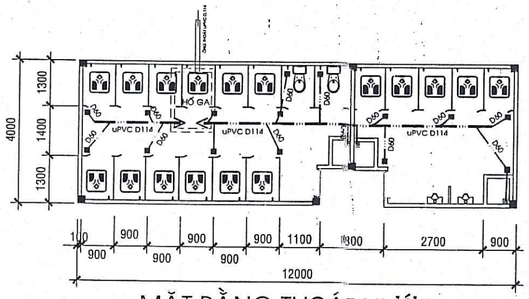

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHỢ THÀNH ĐÔ

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 07 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
Nguyễn Văn Lực	Nguyễn Hồng Phong	QIU MIAOFA

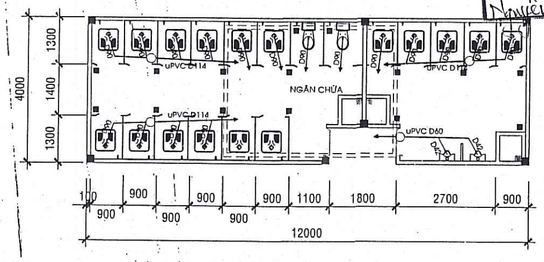

MẶT BẰNG THOÁT XÍ

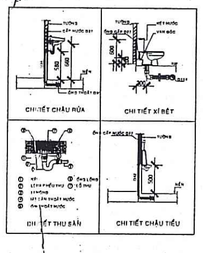

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ NƯỚC

STT	LOẠI VẬT TƯ	KÍ HIỆU	S.LƯỢNG	ĐVT	GHI CHÚ
1	VAN THAU 2 CHIỀU PHI 27		1	CÁI	
2	PHỄU THU INOX Ø		19	CÁI	KT: 200x200 D 90 (LOẠI 1)
3	PHỄU THU INOX Ø		3	CÁI	KT: 150x150 D 90 (LOẠI 1)
4	LAVABO		17	CÁI	CỔ THÔNG NƯỚC RỜI
5	XÍ BỆT		3	CÁI	CỔ THÔNG NƯỚC LIỀN
6	VÒI XẢ XÍ		18	CÁI	LẮP THEO XÍ BỆT
7	XÍ BỆT + BỒ XÍ		3	CÁI	
8	GIÁ ĐỰNG GIẤY		19	CÁI	LẮP THEO XÍ
9	HỘP ĐỰNG GIẤY		19	CÁI	LẮP THEO XÍ
10	GIÁ TREO ĐỒ INOX		18	CÁI	CÁCH NHAU 1000
11	VÒI NƯỚC ĐỒNG THAU D 21 GẮN TƯỜNG		5	CÁI	CÁCH NHAU 600
12	ỐNG PVC PHI 27		50	M	ỐNG ĐỨNG
13	ỐNG PVC PHI 42		5	M	ỐNG ĐỨNG
14	ỐNG PVC PHI 60		20	M	ỐNG ĐỨNG
15	ỐNG PVC PHI 90 (LUỒN ỐNG THÔNG HƠI HẦM TỰ HOẠI)		20	M	ỐNG ĐỨNG
16	ỐNG PVC PHI 90		45	M	ỐNG ĐỨNG
17	ỐNG PVC PHI 114		34	CÁI	LOẠI ĐẶC
18	KHỚP NỐI MỀM PHI 27		4	CÁI	LOẠI ĐẶC
19	CO, TÊ, LỢI PVC PHI 27		65	CÁI	LOẠI ĐẶC
20	CO, TÊ, LỢI PVC PHI 42		8	CÁI	LOẠI ĐẶC
21	CO, TÊ, LỢI PVC PHI 60		23	CÁI	LOẠI ĐẶC
22	CO, TÊ, LỢI PVC PHI 90		23	CÁI	LOẠI ĐẶC
23	CÔN PVC PHI 60/42		3		LOẠI ĐẶC
24	CÔN PVC PHI 90/60		15		LOẠI ĐẶC
25	CÔN PVC PHI 114/27		5		LOẠI ĐẶC
26	CÔN PVC PHI 114/90		19		LOẠI ĐẶC

THUYẾT MINH HỆ THỐNG:

- NGUỒN NƯỚC: ĐƯỢC CẤP TỪ NGUỒN NƯỚC HIỆN HỮU KHU VỰC
- TOÀN BỘ ỐNG CẤP NƯỚC ĐI ÂM TRONG TƯỜNG (UPVC D 27 GIẢM CỤC RỒNG D 21) RA THIẾT BỊ
- THOÁT NƯỚC: NƯỚC SÀN KHÔ, VÀ PHỄU THU NƯỚC MÁY, THOÁT XUỐNG HỐ GA
- BAO BỌC ĐẦU RA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC NGOÀI NHÀ;
- THOÁT XÍ: NƯỚC BẨN TỪ CÁC CHẬU RỬA, CÁC XÍ THOÁT XUỐNG NGĂN CHỨA HẦM VỆ SINH
- NƯỚC BẨN ĐƯỢC XỬ LÝ SƠ BỘ QUA BỂ TỰ HOẠI SAU ĐÓ ĐƯỢC DẪN RA HỐ GA NGOÀI NHÀ
- THOÁT HƠI ĐƯỢC ĐẶT Ở NGĂN CHỨA HƠI SỬ DỤNG ỐNG PVC D 90
- CÁC NGĂN TRONG HẦM NGĂN ĐƯỢC THÔNG HƠI NHAU
- CẤP NƯỚC ĐẾN THIẾT BỊ ỐNG UPVC D27
- THOÁT NƯỚC LAVABO ỐNG UPVC D34
- THOÁT NƯỚC XÍ BỆT ỐNG UPVC D42
- THOÁT NƯỚC PHỄU THU ỐNG UPVC D60
- THOÁT NƯỚC CHUNG ỐNG UPVC D114
- THOÁT XÍ BỆT ỐNG UPVC D90

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NỀN TẢNG VÀNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số: ...01/BCTT

Ngày: 1.5 tháng 01 Năm 2019

Ký tên:

Dương Thị Mỹ Dung

GHI CHÚ

HIỆU CHỈNH

NGÀY HT	KÝ HIỆU	

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP TRÀ VINH

TRA VINH GENERAL CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

XƯỞNG THIẾT KẾ XÂY DỰNG DD&CN

ĐỊA CHỈ: SỐ 310 - ẤP 7 - XÃ LONG ĐỨC - THÀNH PHỐ TRÀ VINH - TỈNH TRÀ VINH

ĐT: (0294) 3856100; (0294) 3856100; FAX: (0294) 3856940; EMAIL: tvxdtbtv@yahoo.com.vn

P. GIÁM ĐỐC

KTS. BÙI THANH QUANG

P. XƯỞNG TRƯỞNG

KS: VÕ VŨ LINH

CHỦ NHIỆM

KTS. BÙI THANH QUANG

CHỦ TRÌ

KS: NGÔ ĐÌNH PHÙNG

THIẾT KẾ

KS: NGÔ ĐÌNH PHÙNG

THỂ HIỆN

KS: NGÔ ĐÌNH PHÙNG

PHÒNG QLKT

KTS. NGÔ VĂN HIẾU

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC NEW MINGDA

ĐỊA ĐIỂM XD: ẤP THANH NGUYÊN, XÃ MỸ CHÁNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

HẠNG MỤC:

XƯỞNG CHÍNH 1

BƯỚC THIẾT KẾ:

- ☐ THIẾT KẾ CƠ SỞ
- ☒ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
- ☐ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
- ☐ HOÀN CÔNG
- ☐ HIỆN TRẠNG
- ☐ HIỆU CHỈNH

TÊN BẢN VẼ

HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC KHU WC

--

HT: --/--/2018

CTN 01/01

SỞ XÂY DỰNG T.TRÀ VINH

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../KQTĐ

Ngày.....tháng.....năm 20.....

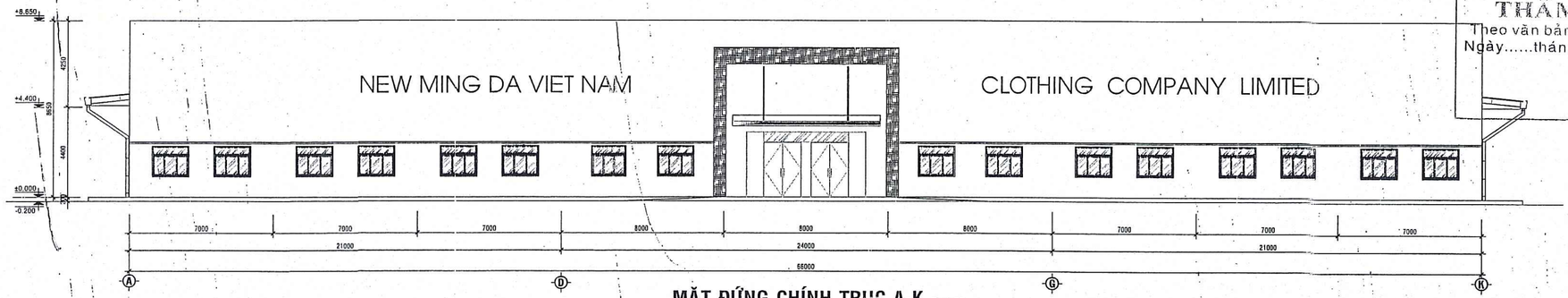

MẶT ĐỨNG CHÍNH TRỤC A-K TL 1-50

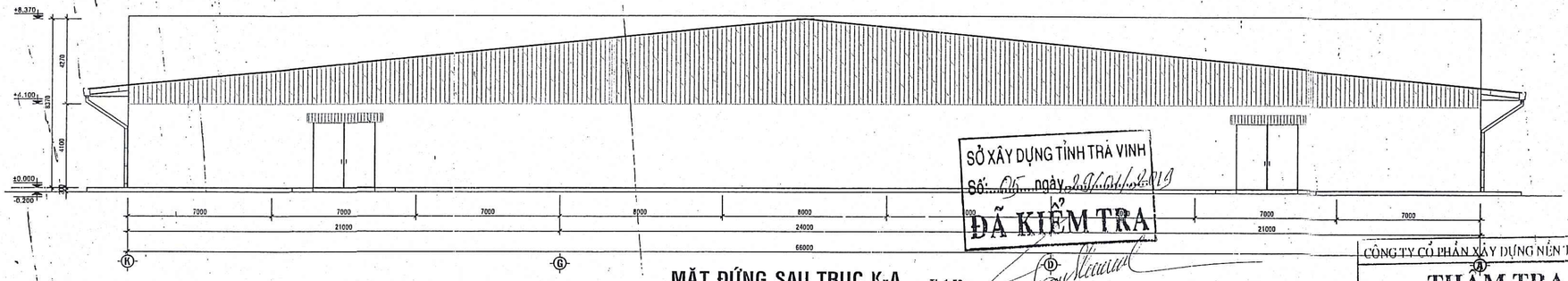

SỞ XÂY DỰNG TỈNH TRÀ VINH
Số: 05 ngày 02/01/2019
ĐÃ KIỂM TRA

MẶT ĐỨNG SAU TRỤC K-A TL 1-50

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NỀN TẢNG VÀNG

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 01/BBTT

Ngày 15 tháng 1 Năm 2019

Ký tên:

Trần Vũ Khương

Đoàn Đức Dũng

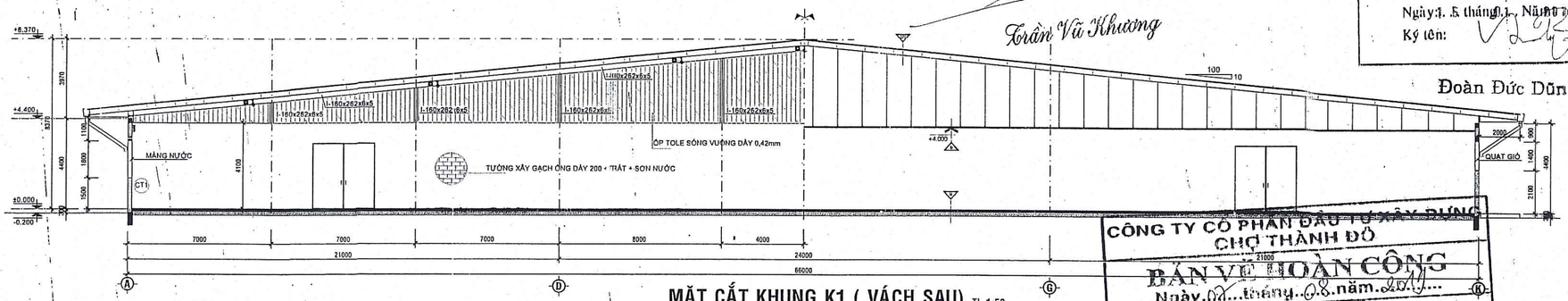

MẶT CẮT KHUNG K1 (VÁCH SAU) TL 1-50

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHỢ THÀNH ĐỐ

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 02 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
Nguyễn Văn Tuấn	KS. Nguyễn Hồng Phong	QIU MIAO FA

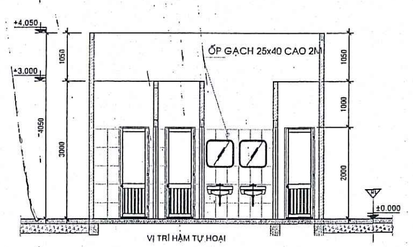

MẶT CẮT E-E TL 1-25

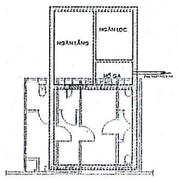

VỊ TRÍ HẦM TỰ HOẠI 2 TL 1-50

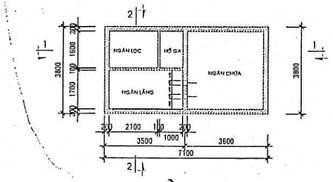

MB. HẦM TỰ HOẠI 2 TL 1-50

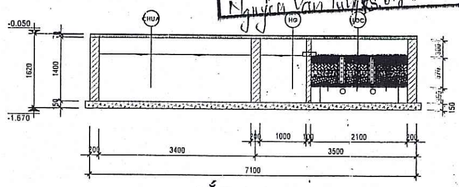

CẮT 1-1 TL 1-25

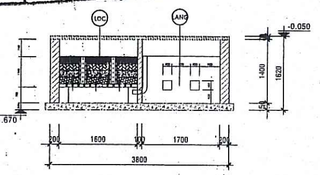

CẮT 2-2 TL 1-25

GHI CHÚ

HIỆU CHỈNH

NGÀY HT	KÝ HIỆU	

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP TRÀ VINH
TRA VINH GENERAL CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

XƯỞNG THIẾT KẾ XÂY DỰNG DD&CN

ĐỊA CHỈ: SỐ 318 - NGÃ THUẦN - PHƯỜNG 9 - THÀNH PHỐ TRÀ VINH - TỈNH TRÀ VINH
ĐT: (0294) 3856130; (0294) 3856102; FAX (0294) 3856840; EMAIL: tvxdthtv@yahoo.com.vn

GIÁM ĐỐC

KTS. BÙI THANH QUANG

P. XƯỞNG TRƯỞNG KS: VÕ VŨ LINH	
CHỦ NHIỆM KTS. BÙI THANH QUANG	
CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC KTS: BÙI THANH QUANG	
THIẾT KẾ KIẾN TRÚC KTS: BÙI THANH QUANG	
THỂ HIỆN Ths.KS: MAI VĂN MINH	
PHÒNG QLKT KTS. NGÔ VĂN HIẾU	

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC NEW MINGDA

ĐỊA ĐIỂM XD: ẤP THANH NGUYÊN, XÃ MỸ CHÁNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

HẠNG MỤC:

XƯỞNG CHÍNH 1

BƯỚC THIẾT KẾ:

- ☐ THIẾT KẾ CƠ SỞ
- ☒ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
- ☐ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
- ☐ HOÀN CÔNG
- ☐ HIỆN TRẠNG
- ☐ HIỆU CHỈNH

TÊN BẢN VẼ

MẶT ĐỨNG CHÍNH TRỤC A-K, K-A
MC KHUNG K1, CHI TIẾT CẤU TẠO

HT: --/--/2018 | TKKT | 03/04

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 350M3/NGÀY.ĐÊM

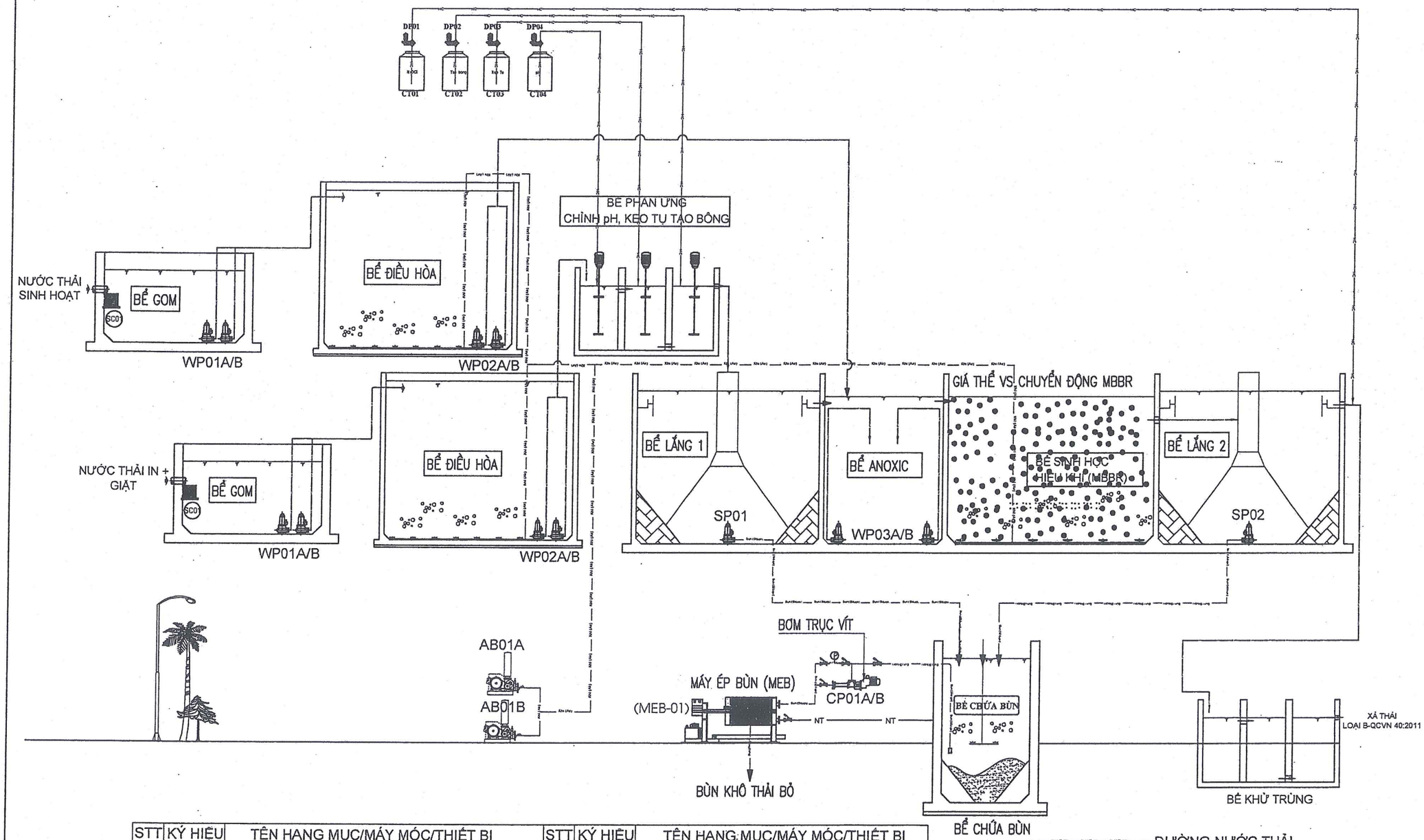

STT	KÝ HIỆU	TÊN HẠNG MỤC/MÁY MÓC/THIẾT BỊ	STT	KÝ HIỆU	TÊN HẠNG MỤC/MÁY MÓC/THIẾT BỊ
01	AB01A/B	MÁY THỔI KHÍ	06	WP03A/B	BƠM TUẦN HOÀN KHUẤY TRỘN
02	DP1/2/3/4	BƠM ĐỊNH LƯỢNG	07	CP01A/B	BƠM BÙN
03	WP01A/B	BƠM NƯỚC THẢI HỐ THU	08	CT1/2/3/4	BỒN CHỨA HÓA CHẤT
04	WP02A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA	09	MEB-01	MÁY ÉP BÙN
05	SP01/02	BƠM BÙN BỂ LẮNG			

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / PURPOSE OF ISUE	
THIẾT KẾ CƠ SỞ / CONCEPT DESIGN	▰
THIẾT KẾ THI CÔNG/CONSTRUCTIONS DESIGN	▭
ĐIỀU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION	▭

ĐIỀU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION:	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:
NEW MINGDA VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:
QIU MIAODE

CÔNG TRÌNH / PROJECT:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI GIẶT & SINH HOẠT NHÀ MÁY NEW MINGDA TRÀ VINH

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG / CONTRACTOR:
ĐÔNG DƯƠNG TECH
CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG ĐÔNG DƯƠNG
GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:
Nguyễn Ngọc Tân

TECHNICAL MANAGER: KS. HUỲNH THANH TRUNG	
THIẾT KẾ / DESIGNER BY: Ks. NGUYỄN THANH PHONG	
KIỂM TRA / CHECKED BY: Th.S. NGUYỄN HỒNG DÂN	
SỐ HIỆU DỰ ÁN / JOB NO.:	TL/ SCALE: — HC / REV: 01
NGÀY / DATE: 06- 2019	SỐ HIỆU BẢN VẼ / DWG NO.:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

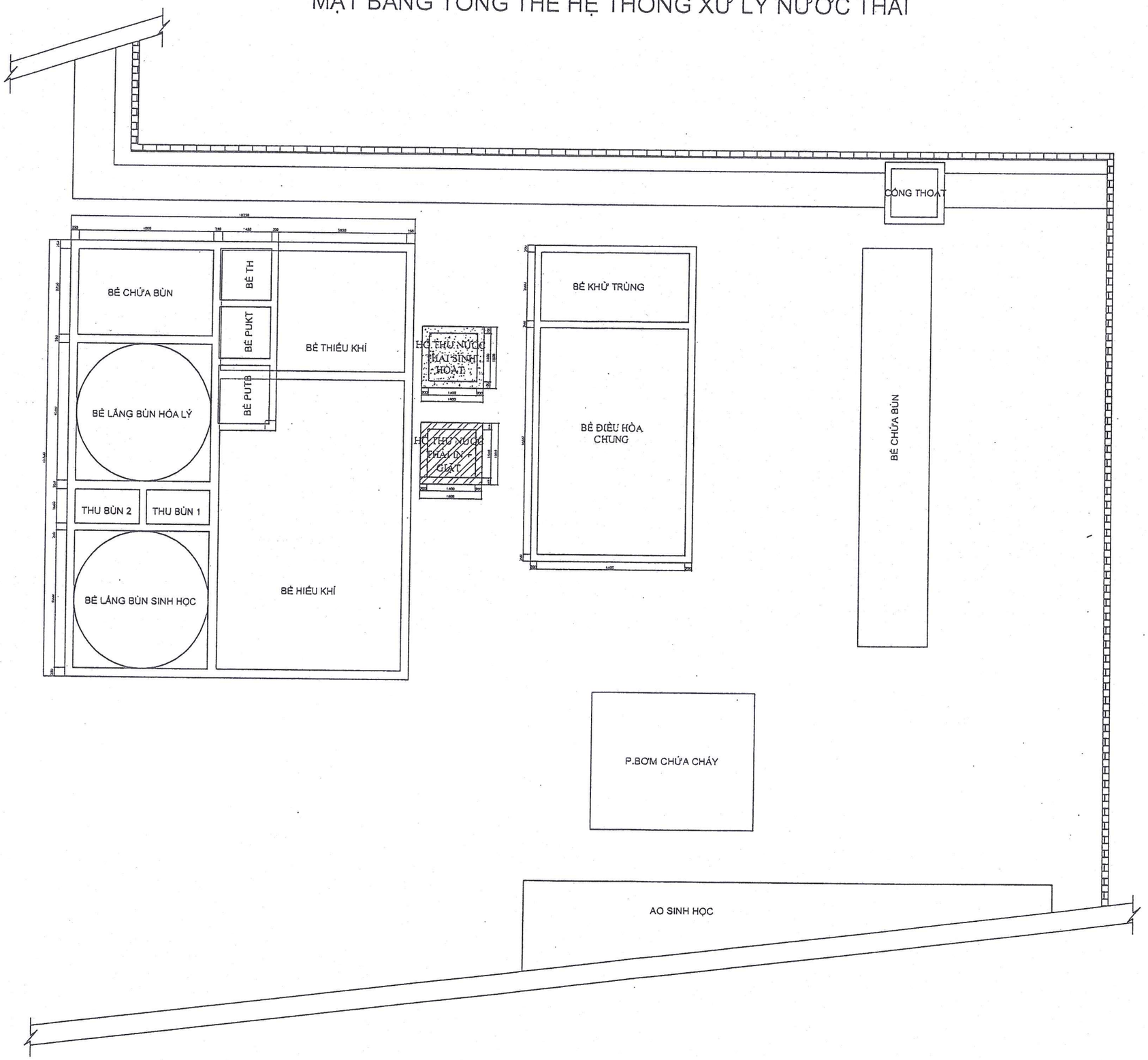

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / PURPOSE OF ISUE

THIẾT KẾ CƠ SỞ / CONCEPT DESIGN	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG/CONSTRUCTIONS DESIGN	☐
HOÀN CÔNG/AS-BUILT DRAWING	☑

ĐIỀU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION:	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:

QIU MIAODE

CÔNG TRÌNH / PROJECT:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI GIẶT & SINH HOẠT NHÀ MÁY NEW MINGDA TRÀ VINH

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG/CONTRACTOR:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG ĐÔNG DƯƠNG

CÔNG TY TNHH TMDV CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG ĐÔNG DƯƠNG
21/20B/10B, QL1A, P. TÂN CHÁNH HIỆP, Q12, TP. HỒ CHÍ MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:

Nguyễn Ngọc Tân

TECHNICAL MANAGER: KS. HUỲNH THANH TRUNG	
THIẾT KẾ / DESIGNER BY: Ks. NGUYỄN THANH PHONG	
KIỂM TRA / CHECKED BY: Th.S. NGUYỄN HỒNG DÂN	

SỐ HIỆU DỰ ÁN / JOB NO.:	TL / SCALE:	HC / REV:
		01

NGÀY / DATE:	SỐ HIỆU BẢN VẼ / DWG NO.:
06- 2019	

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

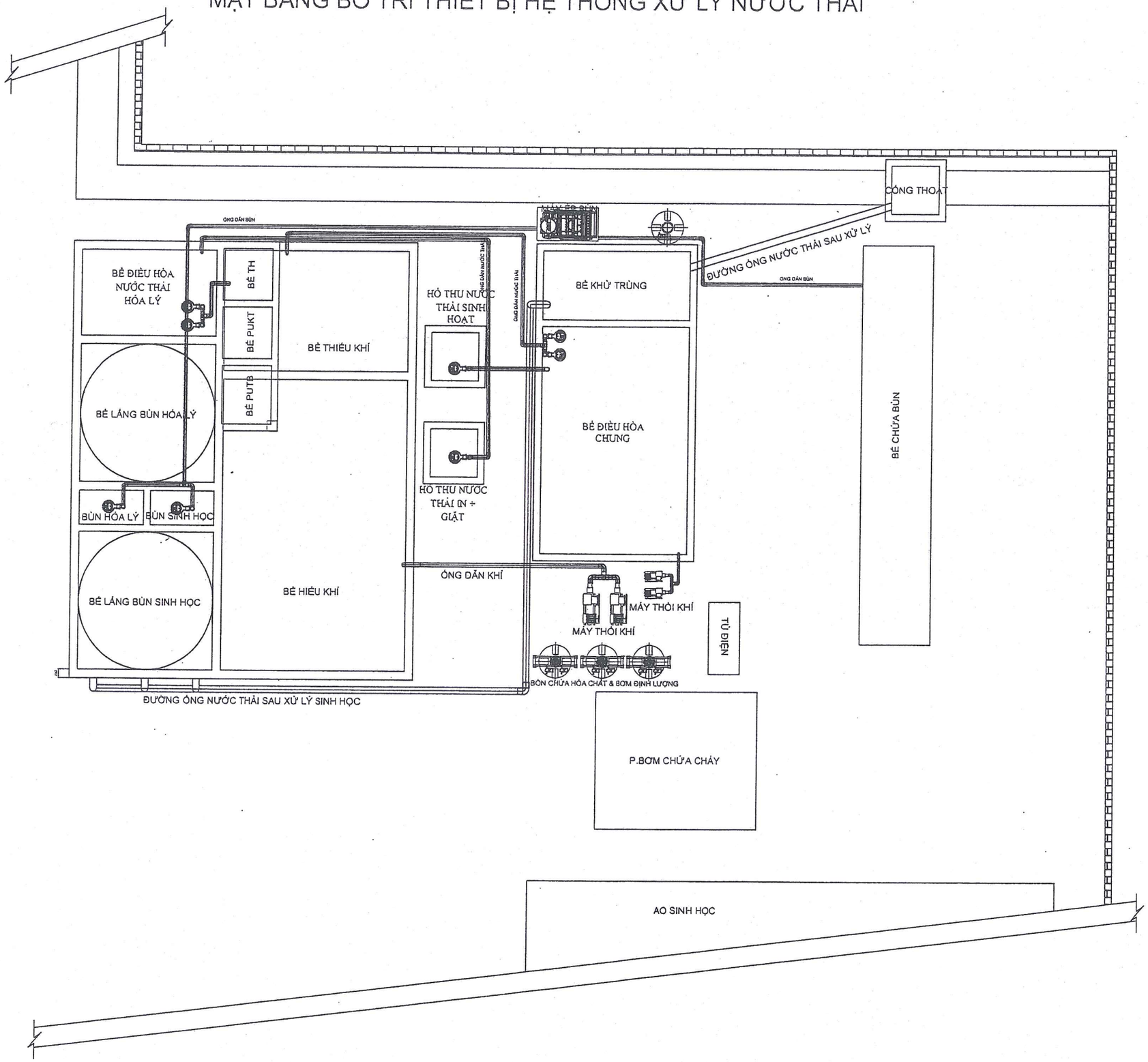

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / PURPOSE OF ISUE	
THIẾT KẾ CƠ SỞ / CONCEPT DESIGN	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG/CONSTRUCTIONS DESIGN	☐
HOÀN CÔNG/AS-BUILT DRAWING	☐

ĐIỀU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION:	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:
CÔNG TY TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:
QIU MIAO DE

CÔNG TRÌNH / PROJECT:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI GIẶT & SINH HOẠT NHÀ MÁY NEW MINGDA TRÀ VINH

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:
MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG / CONTRACTOR:
CÔNG TY THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG ĐÔNG DƯƠNG
DONG DUONG TECH

GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:
Nguyễn Ngọc Tài

TECHNICAL MANAGER: KS. HUỲNH THANH TRUNG	
THIẾT KẾ / DESIGNER BY: Ks. NGUYỄN THANH PHONG	
KIỂM TRA / CHECKED BY: Th.S. NGUYỄN HỒNG DÂN	

SỐ HIỆU DỰ ÁN / JOB NO.:	TL / SCALE:	NC / REV:
		01
NGÀY / DATE: 06- 2019	SỐ HIỆU BẢN VẼ / DWG NO.:	

MẶT BẰNG CỤM BỂ

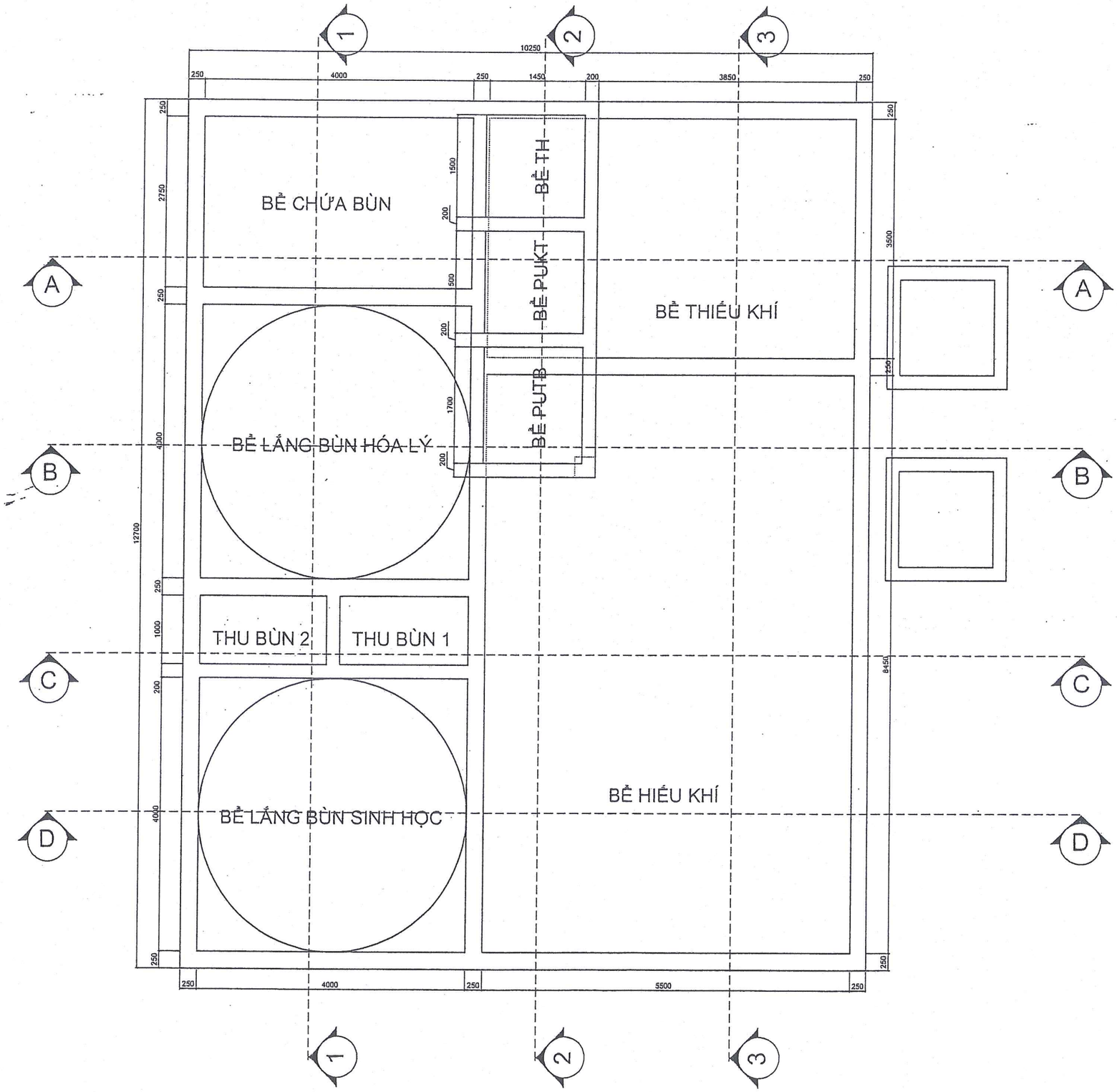

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / PURPOSE OF ISUE	
THIẾT KẾ CƠ SỞ / CONCEPT DESIGN	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG/CONSTRUCTIONS DESIGN	☐
HOÀN CÔNG/AS-BUILT DRAWING	▨

ĐIỀU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION:	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

TNHH NEW MINGDA VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:

QIU MIAO DE

CÔNG TRÌNH / PROJECT:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI GIẶT & SINH HOẠT NHÀ MÁY NEW MINGDA TRÀ VINH

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

MẶT BẰNG CỤM BỂ XỬ LÝ HÓA LÝ & SINH HỌC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG / CONTRACTOR:

DONGDUONGTECH
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐÔNG DƯƠNG

GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:

Nguyễn Ngọc Tân

TECHNICAL MANAGER: KS. HUỲNH THANH TRUNG	
THIẾT KẾ / DESIGNER BY: Ks. NGUYỄN THANH PHONG	
KIỂM TRA / CHECKED BY: Th.S. NGUYỄN HỒNG DÂN	

SỐ HIỆU DỰ ÁN / JOB NO.:	TL / SCALE:	HC / REV:
		01
NGÀY / DATE: 12- 2019	SỐ HIỆU BẢN VẼ / DWG NO.:	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ

của cơ sở NHÀ MÁY SẢN XUẤT SẢN PHẨM MAY MẶC QUẦN ÁO CÁC LOẠI, CÔNG SUẤT 9.900.000 SẢN PHẨM/NĂM

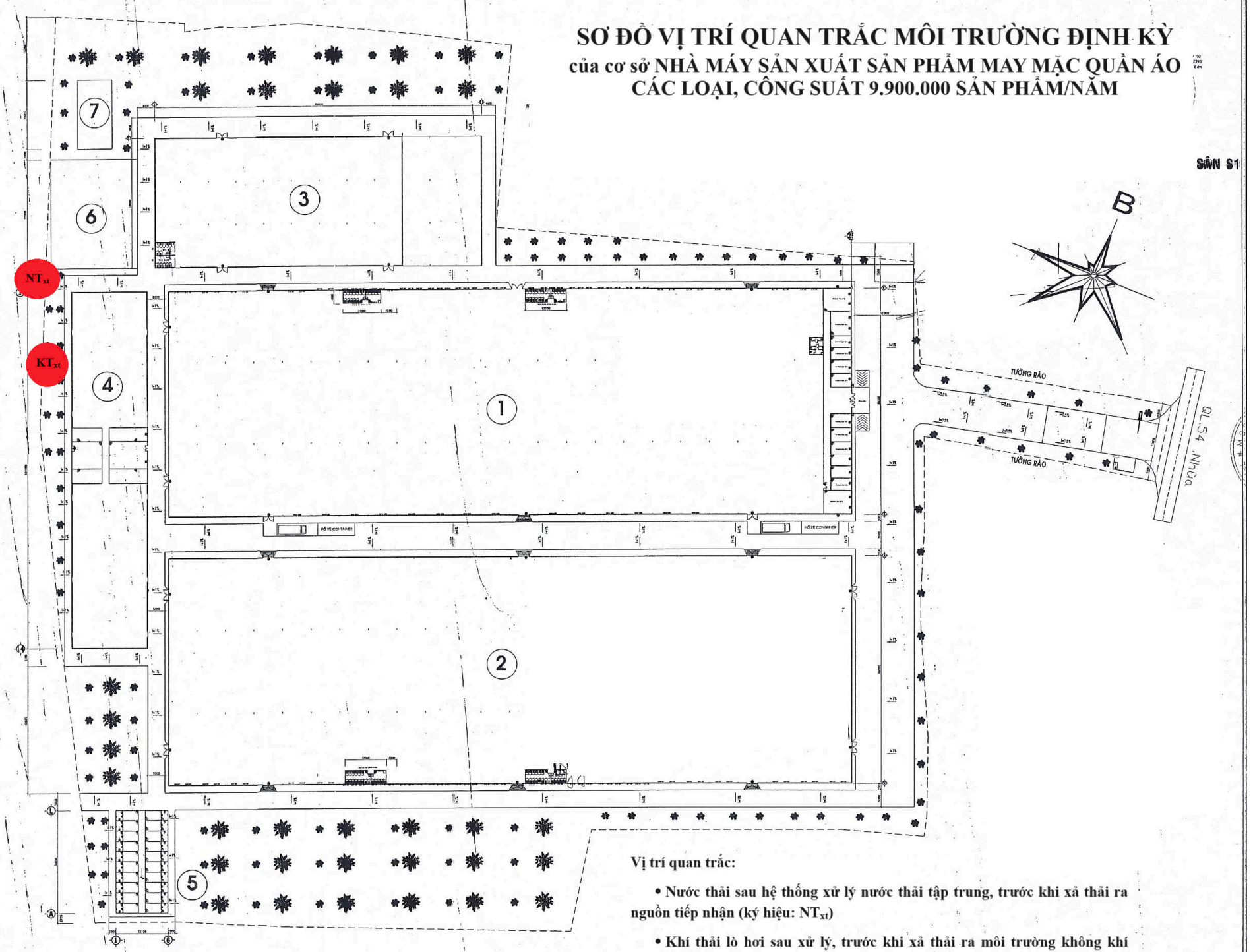

Vị trí quan trắc:

- **Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung, trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận (ký hiệu: NT_{xt})**
- **Khí thải lò hơi sau xử lý, trước khi xả thải ra môi trường không khí xung quanh (ký hiệu: KT_{xt})**